

KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 2024)



KỶ YẾU HỘI THẢO

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC

Hà Nội, Tháng 04/2024

KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 2024)

KỶ YẾU HỘI THẢO

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG ĐẾN
HỌC GIẢ UYÊN BÁC

Hà Nội, Tháng 04/2024

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
TÓM TẮT TIỂU SỬ GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 1988)	3
NHÀ CÁCH MẠNG ĐÀO DUY ANH	5
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - MỘT MẪU MỤC VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	8
HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH - NHỮNG ẢNH HƯỞNG TRONG LĨNH VỰC TỪ ĐIỂN HỌC	18
NHÂN CÁCH VĂN HÓA ĐÀO DUY ANH	23
ĐÀO DUY ANH VỚI GIA ĐÌNH - GIA TỘC	37
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI.....	42
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH VÀ CHIẾN LƯỢC HÒA GIẢI XUNG ĐỘT VĂN HÓA	55
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH VỚI VIỆC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI VIỆT NAM.....	61
BÍ ẨN VỀ “DÃ LAN NỮ SĨ” TRÊN BÁO “TIẾNG DÂN” GẦN 100 NĂM TRƯỚC	72
86 NĂM VIỆT NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG: NHẬN THỨC VĂN HÓA LÀ NHẬN THỨC ĐỂ PHÁT TRIỂN.....	77
ĐÀO DUY ANH VỚI SÁCH KHOÁ HƯ LỤC.....	86
HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH.....	93
TÁC PHẨM & DI CẢO CỦA GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY	97
TÀI LIỆU LƯU TRỮ GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III.....	106
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: HÀNH TRÌNH TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC.....	123
TỔNG THUẬT HỘI THẢO KHOA HỌC KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 2024).....	138
ĐỀ CƯƠNG SÁCH GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG.....	155
ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC	155

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo sư **Đào Duy Anh** (*Bút danh: Vệ Thạch*), sinh ngày 25 tháng 4 năm 1904 tại Thanh Hóa. Nguyên quán là làng Khúc Thủy, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (*nay là huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội*). Ông từng là Tổng Bí thư của Đảng Tân Việt, một trong 3 tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đế quốc Pháp bắt năm 1929, ra tù hoạt động nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc bằng phương pháp khoa học mới của thời đại và đã cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng, Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm báo Tiếng Dân và mở Quan Hải tùng thư ở Huế để sớm truyền bá tư tưởng yêu nước, chủ nghĩa Mác - xít cho nhân dân.

Ông là nhà sử học, địa lý học, từ điển học, ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng và được xem là người mở đầu cho ngành khoa học Xã hội và Nhân văn ở Việt Nam. Suốt cuộc đời, từ hoạt động cách mạng sôi nổi đến hoạt động khoa học và giáo dục tận hiến, với khát vọng cống hiến lớn lao, ông đã để lại cho đời một di sản học thuật đồ độ. Đặc biệt công trình "*Việt Nam Văn hóa Sử cương*" của ông được giới khoa học Xã hội và Nhân văn tại Việt Nam xem như kim chỉ Nam trong gần 100 năm qua. Ông mất ngày 01 tháng 04 năm 1988.

Năm 2000, Giáo sư Đào Duy Anh được Đảng và Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học & Công nghệ cho cụm công trình: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX; Lịch sử cổ đại Việt Nam; Việt Nam văn hóa Sử cương; Đất nước Việt Nam qua các đời*. Đến nay, tên của ông đã được đặt cho nhiều trường học, đường phố ở thủ đô Hà Nội và ở các thành phố lớn như Thanh Hóa, Huế, thành phố Hồ Chí Minh... Đây là sự tôn vinh đối với một nhà hoạt động cách mạng tiền bối, một giáo sư, một trí thức, một nhà văn hóa lớn trong thời đại Hồ Chí Minh.

Ngày 28/04/2024, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Viện nghiên cứu Văn hóa và Phát triển và Trung tâm hoạt động VHKKH Văn miếu Quốc Tử Giám tổ chức Hội thảo "**Giáo sư Đào Duy Anh: Từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác**" - Kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2024). Hội thảo với sự tham dự của hơn 100 đại biểu là các chuyên gia, nhà khoa học đến từ các viện nghiên cứu, các trường đại học, đại diện nhiều tổ chức xã hội, họ Đào Việt Nam nhằm hệ thống, bổ sung nhiều tư liệu quý khẳng định những đóng góp to lớn của Giáo sư Đào Duy Anh với sự nghiệp cách mạng và nền học thuật nước nhà.

TÓM TẮT TIỂU SỬ
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 1988)

- 1904 - Sinh ra tại Thanh Hóa, con trai đầu trong một gia đình nghèo đông anh chị em.
- 1920 - Vào Huế học Trường Quốc học.
- 1923 - Dạy học ở Quảng Bình.
- 1925 - Vào Huế gặp cụ Phan Bội Châu rồi vào Đà Nẵng gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng, được cụ Huỳnh mời tham gia làm báo Tiếng Dân ở Huế.
- 1926 - Được kết nạp vào Việt Nam Cách mệnh đảng (*sau đổi tên là Tân Việt Cách mệnh đảng, là một trong 3 tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam*).
- 1927 - 1928: Làm báo Tiếng Dân, chủ trương Quan hải Tùng thư, hoạt động với tư cách Tổng thư ký Tân Việt Cách mệnh đảng.
- 1929 - Bị thực dân Pháp bắt, kết án tù một năm.
- 1930 - Ra tù, lập gia đình với bà Trần Thị Như Mân, chuyên làm công việc văn hóa và nghiên cứu lịch sử, kết hợp với dạy học trường tư thục ở Huế.
- 1932 - Hoàn thành bộ “Hán - Việt từ điển”.
- 1936 - Hoàn thành bộ “Pháp - Việt từ điển”.
- 1938 - Hoàn thành cuốn “Việt Nam văn hóa sử cương”.
- 1945 - Cuối năm chuyển ra Hà Nội tổ chức Trường Đại học Hà Nội, giảng dạy môn lịch sử.
- 1946 - Cuối năm tản cư về Thanh Hóa, tham gia Hội văn hóa kháng chiến được bầu làm Chi hội trưởng Chi hội Thanh Hóa, giảng dạy các lớp Văn hóa kháng chiến của Khu IV.
- 1950 - Lên Việt Bắc, tham gia thành lập Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, trực thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương.
- 1952 - Bị ốm nặng vì sốt rét, phải trở về Thanh Hóa, giảng dạy môn lịch sử ở Trường Dự bị Đại học.
- 1954 - Trở ra Hà Nội, giảng dạy môn lịch sử tại Trường Đại học Sư phạm Văn khoa, tham gia thành lập Trường Đại học Tổng hợp, được cử làm giáo sư chủ nhiệm Khoa lịch sử, hoàn thành các bộ

môn Cổ sử Việt Nam và Lịch sử Việt Nam.

- 1958 - Sau vụ đấu tranh chống “Nhân văn giai phẩm”, nghỉ dạy học, trở về Bộ Giáo dục, trong khi chờ đợi phân công mới đi thực tế ở một số vùng nông thôn miền Bắc.
- 1959 - Nhận công tác tại Viện sử học, làm công việc hiệu đính các bản dịch Hán văn, tự chọn đề tài nghiên cứu lịch sử.
- 1964 - Hoàn thành “Đất nước Việt Nam qua các đời”.
- 1965 - Hoàn thành “Tù điền Truyện Kiều”, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du.
- 1966 - Hưu trí vừa lúc Mỹ ném bom miền Bắc, mọi người phải rời khỏi Hà Nội, dành thời giờ trông nom các cháu ngoại trong khi phải xa cha mẹ theo trường đến nơi sơ tán.
- 1974 - Hoàn thành tập Hồi ký “ Nhớ nghĩ chiều hôm”.
- 1975 - Trở lại Sài Gòn sau hơn 40 năm xa cách, gặp lại nhiều bạn bè cũ như Lê Thọ Xuân, Thiên Giang, bà Mộng Tuyết, tiếp xúc với một số nhà văn, nhà báo mới gặp như Nguyễn Hiến Lê, Lê Ngô Châu, Phạm Văn Diêu...
- 1976 - Sau chuyến đi Huế, rời Sài Gòn lần thứ hai, bị ốm nặng phải trở về Hà Nội, từ đấy không đi xa nữa.
- 1988 - Qua đời tại Hà Nội, ngày 01 tháng 4, thọ 84 tuổi.

Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 1988) là một trong những gương mặt trí thức tiêu biểu của thế kỷ XX. Ông thuộc thế hệ những trí thức đầu tiên trong cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây, đã có những đóng góp trong việc phổ biến những kiến thức tiên tiến của văn minh Âu Tây vào Việt Nam, về lịch sử cổ đại Việt Nam... đã có giá trị mở đường, cho việc áp dụng phương pháp của chủ nghĩa Mác vào nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam từ những năm 20 của thế kỷ trước.

Những công trình của Giáo sư Đào Duy Anh trải rộng trên nhiều bình diện, từ nghiên cứu văn học, đến ngữ văn, triết học và trên hết là lịch sử, như ông đã từng nói **“có biết tôi cũng chỉ ở Lịch sử dân tộc, mà có buộc tôi tôi cũng chỉ ở Lịch sử dân tộc”**. Nhiều công trình của ông về nguồn gốc dân tộc Việt Nam đã có giá trị mở đường đặt nền móng cho khoa học lịch sử hiện nay.

Với những công hiến đó, Giáo sư Đào Duy Anh được Đảng và Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.

NHÀ CÁCH MẠNG ĐÀO DUY ANH

PGS.TS Trần Đức Cường

Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

Đào Duy Anh là một trí thức lớn của đất nước trong thời kỳ cận hiện đại. Ông là một nhà bách khoa, nhà văn hóa lớn có nhiều đóng góp cho văn hóa dân tộc. Các lĩnh vực khoa học xã hội được ông quan tâm và có nhiều đóng góp có triết học, ngôn ngữ học, xã hội học, kinh tế học, chính trị học... Nhưng trước hết, có thể khẳng định: Đào Duy Anh là một nhà sử học uyên bác với các công trình nghiên cứu có giá trị có ảnh hưởng sâu rộng trong việc phát triển nền sử học Việt nam và đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh: 1. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIX; 2. Cổ sử Việt Nam; 3. Việt Nam văn hóa sử cương và 4. Đất nước Việt Nam qua các đời (nghiên cứu về địa lý học lịch sử Việt Nam)¹.

Trong thời gian đầu khi bước vào hoạt động văn hóa, báo chí, sử học, chính trị học, triết học, Đào Duy Anh đã rất chú ý đến sách về chủ nghĩa Mác. Ông từng viết: “Tôi tìm mua sách chữ Pháp ở Sài Gòn và sách chữ Hán ở Chợ Lớn nhằm xây dựng tủ sách cho Bộ biên tập báo *Tiếng Dân*. Tôi mua được một số sách chủ yếu là về các môn sử học, triết học, xã hội học, kinh tế học, trong đó có một số sách về chủ nghĩa Mác hợp pháp, như *Duy vật sử quan*, *Kinh tế sử quan*, *Nhân loại tiến hóa sử* và một số sách nghiên cứu về triết học và văn hóa Phương Đông của các tác giả Tây Phương, Nhật Bản và Trung Quốc”... Đây chính là thời gian ông tìm mua được một số sách do Đảng Cộng sản Pháp xuất bản để tuyên truyền cho chủ nghĩa Cộng sản như: *ABC du communisme*, *Théorie du materiadisme historique*, *Lénine et la question nationale...*, ngoài ra tôi còn mua được một số sách của các nhà xuất bản khác như *Historie du socialisme*, *Karl Marx, sa vie, son oeuvre của Mac Beer*, *Lénine của Clara Zetkin*, *la femme et le socialisme của Auguste Bebel...*”².

Đọc các tác phẩm Mác xít, và nung nấu việc tìm ra con đường giải phóng dân tộc mình khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, cũng như nhiều trí thức yêu nước thức thời trong những thập niên đầu của thế kỷ XX ở Việt Nam, Đào Duy Anh cho rằng: “Tôi tin tưởng rằng cách mệnh Việt Nam muốn thành công

¹ Bốn công trình này được Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn tái bản năm 2003 dưới tên gọi: *Đào Duy Anh, tác giả được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, dày 15785 trang.

² Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm hồi ký*, Nxb Trẻ với sự hợp tác của ASIA – MESDIA, 1989. Tr.31,32

cuối cùng tất phải theo hướng cách mệnh xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội đây là chủ nghĩa xã hội khoa học hay chủ nghĩa cộng sản, dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, mà chủ nghĩa Mác tức là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử”³.

Trong thời gian ở Huế, ngoài việc làm báo *Tiếng Dân*, Đào Duy Anh còn bỏ nhiều công sức xây dựng tủ sách cho Ban Biên tập báo *Tiếng Dân* làm tài liệu tham khảo, chủ yếu gồm các công trình viết về sử học, triết học, xã hội học, kinh tế học trong đó có một số sách về chủ nghĩa Mác như *Duy vật chủ quan, kinh tế sử quan, nhân loại tiến hóa sử*...

Sớm tham gia rồi trở thành một trong các yếu nhân của tổ chức Tân Việt, Đào Duy Anh còn xuất bản *Quan Hải Tùng thư* lấy ý từ câu của Mạnh Tử: “*Quan hải nam vi thủy*” (xem biển thì biết rằng làm ra nước là khó), với ý rằng: mình xem cái biển học mênh mông bát ngát mà nguyện làm con chim tinh vệ suốt đời ngậm đá lấp biển Đông, sẽ cố gắng cấp từng hòn sỏi mà mong góp phần vào công việc lấp biển học mênh mông bát ngát ấy). Xuất bản *Quan Hải Tùng thư*, Đào Duy Anh muốn tận dụng việc xuất bản hợp pháp mà gieo vào tâm trí thanh niên Việt Nam một ít kiến thức sơ đẳng về chủ nghĩa Mác, lẫn với một ít kiến thức mới về khoa học, nhất là về khoa học xã hội, là những điều cần thiết để hiểu chủ nghĩa Mác dễ hơn, do đó nhằm các đọc giả của *Tùng thư* mà phát triển đảng Tân Việt.

Kể từ khi ra đời cho đến khi Đào Duy Anh bị thực dân Pháp bắt giam vào tháng 7 năm 1929 trong cuộc khủng bố phong trào Cách mạng trong cả nước, *Quan Hải Tùng thư* xuất bản được 13 tập sách, gồm các công trình sau đây: *Trí khoa* (Trần Đình Nam biên soạn), *Đông Tây văn hóa phê bình* (Nghị Đạm dịch, gồm hai quyển Thượng và Hạ), *Văn minh Âu – Mỹ* (Tĩnh Tiên soạn), *Thế giới cường quốc chánh thế khảo* (Trần Mạnh Nhẫn soạn), *Xã hội* (Ngộ Nhân), *Dân tộc* (Ngộ Nhân), *Lịch sử nhân loại* (Ngộ Nhân biên), *Phụ nữ vận động* (Dã Lam nữ sĩ), *Thực dân lịch sử* (Vệ Thạch, tức Đào Duy Anh), *Sinh tồn cạnh tranh* (Ngộ Nhân), *Kinh tế học tiểu sử* (Hoa Tung biên, gồm hai quyển Thượng và Hạ).

Các sách của *Quan Hải Tùng thư* đạt chất lượng cao với đội ngũ cộng tác viên gồm các tác giả, dịch giả, biên tập viên giỏi và tâm huyết như Võ Liêm Sơn, Phan Đăng Lưu, Đào Duy Anh, Trần Đình Nam...

³ Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm hồi ký*, Nxb Trẻ với sự hợp tác của ASIA – MESDIA, 1989. Tr.31,32

Sách do *Quan Hải Tùng thư* phát hành có tác dụng tốt đến nhận thức về nội dung tư tưởng và khơi dậy lòng yêu nước cho độc giả. Sau này, trong cuốn hồi ký *Sống với tình thương*, của bà Như Mân – người đồng chí và là bạn đời của GS. Đào Duy Anh, viết: “*Sách của Quan Hải Tùng thư in ra chúng tôi đều đọc, nhờ đó đã mở ra cho chúng tôi hiểu biết thêm về Cách mạng giải phóng dân tộc*”.

Trong thực tế, *Quan Hải Tùng thư* không dừng lại ở năm 1929. Đến năm 1930, sau khi ra tù, Đào Duy Anh lại cùng với các đồng chí của mình xuất bản thêm được 11 đầu sách nữa trong hai năm 1930 và 1931. Lúc này, *Quan Hải Tùng thư* xây dựng được đại lý bán sách ở nhiều nơi từ Hà Nội, Hải Phòng đến Phan Thiết, Sài Gòn, Trà Vinh, Phnom Pênh (Camphuchi) và Vientiane (Lào)...

Như trên đã nêu, sách do Đào Duy Anh sưu tầm, xuất bản và giới thiệu với độc giả thực sự là những công trình có tác dụng cổ vũ lòng yêu nước, hướng tới người đọc những kiến thức cơ bản về Cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Trong tình hình thực tế lúc ấy, Đào Duy Anh đã chọn cho ông phương pháp hoạt động hiệu quả nhất phù hợp với điều kiện và thế mạnh của ông: Nghiên cứu nhằm truyền bá những kiến thức cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác và đề cao các giá trị của văn hóa dân tộc mà điểm cốt lõi là tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang: chống đế quốc và phong kiến tay sai giành độc lập cho đất nước, tự do, hạnh phúc cho nhân dân...

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH

MỘT MẪU MỤC VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

GS, TSKH Vũ Minh Giang

Đại học Quốc gia Hà Nội

Giáo sư Đào Duy Anh là một nhà sử học bậc thầy, chẳng những đã để lại cho nền sử học nước nhà một di sản đồ sộ và có giá trị về nhiều mặt mà còn để lại cho giới khoa học những mẫu mực về phương pháp nghiên cứu khoa học. Hầu như mỗi công trình của giáo sư đều in đậm dấu ấn của một học giả uyên bác, phong cách của một nhà khoa học chân chính. Để hiểu đầy đủ và sâu sắc giá trị những công trình của giáo sư Đào Duy Anh và từ đó đúc kết về phong cách nghiên cứu cũng như đóng góp của giáo sư trên phương diện phương pháp luận cũng như phương pháp nghiên cứu, nữa là hiểu toàn diện di sản khoa học Đào Duy Anh đòi hỏi phải có nhiều thời gian và công sức.

Bài viết này là thử nghiệm nhằm trình bày một số suy nghĩ bước đầu rút ra từ những trải nghiệm bản thân trong quá trình học tập được về phương pháp nghiên cứu của Giáo sư. Điều đáng nói là mặc dù những trước tác của giáo sư đã ra đời cách đây hơn nửa thế kỷ và có nhiều nhận thức khoa học cụ thể nay đã thay đổi nhưng các phương pháp mà giáo sư đã sử dụng để nghiên cứu và biên soạn nên những công trình vẫn là những mẫu mực để các nhà nghiên cứu hậu thế đó noi theo.

Có thể nói những nguyên tắc rất căn bản của một công trình nghiên cứu sử học đã được giáo sư khẳng định rất sớm, ngay trong phần Tự ngôn cuốn sách *Cổ sử Việt Nam*, một cuốn sách được coi là “gối đầu giường” của những ai bắt tay vào nghiên cứu lịch sử Việt Nam Cổ-Trung đại, ở đó giáo sư đã nêu: “*phải gắng sức xử lý thích đáng tất cả các tài liệu vụn vặt mà sử học cũ còn để lại, lấy ánh sáng của phương pháp lịch sử mới, phương pháp lịch sử duy vật và đứng trên lập trường của nhân dân để thuyết minh, dựng khôi phục cái thực tế sinh hoạt và đấu tranh của nhân dân ở thời viễn cổ, tìm ra nguồn gốc chân xác của dân tộc và văn hoá Việt Nam*”⁴.

Nói đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu lịch sử vì lịch sử là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ. Đó là thực thể khách quan, độc lập với ý thức con người, là đối tượng nghiên cứu của khoa học lịch sử (sử

⁴ Đào Duy Anh. *Cổ sử Việt Nam*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1956, tr.6

học). Để nhận thức được lịch sử, các nhà nghiên cứu trước hết phải tái hiện lại một cách chân xác các sự kiện rồi mới đánh giá ý nghĩa của nó và cuối cùng rút ra các quy luật của lịch sử. Mỗi sự kiện đều bao gồm ba yếu tố không thể thiếu là không gian (sự kiện diễn ra ở đâu), thời gian (sự kiện diễn ra khi nào) và diễn biến, trong đó nhân vật là linh hồn của sự kiện. Điều quan trọng mà bất cứ ai (kể cả những người yêu thích lịch sử đến các nhà sử học chuyên nghiệp) khi tham gia vào quá trình nghiên cứu lịch sử để phải ý thức được rằng những sự kiện được tái hiện không bao giờ trùng khít hoàn toàn với lịch sử. Đó chỉ là nhận thức lịch sử. Chính vì vậy mà để đi tìm chân lý khách quan của các sự kiện lịch sử luôn luôn là một quá trình không bao giờ có điểm dừng. Mọi nhận thức khoa học đạt được đều chỉ là tương đối, là tiệm cận chân lý (Asymptotic truth) mà thôi. Chính vì vậy mà sự khác biệt ý kiến về một sự kiện hay một nhân vật lịch sử nào đó là hiện tượng bình thường, hợp với quy luật nhận thức. Tuy nhiên, điều quan trọng là thái độ và phương pháp xử lý hiện tượng đó phải đảm bảo các chuẩn mực của khoa học lịch sử. Trước tiên đó là việc tái hiện lại các sự kiện lịch sử một cách khách quan, khoa học. Đối với nhân vật Công chúa Phương Dung để có được nhận thức đầy đủ hơn cũng cần được xem xét từ góc độ khoa học lịch sử.

Căn cứ quan trọng giúp các nhà nghiên cứu phục dựng (restoration) sự kiện lịch sử là tư liệu. Thông thường sự kiện lịch sử qua đi đều để lại dấu vết dưới rất nhiều dạng thức. Phổ biến nhất và hay được người đời sau đồng nhất với sự thật lịch sử là ghi chép của người đương thời (hoặc thuật lại sau đó không lâu) trong các bộ sử biên niên. Nhưng ngay cả những ghi chép trong biên niên sử cũng cần được đối chiếu, xác minh qua các nguồn tư liệu khác và lượng định mức độ tin cậy. Thao tác này nhà nghiên cứu gọi là phê phán sử liệu. Thông tin chỉ đáng tin cậy khi được kiểm chứng và không chứa đựng những mâu thuẫn hoặc những chi tiết phi lý. Đối với lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ – trung đại, loại tài liệu này không có nhiều. Trước hết là vì sau khi lập quốc chưa lâu, người Việt chưa tạo ra được một hệ thống chữ viết hoàn chỉnh thì bị mất chủ quyền. Cùng với chính sách đồng hóa ráo riết, các chính quyền đô hộ phương Bắc luôn tìm cách xóa đi ký ức lịch sử của người dân về một thời dựng nước của các vua Hùng, về các cuộc nổi dậy chống ách cai trị của ngoại bang. Những sự kiện lớn của thời kỳ này chỉ được ghi chép sơ lược, tản mạn và nhiều khi sai lệch trong

các thư tịch cổ Trung Hoa. Vì vậy việc tái hiện lại lịch sử thời kỳ này là vô cùng khó khăn.

Ngoài các tài liệu thành văn, di tồn các sự kiện lịch sử còn hiện diện trong các di tích, hiện vật, những dấu vết vật chất còn lại. Chẳng hạn như các loại vũ khí, vật dụng quân sự... cho chúng ta hình dung khá chân xác về các sự kiện liên quan tới chiến tranh hay những vật dụng hàng ngày như: bát, chén, dụng cụ lao động... giúp người đời sau hiểu được sinh hoạt của cư dân một thời kỳ lịch sử trước đó. Về loại tư liệu này hiện vật khảo cổ giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Với sự phát triển của khảo cổ học và tiến bộ của khoa học kỹ thuật nói chung, ngày càng có thêm nhiều phương pháp tiên tiến cho việc giám định các hiện vật. Chẳng hạn chỉ với một mẫu gỗ ta có thể dùng phương pháp phân tích đồng vị phóng xạ carbon C14 để xác định được niên đại tuyệt đối của hiện vật, hay sử dụng kính hiển vi điện tử có thể phân tích bào tử phấn hoa (được bảo tồn trong lòng đất dưới dạng phân tử) để biết người xưa đã trồng loại cây gì... Các nhà khoa học đã phục dựng lại thời Hùng Vương chủ yếu đã dựa vào các tài liệu khảo cổ học.

Cùng với những tư liệu tồn tại dưới dạng vật thể như văn bản (các bộ sử cổ) hay các chứng cứ vật chất còn sót lại, lịch sử, nhất là những sự kiện lớn, thường in sâu vào ký ức của những người chứng kiến (chứng nhân lịch sử) rồi được truyền lại đời sau bằng con đường truyền khẩu, rồi được cố định dưới hình thức truyền thuyết dân gian, huyền thoại, giai thoại, truyện cổ tích... Rất nhiều sự kiện lịch sử Việt Nam, nhất là về những thời kỳ hiếm hoi hoặc không có tư liệu thành văn, các tư liệu dạng này đóng vai trò quan trọng. Khi nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng các nhà sử học đã phải dựa rất nhiều vào các truyền thuyết, thần phả, thần tích và ký ức dân gian gắn với các nơi thờ phụng.

Tuy nhiên do tính chính xác không cao, những tư liệu truyền miệng chủ yếu được sử dụng như những gợi ý và nhất thiết cần phải đối chiếu xác minh và chỉ ra những chi tiết phi lý, phi lịch sử. Truyền thuyết thường có cốt lõi lịch sử, nhưng là sáng tác dân gian nên cùng với thời gian và ở các địa phương khác nhau thường được thêm thắt, bớt xén hoặc thậm chí còn tạo ra những câu chuyện ly kỳ để làm tăng thêm sự huyền bí và linh thiêng của câu chuyện. Đó là lý do vì sao loại tư liệu này có nhiều dị bản. Đặc biệt những câu chuyện này còn được chuyển vào các loại bản bản phục vụ nhu cầu thờ cúng như sắc phong, thần phả, thần tích... liên quan đến nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng. Mặc dù nhiều

thần tích ghi rõ niên đại, tên họ người soạn, nhưng việc xử lý các văn này như một tư liệu lịch sử cũng cần hết sức thận trọng. Đối với các nhà sử học việc sử dụng thông tin trong các tư liệu dạng này không thể đồng nhất với các sự kiện được chép trong biên niên sử.

Có thể nói nguyên tắc này được quán triệt trong mọi tác phẩm của giáo sư Đào Duy Anh. Nó tương chừng như đơn giản, nhưng trên thực tế cho đến tận hôm nay không phải tất cả những ai nghiên cứu lịch sử đều đã nhận thức đầy đủ. Lịch sử là tất cả những gì đã diễn ra. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử là phải phát hiện những quy luật vận động và phát triển của các cộng đồng người trong quá khứ góp phần xây dựng căn cứ khoa học cho việc lý giải hiện tại và hoạch định tương lai. Muốn vậy trước hết phải tái hiện lại lịch sử một cách khách quan sao cho gần nhất với những gì đã diễn ra. Điều quan trọng là Giáo sư Đào Duy Anh đã nhấn mạnh tầm quan trọng của “cái thực tế sinh hoạt và đấu tranh của nhân dân”. Đã có một thời gian dài sử học Việt Nam ít chú ý đến đời sống kinh tế - xã hội khiến cho nhận thức lịch sử dân tộc bị thiên về các sự kiện chính trị và quân sự. Di ảnh của quá khứ chỉ còn lại từng mảng mẩu trong các tư liệu không phải lúc nào cũng chân xác nên việc thu thập tất cả những tư liệu có thể có được, dù là "vụn vặt" để rồi “xử lý thích đáng” là một nguyên tắc mà giới sử học luôn phải coi là nền tảng cho mỗi công trình nghiên cứu. Vậy mà việc chọn tư liệu cho phù hợp với ý kiến chủ quan của mình hoặc để minh họa cho một luận điểm nào đó vẫn còn là hiện tượng khá phổ biến trong hoạt động sử học ở nước ta. Thậm chí có những ấn phẩm mới xuất bản gần đây chẳng những đã không tuân thủ nguyên tắc này mà còn cắt xén, gán ghép tư liệu một cách tùy tiện để phục vụ cho một mục đích cá nhân nào đó. Trong bối cảnh như vậy thì luận điểm có tính nguyên tắc của Giáo sư Đào Duy Anh nêu trên vẫn còn nguyên giá trị thời sự.

Một trong những nét nổi bật trong phương pháp nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh là sự vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức và thành tựu nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau khi phân tích mỗi vấn đề khoa học. Đó chính là phương pháp tiếp cận mà nay ta gọi là phương pháp liên ngành (Interdisciplinary Approach) một phương pháp nghiên cứu được đánh giá là tiên tiến và đang trở thành xu thế phổ biến. Bên cạnh việc khai thác có thể nói là triệt để mọi nguồn tài liệu thư tịch mà với vốn kiến thức uyên bác của một học giả khó ai có thể vượt qua được, giáo sư Đào Duy Anh đã sử dụng các tư liệu khảo cổ học, dân tộc học, văn hoá học, ngôn ngữ học, văn bản học, thậm chí cả kiến

thức về sinh học... một cách nhuần nhuyễn để cố gắng tái tạo lại diện mạo của lịch sử dân tộc. Có thể lấy phần viết trong chương III, mục Lai lịch người Việt trong sách *Cổ sử Việt Nam* làm một minh chứng. Chi xoay quanh tộc danh “Lạc Việt”, tác giả đã dẫn nhiều sách cổ kim có liên quan (sử liệu), vận dụng kiến thức cơ bản về tục thờ vật tổ //Totem (dân tộc học), khảo cứu tự dạng của các chữ lạc thường gặp 雒,駱 (cổ văn tự học) để đưa ra giả thuyết Chim Lạc là vật tổ của người Lạc Việt. Tác giả còn đưa xuống chú thích truyền thuyết của người Mường ở Hoà Bình và Thanh Hoá nói về đôi chim thuỷ tổ đã sinh ra trăm trứng sau này nở thành những cư dân ở cả vùng núi và đồng bằng để khẳng định thêm giả thuyết của mình.

Ở một phần khác nói về sinh hoạt vật chất, sau khi đã dẫn sách *Hoài Nam tử* để người đọc hình dung ra lối ăn mặc của người Bách Việt, tác giả đã so sánh hình người trên các đồ đồng cổ đào được ở Đông Sơn với trang phục của người Mường⁵. Những giả thuyết cụ thể có thể thay đổi nhờ những thành tựu nghiên cứu mới, nhưng phương pháp tiếp cận như giáo sư Đào Duy Anh đã làm thì có thể coi là “kinh điển”. Sau này, vào những năm 60 của thế kỷ XX, thời đại Hùng vương đã được triển khai nghiên cứu trong một chương trình rộng lớn với sự tham gia của học giả thuộc nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, nhưng về phương pháp, theo tôi căn bản vẫn dựa vào cách tiếp cận mà giáo sư Đào Duy Anh đã áp dụng trong việc nghiên cứu tiền sử và sơ sử Việt Nam.

Một thế mạnh rất căn bản của giáo sư Đào Duy Anh là học vấn uyên bác. Ông đã vận dụng triệt để lợi thế này trong nghiên cứu và thể hiện rất rõ trong các công trình nghiên cứu của mình. Người đọc luôn nhận thấy tác giả thường đẩy việc khảo cứu tới tận cùng mỗi khi cần luận giải một điều gì, nhất là các danh xưng liên quan đến phạm vi địa lý, cương vực hành chính. Điển hình là tác phẩm *Đất nước Việt Nam qua các đời* hoặc các bộ sách viết về lịch sử Việt Nam... Ở đó nguồn gốc tộc người, di tích vật chất hoặc các phong tục tập quán của người xưa đều được khảo cứu rất kỹ lưỡng. Có thể dẫn ra đây phương pháp khảo cứu trong như mục Việt Thường của sách *Cổ sử Việt Nam*. Chỉ trong chưa đầy 3 trang sách, tác giả đã tóm lược được những thông tin căn bản về danh xưng này trong hàng chục thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam (Thượng thư đại truyện, Tiền Hán thư, Hậu Hán thư, Cựu Đường thư, Văn hiến thông khảo, Luận

⁵Đào Duy Anh. *Cổ sử Việt Nam*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1956, tr.87

hành , Kinh thư , Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử thông giám cương mục...) đồng thời dẫn giải đầy đủ ý kiến của các học giả đã từng đề cập đến vấn đề này như Legge, Pelliot, Chavannes... Trên cơ sở khảo chữ “thường” được viết theo nhiều cách khác nhau (常,裳,嘗) tác giả đã đưa ra đoán định rằng có thể đây chỉ là một chữ phiên âm tên địa phương, và vì vậy có thể chấp nhận được giả thuyết của Chavannes cho rằng đó có thể là đất Việt Chương (越章) của nước Sở⁶. Từ đó đến nay chưa thấy có công trình nào khảo cứu về danh xưng Việt thường kỹ càng hơn I-hê. Phê phán văn bản và ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước một cách khách quan khoa học là phương pháp nhất quán của giáo sư Đào Duy Anh. Cách làm của tác giả thường là tóm lược trung thực nội dung sử liệu hoặc ý kiến của các nhà khoa học khác rồi phân tích những điểm hợp lý, chỉ ra những điểm không hợp lý, từ đó mới đi tới những luận giải quan điểm tán đồng hay phản bác của mình. Phương pháp này được áp dụng cho nhiều tác phẩm, mà ở đây chỉ xin dẫn ra một thí dụ. Khi trình bày về vấn đề Tượng quận và cuộc xâm lược của Triệu Đà, tác giả có hẳn một phần dẫn luận sau đó tóm tắt các thuyết khác nhau để loại bỏ những ý kiến trùng lặp hoặc suy đoán thiếu cơ sở để rồi lần lượt đi sâu phân tích có phê phán các luận thuyết của Maspero, Arousseau và Trần Tu Hoà. Trên cơ sở đó tác giả mới đi đến những lập luận ủng hộ quan điểm của Maspero, cho rằng Tượng quận là một vùng đất phía tây tỉnh Quảng Tây Trung Quốc chứ không phải là Tượng Lâm như Trần Tu Hoà chủ trương hay Bắc bộ Việt Nam như ý kiến của Arousseau⁷. Ngay cả những bộ sử mà phần đông những người sử dụng đều dẫn theo mà ít khi nghi ngờ như Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử thông giám cương mục... tác giả cũng không ngần ngại phê phán những điều vô lý.

Phương pháp nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh còn được thể hiện trong logic trình bày kết quả nghiên cứu. Ông luôn bắt đầu từ việc giới thiệu các nguồn tư liệu sau đó phân tích sự sai khác giữa các tư liệu và đưa ra những nghi vấn về những thông tin được nêu trong tư liệu rồi mới trình bày ý kiến của mình. Cách trình bày như vậy phản ánh một tư duy khách quan, không áp đặt, mà trải lại còn mở đường cho những người đi sau tiếp tục nghiên cứu. Quả thực rất nhiều ý kiến gợi mở của giáo sư trong các công trình của mình thực sự là những phương hướng nghiên cứu lớn. Chẳng hạn, về vấn đề nguồn gốc người Việt và văn hoá

⁶ Đào Duy Anh, Việt Nam văn hoá sử cương, Sài Gòn, 1958, tr.31

⁷ Đào Duy Anh. Cổ sử Việt Nam , NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1956, tr.101

Việt, ông là người sớm đưa ra quan điểm phải nghiên cứu rộng trong mối liên hệ với các cộng đồng cư dân phi Hán tộc ở phía nam sông Dương Tử. Từ lâu các học giả nước ngoài đánh giá rất cao luận điểm này của ông. Tiếc rằng cho đến nay chúng ta vẫn chưa tiến được bao xa so với nhận thức của giáo sư đã trình bày cách đây hơn nửa thế kỷ. Việc nghiên cứu cổ sử Việt Nam hiện nay hầu như vẫn bị giới hạn trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hiện nay. Đối với việc nghiên cứu, tìm hiểu địa danh, nhân danh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong nhiều phần của công trình Giáo sư đã gợi ra một hướng suy nghĩ, theo tôi đã được nhiều nhà ngôn ngữ học sử học vận dụng có hiệu quả. Trong tác phẩm Cổ sử Việt Nam tác giả đã tỏ ra hoài nghi cách lý giải lưu truyền bấy lâu về hình xoáy tròn ốc của thành Cổ Loa. Về cấu trúc thành thì các nhà khảo cổ học và sử học đã chứng minh đó là toà thành “hình kén” (nghĩa là không phải xoáy tròn ốc) nhưng về tên gọi thì rõ ràng là các nhà khoa học hậu thế đã xử lý thoả đáng theo phương pháp Đào Duy Anh. Theo đó, tên Cổ Loa (hay Khả Lũ, Khả Lưu) chỉ là phiên âm một tên nôm làng Chũ (hay Chủ)⁸ mà khi xưa còn đọc là Klũ (hay Klũ) nên sách Trung Quốc phải phiên âm bằng hai âm tiết Gu lo mà âm Hán Việt đọc là Cổ Loa (古螺). Từ chữ Loa (có nghĩa là con ốc) vốn chỉ để lấy âm, người sau mới suy diễn đem dùng để giải thích hình dáng toà thành.

Hiện nay trên quan điểm toàn bộ khi nghiên cứu biên soạn bộ lịch sử Việt Nam, chúng ta ngày càng có ý thức sâu sắc hơn trong việc trình bày vấn đề Champa, Phù Nam, Chân Lạp như một bộ phận của lịch sử Việt Nam. Nói là ngày càng có ý sâu sắc hơn vì trong thực tế đã có không ít bộ thông sử trình bày những vấn đề này như những thực thể đối lập với dòng chảy của lịch sử Việt Nam, thậm chí có những công trình hoàn toàn tránh không nhắc đến Champa và Chân Lạp. Vậy mà từ hơn nửa thế kỷ trước, giáo sư Đào Duy Anh đã trình bày vấn đề Lâm Ấp, Nhật Nam (Champa) như một nội dung không thể thiếu của lịch sử Việt Nam. Đây là điều chúng ta phải học tập nhiều ở Giáo sư. Một nội dung khoa học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với lịch sử thời kỳ dựng nước ở Việt Nam là văn hoá Đông Sơn. Bên cạnh những đóng góp quan trọng trong việc phản bác có cơ sở những luận điểm của V.Goloubev và L.Finot cho rằng văn hoá Đông Sơn chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa cũng như luận điểm

⁸ Trong văn học dân gian vùng Cổ Loa còn lưu truyền câu về *Quậy ủ, Chủ tươi, Quậy cười Chủ khóc*. Chủ là đất Cổ Loa còn Quậy hay Cuội là thôn Đại Vỹ, xã Liên Hà kề bên.

của H.Geldern và O.Jansé gán cho văn hoá Đông Sơn nguồn gốc Halstatt, giáo sư Đào Duy Anh đã đưa ra một luận thuyết rất đáng lưu ý về mối quan hệ lịch sử giữa cư dân Lạc Việt với Ngô Việt. Đây thực sự là những gợi ý khoa học có tầm cao và chiều sâu.

Các công trình của giáo sư Đào Duy Anh cũng như bất kỳ công trình sử học nào, không thể tránh được những hạn chế về mặt tư liệu và trình độ nhận thức khoa học chung của thời điểm công bố, nhưng phương pháp nghiên cứu và sự gợi mở phương hướng nghiên cứu của tác giả là những giá trị không thể phủ nhận. Nó thể hiện một cách sinh động cốt cách khoa học của giáo sư Đào Duy Anh và điều mà tôi, người học trò của học trò Giáo sư, cảm nhận rất rõ là cốt cách ấy đã và đang được thế hệ tiếp theo kế thừa và phát triển. Ảnh hưởng về phong cách, phương pháp nghiên cứu của một nhà khoa học lên các thế hệ học trò nhiều khi ý nghĩa còn lớn hơn chính giá trị của những công trình khoa học cụ thể. Sự trưởng thành của các nhà khoa học đã từng được trực tiếp học Giáo sư Đào Duy Anh là những minh chứng sinh động về điều đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ X IX*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1955
2. Đào Duy Anh, *Cổ sử Việt Nam*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1956, tr.6
3. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Sài Gòn, 1958
4. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Khoa học, Hà Nội, 1964
5. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam, tập I*, NXB Khoa học Xã hội, 1972.

SUMMARY

Prof. DAO DUY ANH

A MODEL OF SCIENTIFIC RESEARCH METHODOLOGY

Through some scientific works, articles author analyzed methods Prof. Dr.Sc. Vu Minh Giang Vietnam National University, Hanoi applied by Prof. Dao Duy Anh in his research. According to that the objective reconstruction of socio - economic life of people on bases of the collection and the treatment thorough whole of source always has to be considered as a key operation for any historical work. Near half of century ago Prof. Dao Duy Anh had used multidisciplinary approach and with profound learning of a polyhistor he carried out scientific research on high level. Before raising any own conclusion he always carefully reviewed opinions of previous scholars and paved the way for continuous researchers. Article's author drew conclusion that concrete scientific understandings could be changed and scientific works of Prof. Dao Duy Anh are not an exception, but his research methods are still up to now an example for contemp.

HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH - NHỮNG ẢNH HƯỞNG TRONG LĨNH VỰC TỪ ĐIỂN HỌC

PGS.TS Phạm Hùng Việt

Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Phát triển

(Nguyên Viện trưởng Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam)

Đào Duy Anh là một trong những người có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học xã hội - nhân văn hiện đại của Việt Nam. Ông có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu, trong đó, lĩnh vực từ điển học là một trong những điểm sáng. Học giả Đào Duy Anh đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực từ điển học từ rất sớm. Ông đã hoàn thành và xuất bản hai bộ từ điển quan trọng: Hán - Việt từ điển (1932) và Pháp - Việt từ điển (1936). Những cuốn từ điển này không chỉ là những công cụ tra cứu cần thiết thời điểm bấy giờ mà còn chứa đựng những giải thích khoa học và tiến bộ, phản ánh quan điểm và trào lưu tư tưởng hiện đại. Từ điển Truyện Kiều ra đời từ sự kết hợp giữa việc nghiên cứu văn học và từ điển học. Cuốn từ điển này không chỉ là một tài liệu tra cứu thông thường mà còn là một công cụ quý giá giúp độc giả hiểu sâu hơn về tác phẩm văn học kinh điển của Nguyễn Du - Truyện Kiều.

Từ điển này giúp giải thích các từ ngữ, cụm từ và thành ngữ phức tạp trong Truyện Kiều, đồng thời cung cấp các ví dụ và ngữ cảnh để độc giả hiểu rõ hơn về ý nghĩa và cách sử dụng của chúng.

Đã có khá nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về hai cuốn từ điển xuất sắc, rất quan trọng của Đào Duy Anh là Hán - Việt từ điển và Pháp - Việt từ điển. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đi sâu vào giới thiệu những đặc điểm cơ bản của Từ điển Truyện Kiều - Một công trình rất có giá trị của ông nhưng chưa được giới nghiên cứu quan tâm nhiều.

Dưới góc độ từ điển học, có thể nêu lên những đặc điểm nổi bật của cuốn từ điển này như sau.

Trước hết, có thể khẳng định đây là cuốn từ điển đầu tiên thuộc loại hình *Từ điển tác phẩm, tác gia* (Từ điển ngôn ngữ tác phẩm, tác gia) ở nước ta. Từ điển tác phẩm là loại hình từ điển thường thu thập và giải thích các từ ngữ của một tác phẩm nổi tiếng của một tác giả nổi tiếng. Trên thế giới, đã có một số cuốn từ điển rất nổi tiếng thuộc loại hình từ điển này, chẳng hạn như cuốn *Từ điển Shakespeare* của Alexander Schmidt thường được biết đến với tên

"Shakespeare-Lexicon" hoặc "Shakespeare Lexicon and Quotation Dictionary", được xuất bản lần đầu vào năm 1902; rồi cuốn *Từ điển Puskin* của Vinogradov, xuất bản năm 1956 hay cuốn *Thi kinh từ điển* của Hường Hy, xuất bản lần đầu vào năm 1915. Tuy nhiên, ở Việt Nam, trước cuốn *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh, chưa có cuốn từ điển nào thuộc loại hình từ điển này. Vì vậy, có thể khẳng định sự ra đời của *Từ điển Truyện Kiều* đã mở ra một hướng mới trong lĩnh vực biên soạn loại hình từ điển này ở Việt Nam.

Về cấu trúc bảng từ (hay còn được gọi là cấu trúc vĩ mô) của *Từ điển Truyện Kiều*, theo thống kê của chúng tôi, quyển từ điển này có tổng số 2321 đơn vị mục từ, trong đó từ đầu mục hầu hết là các từ đơn, tuy nhiên cũng có một số ít từ ghép hoặc cụm từ, thành ngữ được lấy làm từ đầu mục, ví dụ các từ đầu mục: *Bốc ròi, Bọt già, Cải nhiệm, Cặp sách, Cân đai, Chấn gối, Chính danh, Ngồi tan, Ngô Lào, Cuội cung mây, Bĩ sắc tư phong, Bình nguyên quân, Quan âm các, Nạp thái vu quy, Tề chỉnh uy nghi, Tú khẩu ngậm tâm, Tư mã phương cầu, Thưởng tướng khao binh*. Các cụm từ và thành ngữ này là những đơn vị chỉ xuất hiện 1 lần trong *Truyện Kiều* và không thuộc vào một từ nào trong số các từ được đưa làm từ đầu mục. Đây là lí do để tác giả xếp các cụm từ và thành ngữ nêu trên thành một mục từ riêng trong từ điển, khác với cách sắp xếp các cụm từ và thành ngữ để ở trong từ đầu mục như nêu dưới đây.

Về cấu trúc mục từ (hay còn gọi là cấu trúc vi mô), *Từ điển truyện Kiều* hàm chứa một lượng thông tin rất phong phú trong cấu trúc mục từ. 11 loại thông tin sau được đưa vào cấu trúc mục từ gồm:

- 1- thông tin về từ đầu mục,
- 2- thông tin về số lần xuất hiện của từ đầu mục đó trong truyện (đặt trong ngoặc đơn),
- 3- thông tin về số thứ tự nghĩa của từ đầu mục (đối với các từ đầu mục là từ đa nghĩa, mỗi nghĩa được phân biệt với nhau bằng chữ số Ả rập: 1, 2, 3, ...),
- 4- thông tin về lời định nghĩa của từng nghĩa đối với từ đầu mục là từ đa nghĩa,
- 5- thông tin về số lần xuất hiện của từng nghĩa,
- 6- thông tin về câu ví dụ trích trong *Truyện Kiều* của từng nghĩa,
- 7 thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa từ đầu mục ở từng nghĩa,

8- thông tin về các tổ hợp của từ và các cụm từ cố định, các thành ngữ trong đó có từ đầu mục đứng ở đầu (đặt sau kí hiệu -//, in đậm),

9- thông tin về số lần xuất hiện của cụm từ hoặc thành ngữ đó trong truyện,

10 - thông tin về lời giải thích cho cụm từ hoặc thành ngữ,

11- thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa cụm từ hoặc thành ngữ.

Ở dạng phong phú nhất, một từ đầu mục hàm chứa 11 loại thông tin như nêu ở trên.

Chẳng hạn, phân tích cụ thể cấu trúc mục từ của từ MỘT trong TỪ ĐIỂN TRUYỆN KIỀU, ta có thể biết được những điều sau qua các thông tin hàm chứa trong mục từ này:

- Đây là từ có số lần xuất hiện rất nhiều trong Từ điển Truyện Kiều: 307 lần; cũng là từ có số lần xuất hiện cao nhất trong số 2321 từ được đưa vào làm từ đầu mục. Các từ có số lần xuất hiện cao tiếp theo là ĐÃ - 265 lần, NGƯỜI - 214 lần, NÀNG - 199 lần, NÀY - 195 lần, CŨNG 181 lần, LỜI - 167 lần, LÒNG - 162 lần, RẰNG 160 lần, ...

- Đây là một từ đa nghĩa, gồm 6 nghĩa được sử dụng trong truyện Kiều.

+ Nghĩa thứ nhất là *con số*, với 196 lần xuất hiện, ví dụ như: *Trải qua một cuộc bể dâu / Một trai con thứ rớt lòng*, ...; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 196 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong Truyện Kiều; chẳng hạn các câu số 3, 27, 28, 32, 34, 42, 78, ...

+ Nghĩa thứ hai: *nghĩa như cũng một*, 8 lần xuất hiện, ví dụ như: *Cũng người một hội một thuyền đầu xa*; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 8 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong Truyện Kiều; chẳng hạn các câu số 202, 812, 1381, ...

+ Nghĩa thứ ba: có nghĩa như *phải cho được*. Nghĩa này chỉ xuất hiện một lần ở câu thơ 2818: *Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi*.

+ Nghĩa thứ tư: *Có nghĩa như cả*, ví dụ: *Một thì* (câu 63), *Một vùng* (37 câu), chẳng hạn các câu thơ số 9: *Một vùng cỏ áy bóng tà*, các câu 144, 261 ...

+ Nghĩa thứ 5: Có nghĩa như *chỉ một*; nghĩa này xuất hiện 47 lần trong 47 câu thơ, có ghi rõ số thứ tự từng câu trong Truyện Kiều. Ví dụ: *Một mình lặng ngắm bóng nga* (câu 177); các câu 186, 217, 242, 328, 375, ...

+ Nghĩa thứ 6: Từ một trùng điệp có nghĩa *chỉ hai hiện tượng xảy ra đồng thời hay liên tiếp*; ý này xuất hiện 6 lần ở các câu thơ số 561, 1122, 1805, ví dụ:

Ngại ngần một bước một xa; hoặc chỉ tình hình càng thêm dần, ví dụ: *Một lời là một*; có khi trồn chữ một đầu, ví dụ: *Tin nhà ngày một vắng tin* (câu 1479), *Ruột tằm ngày một héo hon* (câu 2833).

- Đây là một từ xuất hiện trong rất nhiều các cụm từ và thành ngữ trong Truyện Kiều. Tất cả các cụm từ và thành ngữ loại này đều được tập hợp vào trong nội dung của mục từ MỘT, đặt sau kí hiệu -//, in đậm. Cụ thể, trong mục từ MỘT, sau kí hiệu -// có đưa 16 cụm từ: **Một bề, Một chiều, Một chút, Một hai, Một hơi, Một lòng, Một mình, Một mực, Một niềm, Một tay, Một thác, Một thân, Một và, Một vài, Một vùng, Muôn một**; 6 thành ngữ: **Một cốt một đồng, Một dày một mỏng, Một giọt mưa rào, Một hội một thuyền, Một tỉnh mười mê, Một vực một trời**; và 3 câu thơ **Một hai nghiêng nước nghiêng thành, Một ngày lạ thói sai nha, Một trời thu để riêng ai một người**. Tất cả các cụm từ và thành ngữ, này đều được giải thích ý nghĩa, cho thấy số lần xuất hiện và số thứ tự các câu thơ có cụm từ, thành ngữ đó trong Truyện Kiều; chẳng hạn: // **Một bề** (1) : Một chiều, một phía, một bên; có ý nghĩa không thể tự do lựa chọn được. Vd. *Cớ sao chịu tốt một bề*, 975; ... **Một cốt một đồng**, 1162 : Một bên là bà cốt, một bên là ông đồng, đều là phường lừa bịp; **Một hội một thuyền**, 202 : Chỉ người cùng ở một hội, cùng đi một thuyền (có câu chữ Hán : Đồng châu cộng tế), nên thương yêu giúp đỡ nhau, ...

Với cách đưa các cụm từ và các thành ngữ có chứa từ đầu mục vào nội dung mục từ của từ đầu mục, kèm theo cách giải nghĩa và các thông tin giống như cách làm với từ đầu mục, có thể thấy cách sắp xếp của mục từ trong Từ điển Truyện Kiều là gần với cách sắp xếp kép (multiple) trong Từ điển học, phân biệt với cách sắp xếp đơn (single).

Ngoài mục từ MỘT, rất nhiều các từ đầu mục khác cũng có các cụm từ và thành ngữ được đưa vào và giải thích trong mục từ đó. Chẳng hạn, mục từ ĂN có 7 cụm từ và 1 thành ngữ; mục từ BA có 17 cụm từ và 3 thành ngữ; mục từ ĐƯỜNG có 9 cụm từ và 4 thành ngữ; mục từ LÒNG có 24 cụm từ và 6 thành ngữ; mục từ TÌNH có 21 cụm từ và 4 thành ngữ; ... Từ đó có thể thấy số lượng các từ ngữ được đưa vào giải nghĩa trong Từ điển Truyện Kiều lên đến hơn chục nghìn đơn vị, xuất phát từ 2321 đơn vị gốc. Để xác lập và giải thích được nghĩa của 2321 đơn vị gốc và khoảng hơn chục nghìn cụm từ và thành ngữ đó, đòi hỏi tác giả phải có một vốn hiểu biết rất sâu sắc về ngôn ngữ học, về từ điển học; có kiến thức uyên thâm về Hán học, văn học, lịch sử, văn hóa học, ... có một sức

làm việc bề bộn, kiên trì, công phu. Từ điển Truyện Kiều cho thấy ở Đào Duy Anh đã hội tụ được đầy đủ những điều kiện như vậy.

Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh đã tạo ra một cơ sở vững chắc cho việc hiểu và tìm hiểu về Truyện Kiều, một trong những tác phẩm văn học vĩ đại nhất của Việt Nam. Cuốn từ điển này không chỉ là một công trình tra cứu quý giá về Truyện Kiều mà còn là một phần không thể thiếu trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Đào Duy Anh, Từ điển truyện Kiều, Nxb Văn hóa Thông tin tái bản năm 2000.*
- 2. Trần Trọng Dương, Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2014.*
- 3. Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần, Từ điển truyện Lục Vân Tiên, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.*
- 4. Phạm Hùng Việt (chủ biên), Lý luận, phương pháp luận Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (một số vấn đề cơ bản), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011.*

NHÂN CÁCH VĂN HÓA ĐÀO DUY ANH

TS. Lê Xuân Kiều

GD Trung tâm hoạt động VHKKH Văn miếu - Quốc Tử Giám

Mở đầu

Chúng ta thấy rằng, nhân cách văn hóa là sản phẩm lịch sử của một nền văn hóa, mà văn hóa thì bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với một cộng đồng, trước hết là cộng đồng dân tộc – quốc gia. Từ cách tiếp cận văn hóa học, nhân cách văn hóa được miêu tả như một “diện mạo người sáng tạo, người đại biểu mang vác giá trị và chuẩn mực của một cộng đồng xã hội nhất định”⁹. Những đặc điểm trội nhất của nhân cách văn hóa biểu hiện ở năng lực sáng tạo, trong đó, sáng tạo văn hóa là một hành động cao cả, bao giờ cũng hướng về giá trị nhân bản. Đồng thời, nhân cách văn hóa cũng bao hàm những thuộc tính đạo đức. Bên cạnh đó, sáng tạo và tự do có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, người sáng tạo thường chọn lối sống tự do. Do vậy, có thể nói sáng tạo, nhân bản, tự do là ba thuộc tính cơ bản nằm trong cấu trúc của nhân cách văn hóa. Tìm hiểu về nhân cách văn hóa Đào Duy Anh có thể thấy rõ điều đó. Nhân dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Ông, xin được chia sẻ những nhận thức của cá nhân về một học giả đã dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp văn hóa dân tộc từ góc nhìn văn hóa học với những phẩm chất của một nhân cách văn hóa: đạo đức, tinh thần sáng tạo và khát vọng tự do.

1. Phẩm chất đạo đức

Yêu nước là một giá trị hàng đầu trong hệ giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam. Lòng yêu nước dường như thấm đẫm trong mạch máu của mỗi con dân đất Việt và là giá trị chủ đạo, tiêu chí để đánh giá phẩm chất của các cá nhân cũng như vai trò của các triều đại trong lịch sử. Biểu hiện của lòng yêu nước là đa dạng và phong phú, ở mỗi con người cụ thể, trong những thời điểm cụ thể, do những điều kiện cụ thể lại có những sắc thái riêng. Đối với học giả Đào Duy Anh, lòng yêu nước thể hiện một con người thiết tha với vận mệnh của đất nước, với văn hóa dân tộc. Điều đặc biệt quan trọng là, nó là sự nhất quán sâu sắc trong suốt cuộc đời của một trí thức chân chính luôn đặt mình trong dòng chảy chung của lịch sử dân tộc với những biến cố, thử thách của chính bản thân mình.

⁹ Hoàng Vinh (2006), *Những vấn đề văn hóa trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.311

Con đường diễn biến tư tưởng của Đào Duy Anh khởi nguồn từ hoài bão của một thanh niên yêu nước, hăng hái tìm con đường cách mạng đúng đắn cho mình và cho dân tộc. Ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, chàng thanh niên trẻ đó đã “rất hâm mộ cách mạng Pháp với lời Tuyên ngôn nhân quyền”¹⁰ và lòng khát khao tự do, bình đẳng. Trong nhận thức của Đào Duy Anh lúc đó: muốn có tự do, bình đẳng thực sự thì phải có độc lập dân tộc chứ không phải chờ người Pháp ban ơn cho, muốn có độc lập dân tộc thì phải theo con đường mà các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã vạch ra. Con đường đó còn dài, có thể sử dụng nhiều phương tiện nhưng phải nhằm đến mục đích là “mở mang dân trí và bồi đắp nhân quyền”. Cách nhìn đó thể hiện một nhãn quan sắc sảo, thông minh của một thanh niên mới ngoài hai mươi tuổi. Năm 1925, nhân sự kiện cụ Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội về Huế, thầy giáo trẻ Đào Duy Anh đã cùng với một số bạn bè trong hội Quảng Tri Đồng Hới tổ chức đón tiếp cụ Phan tại hội quán. Sự kiện này khởi đầu cho cuộc dấn thân vào những hoạt động cách mạng trong giai đoạn tiếp theo. Đào Duy Anh trở thành một trong những sáng lập viên và thành viên chủ chốt của tờ báo Tiếng Dân, tờ báo do cụ Huỳnh Thúc Kháng lãnh đạo. Tờ báo sau này đã trở thành cơ quan bênh vực quyền lợi của nhân dân, đáp ứng được nguyện vọng không những của nhân dân Trung Kỳ mà lan rộng ra phạm vi cả nước. Ông gia nhập Tân Việt cách mạng đảng, một tổ chức cách mạng của những trí thức yêu nước Việt Nam và trở thành người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức này. Hoạt động của Đào Duy Anh và những đồng chí của ông trong Tân Việt cách mạng đảng đã để lại dấu ấn quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Tân Việt cách mạng đảng là tổ chức tiền thân của Đông Dương cộng sản liên đoàn, một trong ba tổ chức cộng sản hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Nhiều thành viên của Tân Việt cách mạng đảng sau này trở thành những người cộng sản nổi tiếng như Võ Nguyên Giáp, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu, Đặng Thai Mai...

Trong thời kỳ khủng bố cách mạng của thực dân Pháp, Đào Duy Anh cùng với người vợ chưa cưới phải ngồi tù một năm trong nhà tù thực dân. Sau khi được phóng thích, ông phải thêm án treo 3 năm và chịu sự quản thúc chặt chẽ của thực dân Pháp. Nhắc lại sự kiện này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người bạn, người cộng sự của Đào Duy Anh ở Huế nhớ lại “Tôi bị bắt, anh Đào Duy Anh, chị Như Mân và nhiều đồng chí bị bắt giam. Chúng nó tra tấn, mua chuộc,

¹⁰ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.29

dụ dỗ vẫn không có đủ chứng cứ để làm án...”¹¹. Có thể nói, Đào Duy Anh là người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác, cũng sớm nhận thức được con đường cách mạng mà dân tộc mình chắc chắn sẽ phải thực hiện. Tuy nhiên, khác với một số người, sau khi bị thực dân Pháp bắt và bỏ tù, ông không tiếp tục dấn thân và công cuộc giải phóng dân tộc theo con đường làm cách mạng mà lại rẽ sang một hướng khác, nhưng cũng hướng tới phục vụ cho mục tiêu ấy. Con đường hoạt động chính trị dừng lại, Đào Duy Anh đã lựa chọn “con đường hoạt động văn hóa mà góp phần phục hồi cái sinh khí của dân tộc đang bị lu mờ dưới chế độ thực dân” và tự xác định “phải cố gắng đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác để khai thác vốn văn hóa của dân tộc và chọn lấy những cái tốt mà góp phần vào công cuộc cải tạo văn hóa nước nhà”¹². Xuất phát từ động cơ đó, Đào Duy Anh có một niềm tin mãnh liệt vào sức sống của dân tộc cũng như con đường mình đã lựa chọn, với một tấm lòng yêu nước văn hóa dân tộc tha thiết, bất chấp những sóng gió trong cuộc đời mà không dễ gì có thể vượt qua. Trọn cuộc đời, ông đã cống hiến cho sự nghiệp văn hóa nước nhà để hướng tới một mục tiêu, lý tưởng duy nhất: giải phóng dân tộc, tiến tới một xã hội tự do, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong Hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Đào Duy Anh đã tổng kết đầy đủ và sâu sắc toàn bộ cuộc đời ông: Cái khía cạnh chủ đạo là sự diễn biến tư tưởng của tôi từng bước đi vào chủ nghĩa Mác để lấy nó làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi hoạt động của tôi trong lĩnh vực nghiên cứu và tư tưởng, vì đời tôi thực ra không phải là một cuộc đời hoạt động chính trị, mà là cuộc đời tìm tòi và phục vụ về văn hóa của một người trí thức mà thôi¹³. Đó là lời bộc bạch của một con người hết sức khiêm tốn và giản dị, nhưng thực sự, tấm lòng của ông đối với đất nước, đối với văn hóa dân tộc không thể đong đếm được. Cũng phải nói rằng, trong thực tế, hiếm có con người nào chuyển hẳn từ hoạt động chính trị sang lĩnh vực văn hóa lại có những đóng góp to lớn như ông cả về mặt tài năng và nhân cách. Và không có gì khác, nó bắt nguồn chính từ khát vọng cháy bỏng của một người trí thức chân chính, muốn phục hồi và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần cho công cuộc giải phóng dân tộc, đưa dân tộc vào một kỷ nguyên phát triển mới.

Cuộc đời Đào Duy Anh còn là một tấm gương sáng về đạo làm người, làm một nhà khoa học chân chính. Ở nhiều môi trường hoạt động khác nhau, trong những thời điểm, không gian khác nhau, cái dấu ấn đọng lại sâu sắc nhất

¹¹ Sơn Tùng (2009), *Ký ức về thầy Đào Duy Anh, sách họ Đào Việt Nam*, Nxb Hà Nội, tr.883

¹² Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.48

¹³ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.34

của những người đã từng tiếp xúc, làm việc, sống cùng với ông là hình ảnh một con người đáng kính nhưng lại hết sức gần gũi với tấm lòng yêu thương con người... Ông đã tạo thành một trường văn hóa có khả năng lan tỏa mạnh mẽ, rộng, không chỉ đương thời mà còn ở các thế hệ tiếp theo. Nói như nhà văn hóa học A. Caromin: một nhân cách sáng tạo không chỉ làm phong phú cho nhân cách bản thân người sáng tạo bằng sự tìm tòi phương thức mới trong hoạt động mà còn là kết quả của sự sáng tạo trong sự phạm và giao tiếp sáng tạo thể hiện ở sự phát triển về các mặt văn hóa, tinh thần, đạo đức của nhân cách người khác (tất nhiên cũng biểu hiện trong lối sống và trong hành động của họ)¹⁴. Nhân cách văn hóa Đào Duy Anh, giống như một vật thể tự phát xạ, có một “hấp lực mạnh mẽ”, thu hút mọi người bằng “vàng sáng văn hóa” của mình. Từ Đào Duy Anh tỏa ra một trường văn hóa rất đặc biệt, nó làm cho con người ta gần nhau hơn. Những người thân trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, học trò, những độc giả của ông từ mọi miền đất nước và cả ở nước ngoài, nhiều người trong suốt cuộc đời chưa gặp mặt ông nhưng được biết ông qua những trang sách khi nhắc tới Đào Duy Anh đều gặp nhau ở sự kính trọng, yêu mến bậc học giả mà tài năng và nhân cách như hòa quyện lại.

Trước hết, đó là lòng yêu thương con người của Đào Duy Anh. Chính lòng thương yêu đó đã gây được thiện cảm ban đầu và sau đó là tình yêu của cô tiểu thư lá ngọc cành vàng như Trần Thị Như Mân. Trong Hồi ký *Sống mãi với tình thương*, bà có kể lại ấn tượng ban đầu đối với Đào Duy Anh là một con người “hễ có tiền là mua sách và thấy ai thiếu cũng cho” và “cảm thương cái tình của anh ấy” mà nhận lời lấy Đào Duy Anh, vượt qua rào cản môn đăng hộ đối vốn còn nặng nề trong thời điểm đó, đặc biệt là với một gia đình danh giá như gia đình cụ Trần Tiến Thành. Sự đồng điệu của hai con người, hai tâm hồn đã đưa họ trở thành một “một đôi vợ chồng lý tưởng của nhân loại” như lời nhà biên kịch Bửu Tiển.

Trong đại gia đình họ Đào, Đào Duy Anh được con cháu suy tôn là người quyền huynh thế phụ. Sau khi bố mất, Đào Duy Anh là người đã nuôi nấng, giáo dục để đưa các em mình vào đời với đầy đủ nhân cách sống. Điều đặc biệt là, theo gương người anh cả, tất cả họ đều là những người yêu nước nhiệt thành, hy sinh cuộc đời mình cho cách mạng và có đóng góp to lớn cho đất nước. Có thời điểm, tất cả người em Đào Duy Anh đều ngồi trong nhà tù đế quốc từ Lao Bảo,

¹⁴ A. Caromin (2011), *Văn hóa học*, Nxb St.Peterburg, Bản dịch tiếng Nga của GS.Hoàng Vinh

Hỏa Lò, Sơn La đến Côn Đảo. Có người từng giữ nhiều vị trí quan trọng của Đảng như Đào Duy Kỳ, có người tham gia tích cực trên lĩnh vực văn hóa như Đào Phan... nhưng giống như anh mình, cho dù trải qua bao thăng trầm vẫn giữ được cốt cách, niềm tin và lý tưởng của mình. Đào Duy Kỳ nguyên là xứ ủy Bắc Kỳ, sau này về công tác tại Vụ Văn hóa quần chúng (Bộ Văn hóa). Đào Phan từng làm Tổng Biên tập báo Quân du kích nhưng trong thời gian kháng chiến chống Pháp, do bị hiểu lầm từng bị xử án và giam giữ một năm. Tuy nhiên, họ vẫn giữ cốt cách của những người cách mạng, nhiệt huyết với các hoạt động xã hội. Rõ ràng, dấu ấn của Đào Duy Anh ở đây rất quan trọng. Khi ông không còn trực tiếp hoạt động cách mạng nữa, ông là người động viên cho các em mình tiếp tục con đường đó và trở thành hậu phương vững chắc của họ. Tất cả con cái của các em ông đều được vợ chồng Đào Duy Anh đem về nuôi nấng, dạy dỗ khi các em của ông ngồi tù hay tham gia hoạt động cách mạng, đến nỗi bà Đào Duy Anh đã miêu tả ngôi nhà mình như một nhà trẻ. Bà Phan Thị Bội Hoàn, vợ của nhà nghiên cứu Đào Phan đã có những nhận xét rất xúc động về gia đình Đào Duy Anh “Thật vinh dự cho tôi được sống trong gia đình anh chị em họ Đào, một gia đình trí thức đầy tình thương yêu con người mà Đào Duy Anh làm anh cả!”¹⁵. Với bè bạn, Đào Duy Anh là người ân tình. Ngôi nhà ở Huế của vợ chồng ông được ví như nhà trọ, các bạn bè ở xa mỗi khi đến Huế, nếu không có chỗ ở, Đào Duy Anh thường mời về nhà mình. Con cái của bạn bè đến Huế học cũng thường được gửi đến ở. Đào Duy Anh còn cho những học sinh nghèo có chí của trường Thuận Hóa, nơi ông dạy đến nhà mình ở. Tiền nhuận bút mà Đào Duy Anh nhận được từ những cuốn từ điển được in ở miền Nam trước giải phóng, ông chuyển đến UBND Thành phố Hồ Chí Minh để xây một nhà nuôi trẻ mồ côi. Trong cuộc sống đời thường, ông rất giản dị, như lời bà Trần Thị Như Mân, ông thường “ngồi say sưa, nhiều khi quên cả ăn uống. Muốn anh uống nước cũng phải nhắc, đến bữa cơm dọn xong mời anh ăn là ăn ngay, mà ăn thì rất nhanh, không cần biết ngon dở như thế nào. Anh sống thanh đạm, không hút thuốc, không nghiện trà tàu, không uống rượu”¹⁶. Dường như tất cả nhà khoa học chân chính chỉ say mê đối tượng nghiên cứu của mình. Đào Duy Anh là một tấm gương của nhà khoa học lớn như vậy: say mê nghiên cứu, sống rất giản dị, toàn tâm, toàn trí đặt vào việc nghiên cứu. Sau này, khi đã chuyển sang hoạt

¹⁵ Phan Thị Bội Hoàn, *Dâu họ Đào*, tư liệu gia đình GS. Đào Duy Anh, tr.78

¹⁶ Trần Thị Như Mân (2007), *Sống với tình thương*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr.50

động văn hóa, có nhiều cơ hội để ông quay trở lại hoạt động chính trị: có thể tham gia chính phủ Trần Trọng Kim, sau đó là chính phủ Hồ Chí Minh nhưng ông vẫn nhất quán với sự lựa chọn của mình, kiên trì hoạt động nghiên cứu để đóng góp cho đất nước. Sự lựa chọn đó thể hiện sự nhạy cảm của một trí tuệ lớn, một nhân cách đáng kính luôn biết mình, sở trường của mình.

Đào Duy Anh là con người của trách nhiệm, không chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình mà mở rộng ra là trách nhiệm đối với cộng đồng, đối với xã hội. Là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Tân Việt, sau khi bị thực dân Pháp bắt, Đào Duy Anh đã nhận hết trách nhiệm hoạt động ở Huế về phía mình. Chính vì có Đào Duy Anh mà các tổ chức cơ sở của Tân Việt: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ và Thành bộ ở Huế cùng với các tổ chức quần chúng phụ nữ, công nhân, học sinh với khoảng hơn sáu mươi người không bị Pháp hỏi đến. Trong đó, có nhiều người trở thành những người cách mạng nổi tiếng sau này như Nguyễn Chí Diểu, Trần Hữu Duẩn, Nguyễn Khoa Văn, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai... Khi chuyển sang công việc nghiên cứu, Đào Duy Anh rất coi trọng tư liệu, ông đã dày công xây dựng bộ tư liệu đồ sộ trên cơ sở sưu tầm ở nhiều nơi nhưng rất tiếc, chiến tranh đã làm mất đi khối tài sản quý giá đó. Lúc nào, Đào Duy Anh cũng trăn trở băn khoăn về sự mất mát này. Mặc dù, nguyên nhân là do yếu tố khách quan nhưng Đào Duy Anh lại coi đó là trách nhiệm của mình, là một “món nợ” của ông đối với dân tộc, với các bậc tiền nhân. Nỗi niềm đó được thể hiện rõ qua bài viết của ông *Tôi đã mang tội để mất những tư liệu quý về Nguyễn Trường Tộ như thế nào* đăng trên Tuần báo Công giáo ngày 12 tháng 07 năm 1981.

Đào Duy Anh tổng kết những chặng đường trong cuộc đời hoạt động của mình trong cuốn hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*. Cuốn sách được tái bản nhiều lần với số lượng phát hành lớn. Mở đầu cho hơn 500 trang sách đó, ông nói rằng muốn “ghi lại những đặc thất của mình, mong các bạn lớp sau lấy đây làm điều răn mà khỏi những bước đường vấp vấp”¹⁷. Trải qua nhiều thăng trầm, có lúc phải mang tiếng oan nhưng trong cả cuốn hồi ký không có chỗ nào là thanh minh, chỉ trích cá nhân ai cũng như tô vẽ bản thân mình. Ngoài mấy trang đầu nói về giai đoạn bước vào đời, cả cuốn sách là quãng đường hoạt động của Đào Duy Anh gắn với đất nước, với khát vọng đóng góp công sức của mình cho văn hóa dân tộc. Đó là hình ảnh của một trí thức chân chính với tấm gương đạo đức

¹⁷ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.9

trong sáng, cao cả. Có thể trong cuộc đời mình, Đào Duy Anh cũng có những uẩn ức, nhưng cách thể hiện của ông là của bậc chính nhân quân tử. Qua việc Đào Duy Anh rất quan tâm đến việc nghiên cứu những danh nhân văn hóa của dân tộc, đặc biệt là với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Trường Tộ, những nhà văn hóa lớn của dân tộc nhưng mỗi người lại có những nỗi niềm, những éo le trong cuộc đời, chúng ta có thể hiểu được phần nào. Những câu thơ Đào Duy Anh viết sau khi nghiên cứu về Nguyễn Trãi, Nguyễn Du cho thấy điều đó, chẳng hạn với Nguyễn Trãi:

Sự nghiệp văn chương thầy sáng ngời

Thế mà oan lạ đến như chơi,

Ngậm ngùi nhớ lại lời ông dạy

Tâm địa chi hơn bàn đề đời.

hay với Nguyễn Du:

Ông hỏi đời sau ai khóc mình?

Mà nay bốn biển lại lừng danh,

Cho hay hết thầy đều mây nổi

Còn với non song một chút tình.

Sự đồng cảm của ông với cái bất hạnh của một đời tài hoa cũng như nỗi oan khuất của kẻ sĩ như là một sự thôi thúc nội tâm để Đào Duy Anh dành nhiều thời gian, công sức nghiên cứu về chủ đề này. Qua đó thấy được sự trân trọng của ông với vốn quý di sản văn hóa dân tộc, đó là các danh nhân, nhân vật văn hóa.

Đào Duy Anh là một người có ý chí tự học đặc biệt. Với một nhà khoa học thì việc tự học như một lẽ đương nhiên nhưng để trở thành “nhà bách khoa toàn thư” trong điều kiện như Đào Duy Anh không phải ai cũng làm được. Những thanh niên tốt nghiệp trường Quốc học Huế những năm 20 của thế kỷ trước, trừ một số ít có điều kiện đặc biệt ra Hà Nội hoặc sang Pháp học tiếp, còn hầu hết là đi nhận một chức trợ giáo, thông phán, ký lục... ở một nơi nào đó để có cuộc sống ổn định. Còn Đào Duy Anh, sau bốn năm học tại Quốc học Huế, trở thành một thầy giáo dạy tiểu học tại Đồng Hới. Chương trình giảng dạy của trường Quốc học không vượt ra ngoài khuôn khổ tiểu học, như chính quyền thực dân đã xác định. Vốn học thức do nhà trường cung cấp được chứng nhận bằng tấm bằng Cao đẳng tiểu học thường chỉ đủ để đáp ứng yêu cầu làm viên chức thừa hành ở ngành này hay ngành khác trong chính quyền thực dân. Mặt khác,

Đào Duy Anh không xuất thân từ một gia đình danh gia vọng tộc, có truyền thống học hành, khoa bảng và điều kiện thuận lợi để phát triển con đường học vấn như nhiều nhà văn hóa ở Việt Nam cùng thời với ông. Với tinh thần tự học, tự đào tạo như một hành trang theo ông trong suốt cả cuộc đời đã đưa ông đến những đóng góp to lớn cho dân tộc, được tôn vinh trong bộ đại từ điển bách khoa nổi tiếng La-rút-xơ.

Tinh thần tự học của Đào Duy Anh đã thể hiện rất sớm. Thuở nhỏ, ông được cha mẹ cho đi học chữ Hán, đến năm 1915, khi chế độ khoa cử cũ bị bãi bỏ, ông mới chuyển sang học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Trong thời gian này, cậu bé Đào Duy Anh mỗi lần gặp người bán sách rong đến chợ gần nhà để bán các truyện xưa bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ là mua sách về đọc. Nhờ vậy, khi đến Huế học Cao đẳng tiểu học, Đào Duy Anh đã biết rất nhiều truyện cũ. Khi học ở Huế, mỗi khi rảnh rỗi, Đào Duy Anh lại đến nhà người quen, người có đủ các số báo Nam Phong để đọc báo, qua đó tự học văn học Việt Nam và viết văn bằng chữ Quốc ngữ. Trong khi những đồng nghiệp tại Đồng Hới vui đầu vào cuộc đờ đen hoặc bàn chuyện phiếm lúc rỗi rãi thì Đào Duy Anh lại chọn cho mình một lối sống “chỉ biết chăm chỉ dạy học và đọc sách mà mở mang tri thức”. Tại đây, ông đã theo học thêm tiếng Pháp theo một chương trình nhất định, đồng thời tiếp tục tự nghiên cứu Quốc văn và Hán văn mà công cụ chính là tờ Nam Phong. Chính nhờ việc tự trang bị cho mình vốn liếng kiến thức như vậy nên Đào Duy Anh mới có thể nhận lời cụ Huỳnh Thúc Kháng ở lại Huế làm báo Tiếng Dân và được cụ Huỳnh Thúc Kháng tin cậy giao những trọng trách quan trọng của tờ báo. Sau khi chuyển sang hoạt động nghiên cứu, Đào Duy Anh mong muốn đem “ánh sáng của chủ nghĩa Mác để khai thác vốn văn hóa của dân tộc và chọn lấy những cái tốt mà góp phần vào cuộc cải tạo văn hóa nước nhà”¹⁸. Nhưng ông nhận thức của mình về chủ nghĩa Mác cũng như phong kiến thức chung vẫn còn hạn chế cho nên ông đã đặt quyết tâm “việc cấp bách bây giờ là phải học thêm, học thật nhiều. Muốn tự học, trước hết cần phải có sách và tư liệu”¹⁹.

Không có điều kiện như những nhà nghiên cứu làm việc ở Viễn Đông Bác cổ, để tìm tài liệu, Đào Duy Anh đã có mặt ở hầu hết các thư viện lớn ở Huế như thư viện Bảo Đại, thư viện của Hội Đô thành hiếu cổ. Tất cả những gia đình

¹⁸ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.48

¹⁹ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.48

tiếng tăm, có tủ sách riêng ở khắp dải đất miền Trung, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... đều có dấu chân của ông. Ông đi Hà Tĩnh tìm dấu tích của các tác giả những họ Nguyễn ở Lai Thạch và Tiên Điền, tìm ra bài hát phùng nón của Nguyễn Huy Hồ và bài đáp của Nguyễn Du, tìm ra nguyên tác *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự... Con đường tự học của Đào Duy Anh không chỉ khép kín trong thư phòng, ông đã cùng nhà địa lý Nguyễn Thiệu Lâu thuê thuyền đi dọc sông Hương đến các nhánh sông suối suốt từ Thừa Thiên ra Quảng Trị, đi xe đạp từ Nha Trang lên Đà Lạt để khảo sát địa lý. Với tinh thần tự học và nghị lực phi thường, Đào Duy Anh đã vượt qua cơn bệnh lao bằng chính sự say mê làm việc. Nằm trên giường bệnh, ông vẫn không ngừng đọc sách, không chịu rời bỏ công việc nghiên cứu. Bà Trần Thị Như Mân đã phải làm một cái giá sách đặt lên trên giường để khi ông nằm vẫn có thể đọc mà không cần giữ sách. Chính vì ông làm việc say mê, luôn luôn tập trung suy nghĩ về một việc, tạo nên sự hưng phấn nên đã đẩy lùi được bệnh tật. Từ một thầy giáo tiểu học, bằng con đường tự học có kế hoạch và duy trì sự kiên định suốt cuộc đời với một nghị lực phi thường, Đào Duy Anh đã “tự bồi đắp, mở rộng dần hành trang tri thức, từng bước tiếp cận, chiếm lĩnh đỉnh cao của học vấn đương thời, rồi vươn tới có những đóng góp xứng đáng vào nền văn hóa mới của dân tộc”²⁰ trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ 20 đang chuyển mình từ nền văn hóa phương Đông sang quỹ đạo văn hóa hiện đại của thế giới.

Sinh thời, Đào Duy Anh lấy hiệu Vệ Thạch, với hình tượng con chim Tinh Vệ ngâm đá lấp biển Đông. Cả cuộc đời ông đã thực hiện cái sở nguyện đó “cố gắng cấp từng hòn sỏi mà mong góp phần vào công việc lấp biển học mệnh mông”²¹ Con chim Tinh Vệ miệt mài trên hành trình xây dựng, bồi đắp văn hóa dân tộc với một tinh thần tự học hiếm có, để từ đó, Đào Duy Anh tự khẳng định bằng những công trình trải rộng trên nhiều lĩnh vực của khoa học xã hội ở Việt Nam.

2. Năng lực sáng tạo

Sáng tạo là một trong những thuộc tính cơ bản nằm trong cấu trúc của nhân cách văn hóa. Với hàng loạt các trước tác của mình trên nhiều lĩnh vực,

²⁰ Đinh Xuân Lâm (2004), “Đào Duy Anh và sự kết hợp cách mạng với văn hóa”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (10), tr.34

²¹ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.36

trong đó có nhiều cách tiếp cận mới và có nhiều giá trị với xã hội, Đào Duy Anh nổi bật lên là một học giả có tinh thần sáng tạo mạnh mẽ.

Sự sáng tạo của Đào Duy Anh thể hiện ở sự thức nhận của ông đối với văn hóa, vai trò của văn hóa. Trong bối cảnh nửa đầu thế kỷ 20, cuộc giao lưu, tiếp xúc với văn hóa phương Tây, nền văn hóa có nhiều khác biệt với văn hóa Việt Nam truyền thống vốn từ hàng nghìn năm nay nằm trong quỹ đạo khu vực, đặt ra nhiều vấn đề hoàn toàn mới đối với văn hóa dân tộc. Đào Duy Anh là một trong những người sớm nhận thức được những vấn đề đặt ra này. Ông luôn cố gắng đi tìm câu trả lời cho câu hỏi: làm thế nào để tiếp thu được những giá trị văn hóa của nền văn hóa phương Tây và bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống. Sau khi chuyển hẳn sang hoạt động nghiên cứu, toàn bộ tâm lực của ông dành cho công việc đó. Khác với một số trí thức lúc đó, hoặc là quay lại với văn hóa phương Tây, khư khư giữ lấy cái truyền thống, hoặc phủ định cái truyền thống, muốn sao chép nguyên vẹn mô hình phương Tây, thái độ của Đào Duy Anh là hướng tới sự tích hợp những giá trị của hai nền văn hóa trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới, hiện đại mà giàu bản sắc. Điều đó thể hiện sự mềm dẻo, linh hoạt trong ứng xử với cái mới và rõ ràng, nó phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, với nhu cầu của văn hóa dân tộc trong thời điểm đó. Một câu hỏi nữa mà Đào Duy Anh đặt ra: văn hóa là gì và có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội. Sự thức nhận này có ý nghĩa quan trọng, nhất là hiểu văn hóa theo nghĩa của khoa học phương Tây, chứ không chỉ theo truyền thống. Đó thể hiện sự nhạy cảm, sự sáng tạo của một nhà khoa học biết phát hiện ra những vấn đề mới của thực tiễn, của xã hội, để trên cơ sở đó, các công trình nghiên cứu ra đời.

Truyền bá chủ nghĩa Mác ở Việt Nam theo con đường công khai mà Đào Duy Anh tiến hành trong những năm 20 – 30 của thế kỷ 20 cũng là một sự sáng tạo của ông. Con đường bí mật thì khó có thể rộng rãi. Trong khi đó, với trình độ dân trí của xã hội ta lúc đó, nhân dân “khó lòng đi thẳng đến tư tưởng duy vật biện chứng của Mác”. Đào Duy Anh đã xây dựng nên Quan hải tùng thư chuyên xuất bản những tập sách nhỏ như *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Lịch sử nhân loại*, *Xã hội luận*... để cho người đọc làm quen với tư tưởng khoa học và duy vật. Công việc này được tiếp tục khi Đào Duy Anh làm bộ *Từ điển Hán Việt*. Ông có “dụng ý riêng” là nhân việc giải thích từ mà phổ biến trong nhân dân một số khái niệm chính trị theo hướng chủ nghĩa Mác, ví dụ những từ duy vật sử quan,

cộng sản chủ nghĩa, Mã Khắc Tư. Việc giải thích các thuật ngữ này dựa trên sự nghiên cứu chủ nghĩa Mác của Đào Duy Anh cho nên cách diễn đạt vượt ra ngoài lối giải thích của một cuốn từ điển thông thường. Đó chính là cách phổ biến chủ nghĩa Mác dựa trên hoạt động công khai, dù nó có những hạn chế nhất định nhưng rõ ràng, nhiều người dân Việt Nam biết đến chủ nghĩa Mác qua con đường này.

Trong cuộc đời nghiên cứu của mình, cảm hứng sáng tạo luôn dào dạt trong con người học giả và như sự thôi thúc nội tâm, thôi thúc Đào Duy Anh không ngừng say mê tìm tòi không chỉ ở một mà nhiều lĩnh vực của khoa học xã hội. Có lẽ, Đào Duy Anh cũng là người đầu tiên trong giới nghiên cứu khoa học ở nước ta đưa ra một quan niệm về sáng tạo của người hoạt động nghiên cứu từ chính trải nghiệm của cuộc đời ông. Khi trả lời một họa sĩ về lao động của người nghiên cứu, Đào Duy Anh cho rằng: Tôi tưởng cái hứng sáng tạo không phải là độc quyền của nhà nghệ sĩ đâu. Các anh đừng nên tưởng rằng người làm công tác nghiên cứu khi nào cũng ngập đầu vào những đống tài liệu mà không biết gì đến hoa lá rực rỡ dưới ánh sáng mặt trời ở ngoài, cũng đừng nên tưởng rằng nhà khoa học lúc nào cũng đặng trí mà chạy theo cái lưng xe ngựa để viết nốt một phương trình toán học tưởng đó là cái bảng đen của mình... Tôi tưởng nhà khoa học Hy Lạp xưa Acsimet, khi tắm biển thấy thân mình bỗng nổi lên thì reo lên sung sướng rằng: Tìm ra rồi! Cũng không kém sung sướng về điều phát hiện của mình so với nhà điêu khắc Hy Lạp nọ đã tạo nên được cái đẹp kỳ diệu của pho tượng thần Vệ Nữ²².

Đối với Đào Duy Anh, mỗi khi phát hiện ra một điều mới sau quá trình tìm tòi, chẳng hạn Giao Chỉ có quan hệ với “cái tục xem giao long là vật tổ”; phát hiện ra nền văn hóa đồ đồng là do “tổ tiên chúng ta là người Lạc Việt sáng tạo”, chứ không phải là những bộ lạc thuộc chủng Mã Lai học được kỹ thuật của người Hán... đã cho ông những “phút phần khởi không kém gì những hứng thú về sáng tạo nghệ thuật”²³ của các nghệ sĩ. Những phát hiện mới như vậy không chỉ có ý nghĩa với riêng Đào Duy Anh, tạo nên những phút giây hứng khởi đối với ông mà quan trọng hơn là giá trị xã hội mà những sáng tạo đó đem lại, đó là sự phát triển của ngành sử học và các ngành khoa học xã hội của Việt Nam.

²² Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.109

²³ Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.109

Từ ý tưởng đến công trình của Đào Duy Anh đã thể hiện tinh thần sáng tạo của ông. Khối lượng đồ sộ các công trình đã công bố hoặc còn ở dạng bản thảo mang tên Đào Duy Anh hiện chưa được thống kê, suu tầm toàn bộ, “cái rùng rợn sách” mà người đời sau thấy “ngợp”, “vừa kính phục, vừa sợ hãi” đã nói lên khả năng lao động tinh thần và sức sáng tạo mạnh mẽ của một học giả. Các công trình của Đào Duy Anh không chỉ có ở một lĩnh vực mà trải rộng ở nhiều ngành khoa học. Ở nhiều lĩnh vực, Đào Duy Anh đóng vai trò mở đường, tạo tiền đề để cho những người đi sau tiếp tục có những phát hiện mới, góp phần cho sự nghiệp khoa học của đất nước.

3. Tinh thần tự do

Nhân cách của một trí thức thực thụ biểu hiện ở khát vọng tự do và đi liền với nó là tư duy độc lập. Đào Duy Anh là con người như vậy, cho dù ở bất cứ điều kiện nào. Tinh thần phản biện luôn thường trực trong con người hoạt động khoa học Đào Duy Anh. Ngay từ những năm 30 của thế kỷ 20, nối tiếp hai cụ Phan: Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu trong mạch cảm xúc phê phán, tự phản tỉnh về dân tộc mình, Đào Duy Anh đã có những nhận xét rất sâu sắc, chính xác về những hạn chế của dân tộc. Nếu như hai cụ Phan từng nêu lên những chỗ yếu kém của người Việt Nam thì Đào Duy Anh cụ thể hóa những hạn chế đó. Chẳng hạn, ông đưa ra những đặc tính của người Việt Nam: ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường; thích sáo và hình thức hơn là hoạt động; tính khí nông nổi, không bền chí, hay thất vọng, hay khoe khoang, ưa hư danh; não tinh vật, hay bài bác... Cùng với ý kiến của Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim..., nhiều nhận định của Đào Duy Anh đến nay vẫn còn giá trị. Không vì lòng yêu mến dân tộc mà chỉ biết tán dương, ca tụng, thái độ đó của Đào Duy Anh và các học giả khác có ý nghĩa quan trọng trong hành trang của dân tộc trên hành trình khai dân trí, chấn dân trí mà các bậc tiền bối đã đặt ra. Sự sáng tạo của Đào Duy Anh gắn liền với tinh thần tự do, tư duy độc lập và tinh thần phê phán, không chấp nhận sự giáo điều. Chính vì vậy, ông đã thẳng thắn phát biểu quan điểm của mình về dân chủ trong nghiên cứu khoa học, về mối quan hệ giữa chính trị với trí thức. Trong đó, ông nhấn mạnh đến điều kiện không thể thiếu được cho sự phát triển của khoa học là tự do tư tưởng, tự do thảo luận. Đào Duy Anh chỉ ra hai nguyên nhân hạn chế đến tự do học thuật ở Việt Nam lúc đó chính là ảnh hưởng của bệnh giáo điều và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá nhân. Trong bài viết của mình, ông cũng đề nghị, trong môi trường học thuật, môi trường đại học, phải lấy tiêu chuẩn chuyên môn thay tiêu chuẩn chính trị trong việc lựa chọn nguồn nhân lực hoạt động khoa học. Điểm nổi bật trong các bài viết này là

một sự phân tích khách quan khoa học, tỉ mỉ, với tinh thần xây dựng mà không hề có sự công kích, đả phá những hạn chế trong hoạt động khoa học ở nước ta trong những ngày đầu của công cuộc tái thiết đất nước, sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc. Thuộc về lớp trí thức thâm nhuần tinh thần dân chủ, hình thành ở nửa đầu thế kỷ 20, thái độ của ông như một lẽ tự nhiên. Người trí thức thực thụ phải có sứ mệnh phản biện xã hội, cho dù sau đó, ông phải rơi vào những điều kiện khó khăn trong cả cuộc sống và công việc nghiên cứu.

Các cuộc tranh luận liên quan đến phân kỳ lịch sử, sự hình thành dân tộc Việt Nam trong những năm 50 của thế kỷ trước, thời kỳ mà chủ nghĩa giáo điều, sự sùng bái cá nhân còn đang ngự trị trong giới nghiên cứu nước ta đã thể hiện bản lĩnh của Đào Duy Anh. Trong các vấn đề tranh luận này, Đào Duy Anh đều xuất phát từ tinh thần khách quan khoa học, độc lập để phê phán những quan điểm sai lầm. Với ông, thực tiễn lịch sử dân tộc là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý khoa học.

Sau này, trong Hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Đào Duy Anh còn phê phán những hạn chế trong việc xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta, đặc biệt trong giáo dục đạo đức, phát huy tinh thần tự ý thức cá nhân, coi nhẹ vai trò của văn hóa gia đình và thiếu giáo dục tâm linh..., “nhấn mạnh đạo đức tập thể” mà chưa chú ý đến mặt cá nhân. Đào Duy Anh phê phán quan niệm phiến diện coi những gì trong xã hội cũ là xấu cả mà lên án tất cả những gì xã hội đó dùng để giáo dục con người. Bên cạnh đó, việc học tập nguyên xi, máy móc mô hình giáo dục đạo đức ở các nước xã hội chủ nghĩa lúc đó, theo Đào Duy Anh là không phù hợp “Chúng ta không thể lấy kiểu mẫu ở các nước xã hội chủ nghĩa khác được, vì mỗi dân tộc có tính cách và tâm hồn khác nhau, điều mà nhà giáo dục không thể không xem trọng”²⁴. Sự tỉnh táo của bậc học giả là một điều hiếm hoi trong điều kiện lúc đó, khi mà việc học tập mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách máy móc đang diễn ra phổ biến tập. Nó phản ánh tinh thần độc lập vốn thường trực trong nhân cách của một trí thức luôn đau đáu khát vọng hướng tới tiền đồ tươi sáng cho dân tộc.

Kết luận

Cuộc đời học giả Đào Duy Anh là một tấm gương sáng về đạo làm người, làm một nhà khoa học chân chính. Là một trí thức tràn đầy nhiệt huyết, ông say mê nghiên cứu, sống rất giản dị và luôn mang trong mình khát vọng sáng tạo, tự do. Trong những hoàn cảnh khó khăn, ông vẫn giữ nhất quán lý tưởng sống của mình là cống hiến cho sự nghiệp văn hóa dân tộc, miệt mài, cần mẫn như con tằm nhả tơ cho cuộc đời. Nhân cách và những đóng góp to lớn của học giả Đào

²⁴Đào Duy Anh (2003), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tr.463

Duy Anh thực sự là di sản quý giá, truyền cảm hứng cho các thế hệ đi sau và có thể tham dự trực tiếp vào cuộc sống của chúng ta hôm nay. Nhân kỷ niệm 120 năm, ngày sinh của Giáo sư Đào Duy Anh, chúng tôi, những người được thừa hưởng, tiếp nối di sản của Ông xin được tri ân và bày tỏ lòng ngưỡng mộ và thành kính một bậc học giả đã dành trọn đời mình cho đất nước, cho văn hóa dân tộc.

ĐÀO DUY ANH VỚI GIA ĐÌNH - GIA TỘC

Ông Đào Phan Long

Đại diện Chi tộc họ Đào Duy Anh tại Hà Nội

Kính thưa các cụ, các bác, quý vị!

Thưa các anh chị em và các cháu trong Chi họ Đào Duy Anh!

Hôm nay, gia đình Chi họ Đào Duy Anh tại Hà Nội do PGS. TS Đào Thế Anh là Chi tộc trưởng phối hợp với hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam và Trung tâm hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám tổ chức **Hội thảo “Giáo sư Đào Duy Anh: Từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác- Kỷ niệm 120 năm ngày sinh Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2024)”**.

Tôi hân hạnh được Chi tộc trưởng Đào Thế Anh ủy nhiệm thay mặt dòng tộc phát biểu một số ý kiến để tưởng nhớ Bác Đào, người đã suốt đời dành cho các em và con cháu của bác là thế hệ chúng tôi những tình cảm, tấm gương sống, tự học, lao động, làm việc quên mình vì nhân dân và đất nước Việt Nam quê hương chúng ta.

Tôi gọi học giả Đào Duy Anh là bác ruột, giờ đây cũng đã sang tuổi cổ lai hy, là lúa con cháu trực hệ của bác Đào, đã sống trọn nửa cuối thế kỷ XX, tiếp sang những thập niên đầu của thế kỷ XXI nên được biết và chứng kiến nhiều sự kiện của bác và bác gái trong chi tộc họ Đào Duy Anh quê gốc Khúc Thủy, Thanh Oai, Hà Đông (nay là Hà Nội).

Hôm nay kỷ niệm 120 năm Đào Duy Anh sẽ có nhiều bài viết, phát biểu giới thiệu về thân thế, sự nghiệp hoạt động cách mạng chống thực dân đế quốc Pháp và bè lũ tay sai, về sự nghiệp nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam của Bác. Đã có nhiều người trong và ngoài nước viết về Đào Duy Anh hoặc đã đọc qua cuốn hồi ký NHỚ NGHĨ CHIỀU HÔM của chính ông viết xong năm 1973 và mãi đến năm 1989 sau khi ông đã qua đời được hơn 1 năm thì tập hồi ký này mới được NXB Trẻ chính thức in ấn phát hành. Đến năm 2004, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Bác Đào (1904 - 2004), NXB Văn Nghệ TP.HCM đã tái bản cuốn hồi ký này và được bổ sung một số chương còn thiếu khi in năm 1989, đồng thời còn in thêm phần phụ lục là cuốn hồi ký SỐNG GIỮA TÌNH THƯƠNG của bác Đào gái Trần Thị Như Mân.

Tiếp đến năm 2014, NXBH Văn Học phối hợp với Trung tâm Ngôn ngữ Đông Tây đã ấn hành cuốn “HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH” do Lê Xuân & Kiều Mai Sơn biên soạn dựa trên những tài liệu công bố tại Hội thảo kỉ niệm 100 năm Đào Duy Anh do Khoa Sử Trường Đại học tổng hợp Hà Nội và Hội khoa học Lịch sử Việt Nam cùng gia đình tổ chức. Đây là những tài liệu công khai của người Việt Nam đã viết về Đào Duy Anh và được ấn hành rộng rãi.

Còn đối với người nước ngoài:

- Vào năm 1968 trong “Bộ đại Từ điển Bách khoa La – rút – xơ” đã viết:

Đào Duy Anh, nhà văn hóa Việt Nam hiện đại, nhà phê bình, nhà khảo luận và tác giả của nhiều bộ tự điển, trong đó nổi bật là bộ Hán – Việt từ điển. Bên cạnh nhiều tác phẩm phổ thông được xuất bản trong sưu tập của Quan Hải Tùng Thư, ông đã viết những quyển rất đặc sắc về Khổng giáo và khảo luận về lịch sử nền văn hóa Việt Nam.

- Đến năm 1984 trong “Bộ Từ điển Triết nhân in tại Paris” viết:

Đào Duy Anh đã đóng một vai trò trọng yếu trong đời sống văn hóa của nước Việt Nam hiện đại. Do kết hợp được phương pháp nghiên cứu dựa vào chủ nghĩa Mác về mặt khoa học kết hợp với sự uyên bác hiếm có, ông đã thực hiện sự nghiệp... mở đường cả trong lĩnh vực Từ ngữ học (với các bộ Hán – Việt từ điển và Pháp – Việt từ điển) cùng lĩnh vực nhân loại học (với các quyển Việt Nam Văn hóa Sử cương và Trung hoa Sử cương). Sau khi nghỉ hoạt động trong hàng ngũ Tân Việt (... phân bộ miền Trung của Đảng Cộng sản Đông Dương) ông chuyên tâm vào sự nghiệp bác học và truyền bá kiến thức lịch sử, Văn hóa Việt Nam và thế giới thông qua lập địa chỉ xuất bản (Quan Hải Tùng thư) tại Kinh đô Huế.

Nhiều cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước ta sau này đã nói: Chính nhờ những tập sách của Đào Duy Anh biên soạn và Quan Hải Tùng Thư xuất bản mà nhiều thế hệ người Việt Nam sinh ra trong thập niên 20, 30 của thế kỷ XX cũng như các em ruột của Ông và cả con cháu mình đã giác ngộ dần thân đi tìm con đường chống thực dân đế quốc và bè lũ tay sai đang thống trị nhân dân và đất nước Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

Tôi gọi ông là Bác Cả như nhiều anh chị em khác trong dòng tộc, nhưng may mắn hơn vì nhà tôi và nhà cha mẹ tôi ở gần nhà hai bác Đào ở B6 khu Tập thể Kim Liên - Hà Nội trong những năm tháng thời chiến tranh bom đạn của Mỹ ở miền Bắc, thời kinh tế bao cấp... Do vậy nên cha mẹ tôi và tôi có điều kiện

hơn nhiều người trong họ tộc được thường xuyên gần gũi thăm nom và tiếp xúc chuyện trò với Bác và Bác gái vào những năm tháng thập niên 70, 80 thế kỉ XX. Khi đó hai bác đã lớn tuổi, con cháu bận công việc và học tập nên rất muốn có người thân để trò chuyện, tâm tình mà không phiền lụy đến những người khác để tránh có sự hiểu lầm. Vì vậy tôi được nghe một số câu chuyện của Ông bà nội tôi, của cha và các chú bác em ruột Đào Duy Anh tôi thuở còn thơ và mới trưởng thành thời những thập niên 20, 30 đầu thế kỷ XX đã được Bác Đào Duy Anh nuôi dạy khôn lớn ở Kinh đô Huế xưa thời trước cách mạng tháng 8/1945. Sau khi ông nội chúng tôi mất năm 1928 tại Nông Cống – Thanh Hóa thì đến cuối năm 1929 đầu 1930, Bác Đào Duy Anh là con trưởng đã quyết định đưa mẹ và các em nhỏ vào Huế để chăm lo và nuôi dạy, thực hiện trách nhiệm quyền Huynh Thế Phụ tức thay cha gánh vác toàn bộ công việc chăm lo gia đình.

Viện sỹ Nông học Đào Thế Tuấn là con trưởng nam của Bác Đào đã viết:

Lúc này ở Huế gia đình tôi rất đông, ngoài bà nội, các cô chú còn nhỏ còn có nhiều con em bạn của cha mẹ ở các tỉnh gửi về Huế ăn học. Từ ngày đón mẹ và các em vào Huế, để có tiền nuôi mẹ và các em cha đã phải đi dạy học tại các trường tư thục ở Huế như trường Phú Xuân, Thuận Hóa, Thiên Hựu... Về sau cha nhận thêm việc làm báo Tiếng Dân với cụ Huỳnh Thúc Kháng cho nên trong nhà càng có thêm một số người trong tòa soạn Báo Tiếng Dân và Quan Hải Trưng Thư như anh em ông Võ Nguyên Giáp, Võ Thuật Nho.. đến ở cùng. Mọi người rất sợ ông vì cha rất nghiêm, tuy vậy khi đến bữa ăn cả nhà đông đủ ngồi ăn mọi người lại được thoải mái trao đổi thời sự, xã hội rất vui vẻ. Cũng trong thời gian này (1929-1930) cha mẹ tôi bí mật tham gia hoạt động tổ chức Tân Việt là một Đảng tập hợp trí thức yêu nước miền Trung sau này là một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông Dương. Ông được cử làm Tổng Bí thư của Tân Việt.

Trong hồi ký mẹ tôi viết: “Bác Đào Duy Anh rất nghiêm, nhưng độ lượng. Hồi còn trẻ, các em ít dám đến gần bác khi bác đang làm việc hoặc có khách, về già bác trở thành bạn tâm giao của các em mình nhất là sau sự kiện bác bị mất chức danh giáo sư đại học vì Nhân văn Giai phẩm. Trong thời gian đất nước bị chiến tranh cho đến suốt thời kì bao cấp, để đỡ việc cho bác gái và dành thời gian cho các con công tác, nên bác thường dậy sớm cùng dân chúng xếp hàng mua lương thực, thực phẩm theo tem phiếu phân phối. Bên cạnh việc, chăm chú nghiên cứu để viết các công trình, bác vẫn dành thời gian dắt các cháu ngoại đi

may quần áo thay mẹ chúng đã mất, đón cháu từ trường học về thay cha chúng. Đối với những em mình gặp khó khăn về kinh tế như gia đình cha mẹ tôi, hai bác thường xuyên quan tâm hỗ trợ thêm để giúp chúng tôi khôn lớn trong suốt những năm tháng miền Bắc kháng chiến chống thực dân Pháp và chiến tranh phá hoại của Mỹ. Cha mẹ tôi và các cô bác trong dòng tộc đều coi bác cả Đào Duy Anh như người luôn thay cha mẹ mình nuôi dưỡng, dạy dỗ các em nên người. Chính nhờ tấm gương sống, tự học, làm việc, hoạt động cách mạng của Bác Đào đã hướng cho tất cả các em mình dần thân thoát ly gia đình tham gia cách mạng chống đế quốc thực dân và chính quyền tay sai. Trong gia tộc ngoài 2 bác Đào đã bị thực dân đế quốc cầm tù thì 6 người em tiếp sau cũng bị tù đầy tại các nhà tù đế quốc ở Huế, Hỏa Lò, Sơn La, Côn Đảo.

Trong công cuộc đấu tranh chống thực dân đế quốc giải phóng dân tộc trước 1945 hiếm gia đình nào ở Việt Nam có tất cả anh chị em đã cùng chí hướng hoạt động cách mạng cho đến ngày thắng lợi 1945 và thống nhất đất nước năm 1975 như gia đình của bác Đào Duy Anh. Chính tấm gương tự học và tình cảm như gia đình bác đã truyền lại cho lớp chúng tôi là con cháu ông tiếp tục vượt mọi khó khăn đời thường để học tập, làm việc có ích và tu dưỡng bản thân để trở thành người tử tế.

Giờ đây thế hệ chúng tôi là các cháu của ông phần lớn đã trưởng thành đều tự hào và noi theo tấm gương vượt khó tự học của ông, đặc biệt tấm gương sống và làm việc, sống có nghĩa có tình của ông đối với gia đình, gia tộc, bản hữu và đất nước.

Nói về sự nghiệp của học giả Đào Duy Anh cũng cần nói về tấm gương học tập, làm việc quên mình vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong cuộc đời để đóng góp việc làm tốt cho xã hội Việt Nam.

Xin kể lại câu chuyện mẹ tôi viết trong hồi ký về Bác Đào:

Sau năm 1975 đất nước thống nhất, bác Đào Duy Anh nhận được thư của một nhà xuất bản tư nhân ở Sài Gòn gửi ra. Nội dung thư viết đại ý: “Thưa bác, do điều kiện đất nước chia cắt nên chúng tôi đã mượn phép tái bản vài lần hai cuốn từ điển Pháp – Việt và Hán – Việt của bác mà không xin phép tác giả. Mong bác thứ lỗi. Hiện tại số tiền nhuận bút tái bản sách của bác chúng tôi đã mua một biệt thự tại Sài Gòn để giữ giá, nay rất mong bác tiếp nhận để gia đình sử dụng. Còn nếu cần chúng tôi sẽ quy thành vàng để xin gửi bác. Rất mong bác vui lòng chấp nhận nguyện vọng của Nhà sách chúng tôi...”

Bác Đào Duy Anh viết thư trả lời cảm ơn Nhà sách Sài Gòn và hứa sẽ nhận biết thư, nhưng để trao lại cho chính quyền mới làm nhà nuôi các trẻ mồ côi sau chiến tranh. Đồng thời bác viết thư cho ông Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Việt Nam dân chủ cộng hòa và ông Huỳnh Tấn Phát là Thủ tướng Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam để thông báo nguyện vọng nêu trên của mình. Vợ chồng tôi đã được xem thư cảm ơn bác Đào Duy Anh viết bằng mực đỏ của ông Thủ tướng Phạm Văn Đồng và thư cảm ơn của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Khi đó chúng tôi mới biết việc làm của hai bác. Thật đáng quý ở đời!

Hiện trong phòng ở của hai bác Đào Duy Anh và Trần Thị Như Mân ở B6 Kim Liên, Hà Nội, con cháu đang giữ một bức chân dung sơn dầu vẽ bác Đào Duy Anh do họa sỹ thân tình với bác cũng đã bị quy “Nhân văn giai phẩm” là ông Sỹ Ngọc vẽ tặng chính trong thời điểm hai người gặp sóng gió và câu thơ chính bác Đào Duy Anh làm sau khi nhà nước cho ấn hành cuốn Từ điển Truyện Kiều để tưởng nhớ Thi hào Nguyễn Du:

“Ông hỏi đời sau ai khóc mình,
Mà nay bốn bể lại lừng danh.
Cho hay hết thấy đều mây nổi,
Còn lại nghìn thu một chữ Tình”
Xin trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, ngày 28/4/2024

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TS. Đỗ Thị Thùy Lan - GS.TS Nguyễn Quang Ngọc
(Trường Đại học KHXHNV, Hà Nội)

Nếu *Lịch sử* là môn khoa học về thời gian, thì *Địa lý* là về không gian. Nếu các sử gia khẳng khái rằng không thể hiểu được lịch sử nếu không có địa lý, các nhà địa lý học cũng lịch thiệp nhận định: “Địa lý cũng chẳng thể hiểu được nếu không có lịch sử”²⁵; thì *Địa lý Lịch sử* là bộ môn khoa học về cả không và thời gian, khớp nối giữa cả hai chiều cạnh đó. “*Địa lý học Lịch sử* là một phân ngành của *Địa lý Nhân văn* quan tâm đến các khu vực địa lý trong quá khứ và ảnh hưởng của quá khứ trong việc hình thành các khu vực địa lý của hiện tại và tương lai”²⁶. Tuy cùng với *Địa lý học Kinh tế*, *Địa lý học Xã hội*, *Địa lý học Văn hóa*, *Địa lý học Chính trị* (Địa chính trị), *Địa lý học Khu vực*, *Địa lý học Tôn giáo*, *Địa lý học Ngôn ngữ* và *Địa lý học Dân số*, *Địa lý học Lịch sử* là một phân ngành của *Địa lý Nhân văn*, nhưng có thể coi chúng là một cặp “anh em song sinh”: *Địa lý học Lịch sử* chính là *Địa lý học Nhân văn* được “chia ở thời quá khứ”; còn *Địa lý học Nhân văn* lại là *Địa lý học Lịch sử* được “chia ở thời hiện tại hoàn thành tiếp diễn”²⁷. Mặc dù thế, càng ngược về quá khứ, để nghiên cứu *Lịch sử* và *Địa lý học Lịch sử*, nhà khoa học còn phải nắm được cả các vấn đề tư tưởng triết học, đặc biệt là triết lý tôn giáo quan niệm về địa lý, hay chính “thế giới quan” hoặc “vũ trụ quan”, những cấu trúc tư tưởng mà mỗi một tôn giáo đều xây dựng cho mình để hình dung về thế giới. Chính vì vậy, một nhà *Địa lý học Lịch sử* phải vừa quảng bác vừa uyên thâm, nhất là đối với truyền thống sử địa Nho gia thời đại quân chủ Việt Nam và Đông Á, đề cao vương quyền, sở hữu tối thượng của hoàng đế (vương thổ), gắn với thiên mệnh, và sự “bảo hộ truyền thống” của các bậc thánh hiền đời Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, do đó những điển cố, điển tích cũng như thiên văn học cổ đại Trung Hoa cũng phải tường tận. Trong lịch sử hơn một thế kỷ *Địa lý học Lịch sử Việt Nam*, Đào Duy

²⁵ Alan R. H. Baker (2003), *Geography and History: Bridging the Divide* (Cambridge Studies in Historical Geography 36), Cambridge University Press, Cambridge, p.XI.

²⁶ Michael Heffernan (2009), “Historical geography”, in Derek Gregory et al. (Eds.), *The Dictionary of Human Geography*, Fifth edition, Wiley-Blackwell, Oxford, p.332; Mona Domosh, Michael Heffernan & Charles W. J. Withers et al. (Eds.) (2021), *The SAGE Handbook of Historical Geography*, 1st edition, SAGE, Los Angeles, p.XVII.

²⁷ Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (144), tr.5.

Anh là một tên tuổi như vậy. Ở bài viết này, chúng tôi tiếp tục nhấn mạnh những thành tựu và cống hiến của học giả Đào Duy Anh đối với chuyên ngành *Địa lý học Lịch sử Việt Nam*, ở cả hai khía cạnh: tinh thông quá khứ và gây dựng tương lai. Chúng tôi sẽ trình bày hai nội dung: Tổng quan về *Địa lý học Lịch sử* trong lịch sử của Việt Nam; và những cống hiến của Đào Duy Anh với chuyên ngành này ở thời kỳ đương đại, thông qua công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời* và những khảo cứu khác. Một lần nữa, chúng tôi khẳng định rằng *Đào Duy Anh là người đặt nền móng cho Địa lý học Lịch sử Việt Nam hiện đại*.

1. *Địa lý học Lịch sử* trong lịch sử Việt Nam

Môn *Địa lý học Lịch sử* của Việt Nam chắc chắn đã xuất hiện sớm hơn thế kỷ XV, tồn tại với tư cách là những ghi chép về địa dư cũng như những khắc họa (địa đồ) của các triều đại quân chủ Đại Việt về “vương thổ”, vì vậy nó nghiêng nhiều về *Địa - Chính trị*. Theo sử chép, năm 1075 là niên điểm đầu tiên được ghi nhận về hoạt động vẽ bản đồ của nhà nước quân chủ Đại Việt, dưới thời Lý (1009-1226): “Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm Thành, không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh là châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đây ở”²⁸. Cũng ở triều đại Lý, đầu thập kỷ 1170, vua Lý Anh Tông nhiều lần “đi tuần các hải đảo, xem khắp hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào”, năm 1172, vua lại đi tuần các hải đảo “ở địa giới các phiên bang Nam Bắc” và cho “vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về”²⁹.

Sang thời Trần, sách *An Nam chí lược* của Lê Trắc (Lê Tắc), gồm 19 quyển, cũng có những nội dung về địa lý lịch sử, tập trung ở Quyển thứ nhất, bao gồm các mục: Quận - Ấp, Châu, Huyện, Núi, Sông, Cổ tích, Các châu, quận nguyên thuộc An Nam đô hộ đời Đường, Phong tục, Biên cảnh phục dịch, Trắc ảnh (đo bóng)...

Tuy nhiên, thư tịch cổ nhất, chính thức về địa lý lịch sử và còn lại đến ngày nay là *Dư địa chí (An Nam vũ cống)* của Nguyễn Trãi (1380-1442), là Quyển thứ sáu trong *Ức Trai di tập*, niên đại Thiệu Bình thứ hai (1435). Tác phẩm được viết theo thể văn của thiên “Vũ cống” trong *Kinh Thư* của Trung

²⁸ *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), bản dịch, tập I, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.278. Ba châu này là không gian lãnh thổ từ nam Đèo Ngang đến sông Thạch Hãn, tương đương tỉnh Quảng Bình và một phần tỉnh Quảng Trị ngày nay.

²⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), bản dịch, tập I, Sdd, tr.324-325.

Quốc; văn bản còn để lại đến nay bao gồm cả những lời tập chú của Nguyễn Thiên Túng, lời cần án của Nguyễn Thiên Tích và lời thông luận của Lý Tử Tấn. Cả ba tác gia và Nguyễn Trãi đều sống cùng thời đại với nhau. Công trình được Đào Duy Anh nhận xét: “là tác phẩm địa lý học chuyên môn xưa nhất của chúng ta, tác phẩm ấy là một nguồn tài liệu chủ yếu cho sự nghiên cứu địa lý học lịch sử”³⁰.

Sau *Dư địa chí*, cũng từ sớm, cuối thế kỷ XV, là *Thiên Nam dư hạ tập*, gồm 100 quyển, nhưng còn lại đến ngày nay chỉ còn 08 quyển, trong đó có 01 quyển về địa lý hành chính dưới thời Lê Thánh Tông (cai trị: 1460-1497). Cũng chính triều đại Lê Thánh Tông đã có một bước ngoặt lớn trong hoạt động dựng vẽ bản đồ dưới sự chỉ đạo của nhà nước quân chủ, lần lượt vào các năm 1467³¹, 1469 và 1490³². Lần đầu tiên, và còn lưu giữ các phiên bản đến ngày nay, là cả bộ bản đồ toàn quốc, kinh đô, cũng như của từng đơn vị hành chính vùng (“thừa tuyên”) được dựng vẽ³³.

Cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, sách *Lê triều hội điển* cũng có một quyển “*Hộ thuộc*” ghi chép về địa lý hành chính Đại Việt thời Hậu Lê (1428-1789) trong các thập niên 1730-1770. Về không gian cụ thể Xứ Nghệ, *Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh cuối thế kỷ XVII và *Nghệ An ký* do Bùi Dương Lịch (1757-1828) biên soạn vào đầu thế kỷ XIX là những công trình tiêu biểu.

Về không gian địa lý Phương Nam, các sách *Ô châu cận lục* của Dương Văn An (1514-1591) thời Mạc (thế kỷ XVI) có chép về hình thể núi sông, tên gọi, sản vật, lễ thói, phong tục, vốn quý của đất và người xứ Thuận Hóa. Cuối thế kỷ XVIII, khi nhậm chức ở Đàng Trong, Lê Quý Đôn (1726-1784) đã ghi chép tổng hợp về vương quốc cũ của Chúa Nguyễn, đặc biệt là hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam trong thập kỷ 1770 để thành sách *Phủ biên tạp lục* gồm 08 quyển. Cũng của Lê Quý Đôn, công trình *Kiến văn tiểu lục* cung cấp nhiều thông tin về các trấn Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, nhất là hệ thống sông ngòi và đường giao thông đương thời. Những tác phẩm này tuy chỉ khảo cứu về

³⁰ Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời Nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, tr.6.

³¹ Sử chép về sự kiện “Làm bản đồ địa dư” vào ngày tháng 6 âm lịch: “Ra lệnh cho 12 thừa tuyên điều tra hình thể sông, núi, sự tích xưa nay của các nơi trong hạt mình, vẽ thành bản đồ ghi chú rõ ràng rồi gửi về Hộ Bộ để làm bản đồ địa lý”. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), bản dịch, tập I, Sđd, tr.422.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.1007, 1035-53, 1135-37. Trong đó, lần điều chỉnh các đơn vị hành chính “13 xứ” năm 1490 dưới niên hiệu Hồng Đức có “định thể lệ chia xã” để “cho bản đồ được rộng thêm”.

³³ Xem Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúy, Tạ Quang Phát và Trương Bửu Lâm (1962), *Hồng Đức bản đồ*, Tủ sách Viện Khảo cổ, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 276 trang.

những vùng cụ thể, nhưng cũng đều là các sách địa lý học lịch sử tiêu biểu của Đại Việt - Việt Nam giai đoạn Sơ kỳ Cận đại (thế kỷ XVI-XVIII).

Triều Nguyễn (thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX) là thời kỳ nở rộ của các công trình văn-sử-địa của Việt Nam, ở cấp độ nhà nước quân chủ, cũng như các trước tác của cá nhân. Đây có thể coi là giai đoạn phát triển trội vượt của Địa lý học Lịch sử Việt Nam đến trước thời kỳ hiện đại. Hàng loạt các tác phẩm nổi tiếng xuất hiện như: *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định, *Hoàng Việt dư địa chí* (hay “*Dư địa chí*” trong *Lịch triều hiến chương loại chí*) của Phan Huy Chú, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Việt địa dư toàn biên* của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, *Việt sử cương giám khảo lược* của Nguyễn Thông, *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng, *Hưng Hóa phong thổ chí* của Hoàng Bình Chính, *Hưng Hóa kỷ lược* của Phạm Thiện Duật, *Cao Bằng kỷ lược* của Phạm An Phủ, *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* của Hoàng Hữu Xứng, *Việt sử địa dư* của Phan Đình Phùng, *Bắc Thành địa dư chí* của Lê Chất, *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* của Hoàng Hữu Xứng, các công trình địa chí về Thăng Long - Hà Nội³⁴, và nhất là các tập đại thành do triều đình tổ chức biên soạn: *Đại Nam nhất thống chí*, *Đông Khánh địa dư chí*. Trong đó, tác phẩm *Đại Nam nhất thống chí* thời Tự Đức là bộ sách tiêu biểu nhất cho lối viết địa chí truyền thống, đúng như Đào Duy Anh đã nhận xét: “là bộ địa chí đầy đủ nhất về tất cả các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam”³⁵.

Ngoài ra, còn phải kể đến các sử ký của tăng đạo Phật giáo, các ghi chép địa lý thuộc phạm vi thực hành tôn giáo của các thầy phù thủy Đạo giáo³⁶, các ghi chép, nghiên cứu, bản đồ, du ký của các giáo sĩ, nhà thám hiểm, sĩ quan và thương nhân Phương Tây trong giai đoạn sau thế kỷ XVI³⁷.

Thời kỳ Pháp thuộc chính là lúc ngành Địa lý học Lịch sử Việt Nam hiện đại manh nha hình thành. Đầu tiên phải kể đến Pétrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898) với các tác phẩm “*Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*” (Tiểu giáo trình Địa lý Nam Kỳ, 1875), *Dur đồ thuyết lược* (Précis de géographie,

³⁴ Được tập hợp trong công trình: Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên (Đồng chủ biên) (2007), *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1169 trang.

³⁵ Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.10.

³⁶ Những tư liệu văn bản về phong thủy trước thế kỷ XX được Momoki Shiro tập hợp, nghiên cứu và công bố trong: Momoki Shiro (2010), “Nation and Geo-Body in Early Modern Vietnam: A Preliminary Study through Sources of Geomancy”, in Geoff Wade & Sun Laichen (Eds.) (2010), *Southeast Asia in the Fifteenth Century: The China Factor*, National University of Singapore Press, Singapore, pp.126-153. Xem bài đánh giá của Liam Christopher Kelley (2012), “The Geo-body of Vietnam”, trên <https://leminhkhai.blog/the-geo-body-of-vietnam/>, đăng tải ngày 13/3/2012, truy cập ngày 11/4/2024.

³⁷ Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bđd, tr.9.

1887), và các địa đồ 31 tỉnh thành của Đại Nam thời Nguyễn (1888, 1889) và nhất là “*Cours de géographie générale de l’Indochine*” (Bài giảng Địa lý tổng quát Đông Dương, 1894) cùng. Trong đó *Dur đồ thuyết lược* gồm 05 phần: “Phần thứ nhất” về các khái niệm “Phép Địa dư”, “Trái đất”, “Chon trời và 4 Phương Trời”, “Trái cầu và Bản đồ”, “Những đường gạch bày ra phân Trái đất”, “Tên kêu các phần Đất”, “Tên kêu các phần Nước Biên”, “Đất chia ra thế nào” và “Về Nước Sông Biển”; Phần thứ hai là “Nói lược qua về 5 Phương Thiên hạ”; Phần thứ ba “Nói lược qua về nước An Nam”; Phần thứ bốn về Nam Kỳ; và Phần thứ năm là “Nước An Nam”. Tập *Bài giảng Địa lý tổng quát Đông Dương* gồm 06 chương về địa lý Đông Dương: 1. La Cochinchine - Française, 2. L’Annam central, 3. Le Tonkin, 4. Le Cambodge, 5. Le Siam, 6. La Birmanie. Đây là những kiến thức giáo khoa, bài giảng mà Trương Vĩnh Ký soạn dạy ở Nam Kỳ vào nửa cuối thế kỷ XIX. Cũng là sách giáo khoa trong thời đại mới, có thể kể đến các phiên bản của *Nam quốc địa dư* như *Tân đính Nam quốc địa dư giáo khoa thư* (của Lương Trúc Đàm, 1875-1908), *Nam quốc địa dư chí* (1908).

Tác phẩm *Việt sử kính* (1909)³⁸ của Hoàng Cao Khải (1850-1933), được dịch ra quốc ngữ là *Gương sử Nam* (1910) tuy “bàn việc nước ta giao thiệp với nước Lang Sa [tức nước Pháp]” (Thiên thứ nhất), “với nước Tàu” (Thiên thứ hai), với “nước Siêm Thành cùng nước Chân Lạp” (Thiên thứ ba, tức không hẳn là một nghiên cứu về Địa lý học Lịch sử, nhưng đây là một cuốn sách quan trọng cho phép tìm hiểu về tư tưởng chính trị và nhận thức Địa Chính trị của một chính trị gia đương thời³⁹).

Đặc biệt, trong học giới Tây Phương xuất hiện nhiều tác giả như Gustave Dumoutier (1850-1904), Yamamoto Tatsuro (Sơn Bản Đạt Lang, 1856-1947), Léopold Michel Cadière (1869-1955), Henri Paul Gaston Maspéro (1883-1945), Léonard Arousseau (1888-1929), Claudius Madrolle (1870-1949), Pierre Gourou (1900-1999) và những tác giả khác. Trong đó, đáng lưu ý là “*Le protectorat général d’Annam sous les Tang: Essai de Géographie Historique*” (An Nam đô hộ phủ thời Đường: Tiểu luận về Lịch sử Địa lý, 1910) và “*Etudes d’histoire d’Annam*” (1916) của Henri Maspéro đăng trên Tập san Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp. Trong đó tiểu luận thứ ba tuy tên là “*Nghiên cứu Lịch sử An Nam*”, nhưng thực chất là một khảo cứu về địa chính trị Việt Nam thế kỷ VI-XV

³⁸ Số hóa trên Website Quỹ Bảo tồn Nôm Việt, đường dẫn: <https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/130/>, truy cập ngày 16/4/2024.

³⁹ Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bdd, tr.10.

với hai nhà nước Đại Việt và Cambodge, gồm 03 phần: “*La Dynastie des Lí Antérieurs (543-601)*” (Triều Tiên Lý), “*La Géographie politique de L’Annam sous les Lí, les Trần et les Hồ (X^e-XV^e siècles)*” (Địa lý Chính trị An Nam thời Lý, Trần và Hồ) và “*La commanderie de Siang*” (Quận Tượng)⁴⁰. Léonard Arousseau thì có bài “*La première conquête Chinoise des pays Annamites (III^e siècle avant notre ère)*” [Cuộc chinh phục đầu tiên của Trung Quốc vào nước An Nam (thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên)] năm 1923⁴¹. Đây là những nghiên cứu quan trọng, làm tiền đề cho các nghiên cứu Địa lý học Chính trị Việt Nam trong suốt thế kỷ XX⁴². Trong giới khoa học Pháp cuối thập niên 1980, cuốn sách về Địa Chính trị Việt Nam trên đất liền *Les frontières du Vietnam: Histoire des frontières de la Péninsule Indochinoise* do Pierre-Bernard Lafont (Paris, 1989) chủ biên cũng là một thành tựu đáng lưu tâm.

Vào nửa sau thế kỷ XX, khi Sử học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam hiện đại hình thành dưới chế độ mới (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), tuy có nhiều thành tựu có tính nền tảng và ảnh hưởng lớn của Sử học Việt Nam đương đại, cũng có các công trình lớn quan tâm đến *Địa lý học Lịch sử Việt Nam* và các vấn đề *Địa - Hành chính, Địa - Văn hóa, Địa - Quân sự, Địa - Kinh tế...* nhưng hầu như chưa có mấy tác giả coi *Địa lý Lịch sử* là đối tượng nghiên cứu trực tiếp. Có học giả từ sớm (thời điểm 1959) đã luôn đề cao và đã thành danh bởi cách tiếp cận địa lý đối với các vấn đề của lịch sử và văn hóa Việt Nam là Trần Quốc Vượng, Người vốn luôn tự hào tốt nghiệp Cử nhân *Sử - Địa*, và các bài viết của Ông được tập hợp thành cuốn sách *Việt Nam cái nhìn Địa - Văn hóa* (1998). Trần Quốc Vượng cũng đã định nghĩa: “*Địa lý học Lịch sử* là một môn học xuyên ngành (*cross/trans-disciplinaire* [hay *cross/trans-disciplinary*]), phối cả đối tượng Không - Thời gian, phối cả cách nhìn đồng lịch đại với cả hai phương pháp tiếp cận bản đồ học và điền dã”; tuy nhiên, Ông cũng khẳng định: “Đứng đầu về *Địa lý học Lịch sử* (*Géographie - Historique* [hoặc *Historical Geography*]) vẫn là Thầy tôi, Giáo sư Đào Duy Anh, với tác phẩm bất hủ để đời *Đất nước Việt Nam qua các đời*”⁴³.

⁴⁰ Henri Maspéro (1910, 1916), “Le protectorat général d’Annam sous les Tang (I) & (II): Essai de Géographie Historique”, “Etudes d’histoire d’Annam”, *Bulletin de l’École française d’Extrême-Orient*, tome 10, 16, pp.539-584 & 665-682, pp.1-55.

⁴¹ Léonard Arousseau (1923), “La première conquête Chinoise des pays Annamites (III^e siècle avant notre ère)”, *Bulletin de l’École française d’Extrême-Orient*, tome 23, pp.136-264.

⁴² Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bdd, tr.10.

⁴³ Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam cái nhìn Địa - Văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc & Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội,

Ở cấp độ địa phương, ngay từ đầu thế kỷ XX, nhất là những năm 1980 đến nay, đặc biệt là với các Đề tài cấp Nhà nước, thuộc Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ Đặc biệt cấp Quốc gia “*Nghiên cứu và xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam*” (gọi tắt là Nhiệm vụ Quốc chí) của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay, trong đó có tập “*Địa phương chí*”, đã, đang và sẽ có rất nhiều các công trình tỉnh chí, huyện chí, xã chí⁴⁴ và chắc chắn không ít trong số đó là những tác phẩm *Địa lý học Lịch sử* có giá trị. Hơn thế nữa, sự kiện Hoàng Sa năm 1974 và Hải dương 981 năm 2014 đã thúc đẩy vấn đề *Địa Chính trị Biển Đông* và nhu cầu nghiên cứu lịch sử chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa - Trường Sa trở nên bức thiết. Từ *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa* trên *Tạp san Sử Địa* (1975) đến nay có rất nhiều các học giả trong và ngoài nước, với rất nhiều các công trình thuộc lĩnh vực này. Tuy nhiên, những công trình này mới chỉ đề cập đến những khu vực cụ thể và những thành tựu của các công trình đóng góp thêm vào môn *Địa lý học Lịch sử Việt Nam* đang trên đà phát triển.

Nhìn lại toàn bộ một thế kỷ nghiên cứu *Địa lý học Lịch sử Việt Nam*, chúng tôi cho rằng chỉ có Đào Duy Anh là người không chỉ lấy *Địa lý học Lịch sử Việt Nam* làm đối tượng nghiên cứu trực tiếp, mà Ông chính là người khéo kết hợp hài hòa giữa tri thức uyên bác của một học giả lỗi lạc với truyền thống và kinh nghiệm khảo cứu *Địa lý học Lịch sử* của Việt Nam và Phương Đông, cùng phương pháp tiếp cận mới, chính xác và hiệu quả của học giới Phương Tây. Chính sự kết hợp này đã nâng tầm các công trình của Đào Duy Anh trở nên nổi bật, trội vượt so với các công trình của các tác giả đi trước, cũng như bảo lưu được các giá trị tham khảo đối với các thế hệ độc giả từ thập kỷ 1960 đến nay, cả giới hàn lâm, cũng như đại chúng.

2. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời* và *Địa lý học Lịch sử hiện đại*

Đào Duy Anh trước sau chỉ coi mình là một nhà sử học, lấy “nghiên cứu sử học là lẽ sống”⁴⁵ của cả cuộc đời mình. Để phục vụ cho nghiên cứu lịch sử, Ông không thể không đi sâu vào nghiên cứu *Địa lý học Lịch sử*, vì “*Địa lý học lịch sử* là một địa hạt chưa mấy ai đụng đến mà đối với *Sử học* của ta nó lại rất

⁴⁴ Xem thông kê về Địa lý học Khu vực (*Regional Geography*) của Việt Nam những thập kỷ qua trong Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bđd, tr.22-23. Về tổng kết tình hình ở Nam Bộ hơn 100 năm trước, xem Nguyễn Thanh Lợi (2017), “Sách Địa chí ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (138), tr.87-95

⁴⁵ Đào Duy Anh (2000), *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, tr.147.

cần thiết”⁴⁶. Trong tổng thể di sản đồ sộ của Đào Duy Anh, Ông không phải là người chuyên viết hoặc hay viết về *Địa lý học Lịch sử*. Các công trình *Địa lý học Lịch sử* của Đào Duy Anh với số lượng không nhiều, có thể kể ra một số bài khảo cứu như *Cổ sử Việt Nam* (1956) với những chương về Việt tộc, Bách Việt, Tượng Quận, Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam..., “*Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của Bạch Đằng*” (1969), “*Lai lịch thành Sài Gòn (Tư liệu địa lý lịch sử)*” (1971), Hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm* (1972-1974) trong đó có phần “*Nghiên cứu Địa lý học Lịch sử và tiếp tục làm Từ điển*”...⁴⁷ Tuy nhiên, các công trình của Đào Duy Anh vừa có tính tổng hợp, tổng kết cao, vừa đi sâu vào các lĩnh vực cụ thể với những phát hiện và đóng góp mới, mà cho đến hiện nay, nhiều quan điểm của Ông vẫn còn nguyên giá trị và chưa thể bị vượt qua.

Đối với *Địa lý học Lịch sử Việt Nam*, Ông cho rằng phải “xác định cương vực của nước ta và vị trí của các khu vực hành chính trải qua các đời”⁴⁸. Vì thế, Đào Duy Anh đã dành nhiều thời gian và công sức tập trung khảo cứu, từ cương vực của nước Văn Lang đời Hùng Vương, nước Âu Lạc đời An Dương Vương, trải qua các thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ Đại Việt đến quá trình mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam của các vương triều về sau. Trong số những công trình chuyên khảo về *Địa lý học Lịch sử* của Đào Duy Anh thì cuốn sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* phải được coi là tiêu biểu nhất.

Có thể nói, năm 1964 với *Đất nước Việt Nam qua các đời* đánh một dấu mốc quan trọng cho nghiên cứu *Địa lý học Chính trị, Địa lý học Lịch sử* ở Việt Nam đương đại. Chuyên luận được chia thành 16 chương với những nội dung cụ thể như sau:

Chương 1. Nước Văn Lang;

Chương 2. Nước Âu Lạc;

Chương 3. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ của nhà Hán;

Chương 4. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ ngoại tộc trong thời Tam Quốc và thời Lương Tấn;

Chương 5. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ ngoại tộc trong thời Nam Bắc triều;

Chương 6. Nước ta dưới ách đô hộ của nhà Tùy và nhà Đường;

⁴⁶ Đào Duy Anh (2000), *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Sđd, tr.147.

⁴⁷ Đào Duy Anh (1956), *Cổ sử Việt Nam*, Tập san Đại học Sư phạm, Chuyên san, Hà Nội, 192 trang; Đào Duy Anh (1969), “*Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của Bạch Đằng*”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 129, tr.10-18;

⁴⁸ Đào Duy Anh (2000), *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Sđd, tr.147.

Chương 7. Cương vực nước ta ở bước đầu sau thời khôi phục tự chủ (họ Khúc, nhà Ngô và Thập nhị Sứ quân);

Chương 8. Cương vực nước ta thời Đinh Lê;

Chương 9. Cương vực nước ta thời Lý - nước Đại Việt;

Chương 10. Nước Đại Việt ở đời Trần và đời Hồ;

Chương 11. Những thay đổi về địa lý hành chính qua các đời Lê Nguyễn;

Chương 13. Các tỉnh nước Việt Nam ở đời Nguyễn'

Chương 14. Sự mở mang lãnh thổ vào Nam qua các đời Lý Trần Hồ Lê;

Chương 15. Biên giới nước ta qua các đời;

Chương 16. Nhìn chung về lãnh thổ nước ta.

Các chương trên đã đề cập đến hầu hết các lĩnh vực như cương vực của quốc gia, vị trí các khu vực hành chính qua các thời kỳ, triều đại, quá trình mở rộng lãnh thổ và ổn định biên giới, các cuộc chiến chống ngoại xâm để bảo toàn lãnh thổ như chiến tranh chống Tống thời Lê Hoàn, chiến thắng trước quân Thanh của Quang Trung, hoặc một số địa danh, địa lý quan trọng cần thảo luận như Sông Bạch Đằng, thành Thăng Long, quần đảo Hoàng Sa, đảo Côn Lôn, và lịch sử đường thủy bộ Việt Nam qua các đời... Đặc biệt, dựa vào kết quả nghiên cứu tổng thể, ở phần cuối của cuốn sách, Đào Duy Anh đã phác dựng 08 tấm bản đồ để người đọc có thể hình dung toàn bộ quá trình phát triển và biến đổi của lãnh thổ Việt Nam trong khoảng thời gian kéo dài gần 2 thiên niên kỷ, tính từ đầu Công nguyên trong thời kỳ Thuộc Hán cho đến đầu triều Nguyễn. Cho dù khó có thể tránh khỏi những vấn đề do hạn chế của thành tựu khoa học vào đầu những năm 1960, khi tác giả viết sách, hoặc vì những lý do phức tạp và tế nhị khác mà trong Lời dẫn của cuốn sách, Đào Duy Anh đã đề cập đến, chúng ta vẫn không thể không khẳng định *Đất nước Việt Nam qua các đời* là công trình nghiên cứu đầy đủ và hệ thống hơn cả về không gian lãnh thổ, diễn biến của hệ thống các đơn vị địa phương, các trung tâm hành chính Việt Nam trong dọc dài lịch sử của giới nghiên cứu *Địa lý Lịch sử Việt Nam* thế kỷ XX. *Đất nước Việt Nam qua các đời* không chỉ là công trình vừa có tính tổng hợp, tổng kết, vừa chuẩn bị và vạch hướng cho tương lai phát triển của *Địa lý học Lịch sử Việt Nam*. Đào Duy Anh, vì thế, phải được coi là nhà *Địa lý học Lịch sử* tiêu biểu nhất và nổi bật nhất ở thế kỷ XX. Ông cũng chính là người đắp móng xây nền cho môn học *Địa lý học Lịch sử Việt Nam* hiện đại.

Bên cạnh *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Đào Duy Anh còn có các nghiên cứu, bản thảo, tư liệu chưa xuất bản. Đó là *Địa lý học lịch sử về những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm*, là tổng hợp những phát hiện mới về địa lý học lịch sử phục vụ yêu cầu phát huy truyền thống quân sự của công cuộc kháng chiến chống Mỹ; *Những đường giao thông lớn của nước ta trong thời cổ* nhằm chứng minh tính kết nối lãnh thổ “miền rừng miền biển, miền Bắc miền Nam”, “miền xuôi miền ngược” phục vụ sự nghiệp thống nhất đất nước của Việt Nam thế kỷ XX; và các bài viết về *Địa lý học Lịch sử* khu vực Thăng Long - Hà Nội, Huế, Sài Gòn, cảng Hải Phòng và *Địa chí Thanh Hóa*. Các công trình quan trọng này không xuất bản thành sách, và học giả cũng tự an ủi rằng “tôi đã đem dùng vào phần chú giải của sách *Đại Việt sử ký toàn thư* do tôi hiệu đính và khảo chứng nên bản thảo ấy mà không được in ra thì cũng không thiệt thòi gì lắm”⁴⁹. Đối với địa chí Thanh Hóa, khoảng cuối những năm 1940 - đầu đầu 1950, Đào Duy Anh đã từng đi điền dã ở Thanh Hóa và triển khai nghiên cứu biên soạn cuốn địa chí tỉnh, tuy nhiên Ông được điều động ra công tác ở Việt Bắc vào mùa hè năm 1950, khi công việc này chưa hoàn thành. Đào Duy Anh chỉ kịp in “thạch bản (li tô)” một tập tài liệu, và tất cả các tài liệu thu thập được Ông bàn giao lại cho thường trực Chi hội Văn hóa Thanh Hóa⁵⁰.

Có thể nói, công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời* và các khảo cứu *Địa lý học Lịch sử* của Đào Duy Anh kết hợp được “ba trong một”⁵¹, vừa tiếp nối truyền thống sử học - địa lý học bản địa, vừa áp dụng và kế thừa phương pháp luận của giới nghiên cứu thời Viễn Đông Bác cổ Pháp, lại vừa thống thuộc lý thuyết của giới khoa học Xô Viết đang thịnh hành đương thời. Ông đã trích dẫn quan niệm của các học giả Liên Xô trong *Đại bách khoa thư Xô Viết* một cách tinh tế. Những ảnh hưởng trực tiếp từ giới nghiên cứu Trung Quốc cũng hiện diện dù không hiển hiện trong *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh (1938). Cũng với công trình về văn hóa và cuốn *Đất nước Việt Nam qua các đời*, về lý thuyết và thao tác luận, tác giả đã sử dụng và kế thừa các thành tựu của Địa lý học Nhân văn của Pháp, trong đó, nổi bật là Paul Vidal de La Blache (1845-1918)⁵². Ngày nay, chúng ta đang sống trong Kỷ nguyên Số, với

⁴⁹ Đào Duy Anh (2000), *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Sđd, tr.153.

⁵⁰ Đào Duy Anh (2000), *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Sđd, tr.114-123.

⁵¹ Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bđd, tr.11.

⁵² Trần Trọng Dương (2018), “Tổng thuật 100 năm nghiên cứu Địa lý học Lịch sử Việt Nam”, Bđd, tr.11; Liam Kelley (2016), “Đào Duy Anh and Vidalian Geography”, đăng tải trên <https://leminhkhai.wordpress.com/2016/12/04/dao-duy-anh-and-vidalian-geography/>, ngày 04/12/2016, truy cập ngày 23/4/2024; Liam Kelley (2016), “Dancing With Đào Duy Anh: Vidalian Geography”, đăng tải trên

công nghệ thông tin và Internet phủ sóng toàn cầu, công việc khai thác tư liệu thông tin càng ngày càng đơn giản, tiện lợi. Nhưng ở các thập niên 1930-1960 của thế kỷ trước, Đào Duy Anh, bằng những nỗ lực phi thường, tinh thần tự học không biết mệt mỏi, bằng sự đam mê cho bản thân, những cống hiến cho xã hội, đã bất chấp mọi nghịch cảnh của chiến tranh, bệnh tật và những khó khăn vật chất (và cả tinh thần), đề hội nhập, kết nối, kế thừa, cập nhật và sáng tạo đến bất ngờ.

Các học giả Âu Mỹ Úc đương đại, như Liam C. Kelley, Haydon L. Cherry, đã luôn ngỡ ngàng với sự bất kịp cũng như đi trước thời đại của Đào Duy Anh. Trong Sử học, không giống như Trần Trọng Kim và Hoàng Xuân Hãn trước đó, vẫn duy trì cách viết sử theo triều đại như cũ, Đào Duy Anh là người mở đầu phương pháp viết sử mới với phân kỳ kiểu mới (mà trước đó, có chăng là chỉ thấy manh nha trong *Việt sử yếu* (1914) của Hoàng Cao Khải), và nhất là đã quan tâm đến lịch sử xã hội. Trong vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam, Đào Duy Anh (1946, 1950, 1956-57, 1957) cũng đóng vai trò tiên phong và sự nghiệp khoa học của Ông nói chung phản ánh sức ảnh hưởng của hai nền học thuật lớn trên thế giới là: dấu ấn học thuật Pháp (1930-1940), và sức ảnh hưởng của nền hàn lâm khoa học Liên Xô (từ 1950-1960 trở đi). Đào Duy Anh cho rằng không nên hiểu lý luận của Marx, Engels và Lenin một cách khuôn sáo, cứng nhắc, mà “phải hiểu một cách minh xác, sáng tạo và luôn luôn đối chiếu nó với điều kiện lịch sử cụ thể”⁵³. Đào Duy Anh là học giả hiện đại đầu tiên bắt đầu kiến giải về lịch sử nguồn gốc dân tộc Việt Nam thoát khỏi những kịch bản huyền sử có từ trong suốt nền sử học quân chủ. Học giả họ Đào luôn giữ thái độ khách quan trước sự thực lịch sử. Tác gia đã phân biệt được rạch ròi tinh thần ái quốc với quan điểm khoa học, và trân trọng những thực tiễn của quá khứ.

Đối với *Địa lý học Lịch sử*, công trình *Đất nước Việt Nam qua các đời* là đầu tiên cũng như cho đến nay vẫn gần như là duy nhất và đứng vị trí số một của chuyên ngành. Sách được tái bản nhiều lần, và vẫn luôn là tài liệu tham khảo chuyên sâu của giới nghiên cứu hàn lâm, cũng như đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của độc giả đại chúng:

<https://leminhkhai.wordpress.com/2016/12/04/dancing-with-dao-duy-anh-vidalian-geography/>, ngày 04/12/2016, truy cập ngày 23/4/2024.

⁵³ Đào Duy Anh (1957), *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam*, Xây dựng Xuất bản, Hà Nội, tr. 30.

Thống kê những lần tái bản của *Đất nước Việt Nam qua các đời*:

STT	Năm tái bản	Nhà xuất bản	Ghi chú
1.	1994	Thuận Hóa	268 trang
2.	1996	Thuận Hóa	270 trang
3.	2005	Văn hóa - Thông tin	275 trang
4.	2006	Thuận Hóa	412 trang
5.	2015	Hồng Đức và Công ty Alpha	
6.	2016	Hồng Đức và Công ty Nhã Nam	
7.	2017	Khoa học Xã hội và Công ty Omega Plus	Bản đầy đủ nhất, tương tự bản 1964
8.	2021	Hồng Đức và Công ty Nhã Nam	380 trang

Thế kỷ XXI đã bước sang thập niên thứ ba, trong xu thế phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, các khoa học chuyên ngành vừa có nhu cầu đi vào lĩnh vực chuyên sâu nhưng cũng có nhu cầu mở rộng liên kết, liên ngành và nghiên cứu khu vực học cũng như toàn cầu ngày càng trở nên bức thiết. Nghiên cứu liên ngành và khu vực học, cũng như tiếp cận toàn cầu, không chỉ nâng tầm các thành tựu nghiên cứu chuyên sâu, chuyên ngành, mà chính nó lại đồ chắc chân đế, tạo thêm nền tảng cho nghiên cứu chuyên sâu, chuyên ngành tiếp tục phát triển. Trong công cuộc xây dựng đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, và nhất là trong một thế giới đang biến động, vấn đề đấu tranh bảo vệ, giữ vững chủ quyền quốc gia về lãnh thổ, lãnh hải luôn thường trực, cơ sở khoa học về *Địa - Chính trị, Địa - Quân sự, Địa - Kinh tế, Địa - Văn hóa...* luôn tối cần thiết. Tại Đại học Quốc gia Hà Nội, môn học *Địa lý học Lịch sử* (03 tín chỉ) đã được đưa vào *Khung Chương trình Đào tạo Đại học ngành Lịch sử* từ năm 2020, do Bộ môn Lịch sử Việt Nam Cổ trung đại (Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), Bộ môn do Giáo sư Đào Duy Anh sáng lập và điều hành trong những năm 1956-1958, đảm nhiệm. Tuy thiết lập và đứng đầu Bộ môn trong hai năm, nhưng đó là hai năm nở rộ sau thời gian dài tích lũy và áp ủ của Giáo sư về lịch sử sớm của Việt Nam, thể hiện bằng cụm công trình *Lịch sử Việt Nam* (1956), *Cổ sử Việt Nam* (1956), *Lịch sử Cổ đại Việt Nam* (1957), *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam* (1957) và *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX* (02 tập, 1958). Phần lớn trong số đó, cùng với *Đất nước Việt Nam qua các đời* ở đầu thập kỷ 1960, một vấn đề “hiền lành” bên cạnh công việc biên dịch, khảo đính các bộ thư tịch cổ của Giáo

sur ở những năm về sau, hợp thành *Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ năm 2000*, nhưng cũng đủ để tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong, người xây nền đắp móng cho *Địa lý học Lịch sử Việt Nam* đến hiện nay. Các thế hệ học trò con-cháu-chất được thừa hưởng di sản vô giá của Giáo sư, cả thành tựu khoa học và tinh thần say mê, sức sáng tạo, noi gương Ông, tiếp bước Ông, học theo Ông, để đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng, mở mang chuyên ngành *Địa lý học Lịch sử*, không chỉ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, mà nhiều Trường đại học, Viện nghiên cứu khác trên cả nước.

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH VÀ CHIẾN LƯỢC HÒA GIẢI XUNG ĐỘT VĂN HÓA

TS. Phạm Việt Long
Chủ tịch Viện Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển

Giáo sư Đào Duy Anh là một nhà sử học và từ điển học nổi tiếng của Việt Nam, người đã có những đóng góp quan trọng vào nền sử học và văn hóa học của đất nước. Ông được biết đến với tác phẩm “Việt Nam văn hóa sử cương”, một công trình nghiên cứu sâu rộng về văn hóa Việt Nam từ thời cổ đại đến hiện đại.

Cuốn sách “Việt Nam văn hóa sử cương” của Đào Duy Anh, xuất bản lần đầu vào năm 1938, không chỉ là một tác phẩm sử học quan trọng mà còn là một nỗ lực hòa giải xung đột văn hóa. Trong cuốn sách này, Giáo sư Đào Duy Anh sử dụng thuật ngữ “bi kịch hiện thời” để mô tả tình trạng xung đột giữa hai hệ thống giá trị: văn hóa truyền thống Việt Nam và văn hóa phương Tây. “Bi kịch hiện thời” được ông hiểu là sự đối đầu giữa những giá trị cổ truyền, đã ăn sâu vào bản sắc dân tộc, với những ảnh hưởng mới mẻ từ văn hóa phương Tây, mà trong đó có những điều không phù hợp hoặc khó hòa nhập với xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Thông qua việc phản ánh sự giao lưu và xung đột văn hóa, cuốn sách đã giúp người đọc hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa Việt Nam và những thách thức mà nó phải đối mặt trong quá trình hội nhập và phát triển.

Trong quan điểm của Giáo sư Đào Duy Anh, “chân giá trị” của văn hóa truyền thống Việt Nam và văn hóa phương Tây được nhìn nhận qua lăng kính của sự giao lưu và xung đột giữa hai hệ thống giá trị này. Ông nhấn mạnh, mỗi hệ thống văn hóa đều có những giá trị cốt lõi riêng biệt và quan trọng, cần được hiểu và đánh giá một cách toàn diện.

Với văn hóa truyền thống Việt Nam, “chân giá trị” được thể hiện qua sự gắn kết mạnh mẽ với lịch sử, truyền thống, và bản sắc dân tộc. GS. Đào Duy Anh coi trọng việc bảo tồn và phát huy những giá trị này trong quá trình hội nhập và phát triển.

Đối với văn hóa phương Tây, “chân giá trị” được ông xem xét dưới góc độ của sự tiến bộ, khoa học, và đổi mới. Ông khẳng định, việc tiếp thu những giá trị này cần phải dựa trên một quá trình lựa chọn kỹ lưỡng, sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, không phải là sự tiếp nhận một cách mù quáng.

Về “sự xung đột giữa hai giá trị”, Giáo sư Đào Duy Anh đã phân tích cuộc xung đột này không chỉ là một thách thức mà còn là một cơ hội để đánh giá lại và tái định hình văn hóa dân tộc. Hai giá trị xung đột được thể hiện qua sự khác biệt trong quan niệm, phong tục, và cách thức tổ chức xã hội. Sự xung đột này có biểu hiện qua sự kháng cự hoặc chấp nhận không đồng đều các yếu tố văn hóa mới, dẫn đến một quá trình đấu tranh văn hóa và tư tưởng trong xã hội.

Giáo sư Đào Duy Anh cho rằng sự xung đột văn hóa xảy ra do sự va chạm giữa một nền văn hóa đã có từ lâu đời, gắn liền với lịch sử và truyền thống của dân tộc, với những giá trị mới được du nhập từ phương Tây, mang lại những thay đổi về kỹ thuật, kinh tế, tư tưởng, và nghệ thuật. Ông nhấn mạnh, để Hòa giải sự xung đột này, cần phải hiểu rõ và đánh giá chính xác nội dung của văn hóa truyền thống và chân giá trị của văn hóa mới.

Trong các tác phẩm của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã phân tích và chỉ ra những mặt trái của cả hai nền văn hóa - Việt Nam và phương Tây - thông qua việc đánh giá sự xung đột và giao lưu giữa chúng. Ông không chỉ nhìn nhận những giá trị tích cực mà còn nhận thức được những hạn chế và vấn đề phát sinh từ mỗi nền văn hóa khi chúng va chạm và tương tác với nhau.

Theo Giáo sư Đào Duy Anh, “chân giá trị” của văn hóa truyền thống Việt Nam không phải là những biểu hiện hình thức như kiến trúc, nghệ thuật, hay phong tục tập quán mà là những giá trị tinh thần bền vững, sâu sắc mà những hình thức đó mang lại. Ông cho rằng, để hiểu và bảo tồn văn hóa, chúng ta cần phải nhìn nhận và đánh giá cao những giá trị này.

Trong văn hóa Việt Nam, giá trị đạo đức chiếm một vị trí trung tâm. Đạo đức không chỉ được thể hiện qua lời nói mà còn qua việc làm, qua cách mà mỗi người dân sống và tương tác với nhau trong cộng đồng. Đây là nền tảng của mọi mối quan hệ xã hội và được thể hiện rõ nét qua các tác phẩm văn học, qua các câu chuyện dân gian, và qua cách giáo dục thế hệ trẻ.

Tình cảm gia đình là một trong những giá trị cốt lõi của văn hóa Việt. Sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ, và sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau là những biểu hiện của giá trị này. Nó được coi là nguồn sức mạnh tinh thần quan trọng giúp mỗi cá nhân vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Lòng yêu nước là một giá trị được thể hiện mạnh mẽ trong văn hóa Việt Nam. Nó không chỉ thể hiện qua những hành động chống ngoại xâm mà còn qua

tình yêu với lịch sử, với truyền thống, và với những giá trị văn hóa dân tộc. Lòng yêu nước gắn liền với ý thức bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa, coi đó là cách thể hiện lòng tự hào dân tộc.

Sự tôn trọng truyền thống không chỉ là việc giữ gìn những phong tục, lễ nghi mà còn là việc hiểu và trân trọng những giá trị tinh thần mà những truyền thống đó mang lại. Đây là cách để mỗi thế hệ có thể học hỏi và kế thừa những bài học, những kinh nghiệm quý báu từ quá khứ.

Với văn hóa truyền thống Việt Nam, ông nhận thấy rằng mặc dù có những giá trị cốt lõi sâu sắc, nhưng cũng tồn tại những quan niệm lạc hậu và hệ thống giá trị không còn phù hợp với thời đại mới, cản trở sự tiến bộ và đổi mới.

Với văn hóa phương Tây, Giáo sư Đào Duy Anh có những quan điểm sâu sắc. Ông đã nghiên cứu và đánh giá cao nền dân chủ tư sản phương Tây qua các tác giả như Rousseau, Diderot. Trong quan điểm của Giáo sư Đào Duy Anh, "chân giá trị" của văn hóa phương Tây không chỉ dựa trên những thành tựu vật chất mà còn ở những đóng góp tinh thần và triết lý. Ông đánh giá cao những giá trị như tự do cá nhân, quyền lực phân quyền, và tôn trọng quyền lợi của công dân - những nguyên tắc cơ bản mà nền dân chủ tư sản phương Tây đề cao.

Giáo sư Đào Duy Anh nhận thấy tự do cá nhân là một trong những giá trị cốt lõi ở văn hóa phương Tây. Ông coi trọng quyền tự do cá nhân, sự tự do biểu đạt và sự tôn trọng đối với quyền lợi cá nhân, điều mà ông cho rằng là nền tảng cho sự phát triển toàn diện của con người.

Quyền lực phân quyền, một nguyên tắc quan trọng trong chính trị phương Tây, cũng được Giáo sư Đào Duy Anh đánh giá cao. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân chia quyền lực để tránh sự tập trung quá mức, từ đó bảo vệ quyền lợi và tự do của cá nhân.

Sự tôn trọng quyền lợi của công dân là một giá trị khác mà Giáo sư Đào Duy Anh thấy được phản ánh trong văn hóa phương Tây. Ông coi trọng việc các chính phủ phải đảm bảo quyền lợi cơ bản của công dân, như quyền được giáo dục, quyền được bảo vệ pháp lý, và quyền được tham gia quá trình chính trị.

Nhìn chung, Giáo sư Đào Duy Anh đánh giá cao "chân giá trị" của văn hóa phương Tây, đặc biệt là những giá trị liên quan đến tự do cá nhân, quyền lực phân quyền, và sự tôn trọng quyền lợi của công dân. Ông coi những giá trị này không chỉ là nền tảng cho sự phát triển của các xã hội phương Tây mà còn là điểm mấu chốt cho sự tiến bộ của nhân loại.

Phân tích xung đột văn hóa giữa Việt Nam và Phương Tây, Giáo sư Đào Duy Anh có một hành trình khám phá sâu sắc về cuộc gặp gỡ và đối thoại giữa hai nền văn hóa đặc trưng. Trên bề mặt, xung đột này có thể thể hiện qua sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục và lối sống, nhưng ở tầm cao hơn, nó là một cuộc đối đầu giữa hai hệ giá trị, quan niệm về đạo đức và cách thức tổ chức xã hội.

Trong các tác phẩm của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã chỉ ra rằng cuộc xung đột văn hóa giữa Việt Nam và phương Tây không chỉ đến từ sự khác biệt về giá trị mà còn từ cách thức tiếp nhận và áp dụng các giá trị đó trong xã hội Việt Nam. Một số biểu hiện của văn hóa phương Tây không phù hợp hoặc gây ra xung đột có thể bao gồm: giá trị gia đình và cộng đồng, quan niệm về thời gian và hiệu quả, phong cách lãnh đạo và quản lý, cùng với giáo dục và học thuật.

Một trong những điểm đầu tiên mà Giáo sư Đào Duy Anh nêu ra là sự khác biệt trong quan niệm về đạo đức và xã hội. Trong khi văn hóa Việt Nam coi trọng sự hài hòa cộng đồng và lòng hiếu thảo, văn hóa phương Tây lại nhấn mạnh đến quyền tự do cá nhân và bình đẳng.

Tiếp theo, cách thức tổ chức xã hội cũng là một điểm xung đột. Văn hóa Việt Nam có xu hướng tập trung vào mối quan hệ gia đình và cộng đồng, trong khi đó, văn hóa phương Tây lại chú trọng đến hệ thống pháp luật và quyền lực phân quyền.

Văn hóa phương Tây thường nhấn mạnh vào cá nhân chủ nghĩa, trong khi văn hóa Việt Nam truyền thống coi trọng tập thể và gia đình. Sự khác biệt này có thể dẫn đến xung đột trong quan niệm về vai trò và trách nhiệm cá nhân so với cộng đồng. Hơn nữa, văn hóa phương Tây thường coi trọng sự chính xác và hiệu quả về thời gian, trong khi đó, văn hóa Việt Nam có thể có cách tiếp cận linh hoạt hơn về thời gian, điều này có thể tạo ra sự không hiểu và mâu thuẫn trong các tương tác xã hội và kinh doanh.

Phong cách lãnh đạo phương Tây thường là dân chủ và tham khảo ý kiến, trong khi văn hóa Việt Nam có thể ưa chuộng sự tôn trọng và tuân thủ theo cấp bậc, điều này có thể gây ra xung đột trong môi trường làm việc và quản lý. Văn hóa phương Tây thường khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo, trong khi văn hóa Việt Nam truyền thống có thể nhấn mạnh vào việc học thuộc lòng và tôn trọng thầy cô. Sự khác biệt này có thể tạo ra xung đột trong cách tiếp cận giáo dục và học thuật.

Những biểu hiện trên đây chỉ là một phần của những xung đột văn hóa mà Giáo sư Đào Duy Anh đã nhận thức và phân tích. Ông nhấn mạnh rằng việc hiểu và giải quyết những xung đột này là quan trọng để hòa giải và phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh giao lưu và đối thoại văn hóa.

Ngoài ra, sự va chạm giữa truyền thống và hiện đại cũng là một biểu hiện của xung đột văn hóa. Việt Nam đang trong quá trình mở rộng tiếp xúc với bên ngoài, khiến cho những giá trị truyền thống bị thách thức bởi những giá trị mới từ phương Tây. Quan hệ gia đình cũng chịu ảnh hưởng từ xung đột văn hóa, khi sự tôn trọng và vị thế của người cao tuổi trong gia đình Việt Nam bị ảnh hưởng bởi quan niệm bình đẳng và tự do cá nhân từ văn hóa phương Tây.

Giáo sư Đào Duy Anh đã dành nhiều nỗ lực để phân tích và hòa giải xung đột văn hóa giữa Việt Nam và phương Tây. Ông nhìn nhận rằng để giải quyết vấn đề này, điều quan trọng là cần phải hiểu rõ bản chất của cả hai nền văn hóa, từ văn hóa truyền thống đến văn hóa mới.

Giáo sư Đào Duy Anh đã chỉ ra rằng nguyên nhân chính của xung đột văn hóa thường xuất phát từ sự khác biệt về giá trị và quan niệm. Việt Nam và phương Tây có các hệ thống giá trị và quan niệm văn hóa khác nhau, từ đạo đức, lối sống cho đến cách tổ chức xã hội như đã phân tích ở trên. Sự va chạm giữa truyền thống và hiện đại cũng đóng một vai trò quan trọng, khi sự tiếp xúc với văn hóa phương Tây đã đem lại những thách thức mới đối với các giá trị truyền thống của Việt Nam, đặc biệt là trong các mối quan hệ gia đình.

Để hòa giải xung đột văn hóa, Giáo sư Đào Duy Anh đề xuất một số giải pháp cụ thể. Đầu tiên là sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, điều này đòi hỏi cả hai bên phải có khả năng tìm ra điểm chung và hòa nhập một cách sáng tạo. Ông cũng nhấn mạnh về việc tiếp nhận có chọn lọc, không phải tất cả các yếu tố của văn hóa mới đều phù hợp với văn hóa truyền thống của Việt Nam. Cuối cùng, việc phát triển bản sắc dân tộc là một yếu tố quan trọng, Việt Nam cần cân nhắc để không mất đi những giá trị cốt lõi mà vẫn có thể tiếp nhận và học hỏi từ những giá trị toàn cầu.

Giáo sư Đào Duy Anh, qua quan điểm của mình, đã khẳng định tầm quan trọng của việc hiểu biết và tôn trọng văn hóa lẫn nhau. Ông cho rằng, sự tiếp nhận văn hóa một cách có chọn lọc và việc bảo tồn bản sắc dân tộc là chìa khóa để Việt Nam có thể hòa nhập quốc tế mà vẫn giữ gìn được nét đặc trưng riêng biệt. Tác phẩm “Việt Nam văn hóa sử cương” của ông không chỉ là một kho

tàng di sản văn hóa qua các thời kỳ mà còn là minh chứng cho sự sắc bén trong việc nhìn nhận và giải quyết những mâu thuẫn văn hóa giữa cái cũ và cái mới.

Tư duy tiên phong của Giáo sư Đào Duy Anh về văn hóa và giải pháp cho các xung đột văn hóa có tính chiến lược, vẫn còn nguyên giá trị, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Khi mà sự giao thoa giữa các nền văn hóa ngày càng trở nên phức tạp, việc tìm ra cách thức hòa giải những bất đồng văn hóa không chỉ là cấp thiết mà còn là nền tảng vững chắc cho sự hợp tác và hòa bình giữa các quốc gia trên toàn cầu.

Hà Nội, 18 tháng 4 năm 2024

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH
VỚI VIỆC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Minh Tường

Viện Sử học

Đào Duy Anh (1904-1988), biệt hiệu là *Vệ Thạch*ⁱ, nguyên quán ở làng Khúc Thủy, xã Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội. Từ đời ông nội, gia đình dời vào Thanh Hóa cư trú.

Năm 1910, bắt đầu học chữ Hán. Năm 1915, chuyển sang học tiểu học ở Thanh Hóa. Năm 1923, tốt nghiệp Thành chung tại trường Quốc học Huế, sau đó, đi dạy học ở Đồng Hới, Quảng Bình.

Năm 1926, sau khi gặp gỡ Phan Bội Châu – trên đường Cụ Phan từ Hà Nội về Huế, nghỉ trưa ở Đồng Hới – Đào Duy Anh xin từ chức giáo học, vào Đà Nẵng gặp Huỳnh Thúc Kháng. Sau đó, ra Huế, ở đây, ông tham gia sáng lập báo *Tiếng Dân* và giữ chức Thư ký tòa soạn. Năm 1927, tham gia sáng lập *Đảng Tân Việt*, rồi trở thành Tổng Bí thư.

Năm 1928, sáng lập *Quan Hải tùng thư*, cơ quan xuất bản của Đảng Tân Việt, nhằm xuất bản các sách yêu nước và tiến bộ để tuyên truyền trong trí thức và trong quần chúng.

Năm 1929, bị mật thám Pháp bắt cùng với bà Trần Thị Như Mân, nữ giáo học, phu nhân của ông, vì hoạt động của Đảng Tân Việt. Cuối năm 1930, được thả tự do. Từ đây, trong không khí khủng bố ráo riết của nhà đương cục Pháp, ông chuyển hẳn sang hoạt động văn hóa... Năm 1956, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập, Giáo sư Đào Duy Anh về giảng dạy tại Khoa Lịch sử, phụ trách bộ môn Lịch sử Việt Nam.

Năm 1960, Giáo sư Đào Duy Anh chuyển về công tác tại Viện Sử học, đến tháng 4-1967 thì nghỉ hưu. Từ khi về hưu, ông vẫn viết bài cho Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* của Viện Sử học.

Với gần 60 năm nghiên cứu học thuật, ông trước tác rất nhiều, trên nhiều lĩnh vực như: *Sử học, Văn học, Triết học, Ngôn ngữ học, Từ điển*, v.v... nhưng dường như lĩnh vực ông dồn nhiều tâm huyết, trí lực hơn cả là *Sử học*. Trong tập hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*, ông tâm sự: “... *Cái nghiệp của tôi là nghiên cứu lịch sử Việt Nam... người ta có biết tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc, mà có buộc tôi tôi cũng chỉ ở lịch sử dân tộc*”ⁱⁱ.

Trong bài luận văn này, chúng tôi xin trình bày một cách khái quát những thành tựu trong nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại Việt Nam của Giáo sư Đào Duy Anh.

I. Giáo sư Đào Duy Anh với việc nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại Việt Nam

Từ xưa đến nay, đề được gọi là “nhà sử học lớn”, hầu hết đều có tác phẩm “vạch thời đại”, tức tác phẩm khác biệt hoàn toàn về “chất” so với trước đó. *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, xuất bản lần đầu năm 1920 (*Lời Tựa* của tác giả đề tại Hà Nội, tháng 10-1919) là bộ thông sử đầu tiên của Việt Nam, biên soạn theo phương pháp mới và viết bằng chữ Quốc ngữ (tiếng Việt).

Lịch sử Việt Nam – Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX, xuất bản lần đầu vào năm 1955, là bộ lịch sử cổ - trung đại Việt Nam đầu tiên biên soạn trên quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Giáo sư Đào Duy Anh đã nghiên cứu toàn bộ lịch sử Việt Nam, nhưng dành sự quan tâm và công sức nhiều nhất cho lịch sử cổ - trung đại Việt Nam (tức lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIX).

Vì thế, theo chúng tôi, nếu để chọn ra 2 tác phẩm quan trọng nhất về lịch sử cổ - trung đại Việt Nam của Giáo sư Đào Duy Anh, thì đó là: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX* (1955) và *Lịch sử cổ đại Việt Nam* (1957).

Trong tác phẩm *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Giáo sư đã dựa vào thành tựu của Khảo cổ học, của Dân tộc học, của Ngôn ngữ học... để nghiên cứu thời tiền sử và sơ sử, như: *Văn hóa đồ đồng Việt Nam*, *Văn hóa Đông Sơn*, *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, *Về mối quan hệ giữa Lạc Việt và Âu Việt*, *Về kháng chiến chống quân Tần và sự ra đời của nước Âu Lạc*, *Về thời Bắc thuộc và cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng*, *Về nguồn gốc nước Chiêm Thành*, *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam*, v.v...

Điều rất đáng trân trọng là trên mỗi vấn đề, Giáo sư Đào Duy Anh đều có những tìm tòi, khám phá và phát hiện mới so với trước đó. Nhưng trong số những vấn đề trên, thì theo chúng tôi có 4 vấn đề cơ bản được Giáo sư Đào Duy Anh đặc biệt nghiên cứu sâu sắc và tham gia cuộc tranh luận của giới sử học là:

- *Vấn đề chủ nhân của Trống đồng Đông Sơn.*
- *Vấn đề sự hình thành Nhà nước Văn Lang thời Hùng Vương.*
- *Vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam.*
- *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam.*

1. Vấn đề chủ nhân của Trống đồng Đông Sơn, được đặt ra xuất phát từ yêu cầu phân kỳ lịch sử trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam. Giáo sư Đào Duy Anh nhận định: “*Văn hóa đồ đồng là một vấn đề mấu chốt của lịch sử cổ đại nước ta. Nó không những trực tiếp cho chúng ta biết được tình hình sinh hoạt vật chất – công cụ sản xuất, lực lượng sản xuất, nói chung là tình hình sản xuất – mà còn có thể gián tiếp soi sáng cho chúng ta về mặt tổ chức xã hội và chính trị và về mặt sinh hoạt tinh thần của tổ tiên chúng ta. Đối với vấn đề phân định thời kỳ lịch sử, nó cũng có ý nghĩa rất trọng đại...* Trong vấn đề văn hóa đồ đồng Việt Nam, thì vấn đề trống đồng là quan trọng nhất...”ⁱⁱⁱ.

Phần lớn những đồ thuộc thời đại đồ đồng ở nước ta đã được phát hiện ở Đông Sơn, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1924 đến năm 1928, Viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội (EFEO) đã tiến hành một số cuộc khai quật khảo cổ học ở làng Đông Sơn, trên sông Mã, gần cầu Hàm Rồng (nay thuộc Thành phố Thanh Hóa). Người phụ trách khai quật là Pajot, đã thu lượm được nhiều đồ đồng – số lượng là 489 vật – một ít đồ đá và đồ gốm. Nhà khảo cổ học của Viện Viễn Đông Bác Cổ là V. Goloubev, đã khảo tả những đồ đào được đó, trong một báo khảo cứu quan trọng, nhan đề: *L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord – Annam – BEFEO – XXIX (Thời đại đồ đồng ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ)*^{iv}.

Loại di vật đặc biệt nhất đào được ở Đông Sơn là những trống đồng.

Sau đó, vào các năm 1928, 1930, 1937, Pajot lại tiếp tục tiến hành những cuộc khai quật lẻ tẻ ở Đông Sơn và các vùng khác ở Thanh Hóa, và thu lượm được một số hiện vật bằng đồng như: mũi mác, lưỡi búa, dao găm, chuông, trống đồng minh khí...

Năm 1935, O. Janse, một nhà khảo cổ học, người Thụy Điển, đã đến Đông Sơn và các miền phụ cận tiến hành một cuộc khai quật có hệ thống hơn những cuộc khai quật của Pajot và riêng ở Đông Sơn, O. Janse đã thu lượm được hơn 200 hiện vật đồ đồng. O. Janse đã trình bày kết quả khai quật trong một bài báo cáo sơ bộ đăng ở tờ *Revue des arts asiatiques (Tạp chí Nghệ thuật Á châu – t IX, t X)*^v.

Nhưng đáng tiếc là các học giả như: V. Goloubev, L. Finot, O. Janse, H.Geldern... đều đứng trên lập trường của kẻ xâm lược đã cố ý chứng minh xuyên tạc nguồn gốc đồ đồng và chủ nhân trống đồng Đông Sơn. V. Goloubev và L. Finot cho rằng: người Trung Quốc đã dạy cho những thị tộc Indonési thuật luyện kim và thuật đúc nhạc khí (Trống đồng). O. Janse thì cho rằng văn hóa

Đông Sơn chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, cụ thể là nghệ thuật thời Chu Mạt. H. Geldern lại còn đi xa hơn, cho rằng: Những trào lưu từ phương Tây đã sản sinh văn hóa Đông Sơn... sau khi đi qua miền Trung Á, rồi đi qua phía Tây Tứ Xuyên và Vân Nam...^{vi}.

Trước những luận điệu “*khoa học có tính chất thực dân*” ấy, Giáo sư Đào Duy Anh đã dựa trên những phát hiện mới của khảo cổ học và tài liệu văn tự cổ của Trung Hoa như: *Hậu Hán thư – Mã Viện truyện, Thủy kinh chú, Lĩnh Ngoại đại đáp*... để chứng minh một cách thuyết phục: “*Văn hóa đồ đồng Đông Sơn là văn hóa đồ đồng Lạc Việt*”^{vii}.

2. Vấn đề sự hình thành Nhà nước Văn Lang thời Hùng Vương

Đây là vấn đề rất quan trọng trong lịch sử Việt Nam, trước năm 1954 đã có nhiều nhà sử học, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Các sử gia thời quân chủ, đại biểu là Ngô Sĩ Liên, thế kỷ XV, trong *Đại Việt sử ký toàn thư* đã xác định được vị trí của thời kỳ dựng nước thời Hùng Vương, nhưng vẫn luôn luôn giữ thái độ nửa tin, nửa ngờ, vừa khẳng định vừa băn khoăn.

Trong cuốn *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim đã dành một chương cho “*Họ Hồng Bàng*”, nhưng rồi lại nhận xét: “*Chẳng qua nhà làm sử cũng nhặt nhạnh những chuyện hoang đường tục truyền lại, cho nên những chuyện ấy toàn là chuyện có thần tiên quỷ quái, trái với lẽ tự nhiên cả*”, và: “*Chuyện đời Hồng Bàng không chắc là chuyện xác thực*”^{viii}.

Một số học giả phương Tây, chủ yếu là người Pháp như: H. Maspéro, L.Aurousseau... đi sâu vào các nguồn tư liệu thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc, tuy thừa nhận có một vương quốc cổ đại ở miền Bắc Việt Nam, trước khi bị người Hán xâm lược, nhưng đều đi tới những nhận định sai lầm. H. Maspéro thì cho rằng vương quốc đó là nước Dạ Lang, chứ không phải là Văn Lang. L. Aurousseau thì chỉ nói đến nước Tây Âu mà không công nhận nước Văn Lang^{ix}.

Các nhà sử học nước ta gần đây đều khẳng định thời đại Hùng Vương giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là: 1. Thời kỳ hình thành nền Văn minh Sông Hồng; 2. Thời kỳ hình thành Nhà nước đầu tiên; 3. Thời kỳ hình thành truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc; 4. Thời kỳ xây dựng lối sống và truyền thống Việt Nam^x.

Trong sách *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Giáo sư Đào Duy Anh đã dành tới gần 100 trang (từ trang 353 đến trang 448) để luận bàn về vấn đề Thời đại Hùng

Vương và các vấn đề có liên quan đến sự hình thành Nhà nước đầu tiên, thiết tưởng cũng nhằm mục đích chứng minh những điều vừa nói ở trên.

3. Vấn đề chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam, được Giáo sư Đào Duy Anh trình bày trong 2 chuyên khảo: *Vấn đề An Dương Vương và nước Âu Lạc* và *Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến* (in trong *Lịch sử cổ đại Việt Nam*). Vấn đề *chế độ chiếm hữu nô lệ* được đặt ra xuất phát từ yêu cầu *phân kỳ lịch sử* để chuẩn bị cho việc biên soạn bộ thông sử *Lịch sử Việt Nam*, do Ban Văn Sử Địa nêu lên từ năm 1954, và trở thành đề tài tranh luận sôi nổi trong 2 năm 1959-1960. Vấn đề này, lúc bấy giờ có 2 khuynh hướng đối lập: 1. Chủ trương *có chế độ nô lệ*, đại biểu là Văn Tân, Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Lương Bích, Nguyễn Hồng Phong; 2. Chủ trương *không có chế độ nô lệ*, đại biểu là Đào Duy Anh và các học trò của giáo sư là: Phan Huy Lê, Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn... Như chúng ta đều biết: chủ trương *trong lịch sử Việt Nam không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ* đã được khẳng định. Bộ “*Quốc sử*” – *Lịch sử Việt Nam* (từ nguồn gốc đến năm 2015) được biên soạn xong (năm 2019), đã trình bày lịch sử cổ đại nước ta theo quan điểm trên, mà người khởi xướng là Giáo sư Đào Duy Anh.

4. Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam, cũng là một vấn đề rất cơ bản trong nhận thức về lịch sử Việt Nam mà Giáo sư Đào Duy Anh là một trong những người đi đầu trong nghiên cứu và thảo luận. Cuộc tranh luận về chủ đề này bắt đầu từ năm 1955, với những bài viết đăng trên tạp chí: *Văn Sử Địa*, *Nghiên cứu Lịch sử* và *Đại học Sư phạm*^{xi}. Giáo sư Đào Duy Anh cũng là người chủ xướng quan niệm cho rằng dân tộc Việt Nam hình thành sớm. Vận dụng một cách linh hoạt định *nghĩa dân tộc* của J.V.Xtalin nêu lên trong *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Giáo sư Đào Duy Anh đã xem xét 4 đặc trưng (theo J.V. Xtalin) là: *Tiếng nói, Địa vực cư trú, Đời sống kinh tế, về Tâm lý biểu hiện trong cộng đồng văn hóa* để đi đến khẳng định: “*Dân tộc Việt Nam đã có thể thành hình từ đời Lê*”^{xii} (tức thế kỷ XV – NMT). Điều đáng ghi nhận là quan điểm đó của Giáo sư Đào Duy Anh, càng ngày càng được giới khoa học nước ta ủng hộ, tuy rằng về mặt lý luận và cả về mặt thực tế lịch sử còn nhiều vấn đề cần đặt ra để tiếp tục nghiên cứu.

Có thể nói, qua nghiên cứu cả 4 vấn đề trên đây, điều mà chúng ta trân trọng, và ghi nhận ở Giáo sư Đào Duy Anh là luôn luôn xuất phát từ thực tế lịch sử, để đưa ra những tìm tòi, khám phá của mình. Điều đáng để cho chúng ta suy

ngẫm và học tập là việc Giáo sư Đào Duy Anh luôn luôn vận dụng lý luận trong tinh thần độc lập và sáng tạo.

II. Giáo sư Đào Duy Anh với việc coi trọng sử liệu, khảo chứng sử liệu trong nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại Việt Nam

Có thể nói sử liệu là vấn đề hàng đầu, quan trọng nhất trong công việc nghiên cứu sử học nói chung và nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại Việt Nam nói riêng. Không có sử liệu thì không có sử học. Một tác phẩm sử học nếu chỉ thuần túy tư biện thì là một mớ lý thuyết suông, vô giá trị.

Mọi người đều biết, Giáo sư Đào Duy Anh đã chuẩn bị hành trang rất công phu để đi vào sử học. Trong tác phẩm Hồi ký – *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Giáo sư Đào Duy Anh tự định hướng vận dụng Chủ nghĩa Mác, trước hết là chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa. Ông viết: “Về phần mình, tôi nghĩ rằng có thể chọn con đường hoạt động văn hóa mà góp phần phục hồi cái sinh khí của dân tộc đang bị lu mờ dưới chế độ thống trị thực dân. Trong những năm làm báo và xuất bản trước đây, tôi được tiếp xúc với Chủ nghĩa Mác mà tôi thấy vô cùng đẹp đẽ, có thể lấy đấy làm nền tảng tư tưởng cho dân tộc để mưu cầu công cuộc giải phóng. Tôi tự xác định cho mình là phải cố gắng làm sao đem cái ánh sáng của Chủ nghĩa Mác để khai thác văn hóa của dân tộc và chọn lấy những cái tốt mà góp phần vào cuộc cải tạo văn hóa nước nhà. Muốn như vậy phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử, vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc, thì mới chất lọc ra đâu là những yếu tố truyền thống, đâu là những yếu tố ngoại lai”^{xiii}.

Theo Giáo sư Phan Huy Lê, người học trò gần gũi, đã từng học và làm việc dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Đào Duy Anh thì Giáo sư Đào đọc khá nhiều sách về phương pháp luận sử học. Giáo sư Phan Huy Lê cho biết: “Ông tìm đọc cuốn *Introduction aux études historiques* (Sử học khái luận) của Charles Seignobos (1854-1942), một nhà sử học Pháp, thuộc trường phái sử học Đức, một giáo sư có tên tuổi của Đại học Sorbonne. Trường phái này theo *Chủ nghĩa thực chứng* (Positivism), rất coi trọng sử liệu và phương pháp khảo chứng trong sử liệu học. Giáo sư Đào Duy Anh nghiên cứu nhiều công trình khảo cứu của các nhà sử học Pháp, Trung Quốc, để tự xây dựng cho mình phương pháp luận sử học trên cơ sở Chủ nghĩa Mác và tiếp thu những thành tựu của sử học hiện đại thế giới. Ông đặc biệt coi trọng công tác sử liệu, ra sức sưu tầm và tích lũy tư liệu từ các thư tịch cổ của ta và Trung Quốc, đến các loại tài liệu Hán –

Nôm như: Gia phả, bi ký, hương ước, thơ văn, giấy tờ lưu giữ trong các gia đình. Giáo sư đạt đến một quan niệm rất hiện đại về sử liệu học, coi sử liệu là tất cả những gì có thể cung cấp những thông tin để tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Vì vậy, Giáo sư cũng mở rộng nguồn sử liệu sang các lĩnh vực: văn hóa dân gian, dân tộc học, ngôn ngữ học, địa danh học, địa lý học... một quan niệm mang tính đa ngành trong nghiên cứu sử học^{xiv}.

Để thấy được sự coi trọng sử liệu trong việc nghiên cứu sử học của Giáo sư Đào Duy Anh, chúng tôi xin lấy tác phẩm *Cổ sử Việt Nam* của ông để làm minh chứng.

Cổ sử Việt Nam là một tác phẩm khảo cứu với khoảng 117 trang, khổ 16x24cm, gồm có 8 chương:

- I. Nguồn gốc dân tộc Việt Nam – Vấn đề Giao Chi
- II. Việt tộc và Bách tộc
- III. Người Lạc Việt và cuộc kháng chiến với quân Tần. Sự thành lập nước Âu Lạc
- IV. Văn hóa Đông Sơn hay văn hóa Lạc Việt
- V. Trạng thái văn hóa của người Lạc Việt
- VI. Cuộc xâm lược của nhà Hán – Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam
- VIII. Những truyền thuyết về cổ sử của nước ta^{xv}.

Cần phải nói trước rằng, đây là vấn đề - đúng hơn là nhiều vấn đề thuộc các lĩnh vực khác nhau của *Cổ sử Việt Nam*, rất khó, vì sử liệu chữ Hán của nước ta rất hiếm và thiếu sót.

Để trình bày được hơn 100 trang về các vấn đề nói trên, Giáo sư Đào Duy Anh, ngoài tham khảo các thư tịch của Việt Nam và Pháp, ông đã tham khảo khoảng gần 100 thư tịch của Trung Quốc, thí dụ các bộ thư tịch cổ chủ yếu như: *Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Kinh Thư, Chu lễ, Mặc tử, Tuân tử, Trang tử, Hàn Phi tử, Thế bản, Hoài Nam tử, Hoa Dương quốc chí, Văn hiến thông khảo, Luận hành, Cổ kim thiện ngôn, Điền Nam tạp chí, Ngô Việt xuân thu, Thông điển, Nguyên Hòa quận huyện chí, Thái Bình hoàn vũ ký, Bách Việt tiên hiền chí, Sơn hải kinh, Thủy kinh chú, Giao Châu ngoại vực ký, Giao Châu ký, Quảng Châu ký, Phương ngôn, Lâm Ấp ký, Việt kiều thư, Tư trị thông giám, Tấn thư, Giao Quảng xuân thu, Tống thư, Châu quận chí, Lĩnh Ngoại đại đáp, Phương dư ký yếu, Cối Kê chí, Thái Bình ngự lãm, v.v...* Ngoài ra, còn nhiều tác phẩm của các nhà sử học Trung Quốc ở thế kỷ XX như: *Việt Nam cổ sử cập ký dân tộc*

văn hóa chi nghiên cứu của Trần Tu Hòa, *Trung Quốc cương vực diên cách sử* của Cố Hiệt Cương, *Lịch đại cương vực hình thế nhất lãm đồ* của Đồng Thế Hanh, *Trung Quốc dân tộc diển tiến sử* của Lã Tư Miễn, *Trung Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu* của Quách Mạt Nhược, *Đồ đẳng nghệ thuật sử* của Sâm Gia Ngô, *Cổ đại Việt tộc khảo* của La Hương Lâm, *Việt tỉnh dân tộc khảo nguyên* của Chu Độc Phật, v.v...

Có thể thấy, trên cơ sở các nguồn sử liệu phong phú, đa dạng trên đây, Giáo sư Đào Duy Anh đã tiến hành xác minh giám định công phu để rút ra những thông tin có giá trị khoa học. Về mặt này, ông vận dụng những thành tựu của phương pháp huấn hữ^{xvi} của các nhà sử học đời Minh, Thanh ở Trung Quốc, cho đến phương pháp Văn bản học của phương Tây hiện đại. Giáo sư Phan Huy Lê nhận xét: “Thái độ coi trọng tư liệu [của Giáo sư Đào Duy Anh] và từ tư liệu được giám định để phục dựng lại tiến trình lịch sử, để rút ra những phân tích và khái quát lịch sử, tất cả điều này đã tạo nên một “*Phong cách Đào Duy Anh*”, để lại dấu ấn đậm nét trong các trước tác của Giáo sư Đào Duy Anh và những thế hệ học trò do ông đào tạo”^{xvii}.

Ở trên chúng ta thấy việc thu thập sử liệu có tính chất quyết định thành công trong nghiên cứu lịch sử cổ - trung đại của Giáo sư Đào Duy Anh. Vì vậy, chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy Giáo sư Đào Duy Anh luôn chú ý đến việc sưu tầm và tích lũy tài liệu.

Để sưu tầm và tích lũy tài liệu với một số lượng nhiều nhất có thể, Giáo sư Đào Duy Anh đã tự đặt ra một “*kế hoạch*” cụ thể: đến tỉnh nào, nhất là các tỉnh miền Trung Việt Nam (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế), nơi có nhiều dòng họ khoa bảng, nhiều gia đình “*cừu gia tử đệ*”, việc đầu tiên là “thăm những tủ sách riêng của các nhà thế gia để mượn và thuê chép những tài liệu ghi chép tay có giá trị, hoặc mượn về để dùng trong thời gian lâu những bộ sách in lớn không tiện chép”^{xviii}.

Giáo sư Đào Duy Anh còn tự bỏ tiền đập lại các bản khắc gỗ quý của Quốc Sử quán triều Nguyễn mà sách hoặc đã mất, hoặc chưa kịp in, trong đó có bộ *Khâm định tiểu bình Lương kỳ nghịch phi chính biên* (còn được gọi là *Khâm định tiểu bình phi khẩu phương lược toàn thư*), gồm 153 quyển. Sách này thu thập các thơ văn, giấy tờ về việc đàn áp các cuộc bạo động và khởi nghĩa dưới triều Minh Mệnh (1820-1841), khoảng từ năm Minh Mệnh thứ 14 đến năm Minh Mệnh thứ 16 (tức năm 1833-1835). Sách ghi chép các giấy tờ về việc dẹp

yên các cuộc nổi dậy ở Bắc Kỳ (Lê Văn Lương, Nông Văn Vân, v.v...), ở Nam Kỳ (Lê Văn Khôi) và đánh đuổi quân xâm lược Xiêm La (Thái Lan)^{xix}. Về bộ sách này, Giáo sư Đào Duy Anh cho biết: "... do ngẫu nhiên, tôi còn giữ được bao năm kháng chiến chống Pháp, nó là bộ duy nhất còn ở miền Bắc – Thư viện Khoa học xã hội không có – cho nên, tôi đã nhường lại cho Thư viện Viện Sử học để dùng chung"^{xx}.

Giáo sư Đào Duy Anh cũng là người phát hiện ra bản thảo *Hoa tiên ký* của Nguyễn Huy Tự (1743-1790) và các *Tập điều trần của Nguyễn Trường Tộ* (1830-1871)^{xxi}.

III. Kết luận

1. Giáo sư Đào Duy Anh là một nhà sử học lớn, một nhà khoa học uyên bác, vị Học giả có vốn kiến thức sâu rộng và có tinh thần lao động học thuật say mê, miệt mài, bền bỉ. Trên phương diện nào kiến giải của ông cũng cụ thể, thấu đáo, đi đến tận ngọn ngành của sự kiện, và luôn luôn lấy thực chứng làm nền tảng, nhất là về ngữ âm học lịch sử và địa danh học lịch sử. Với một khối lượng tác phẩm nhiều mặt của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã đóng góp cho nền văn hóa dân tộc nói chung và ngành khoa học xã hội nhân văn nói riêng, nhưng thành tựu đáng kể, nhất là các bộ môn: *Sử học*, *Từ điển* và *Ngôn ngữ học*. Trong đó, thì các trước tác của ông về lịch sử cổ - trung đại Việt Nam được coi là nổi trội hơn cả.

2. Chính bởi những công lao to lớn đối với nền văn hóa nước nhà, Giáo sư Đào Duy Anh đã được Nhà nước Việt Nam truy tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh*, đợt II, năm 2000. Và tên ông cũng được Nhà nước đặt cho một đường phố giữa lòng Thủ đô Hà Nội – ngay bên cạnh khu tập thể Kim Liên, nơi Giáo sư Đào Duy Anh sống những năm cuối của cuộc đời.

3. Danh tiếng của Giáo sư Đào Duy Anh không chỉ nổi tiếng trong nước, mà còn vang xa, ra nước ngoài. Tên tuổi của Giáo sư Đào Duy Anh đã được ghi lại trang trọng trong bộ *Từ điển bách khoa Larousse* – 1968, coi là “*một tên tuổi lớn trong các nhà bách khoa thư hiện đại*”^{xxii}.

4. Sự nghiệp của Giáo sư Đào Duy Anh không phải chỉ ở lĩnh vực “*trước thư lập ngôn*”, mà còn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhân tài cho đất nước. Đúng ra 2 lĩnh vực này có mối liên hệ nhân quả, mật thiết với nhau: để có thể giảng dạy tốt, bắt buộc Giáo sư Đào Duy Anh phải viết sách, vừa sách giáo trình, vừa sách tham khảo cho các học trò.

Giáo sư Phan Ngọc – một người học trò gần gũi của Thầy Đào, nhận xét về ông như sau: “Ngoài các từ điển, Thầy chủ yếu viết về Sử học. Về phần công hiến của Thầy về mặt này, tôi thấy sẽ có người nói đầy đủ hơn. Phải nói, nhìn chung, nếu không kể phần đóng góp của các nhà văn hóa cách mạng, chỉ xét mặt liên quan tới: *Sử học, Văn học, Ngôn ngữ học*, thì Đào Duy Anh là một trong những nhà văn hóa lớn nhất, không những của Việt Nam, mà của cả Đông Nam Á trong thế kỷ XX”^{xxiii}.

Trong sự nghiệp đào tạo nhân tài, cụ thể là đào tạo các nhà sử học, Giáo sư Phan Ngọc nhận định: “Đặc biệt, Thầy có những người thừa kế xứng đáng không phụ công lao đào tạo của Thầy”^{xxiv}. Cho dù, Giáo sư Phan không nói cụ thể “những người thừa kế xứng đáng” ấy là ai? Nhưng độc giả đều biết, ông định ám chỉ: “*Tứ trụ: Lâm – Lê – Tấn – Vượng*” (tức các giáo sư: Đinh Xuân Lâm – Phan Huy Lê – Hà Văn Tấn – Trần Quốc Vượng).

Chú thích:

- i. *Vệ Thạch* 衛石 - nói tắt của thành ngữ *Tinh vệ hàm thạch* 精衛啣石: Chim Tinh Vệ ngâm đá. Theo *Thuật dị ký*: con gái Viêm Đế đi du ngoạn, vượt biển Đông bị chết đuối, hóa thành chim *Tinh Vệ*, ngày ngày bay đến núi Tây ngâm đá đem về thả xuống biển Đông, mong lấp đầy biển rộng, để hả mối căm giận.
Ở đây, Giáo sư Đào Duy Anh lại lấy ý rằng: Cái biển học mênh mông bát ngát mà nguyện làm con chim *Tinh Vệ* (nên lấy biệt hiệu là *Vệ Thạch*) suốt đời ngâm đá lấp biển Đông, sẽ cố gắng cấp từng hòn sỏi mà mong góp phần vào việc lấp bể học mênh mông ấy.
- ii. Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.5.
- iii. Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.271, 272.
- iv. Dẫn theo: Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.275.
- v. Dẫn theo: Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.280.
- vi. Dẫn theo: Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.287.
- vii. Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.282, 283.
- viii. Trần Trọng Kim (2017), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.36, 38.
- ix. Dẫn theo: Phan Huy Lê (2023), *Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang*, trong sách *Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.25.
- x. Nguyễn Minh Tường (2023), *Vị trí của thời đại Hùng Vương trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, trong sách *Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.191-195.
- xi. Xem: Phan Huy Lê (2011), *Cuộc thảo luận về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam*, trong sách *Tìm về cội nguồn*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.364-368.
- xii. Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.560-565.
- xiii. Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Sđd, tr.46, 47.

- xiv. Phan Huy Lê (2004), *Giáo sư Đào Duy Anh và một số vấn đề lịch sử cổ - trung đại Việt Nam*, Tạp chí *Xưa - Nay*, số 213, tháng 6-2004, tr.8.
- xv. Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Sđd, tr.7.
- xvi. *Huấn hồ 訓 誥*: Từ Nguyên “訓 誥 解 釋 古 書 字 義 – Huấn hồ: Giải thích Cổ thư tự nghĩa (Huấn hồ là chỉ việc giải thích nghĩa các chữ trong sách cổ xưa).
(Từ Nguyên (1999), Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh, tr.1564).
- xvii. Phan Huy Lê (2004), *Giáo sư Đào Duy Anh và một số vấn đề lịch sử cổ - trung đại Việt Nam*, Tạp chí *Xưa - Nay*, số 213, tháng 6-2004, tr.8.
- xviii. Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Sđd, tr.65.
- xix. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm – Nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tập 1, tr.133.
- xx. Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Sđd, tr.69. Bộ sách này đã được Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh – cán bộ Viện Sử học biên dịch và đã được Nxb Giáo dục Việt Nam, xuất bản chia làm 2 tập, vào năm 2009.
- xxi. Đào Duy Anh (2000), *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Sđd, tr.66.
- xxii. Dẫn theo: Nguyễn Huệ Chi (2004), mục từ *Đào Duy Anh*, trong *Từ điển Văn học – Bộ mới*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.378.
- xxiii. Phan Ngọc (2004), *Học giả Đào Duy Anh – vị ân nhân và thầy của tôi*, Tạp chí *Xưa Nay*, số 213, 6-2004.
- xxiv. Phan Ngọc (2004), *Học giả Đào Duy Anh – vị ân nhân và thầy của tôi*, Tạp chí *Xưa Nay*, số 213, 6-2004.

BÍ ẨN VỀ “DÃ LAN NỮ SĨ” TRÊN BÁO “TIẾNG DÂN” GẦN 100 NĂM TRƯỚC

Nhà văn Lại Nguyên Ân

Có thể nói, trong số những diễn ngôn về nữ quyền trên báo “Tiếng dân” những năm 1927 - 1929, tư tưởng nữ quyền mà tác giả Dã Lan Nữ Sĩ nêu lên là sâu sắc hơn cả, hoàn thiện hơn cả. Nhưng nhân vật Dã Lan Nữ Sĩ là ai?

1. Sự việc nảy ra khi tìm đọc các số báo “Tiếng dân” những năm báo này vừa ra mắt tại Huế. Thấy dấu hiệu từ một vài tờ báo khác đương thời, theo đó trên “Tiếng dân” từ 1927 đã có mục “Phụ nữ diễn đàn”, đăng những bàn cãi nhân một đề xuất giới phụ nữ Việt phải có tờ báo nữ và các chuyện liên quan, tôi vào Thư viện Quốc gia (31 Tràng Thi, Hà Nội) thì sưu tập “Tiếng dân” ở đây thiếu hẳn nhiều năm đầu. Để tìm tiếp, tôi viết email nhờ một bạn đang làm việc ở Pháp đến Thư viện Quốc gia Paris tìm đọc bản microfilm tờ này.

Quả thật, trên báo “Tiếng dân” hầu như ngay từ đầu đã có mục “Phụ nữ diễn đàn” với bài đầu tiên của Huỳnh Thị Bảo Hòa “Chị em ta nên có tờ phụ nữ tạp chí” (số 3, ngày 17.8.1927). Khoảng hai tuần sau trên mục này (số 9) xuất hiện ý kiến phản hồi đầu tiên, nữ tác giả Hường Anh từ Quảng Nam, phản đối đề xuất kể trên. Các số tiếp theo đều có mục “Phụ nữ diễn đàn” đăng bài của các nữ tác giả về các chuyện khác, hoặc dịch báo Tàu về việc cho phụ nữ cắt tóc.

Đến số 15 mục này đăng bài của bà Bảo Hòa “Mấy lời đáp lại cô Hường Tâm”. Đến số 17 (5.10.1927) trong mục này xuất hiện bài ký Dã Lan Nữ Sĩ “Vấn đề phụ nữ”: “[...] trong mấy kỳ báo *Tiếng dân* vừa rồi, nào bài của chị Bảo Hòa, nào bài của chị Hường Tâm, cùng các chị khác, kể bàn đi người bàn lại, tuy chưa thấy gì làm thấu triệt rõ ràng, nhưng cũng biểu thị được hai cái khuynh hướng lớn ở trong dư luận nữ giới ta”: một bên “bảo thủ”, muốn duy trì nền nếp gia trưởng chuyên chế, giữ phụ nữ yên phận trong phạm vi gia đình; một bên “duy tân”, cho rằng “trời sinh người là bình đẳng, dù trai dù gái cũng tai mắt ấy, tâm hồn ấy, tài năng cũng bằng nhau thì nghĩa vụ đối với xã hội cũng ngang nhau mà quyền lợi đối với xã hội cũng phải cho xứng đáng”.

Ý kiến Dã Lan Nữ Sĩ trong vấn đề ấy thế nào? Tác giả viết: “Dù các bà đạo đức có mắng em là “con nhà mất dạy” đi nữa, em cũng xin thưa thật cùng chị em ta rằng: “Đàn bà không phải là con vật hạ đẳng, lại không phải cái máy sinh con, so tri thức năng lực có thể cũng như đàn ông cả, thì đàn ông có lẽ nào mà coi đàn bà như một hạng “bất thành nhân” mãi. Cái trách nhiệm của chị em ta là phải yêu cầu cho xã hội công nhận cho ta một đôi chút quyền lợi, vì quyền lợi có sung mãn thì làm nghĩa vụ mới có thể trọn vẹn”. [...] “Chị em ta muốn

đạt mục đích tất nhiên phải biết, phải học, phải khổ tâm nghiên cứu lý tưởng thực sự cùng lịch sử cho tinh tường, trước là để nâng cao tư cách và tri thức của nữ lưu, sau là để bổ cứu một phần khuyết điểm trong xã hội: em ước ao rằng chị em ta sẽ nhiều người vui lòng mà làm đều ấy thì ngõ hầu mới mong được một ngày mà cùng đàn ông nhìn trời đất”.

Do “Tiếng dân” các số 18, 19 (trong tháng 10.1927) dành mục “Phụ nữ diễn đàn” đăng ý kiến của Tôn Nữ Hường Anh, phản đối ý kiến Huỳnh Thị Bảo Hòa, tác giả Dã Lan Nữ Sĩ có bài “Lại ý kiến đối với vấn đề phụ nữ, nhân đọc chị Hường Anh”, đăng “Tiếng dân” số 20 (15.10.1927) và số 21 (19.10.1927).

“Em lại xin hỏi các chị rằng, đàn bà ở nước ta có quyền gì hay không? Cứ xem như chữ tam cương, tam tòng, những câu cách ngôn như “Nam tôn nữ ty”, “Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô”, những câu tục ngữ như “Muốn nói ngoa làm cha mà nói, muốn nói không làm chồng mà nói”, thòi thấy ngay những lời ấy là hình dung minh bạch cái tình cảnh đàn bà của nước ta, mà đủ biết rằng đàn bà nước ta cũng không ra khỏi ngoài cái tình cảnh chung của đàn bà trong thế giới.”

Bước sang năm 1928, mục “Phụ nữ diễn đàn” vẫn được duy trì trên “Tiếng dân”, các ý kiến tham gia thảo luận đề tài về “nữ báo”, “nữ quyền” vẫn xuất hiện. Tác giả Dã Lan Nữ Sĩ vẫn góp phần chính cho mục “Phụ nữ diễn đàn”, nhưng ít thảo luận với các phản hồi của bạn đọc hơn là tập trung luận bàn về các khía cạnh của vấn đề. Đó là loạt bài “Vấn đề phụ nữ”, đã đăng tới 4 kỳ vẫn thông báo “còn nữa”. Hoặc các bài “Cái thảm họa của chị em ta” (số 87, 90), “Một cái mâu thuyết của hạng nam tử đối với phụ nữ” (T.D. số 141, 142), v.v.

Trong loạt bài “Vấn đề phụ nữ”, Dã Lan Nữ Sĩ giải thích cho bạn đọc thấy, nêu lên vấn đề phụ nữ ở xã hội ta là thiết thực chứ không phải viễn vông.

“Nhìn xem thế giới, từ hơn trăm năm nay bên Âu châu đã bắt đầu vận động cho phụ nữ được bình đẳng với đàn ông. [...] Trong các việc giáo dục, y tế, cùng là công thương giao thông, phụ nữ đã được dự vào chứ xưa kia thì chỉ lẩn khuất trong xó buồng góc bếp. Trên pháp luật phụ nữ cũng được đãi bằng đẳng với đàn ông. Nói về phương diện tham chính thì cái thành tích của sự vận động phụ nữ lại rõ ràng lắm. Kể về nước độc lập như Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nga, v.v. cùng các nước thuộc địa như thuộc địa tự trị của Anh, đến ngoài ba mươi nước đã nhận cho phụ nữ được quyền dự vào chính sự, chỉ khác là có nơi rộng nơi hẹp mà thôi. Nước Trung Hoa từ hồi Dân Quốc thành lập, những nữ ủy viên, nữ thẩm phán, nữ bộ trưởng cũng đã từng có, nước Nhật Bản cũng đã cho đàn bà được làm chức luật sư [...] Xem ở các nước trên thế giới đâu đâu phụ nữ cũng đã được quyền lợi khá nói rằng không thẹn với đàn ông, như thế thì ở nước ta, nay nói đến vấn đề phụ nữ thực cũng là phong trào gây dậy vậ”.

2. Dã Lan Nữ Sĩ vạch rõ ở xã hội Việt Nam lúc này, khi đã bước vào thế kỷ 20, các đòi hỏi đang đặt ra không chỉ là giải phóng phụ nữ mà còn là giải phóng nam giới, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Tác giả nêu ra 4 nội dung của giải phóng phụ nữ.

Một là giải phóng về đạo đức, “phải phá đổ cái thuyết nam tôn nữ ty mà cầu cho phụ nữ được đãi ngộ đồng đẳng với đàn ông, phải phá đổ cái thuyết tam tông mà cho phụ nữ được quyền tự lập. Đàn bà đã phải trinh thảo thì đàn ông cũng phải trinh thảo như đàn bà, đàn bà phải lấy một chồng thì đàn ông phải lấy một vợ”.

Hai là giải phóng về giáo dục. Nam nữ phải được học hành như nhau, “cách giáo dục không những chỉ chăm tạo thành những mẹ hiền vợ thảo, mà phải chú ý cả về việc tạo cho đàn bà thành một thứ người có nhân cách đối với xã hội, nhân quần vậy”.

Ba là giải phóng về kinh tế. Đó không những là đòi cho nam nữ phải ngang nhau về quyền thừa kế tài sản, phải công bằng trong phân xử ly hôn, nhưng điều hệ trọng hơn cả, theo Dã Lan Nữ Sĩ, là phải đề xướng quyền lao động, quyền có việc làm cho phụ nữ, để họ có thể độc lập về kinh tế.

Bốn là giải phóng về chính trị. Quốc gia, xã hội là của chung cả đàn ông đàn bà, quản lý công việc quốc gia, xã hội cũng phải là việc chung của cả nam lẫn nữ.

“Chị em ta đã quyết làm giải phóng về đạo đức, giáo dục, kinh tế thì lại phải làm giải phóng về chính trị nữa thì mới hoàn toàn. Ta lại phải hiểu rằng việc tham dự chính trị cũng là con đường để cầu giải phóng về xã hội vậy”. Liên hệ đến hiện trạng chính trị thực dân ở nước ta đương thời, tác giả biết rằng “nói giải phóng về chính trị lúc này còn hơi viễn vông, vì chính đàn ông cũng chưa có quyền tham dự chính trị hưởng chi đàn bà, nhưng đã không bàn đến vấn đề phụ nữ thì thôi, chứ đã bàn đến thì phải nói cho thấu triệt. Vậy nói về chính trị giải phóng, tuy có xa xôi, mà không phải là vô lý được”.

Có thể nói, trong số những diễn ngôn về nữ quyền thời gian này, tư tưởng nữ quyền mà tác giả Dã Lan Nữ Sĩ nêu lên là sâu sắc hơn cả, hoàn thiện hơn cả.

Trong số các bài của Dã Lan Nữ Sĩ còn phải kể thêm bài “Cái thảm họa của chị em ta” nêu những đau khổ vì dễ bị áp chế, bị lạm dụng, bị thương tổn của phụ nữ, và bài “Cái mâu thuẫn của một hạng nam tử đối với phụ nữ”, phân tích phê phán một bài trên tập san “Tiếng chuông nhà học” (tập san của giới nhà giáo), nhấn mạnh các quan niệm “nam cương nữ nhu”, “nam nội nữ ngoại” để lên tiếng khuyên phụ nữ không nên ra khỏi nhà đến làm việc ở các công sở.

Tác giả bài viết ấy, dù không bị Dã Lan nêu tên, đã lên tiếng đáp lại; báo “Tiếng dân” đã đăng bài của ông ta (Minh Đức: “Trả lời bài “Cái mậu thuyết của một hạng nam tử đối với phụ nữ” của cô Dã Lan”, T.D., số 145 ngày 9.1.1929, số 147 ngày 16.1.1929, số 148, ngày 19.1.1929) cho thấy những luận điểm của tư tưởng nam quyền vẫn đang thịnh hành.

3. Theo dõi nội dung các bài báo ký tên Dã Lan Nữ Sĩ kể trên, tôi và bạn tôi dự đoán rằng có lẽ đó không phải một cây bút phụ nữ mà là một cây bút nam tự xưng là thuộc giới nữ để bàn luận.

Cũng dịp tìm tài liệu ấy, bạn tôi tìm được cuốn “Phụ nữ vận động” do Quan Hải Tùng Thư xuất bản ở Huế năm 1928, cũng ghi tên dịch giả là Dã Lan Nữ Sĩ. Tôi tìm hiểu hồ sơ về Quan Hải Tùng Thư do học giả Đào Quy Anh chủ trương những năm 1927-29 tại Huế. Đó là một serie sách đã in ra được 13 tập sách mỏng, phổ biến học thuyết duy vật cách mạng, phỏng theo sách chữ Hán và chữ Pháp, trong đó cuốn “Phụ nữ vận động” do Đào Duy Anh dịch.

Tìm đọc hồi ký “Nhớ nghĩ chiều hôm” (công bố 1989) thấy Đào Duy Anh viết: “Để thấy rằng ngày nay phụ nữ cũng tham gia hoạt động xã hội và chính trị như đàn ông, tôi cho ra tập “Phụ nữ vận động” (sách của Đông phương văn khố) do tôi phiên dịch”.

Vậy Dã Lan Nữ Sĩ là bút danh của Đào Duy Anh.

4. Ta biết, Đào Duy Anh là một trong số 4 – 5 nhân vật sáng lập tờ *Tiếng dân* và giữ vai trò thư ký tòa soạn (hay chủ bút) từ đầu cho đến khi ông bị bắt (tháng 8.1929).

Vậy mục “Phụ nữ diễn đàn” trên báo *Tiếng dân* chính là do ông biên tập và trực tiếp viết khá nhiều bài suốt các năm 1927-1929, nhiều nội dung của phong trào nữ quyền trong sách “Phụ nữ vận động” cũng được ông truyền bá trong các loạt bài viết.

Điều đặc sắc là trong hoạt động báo chí ở thời đoạn ngắn ấy, ông ký một bút danh phụ nữ, có lúc xưng “em” để chuyện trò cùng các “chị em”; cũng có lúc bị một tay bút đàn ông coi như một người nữ nên đã lên tiếng khuyên nhủ, dạy bảo khá trịch thượng lối “đàn anh”!

Tiếc rằng chuyện sử dụng “mặt nạ tác giả” rất thú vị này lại không được ông đề cập khi ngồi viết hồi ký (1972)! Ông ghi rất vắn tắt với một vẻ hết sức khiêm nhường: “Công việc của tôi ở báo “Tiếng dân” trong mấy năm 1927, 1928, 1929 chỉ là công việc của người viết báo thường, chẳng có gì cần nhắc đến”.

Phần việc của Đào Duy Anh trên tờ “Tiếng dân” những năm đầu của báo này (1927-1929), trong đó nổi bật là những ngôn luận của ông dưới bút danh Dã Lan Nữ Sĩ về các nội dung vận động nữ quyền, là phần di sản báo chí của ông mà ngày nay ta mới tìm ra và nhắc lại cùng nhau.

Báo Tiếng Dân do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ bút, hoạt động từ năm 1927 tới 1943, là một trong những tờ báo quốc ngữ đầu tiên tại khu vực miền Trung, có vai trò chính trị quan trọng, gây ảnh hưởng lớn trong giới trí thức miền Trung. Tiếng Dân trở thành tờ báo lâu năm nhất (17 năm) ra được 1.766 số, phản ánh những sự kiện lịch sử diễn ra ở Trung Kỳ. Trụ sở báo Tiếng Dân (số 193 Huỳnh Thúc Kháng, TP. Huế) vừa được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh.

86 NĂM VIỆT NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG: NHẬN THỨC VĂN HÓA LÀ NHẬN THỨC ĐỂ PHÁT TRIỂN

Phạm Quang Long

1. Năm 2024 kỉ niệm 120 năm Cụ Đào Duy Anh-một học giả lỗi lạc của đất nước. Người ta sẽ còn phải tốn nhiều sức lực để tiếp tục nghiên cứu đầy đủ hơn về Cụ. Bởi trong những di sản Cụ để lại có nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề cho đến nay vẫn còn cần được giới nghiên cứu sử học, ngôn ngữ học, văn hóa học... nghiên cứu tiếp. Ở đây tôi chỉ xin nêu mấy ý kiến nhỏ về một tư tưởng lớn mà Cụ đã nêu ra từ hơn 80 năm trước với tư cách là người đầu tiên bàn về vấn đề ấy một cách hệ thống, bài bản, khoa học. Đó là nhận thức về văn hóa Việt Nam trong thời kỳ thử thách khốc liệt của tiếp xúc và xung đột với văn hóa tây phương mà theo Cụ nó “quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc”. Khi chúng ta bàn về vấn đề này, quá trình toàn cầu hóa, hiện đại hóa đang diễn ra với một tốc độ rất nhanh, đang thử thách mọi đất nước, dân tộc. Chúng ta cũng cần có một cuộc “soát xét “lại chính mình để hòa vào cuộc chơi chung ấy một cách đàng hoàng, chủ động để không bị tụt lại phía sau.

Trong lời *Tựa* cho cuốn sách của mình, Cụ viết “Khắp một vùng trung châu Bắc Việt, không một mẫu đất nào là không có dấu vết công trình thâm đậm kinh dinh của tổ tiên ta để giành lại quyền sống với tạo vật; suốt một giải Trung Việt vào đến Trung châu Nam Việt, không một khúc đường nào là không nhắc lại sự nghiệp gian nan tiến thủ của tổ tiên ta đã gây dựng trong hai nghìn năm để sinh trưởng giữa những điều kiện tự nhiên ác liệt ở xứ này, tất phải có sinh khí mạnh mẽ lắm. Song cái văn hóa thích hợp cho sự sinh trưởng của một xã hội bẽ tóa, đến khi xã hội ấy gặp tình thế bắt phải khai thông, thì nó lộ ngay ra hết mọi nhược điểm. Cái bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột của những giá trị cổ truyền của văn hóa cũ ấy với những điều mới lạ của văn hóa tây phương. Cuộc xung đột ấy sẽ giải quyết thế nào, đó là vấn đề quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta vậy. Nhưng muốn giải quyết thì phải nhận rõ chân tướng của bi kịch ấy, tức một mặt phải xét lại cho biết nội dung của văn hóa xưa là thế nào, một mặt phải nghiên cứu cho biết chân giá trị của văn hóa mới”¹. Điều khiến tôi băn khoăn là vì sao vào thời điểm này Cụ lại đặt ra vấn đề như vậy. Trong lịch sử Đại Việt, đã có bao nhiêu lần dân tộc-cụ thể là những nhà cầm quyền, những đại 1. Đào Duy Anh *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Văn hóa-Thông tin, 2000, in theo bản của Quan Hải tùng thư, tr.7. Từ đây, các trích dẫn sách chỉ ghi số trang. diện cho tinh thần dân tộc đã phải đứng trước câu hỏi: lựa

chọn con đường nào cho tương lai, những hướng đi nào khả dĩ đem lại sự cường thịnh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân? Đã có những lựa chọn mô hình xã hội, mô hình tư tưởng khác nhau mà mô hình tư tưởng chỉ là hệ quả của mô hình thể chế.

Ở đây, Cụ Đào đặt vấn đề lựa chọn văn hóa trước các mô hình khác. Có phải vì đã trải qua những năm tháng hoạt động chính trị (và đã thất bại) hay vì lúc ấy, ở hoàn cảnh cụ khó có thể nói đến vấn đề mô hình chính trị hay thể chế nên Cụ chọn con đường văn hóa? Hay còn vì vấn đề khác nữa? Điều đó chỉ là những giả thiết, nhưng có đủ căn cứ để khẳng định rằng Cụ nêu những vấn đề về văn hóa và đưa ra những kiến giải về quá trình lịch sử văn hóa hàng nghìn năm để cuối cùng đi đến kết luận: mô hình xã hội, mô hình thể chế chỉ có thể thành công nếu được xây dựng trên nền tảng giá trị văn hóa dân tộc đồng thời luôn mang tinh thần khai phóng, cởi mở, đồng hành với những giá trị văn hóa nhân loại, quốc phú dân cường nhưng phải đem lại hạnh phúc cho nhân dân thì mô hình ấy mới thực sự bền vững.

Cũng trong lời tựa này, Cụ cho biết Cụ soạn sách này dựa trên chương trình mới dành cho ban Cao-đẳng tiểu học mà nhà nước mới ban hành có môn *Việt Nam văn hóa*. Cụ không soạn sách này “theo cách phân phối của chương trình nhà nước” (tr.9) nhưng giáo viên và học sinh có thể tham khảo. Chúng tôi không rõ những nội dung chương trình nhà nước gồm những gì, theo định hướng nào nhưng thấy quan điểm tiếp cận văn hóa của cuốn sách theo “hai phương diện tĩnh và động” (quan điểm của Fe’lix Sartiraus mà Cụ đồng tình. tr.8) thì thấy rất rõ cách nhìn cấu trúc văn hóa theo những lĩnh vực cấu thành bản thân nó và những chỉ số ghi dấu trình độ phát triển của xã hội trong một khoảng không gian và thời gian xác định. Góc nhìn ấy cho đến nay vẫn được nhiều nhà nghiên cứu văn hóa tán thành. Có thể nói, ý định nhận thức về văn hóa Việt, cả yếu tố tích cực lẫn những “nhược điểm” và cả những gì trong quá khứ được coi là tích cực, tốt đẹp nhưng ở vào hoàn cảnh lịch sử mới không còn phù hợp nữa lần đầu tiên được nêu ra một cách bài bản, thiết thực, được khảo cứu nghiêm túc và đánh giá khách quan. Nói điều này để thấy nhãn quan về văn hóa từ góc nhìn bản thể của Cụ đã vượt xa những người cùng thời. Cụ khẳng định khi những xung đột giữa văn hóa truyền thống của nước nhà “với những điều mới lạ” (tr.7) của văn minh phương tây đã ở vào tình trạng “bi kịch” mà giải quyết xung đột này quan trọng đến mức nó “quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta” (tr. 7). Để giải quyết vấn đề này, về phương pháp luận Cụ yêu cầu “phải nhận rõ chân tướng của bi kịch ấy...phải biết nội dung của văn hóa xưa là thế nào...và phải biết chân giá trị của văn hóa mới” (tr.7,8), nghĩa là

Cụ đề rất cao vai trò của chủ thể nhận thức. Duy vật ở cách tiếp cận, ở thái độ nhận thức sự vật và biện chứng trong cách tìm hiểu chân tướng của vấn đề xuyên suốt hệ thống trình bày của tác giả *Việt Nam văn hóa sử cương*. Tinh thần nhận thức văn hóa để tồn tại và phát triển đã được đặt ra từ cuốn sách mà tác giả chỉ nói là “cốt thu thập những tài liệu hiện có, sắp đặt lại thành hệ thống, để giúp cho những nhà nghiên cứu văn hóa sử đỡ mất công tìm kiếm mà thôi” (tr.9). Cái lớn lao của Cụ còn nằm ở sự khiêm nhường mà ngày nay nhiều nhà nghiên cứu ở ta không còn coi là phẩm chất cần có của một người làm công tác nghiên cứu. Bởi họ luôn cho rằng những kết luận của mình là chân lý, ai nói khác mình là sai, thiếu hiểu biết, chống mình.

Mô tả văn hóa Việt Nam từ đời sống kinh tế (nông nghiệp, công nghệ, thương mại), các hình thức sinh hoạt (thôn quê, thành thị; từ sự hình thành đến tổ chức xã hội, đời sống, quan hệ tinh thần), công nghiệp (giao thông, sưu thuế, tiền tệ) đến tổ chức xã hội (gia tộc, tổ chức làng xã, quốc gia, hoạt động của thể chế, phong tục), đời sống tinh thần (tôn giáo, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, khoa học, phương thuật), tác giả tuân theo ý tưởng phác ra những lĩnh vực chính và miêu tả cách hoạt động ấy gần với thực tiễn nhất có thể. Có thể ngày nay có người sẽ làm khác Cụ nhưng trước Cụ chưa có nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam nào đi theo hướng này-hướng mô tả, khảo sát thực trạng từ bản thể của đối tượng chứ không xuất phát từ một tư tưởng mang tính tiên thiên, rồi mới khảo sát đối tượng nhằm chứng minh cho tư tưởng của mình. Cụ nói chỉ cốt “tập hợp tư liệu” giúp cho những người khác nghiên cứu sâu hơn văn hóa nước nhà nhưng thực ra xuyên suốt cuốn sách là sự khảo cứu, tổng kết, đánh giá các hệ giá trị của văn hóa Việt Nam từ bản thân nó. Cũng chính Cụ là người đầu tiên qua những khảo sát cụ thể mà tổng kết thành 5 giá trị tiêu biểu nhất của văn hóa Việt. Theo Cụ, suốt mấy nghìn năm lịch sử, “nông dân thực là nền móng của dân tộc mà nông nghiệp là nền móng của văn hóa ta vậy” (tr.387). Từ nền văn hóa nông nghiệp Cụ chỉ ra những đặc tính của văn hóa Việt Nam hình thành trên cơ sở văn minh lúa nước: “đặc tính thứ nhất của văn hóa nông nghiệp ấy là xã hội lấy gia tộc làm cơ sở” và khẳng định, từ thời thượng cổ đến thời đại độc lập “đời nào gia tộc cũng làm bản vị cho xã hội” (tr.387). Từ quan hệ gia tộc hình thành nên giá trị gia tộc và tổ chức xã hội cũng góp phần tạo nên sự cố kết này (quân đội coi nhau như anh em một nhà, tướng sĩ coi nhau như cha con, việc khai khẩn đất hoang, mở mang bờ cõi “xưa nay vẫn là việc của gia đình” (tr.388). Thậm chí cách tổ chức thương mại, công nghệ cũng thường lấy gia tộc làm gốc, có những nguyên tắc, bí quyết làm nghề không truyền ra bên ngoài v.v... “Vì cá nhân không có quyền lợi và địa vị độc lập, người ta chỉ biết, gần

thì có gia đình, xa thì có làng mạc, cho nên rời gia đình và làng mạc thì người ta thất cước ngay”... Con người cá nhân tan ra trong gia đình nên “luân lý, đạo đức, chế độ văn vật, chính trị pháp luật đều lấy gia tộc chủ nghĩa làm gốc”. Từ cách tổ chức xã hội và quan niệm như vậy “văn hóa nước ta lấy tình cảm làm bản vị” (tr.390) và con người yêu hòa bình, thích yên ổn. Điều này nó trở thành khao khát bảo tồn, phát triển gia tộc và nếu gia tộc có bị binh lửa, biến cố gì làm tan nát thì ước mong “văn hồi gia tộc” vẫn là ước mơ cháy bỏng. Văn hóa nông nghiệp luôn mang trong nó sự bền vững, ổn định, “thường tồn-permanence”(tr.393). Và “về phương diện nào...quá khứ còn sống ở hiện thời, cái tinh thần tồn cổ ấy làm cho xã hội ta không tiến bộ được mau chóng như xã hội phương tây, nhưng cũng chính nhờ nó mà trải qua cuộc quốc táng gia vong, không bao lâu cơ nghiệp lại phục hồi được” (tr.393). Năm hệ giá trị này tồn tại hàng nghìn năm trong một xã hội bế quan tỏa cảng nên nó ít biến đổi “vẫn có kết quả tốt, đến nay gặp những sự biến kinh tế và xã hội theo công nghiệp và văn hóa khoa học của Châu Âu thì ta thấy nó hóa thành những tệ hại rất trở ngại cho sự sinh hoạt ở thời đại này” (tr.394). Rõ ràng ở Cụ tinh thần “cách vật, trí tri, chính tâm” là cơ sở dẫn đến những kết luận khoa học này. Nó không bị góc nhìn định kiến làm thiên lệch bản chất sự vật.

Góc nhìn khoa học của Cụ về văn hóa và đặc tính dân tộc đã cho phép Cụ đi đến kết luận: Gia Long nhờ vào văn minh phương tây mà đánh bại nhà Tây Sơn (tr.41) nhưng Tự Đức vì bế quan tỏa cảng mà mất nước (tr. 82). Cụ cũng nêu ra bài học đau đớn của nhiều nước phương tây vì chỉ coi trọng việc theo đuổi mục đích “Quốc phú, binh cường” nên dù có đưa ra được những tư tưởng rất tiến bộ như “tư tưởng bác ái, bình đẳng, tự do cùng tinh thần khoa học” nhưng xã hội phương Tây, nhất là về nền tảng tinh thần cũng đang rạn nứt nghiêm trọng. Theo đuổi mục đích phát triển vật chất thái quá sẽ dẫn đến những rạn nứt về nền tảng tinh thần xã hội, trở thành nguy cơ cho những tai họa khác, lớn hơn. “Người Âu Châu ngày nay họ đã hoài nghi cái văn hóa phú cường chỉ đem người ta đến những cuộc xung đột ghê gớm, ở trong thì giai cấp tranh đấu, ở ngoài thì quốc tế chiến tranh, văn hóa phú cường càng tiến bộ chừng nào thì nó lại càng cung cho những cuộc xung đột ấy những lợi khí tàn ác khốc liệt chừng ấy” (405). Và Cụ kết luận “đi theo con đường đã qua của Âu Châu cũng không phải là phương tiện thích đáng” và chỉ có “hun đúc một thứ văn hóa hoàn nhiên mới mẻ thì mới cứu sống thế giới được” (tr.405). Nhìn vào thực tế quan hệ quốc tế hiện nay, càng thấy khâm phục tầm nhìn xa của một nhà khoa học, một nhà văn hóa. Những dự báo của Cụ về quan hệ xã hội và xung đột lợi ích, xung đột văn hóa, sự tha hóa của những nhà cầm quyền ở những quốc gia phú

cường Âu Mỹ, ở tầng lớp “tinh hoa” từ gần thế kỷ trước đang hiện hữu trong đời sống chúng ta hôm nay. Những xung đột ở châu Âu trong suốt vài thập niên qua, cuộc chiến Nga-Ucraina hiện nay... là minh chứng không gì cụ thể và sâu sắc hơn những dự báo của Cụ từ gần thế kỷ trước. Châu Âu văn minh, châu Âu tiến bộ, nước Mỹ hùng cường... đưa lại những giá trị vật chất và tinh thần sáng giá cho nhân loại nhưng chính các quốc gia này lại chủ trương gây ra những xung đột vũ trang, những ý đồ nô dịch và giết hại con người tệ hại nhất.

Tất nhiên ở vào thời kỳ viết cuốn sách này, Cụ chưa thể nói ra cái nền văn hóa mới ấy là gì. Nhưng, “cứ theo ý tứ mà suy” có thể thấy tinh thần kế thừa những gì còn khả dụng trong đời sống văn hóa cổ truyền của dân tộc trong thời kỳ mới, có thể đoán định được điều Cụ muốn nói. Theo Cụ, “tầng lớp trung lưu và giai cấp lao động công nghiệp là sản vật trực tiếp của văn hóa mới” (tr.412) và chính họ cũng là những người chủ yếu góp phần tạo ra nền văn hóa của tương lai. Hai loại người này sẽ quyết định xu hướng và bản chất của nền văn hóa mới trong thời kỳ mới và “có một điều ta có thể chắc là trong cái văn hóa mới của thế giới sau này-văn hóa nước ta cũng dự một phần trong ấy-người ta không thể cho rằng Đông là hơn hay Tây là hơn, và những điều phân biệt và kỳ thị Đông Tây sẽ dần dần biến mất “ (tr.414). Cụ chưa nói kỹ về “tầng lớp trung lưu” nhưng về bản chất, đây là tầng lớp do điều kiện sống và địa vị của mình sẽ có vai trò không nhỏ trong việc dựng xây xã hội mới. Tất nhiên, theo góc nhìn mang nặng ý thức chính trị sau này, tầng lớp trung lưu không thể có địa vị xã hội và vai trò như Cụ đã nói đến và mong thế. Một bài học lớn về việc hiểu sai văn hóa đã làm chậm bước tiến của một đất nước.

2. Sau khi Cụ viết *Việt Nam văn hóa sử cương* 5 năm, Trường Chinh với tư cách là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam viết *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943* để định hướng cho phong trào cách mạng trong lĩnh vực văn hóa của Đảng. Ở vào đêm trước của cuộc cách mạng, *Đề cương...* nhanh chóng hòa nhập vào phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, làm căn cứ cho phong trào *văn hóa cứu quốc*. Hai người từ hai góc nhìn khác nhau đều đặt vấn đề chuẩn bị xây dựng một nền văn hóa mới phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Từ bấy đến nay, ở mỗi thời kỳ lịch sử nhất định, Đảng Cộng sản lại có những điều chỉnh cụ thể nhưng về cơ bản vẫn nhất quán một tư tưởng: phải làm cuộc cách mạng văn hóa để văn hóa tham gia hiệu quả hơn vào cuộc cách mạng xã hội. Điểm khác biệt lớn nhất giữa quan điểm của Cụ Đào và các văn kiện của Đảng về văn hóa là Đảng đề cao khía cạnh chính trị-xã hội của văn hóa, con người; đặt văn hóa nằm trong hệ thống một cuộc cách mạng xã hội triệt để còn Cụ Đào lại nhìn sự vận động của văn hóa trong những tương tác chính trị-xã hội-con người ở cả hai

mặt *tĩnh* và *động* từ bản thể của nó để rút ra điều cần làm khi xây dựng văn hóa mới. Giống như quan điểm của Trường Chinh và những người kế tục ông sau này, Cụ Đào cũng cho rằng cần soát xét lại những giá trị của văn hóa truyền thống, nhận chân giá trị của văn hóa mới để tổ chức và xây dựng nền văn hóa ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử và đích phấn đấu của xã hội nhưng Cụ không xem xét vấn đề từ khía cạnh chính trị mà từ góc nhìn bản thể của văn hóa. Cụ xem xét cả môi trường xã hội (tổ chức thể chế và các hình thức khác tương ứng với nó) và chủ thể sáng tạo văn hóa mới đồng thời cũng là sản phẩm của nền văn hóa ấy là “tầng lớp trung lưu và giai cấp lao động công nghiệp” nhưng chưa có điều kiện đi sâu vào hai đối tượng này. Ở đây có điểm khác với quan điểm của Đảng và cũng lộ rõ thời viết tác phẩm này Cụ chưa có đủ căn cứ thực tiễn về “giai cấp lao động công nghiệp” như Cụ nghĩ. Cũng như Đảng Cộng sản suốt mấy chục năm cầm quyền có quan niệm khác về hai đối tượng này. Đảng đề cao “tầng lớp lao động công nghiệp” và nông dân mà gần như bỏ qua “đội ngũ trung lưu”. Hơn nữa do góc nhìn về hai loại người ấy vẫn nghiêng về góc nhìn chính trị chứ không từ con người bản thể nên rất nhiều chính sách, tiền của bỏ ra để xây dựng hai lớp người này chưa đem lại hiệu quả mong muốn.

3. Có một sự gặp gỡ giữa tư tưởng dựa vào văn hóa dân tộc, sàng lọc các giá trị văn hóa và xây dựng văn hóa mới phù hợp với sự phát triển lịch sử ở Cụ Đào và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Ở Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất năm 1946 sau khi đã xác lập chính thể mới, Hồ Chí Minh nêu ra luận điểm nổi tiếng *văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi*. Vì là nhà chính trị nên Hồ Chí Minh không có điều kiện để nói về văn hóa hệ thống như Đào Duy Anh mà chỉ nói đến đường hướng của nền văn hóa mới trong cuộc cách mạng xã hội theo tinh thần Mac-Lenin. Trong thực tế, nền văn hóa ấy đã tham gia tích cực vào sự nghiệp cách mạng của đất nước cả trong thời kỳ tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc, xây dựng xã hội theo đường hướng chủ nghĩa xã hội lần mở cửa hội nhập. Văn hóa soi đường cho quốc dân đi trở thành hành động thực sự ở mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, đời sống... *Tổ quốc trên hết, dân tộc trên hết* không còn là những vấn đề lý thuyết hay đạo đức nữa mà thấm vào đời sống của mọi tầng lớp nhân dân trong mọi hành động. “Đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện Độc lập, tự cường, tự chủ”, để “văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ”, phải làm cho “ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do” ..., “làm cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích mình”². *Văn hóa hóa kháng chiến và kháng chiến hóa văn hóa* với mục tiêu văn hóa phụng sự sự nghiệp *phò chính, trừ tà* đã làm thay đổi dân khí nước nhà. Xây

dựng đời sống mới không chỉ là một phong trào sinh hoạt mà nó thấm đẫm tinh thần đổi mới văn hóa, đổi mới hành động vì quốc gia, dân tộc, là dân khí nước nhà chứ không phải của một cá nhân hay tầng lớp nào. *Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu* là sự tự nhận thức quan trọng nhằm vượt thoát khỏi những yếu kém có thực để từ đó nâng cao dân 2. Văn kiện Đảng toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, H.2000, tr. 272

Trí, phục hưng dân khí trong cuộc cách mạng sinh tử này. Từ cách tiếp cận mới này mà tinh thần *Tổ quốc trên hết, dân tộc trên hết, thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*, là nguyên tắc *bất biến* của cả dân tộc đã thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, nhân lên sức mạnh của mỗi người, kết thành một khối thống nhất để đương đầu với bất kỳ thử thách khốc liệt nào. Văn hóa xã hội chủ nghĩa trở thành một lĩnh vực của cuộc cách mạng xã hội, được lãnh đạo, tổ chức thực hiện mọi đường đi nước bước của một thể chế, thống nhất từ trên xuống dưới. Từ văn hóa và bằng văn hóa, tư tưởng ấy đã trui rèn không chỉ một đội ngũ cán bộ mà là cả dân tộc, tạo nên những kỳ tích lịch sử, trở thành biểu tượng cho tinh thần và bản lĩnh dân tộc.

4. Bước ra từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta gặp muôn vàn khó khăn của thời kỳ hậu chiến. Nền văn hóa đang xây dựng theo mô hình Liên Xô, Trung Quốc đã lộ rõ tính chất bất cập của nó. Nhưng những năm ấy chưa ai nói đến đổi mới văn hóa mà chỉ nói đến đổi mới kinh tế, đổi mới tư duy về tổ chức xã hội và tổ chức sản xuất ra của cải vật chất nhằm thoát khỏi đói nghèo, khủng hoảng xã hội. Việc loại bỏ “tàn dư văn hóa cũ” một cách thiếu tinh táo đã khiến cho văn hóa dân tộc chịu đựng những đả vỡ, rạn nứt, đứt gãy nhưng xây dựng một nền văn hóa mới thế nào chúng ta vẫn chưa xác định được một cách khoa học. Qua những vật vã, tìm kiếm, cuối cùng chính văn hóa đã tạo tiền đề để nước nhà vượt qua khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển mang một tầm vóc mới. Đổi mới toàn diện đất nước là một cuộc nhận đường gian nan và khốc liệt. Vì lần này chúng ta phải vượt qua chính mình, qua những giới hạn và bỏ lại cả những vinh quang một thời để đi tiếp một chặng đường mới vẫn trên nền tảng vì dân tộc, khoa học, nhân dân, làm thế nào để đất nước ổn định, nhân dân hạnh phúc, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Cuộc vượt thoát khỏi cái bóng huy hoàng của quá khứ để phấn đấu cho một xã hội phát triển hơn, làm cho nhân dân ấm no, hạnh phúc hơn mà vẫn không đánh mất mình trong cuộc chơi lớn của toàn nhân loại là một chặng đường gian khổ, trong đó đòi hỏi rất nhiều trí tuệ và bản lĩnh. Bắt đầu và cái gốc của sự đổi mới này cũng bắt đầu từ văn hóa. Nhờ nhận thức mô hình mới này mà công cuộc Đổi Mới thành công. Cương lĩnh phát triển đất nước trong thời kỳ mới, các Nghị quyết chuyên đề của Đảng về văn hóa,

con người là những nhận thức mới không chỉ về văn hóa mà là khởi đầu nhận thức về chặng đường mới của dân tộc, trong đó bắt đầu từ con người, văn hóa và đích đến cũng là hạnh phúc của con người. Văn hóa được coi là động lực và là mục tiêu của sự phát triển, thành nguồn lực nội sinh, là thước đo của sự phát triển bền vững. Đây là những bổ sung mới trong quá trình hoàn thiện nhận thức về vai trò của văn hóa trong đời sống. Đó là một bước tiến lớn về mặt nhận thức so với việc tiếp nhận gằn như nguyên vẹn mô hình văn hóa Xô Viết trước đây.

5. Nhân loại đang đứng trước những lựa chọn mới bởi rất nhiều yếu tố phát triển phi truyền thống đã đặt ra những thách thức mới do sự phát triển vũ bão của khoa học công nghệ. Khoa học công nghệ “bắt” con người phải tư duy lại nhiều vấn đề truyền thống và một thái độ tích cực để không bị tụt lại phía sau là chuẩn bị sẵn tâm thế bước vào quá trình hội nhập sâu rộng trong quá trình toàn cầu hóa như một tất yếu. Công nghệ đã xóa đi những khoảng cách địa lý, thể chế, tạo ra một thế giới phẳng theo nghĩa đen của từ này, trí tuệ nhân tạo đã khiến con người phải tư duy lại nhiều vấn đề của chính mình. Đảng và nhà nước đặt ra vấn đề cần xây dựng hệ giá trị quốc gia, dân tộc, cộng đồng, gia đình, con người đáp ứng được yêu cầu phát triển mới. Đây là một vấn đề khó bởi nó gắn với một sự đột phá trong nhận thức; nhận thức bối cảnh, nhận thức về chính mình để vượt lên mình, để nhịp bước cùng thời đại trong khi chúng ta vừa có thế mạnh, vừa có những yếu kém cả về khoa học công nghệ lẫn tổ chức xã hội. Trong cuộc vượt thoát này Đảng xác định văn hóa là nền tảng để cả dân tộc tựa vào đó mà tiến về phía trước. Tổng Bí thư khẳng định *văn hóa còn, đất nước còn, mất văn hóa là mất tất cả*. Vấn đề là ở chỗ trong hành trình mới này, chúng ta mang theo những gì và phải đoạn tuyệt những gì là một phần của chính mình để tiến về phía trước, vừa khẳng định mình, vừa đóng góp cho nhân loại? Có lẽ, cần phải có những thay đổi trong nhận thức về văn hóa và con người. Trong một giai đoạn rất dài, trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt chúng ta đã phải nhấn mạnh đến tính chính trị, yếu tố hệ tư tưởng của văn hóa và con người để làm cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ độc lập dân tộc. Yếu tố này dù căn bản, quan trọng nhưng đó vẫn chưa phải là toàn bộ, bản chất của văn hóa. Chúng ta chưa tiếp cận hai khái niệm này từ bản thể của nó nên không thể nói là đã nhận thức đầy đủ về chúng và một khi nhận thức chưa đầy đủ về đối tượng khó có thể nói tới việc xây dựng hệ giá trị cơ bản chính xác được. Thừa nhận sự khác biệt, cộng sinh nghĩa là thừa nhận những cá tính, những khác biệt trong cách tiếp cận và giải quyết vấn đề, thừa nhận sự cạnh tranh. Mà có cạnh tranh mới có tiền đề để tạo ra những sản phẩm tốt nhất, mới giải phóng được những năng lực sáng tạo còn bị bỏ rơi đâu đó. Gần thế kỷ trước, Cụ Đào đã nói đến tầng lớp trung lưu

như một lực lượng quan trọng của quá trình tiếp nhận và hòa nhập với nhân loại. Vấn đề thứ hai mà cụ nói đến với một sự khắc khoải là một xã hội văn minh, hiện đại vẫn có thể là mầm mống của tội ác nếu xã hội ấy đặt vấn đề vật chất lên hàng đầu mà quên mất cái gốc nhân văn, đến những khao khát vì hạnh phúc của con người. Đây là một góc nhìn sáng suốt và nhạy cảm bởi, suy cho cùng, từ tầng lớp trung lưu sẽ sinh ra những người ưu tú nhất, sẽ hình thành tầng lớp tinh hoa có năng lực tạo ra những đột phá và dẫn dắt các lực lượng xã hội khác tiến theo mình. Chưa bao giờ xã hội chúng ta lại cần đến những con người như vậy vì ở họ có tiềm năng sáng tạo cao, có thể tạo ra những sản phẩm có giá trị lớn, giúp cho đất nước phát triển, đem lại lợi ích lớn nhất cho đất nước. Trong giai đoạn này chúng ta cần những điều chỉnh nhận thức về văn hóa và con người vì đây là một bước tạo đà quan trọng để tạo tiền đề cho một đất nước hùng cường, nhân dân hạnh phúc. Khởi thủy của quá trình này bắt đầu từ thay đổi nhận thức về văn hóa.

ĐÀO DUY ANH VỚI SÁCH KHOÁ HƯ LỤC

*GS, TS Nguyễn Hùng Hậu
Học viện CTQG Hồ Chí Minh*

Tóm tắt. *Đào Duy Anh, nhà khoa học nổi tiếng của Việt Nam, người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội nước nhà. Ông đã giới thiệu, phiên dịch, chú giải tác phẩm Khoá hư lục của Trần Thái Tông. Qua sách này đã toát lên tinh thần khoa học, tính trung thực, chu đáo, cẩn thận; sự khiêm tốn; với kiến thức uyên thâm, bác lãm; với tinh thần ham hiểu biết; với tư duy nhìn xa trông rộng của ông. Tuy sách vẫn còn một vài hạt sạn nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến công lao to lớn của ông đối với ngành sử học, địa lý học, từ điển học, ngôn ngữ học, văn hóa học, tôn giáo học, văn học, ... nước nhà. Ông mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ nhà khoa học hiện nay và mai sau noi theo.*

Từ khoá: Đào Duy Anh, Khoá hư lục

Đào Duy Anh (1904-1988) là nhà sử học, địa lý học, từ điển học, ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam. Ông được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội nước nhà. Ông là một trong những người có công xây dựng nền khoa học xã hội - nhân văn hiện đại của Việt Nam. Với tư cách là một nhà từ điển học, ông đã đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam. Trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học, tác phẩm *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh cùng với *Văn minh An Nam* (La Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học đặt nền tảng, nền móng cho sự hình thành nền văn hóa học hiện đại Việt Nam một cách khoa học. Trên lĩnh vực sử học, với những tư liệu đã tích lũy từ nhiều năm và tham khảo những công trình khoa học liên quan của nước ngoài, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là về lịch sử cổ đại và trung đại như vấn đề phân kỳ lịch sử, nguồn gốc dân tộc, vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, sự hình thành dân tộc Việt Nam, ...

Năm 1974, ông giới thiệu, phiên dịch, chú giải tác phẩm *Khoá hư lục* của Trần Thái Tôn (Trần Thái Tông). Phải nói nói đây là một trong những tác phẩm mẫu mực về giới thiệu, phiên dịch, chú giải ở Việt Nam. Ngoài ra, trong công trình này, ông còn có bản phụ thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ, tức giới thiệu, phiên dịch, chú giải những bài thơ tiêu biểu của Tuệ Trung Thượng sĩ. Cấu trúc tác phẩm này gồm:

- Lời nói đầu
- Nói tóm tắt về thiền tôn
- Khoá hư lục (phần phiên âm của Phúc Điền Hoà thượng)
- Khoá hư lục (dịch lại)
- Khoá hư lục (nguyên văn chữ Hán)
- Phụ lục. Trích dịch thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ
- Chú giải

Qua cấu trúc, mục lục nêu trên đã toát lên tinh thần khoa học, tính trung thực của ông, cụ thể, *Khoá hư lục* (phần phiên âm của Phúc Điền Hoà thượng), nguyên bản *Khoá hư lục* bằng tiếng Hán, phân định rõ ràng cái gì của người, cái gì của mình; không vợ của người làm của mình như một số luận văn, luận án, công trình hiện nay. Tinh thần khoa học, tính trung thực này, ta thấy rõ ở lớp tri thức thời đó, giới tri thức theo Bác Hồ về nước phục vụ kháng chiến. Đọc *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* của Trần Văn Giáp chẳng hạn. Trên thế giới, các nhà khoa học họ đều làm như vậy, tiêu biểu là Ph.Ăngghen, bạn của C.Mác, khi ông lý giải tại sao học thuyết do Mác và ông sáng lập ra lại chỉ mang tên Mác.

Đọc phần *Nói tóm tắt về thiền tôn*, ta lại thấy nổi lên đức tính thứ hai của ông, đó là khiêm tốn. Hiện nay, trong khoa học có tình trạng: hiểu biết một tí chút thì bắt đầu khoa trương, khuyếch đại, dùng những từ to tát không ai hiểu nổi để tung hoả mù, tỏ ra uyên bác, tự cao tự đại, không coi ai ra gì. Đọc bài này, tôi thấy, ngay từ những năm 1974, năm tôi mới bước chân vào đại học Tổng hợp Toán Hà Nội, ông đã có những kiến thức vô cùng uyên bác, bác lãm về Phật giáo thiền tông; để đến nổi 10 năm sau, tức năm 1984, tôi quay lại nghiên cứu kỹ cuốn *Khoá hư lục* do ông dịch; tôi vô cùng ngạc nhiên và hoàn toàn nhất trí

với ý kiến của ông.” Trần Thái tôn không chỉ là một nhà tu hành đắc đạo lại còn là một nhà triết học sâu sắc và thi sĩ trữ tình dào dạt, chủ trương thanh tĩnh một cách rất sôi nổi xúc động. Tất cả những bài kệ đều là thơ, thơ thất ngôn, ngũ ngôn hoặc tứ ngôn; tất cả các bài khác đều là văn biên ngẫu chặc chẽ và đầy hình tượng. *Khoá hư lục* chữ Hán về hình thức cũng như về nội dung là một tập thơ nghĩa rộng”. Nghiên cứu *Khoá hư lục*, tôi đi đến khẳng định cái mà các nhà nghiên cứu, thậm chí ngay cả trong giới triết học còn mù mờ chưa rõ, rằng ở Việt Nam có triết học hay không và chứng minh triết học Trần Thái Tông là tập đại thành đầu tiên của triết học Việt Nam, của Phật giáo Việt Nam (xem: Nguyễn Hùng Hậu: Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1996). Ở Việt Nam có cái bệnh: đối với bản thân mình, nước mình thì mờ mờ không rõ; còn đối với người khác, nước khác thì thao thao bất tuyệt. Người ta có thể nói cả ngày về triết học Mác-Lênin, triết học Hêghen, Aristot, ... , nhưng khi đề cập đến triết học Việt Nam thì mù tịt, ngay cả đối với một giáo sư triết học. Đến đây, tôi bất giác nhớ đến câu nói của Bác trong bài *Ý kiến về việc làm và xuất bản loại sách người tốt, việc tốt*, tháng 6 năm 1968 :”Trước kia, thực dân Pháp còn cai trị nước ta, có những người tri thức Việt Nam rất thông thuộc lịch sử, địa lý và các chuyện thần thoại của nước Pháp, của Hy-lạp và La-mã. Nhưng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình , hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt. Nay ta độc lập, tự do rồi, cố nhiên ta không đào tạo nên những con người như thế. Tuy vậy, Bác nhắc các chú điều này: Bây giờ ... ngày càng có nhiều người nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam. Coi chừng có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng người nước ngoài”. Lời căn dặn của Bác từ những năm 1968, nhưng tình hình hiện nay trong lĩnh vực triết học thì như thế nào chắc mọi người đều biết. Đào Duy Anh đã đi theo hướng mà Bác đã chỉ ra.

Đi theo hướng này, xuất phát từ nghiên cứu triết học Phật giáo Việt Nam (xem: Nguyễn Hùng Hậu: *Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội; H. 1997; *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam*. Nxb. Khoa

học xã hội; H. 2002), tôi đi đến khẳng định ở Việt Nam có triết học (xem: Đại cương lịch sử triết học Việt Nam. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội 2010; Suy ngẫm về triết Hồ Chí Minh. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội 2015; Triết học Việt Nam. T.1. Triết học Việt Nam truyền thống. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2017)

Kiến thức uyên bác của ông thể hiện ở chỗ, ông cho rằng ở nước ta có một điều nên lưu ý là mỗi khi nhà nho học có ý chán nản với đời mà muốn đi tìm an ủi trong Phật học thì thường tìm đến Thiên tôn, đó cũng không phải là chuyện ngẫu nhiên. Nhà nho học uyên thâm thì thường kiêm đạo học, mà như đã biết, người học đạo hay lấy Lão Trang giải thích Phật học, mà sự dung hội của đạo và Phật tất dẫn đến Thiên tôn. Chẳng hạn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. “Thiên tôn có sức hấp dẫn lớn đối với những nhà nho học chân chính mỗi khi họ cảm thấy bất bình với cuộc đời”. Ông cho rằng Thiên tôn không chú trọng kinh điển, chỉ chú trọng phương pháp tu hành. Nhưng thực tế, một vị thiên sư mà đi đến được cái kết luận “vô tự thị chân kinh” như câu của Nguyễn Du đó thì đã phải đọc nhiều kinh điển mà suy nghĩ nhiều lắm rồi. Ông cho rằng khi đã giác ngộ thì người ta dù làm nghề gì, dù làm việc gì, cũng có thể ở vào trạng thái lặng lẽ trong trẻo hoàn toàn, hoàn toàn tự tại, tức trạng thái “niết bàn tịnh tĩnh”. Vì chỉ lấy thần mà gặp chứ không lấy mắt mà nhìn, không thấy gì ở ngoại giới và ở trong mình nữa, không bị cái gì vướng víu, cho nên nhất cử nhất động, làm gì cũng trúng. “Tôn chỉ của Thiên tôn quả là có cái rất mới, do đã đem vào Phật giáo những yếu tố rất là táo bạo”. Phật giáo đã phá cái thành kiến đẳng cấp của các tôn giáo Ấn Độ mà chủ trương mọi loài bình đẳng. Nhưng Phật giáo với những quan niệm luân hồi, nghiệp báo, với phương pháp tiêm ngộ đã đẩy lùi sự giải thoát của chúng sinh không biết đến đời đời kiếp kiếp nào, khiến Phật Hagiáo có phần bi quan. Thiên tôn đã đem chủ trương đốn ngộ khiến người ta có hy vọng lên ngay cõi Phật, thực là đã đem lại cho Phật giáo một ý nghĩa vô cùng lạc quan, tích cực. Thiên tôn phủ định tất cả, hoàn toàn tự tại, để khẳng định một cái gì đó tích cực. “Thiên tôn Việt Nam đã đi rất xa trên quá trình phủ định cho nên đồng thời cũng đã đi đến sự khẳng định mạnh mẽ hơn mà chủ trương người

đã giác ngộ thì cứ việc theo cương vị xã hội của mình mà làm bất cứ nghề gì – làm vua, làm quốc sư, làm thiên sư, làm cư sĩ, làm đại thân, làm đại tướng, hay nghề gì khác – tự mình đã là Phật sống ... Cố nhiên đó chỉ là một điều tin tưởng. Nhưng trong khi dân tộc mới tự giải phóng đương cần một lực lượng tinh thần để đoàn kết và tập hợp mọi lực lượng xã hội thành một sức mạnh vô địch mà bảo toàn và củng cố lực lượng của mình, phải chăng chính là Phật giáo thiên tôn thời Đinh Lê Lý Trần đã đảm đương được vai trò của lực lượng tinh thần ấy. Đây chỉ là một vài suy nghĩ chủ quan tôi nêu ra để thử tự giải quyết thắc mắc cho mình, chứ không phải là kết luận của một cuộc nghiên cứu chín chắn”. Cái mà ông cho là một vài suy nghĩ chủ quan nêu ra để thử tự giải quyết thắc mắc cho mình, chứ không phải là kết luận của một cuộc nghiên cứu chín chắn, thì đến năm 1984, khi còn là nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô cũ tôi đã chứng minh được.

Giờ quay trở lại vấn đề giới thiệu, phiên dịch, chú giải tác phẩm *Khoá hư lục* của Trần Thái Tôn (Trần Thái Tông). Phải nói đây là một bản dịch tương đối hoàn hảo, hoàn chỉnh, sáng, rõ mà từ trước đến nay rất hiếm gặp. Nếu *Khoá hư lục* chữ Hán về hình thức cũng như về nội dung là một tập thơ nghĩa rộng, theo Đào Duy Anh, thì đọc bản dịch của ông, *Khoá hư lục* chữ Việt về hình thức cũng như về nội dung là một tập thơ nghĩa rộng, theo tôi; bởi vì ông đã lột tả được cái hồn, cái cốt của tác phẩm. Phải là người rất am hiểu văn hoá Việt, tinh thông tam giáo, đặc biệt là Phật giáo, mới dịch được như vậy. Hiện nay có dịch giả, về ngôn ngữ rất giỏi, nhưng họ không chuyên về lĩnh vực đó, nên dịch không có hồn, không chuyển tải hết tinh thần, tư tưởng của người nói, người viết.

Tuy nhiên, trong khi dịch không tránh khỏi một số hạt sạn, mà ở đây tôi chỉ đưa ra hai ví dụ cụ thể. Trong bài *Phổ khuyến mở lòng Bồ đề* (Phổ khuyến phát Bồ đề tâm), có câu:” chỉ yếu biện tâm”, Đào Duy Anh dịch là “chỉ cần thành tâm” là không đúng, không chính xác. Chữ “biện” dịch là “thành” là không ổn. Năm 1987 sau khi về nước, tôi nói với ông Minh Chi (em ruột của cụ Thích Minh Châu) về điều này. Lập tức ông Minh Chi đã viết một số bài đăng

trên tạp chí Phật học ở miền Nam. Biện ở đây gần với tham biện, biện luận, phân tích phải trái, thực hư. Còn dịch là “thành” thì nghĩa lại hoàn toàn khác.

Trong *Sám hối tội thân căn*, có câu:” niêm dấy tướng hành”, Đào Duy Anh dịch là:” niêm dấy ý sinh”; còn trong *Thơ văn Lý Trần, tập II, quyển thượng*, dịch là:” nghĩ ra là làm” là không đúng, không chính xác. Chữ “niêm” dịch thành “niêm” hay “nghĩ” là chưa ổn. Mặt khác, chữ “tướng” dịch là “ý” là không chính xác. “Tướng” trong Phật giáo (Samjna) là tên của tâm sở (tác dụng của tâm), là một trong ngũ uẩn cấu tạo nên con người; còn “ý” (Mana) là tính toán, suy nghĩ (trong Phật giáo “ý” và “thức” là khác nhau). Hay từ “vọng” là khái niệm cơ bản trong Phật giáo, cứ để nguyên như vậy thì hay hơn là dịch thành “lâm”, vì “lâm” chỉ là một trong các nghĩa của “vọng”. Từ “niêm” cũng vậy. Tất nhiên, đây là những khái niệm chuyên sâu trong Phật học, nếu không nghiên cứu thì cũng khó tránh khỏi sơ xuất, đặc biệt là đã cách chúng ta đến nửa thế kỷ rồi (1974).

Mặc dù mới tốt nghiệp Thành chung (tiểu học), nhưng do tự học, ông đã trở thành nhà khoa học nổi tiếng Việt Nam. Cũng như Ph.Ăngghen chưa tốt nghiệp phổ thông, nhưng ông phê phán một giáo sư nổi tiếng ở thủ đô nước Đức hồi bấy giờ (qua tác phẩm chống Duy Rinh) mà cuối cùng vị giáo sư này phải về vườn. Qua đây ta thấy, bằng cấp không quan trọng lắm, vấn đề là tự học, tự học suốt đời, lấy việc học như là một nhu cầu không thể thiếu như cơm ăn, nước uống. Khổng Tử cho rằng học cho mình mới bền; còn học cho người, học để đáp ứng nhu cầu bên ngoài thì không bền. Nghiên cứu khoa học để đáp ứng tính thời sự, thì khi tính thời sự qua đi, giá trị của công trình cũng qua đi, lúc đó chỉ còn cách bán sách cho bà đồng nát hoặc cho vào tủ khoá lại để mỗi một phê phán. Và như vậy, chúng ta lại học được sự ham học, tự học suốt đời, kiên trì vượt khó với tầm tư duy nhì xa trong rộng của giáo sư Đào Duy Anh. Qua chú giải, ta còn thấy ông là một người cẩn thận, chu đáo.

Qua nghiên cứu *Khoá hư lục*, sách do Đào Duy Anh giới thiệu, phiên dịch, chú giải, ta thấy kiến thức đồ sộ của ông; thấy được tính cách của một nhà khoa học lớn. “Nhân vô thập toàn”, trời đất không có cái gì hoàn thiện cả, sách này

còn có những hạn sạn nhỏ, nhưng những hạt sạn này không làm ảnh hưởng đến công lao to lớn của ông đối với ngành sử học, địa lý học, từ điển học, ngôn ngữ học, văn hóa học, tôn giáo học, văn học,... nước nhà; ông mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ các nhà khoa học hiện nay và mai sau noi theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh. *Tuyển tập, tập II*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1980.
2. Trần Thái Tôn. *Khoá hư lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1974.
3. Thơ văn Lý Trần, tập II, quyển thượng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1988.
4. Nguyễn Hùng Hậu. *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông*. Nxb. Khoa học xã hội; H. 1996.
5. Nguyễn Hùng Hậu. *Lược khảo tư tưởng Thiên Trúc Lâm Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội; H. 1997.
6. Nguyễn Hùng Hậu. *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội; H. 2002.
7. Nguyễn Hùng Hậu. *Triết lý trong văn hóa phương Đông*. Nxb. Đại học Sư phạm. Hà Nội 2004.
8. Nguyễn Hùng Hậu. *Đại cương lịch sử triết học Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội 2010.
9. Nguyễn Hùng Hậu. *Suy ngẫm về triết Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội 2015.
10. Nguyễn Hùng Hậu. *Triết học Việt Nam. T.1. Triết học Việt Nam truyền thống*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2017.

HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH

Nhà báo Trần Mạnh Thường
Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin

Đào Duy Anh là một học giả lớn nhất Việt Nam thế kỷ XX, ông còn là nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn, giáo sư sử học, biệt hiệu Vệ Thạch, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1904, tại Thanh Hóa, mất năm 1988 tại Hà Nội.

Quê gốc làng Khúc Thủy, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay Tp. Hà Nội). Nhưng trên diễn trình lịch sử, do áp lực dân số, cũng có thể do nhiều nguyên nhân lịch sử khác, nhiều chi họ Đào rời khỏi châu thổ sông Hồng, vào làm ăn ở xứ Thanh. Có chi họ Đào tới vùng Cầu Quan, huyện Nông Cống, Thanh Hóa (trước Đào Duy Anh ba bốn đời). Năm 1910, Đào Duy Anh theo học chữ Hán. Năm 1915, ông chuyển sang học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp.

Năm 1923, Đào Duy Anh tốt nghiệp bậc Thành chung, tại Trường Quốc học Huế. Ra trường, ông được bổ dụng dạy học ở thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Tại đây, ông chịu ảnh hưởng của các phong trào yêu nước đang dấy lên trong thời kỳ đó, như phong trào đấu tranh đòi “ân xá” cho cụ Phan Bội Châu, 1925, đòi được để tang cụ Phan Chu Trinh, 1926... Cuối năm 1925, ông tham gia sự kiện Hội Quảng Tri Đồng Hới, đón tiếp cụ Phan Bội Châu từ Hà Nội vào Huế.

Năm 1926, sau buổi tiếp xúc với chí sỹ Phan Bội Châu tại thị xã Đồng Hới, ông từ chức giáo viên, bỏ dạy học, dấn thân vào con đường hoạt động chính trị, văn hóa, ông vào Đà Nẵng cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhà Nho yêu nước, lập ra tờ báo *Tiếng dân*.

Năm 1927, Đào Duy Anh gia nhập Đảng Tân Việt (tiền thân của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn), một trong ba tổ chức Cộng sản, được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3 tháng 2 năm 1930, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, về sau đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1928, Đào Duy Anh sáng lập ra *Quan hải tùng thư*, cơ quan xuất bản của Đảng Tân Việt, nơi tập hợp được nhiều trí thức tiên bộ như Võ Liêm Sơn, Phan Đăng Lưu, Võ Nguyên Giáp, Trần Đình Nam... *Quan hải tùng thư* dịch và biên soạn nhiều sách phổ cập về triết học, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong đó có nhiều bộ sách về chủ nghĩa duy vật lịch sử, duy vật biện chứng và cả chủ nghĩa Marx - Lênine như: *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Phụ nữ vận động*, *Lịch sử nhân loại*, *Tôn giáo là gì? Xã hội là gì? Dân tộc là gì?* ... đã tạo nên một phong trào yêu nước tiên bộ khá sôi nổi ở Trung Kỳ lúc bấy giờ. Thời

gian này ông lấy bút danh là Vệ Thạch, bởi ông tự ví mình như con chim Tinh vệ, nguyện suốt đời ngậm đá để lấp biển học mênh mông.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 1948, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh đánh giá rất cao vai trò của *Quan hải tòng thư* trong việc truyền bá chủ nghĩa Marx – Lênine vào Việt Nam. Qua công tác nghiên cứu, sưu tầm, ông đã phát hiện ra nhiều văn bản, tác phẩm cổ có giá trị như: *Hoa tiên ký* của Nguyễn Huy Tự và những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ.

Cuối năm 1929, giữa lúc phong trào yêu nước đang lên, thực dân Pháp đã bắt Đào Duy Anh tổng giam vào nhà lao, hơn một năm sau mới trả tự do. Ra tù, ông thôi hoạt động chính trị mà chuyển sang hoạt động văn hóa, viết nhiều tác phẩm có giá trị học thuật, bắt đầu là từ điển học, rồi văn hóa, văn học, sử học.

Trong những kháng chiến chống thực dân Pháp, ông công tác tại Chi hội Văn học Nghệ thuật Liên khu IV. Sau đó ông được điều lên Việt Bắc, làm việc tại Vụ Văn học Nghệ thuật Bộ Giáo dục, rồi được bổ nhiệm chức Giáo sư Sử học, giảng dạy lớp Dự bị Đại học ở Thanh Hóa.

Sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, 1954, ông trở về Hà Nội, là Giáo sư Sử học giảng dạy ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 1955-1960, ông là Chủ nhiệm Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Sau đó làm chuyên viên Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Ông có công rất lớn trong việc đào tạo cán bộ nghiên cứu sử học Việt Nam.

Trong những năm 1960 – 1970, ông dịch, hiệu đính, chú giải nhiều bộ sách lớn về văn hóa, sử học như: *Lịch triều hiến chương loại chí* của Lê Quý Đôn; *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi; thơ chữ Hán của đại thi hào Nguyễn Du... ngoài ra ông còn biên khảo chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo, dịch *Khóa hư lục* của Trần Thái Tông.

Trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học, tác phẩm *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh cùng với *Văn minh An Nam* (La Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền là những công trình khoa học, đặt nền tảng cho sự hình thành nền văn hóa hiện đại Việt Nam một cách khoa học.

Đào Duy Anh là một trong số ít người Việt Nam có tên trong *Từ điển Bách khoa* (Larousse) của Pháp và được đánh giá là “*một trong những nhà Bách khoa toàn thư hiện đại*” có tên tuổi. Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học Xã hội năm 2000. Tên ông được đặt cho nhiều con đường ở Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Tp. Thanh Hóa, Tp. Hạ Long...

Trong một bài viết cô GS. Trần Quốc Vượng cho rằng: “*Nếu ngôn ngữ văn tự là cỗ xe chuyển tải văn hóa thế giới thì muốn tiếp thu và làm chủ di sản văn hóa phương Đông, di sản văn hóa dân tộc, ít nhất phải nắm vững Hán Nôm, đặc biệt khi hình thức thi cử lều chõng bị bãi bỏ thì Hán Nôm không còn là phương tiện khoa danh tiến thân mà chỉ còn là cốt lõi, là phương tiện tiếp cận tri thức cổ truyền, muốn kiếp hóa phương Tây, ít nhất phải nắm được ngôn ngữ phương Tây*”.

Đào Duy Anh là một trong số không nhiều nhà nghiên cứu làm chủ được Hán – Nôm – Pháp. Với sự trợ giúp các cựu sinh viên và sự giúp đỡ chí tình của phu nhân – bà Trần Thị Như Mân, ông đã biên soạn và cho xuất bản hai bộ từ điển thuộc về hai ngôn ngữ phương Đông (Hán – Việt từ điển, 1932) và phương Tây (Pháp – Việt từ điển, 1946). Tất nhiên Đào Duy Anh không phải là người đầu tiên biên soạn từ điển hai loại ngôn ngữ đó. Nhưng hai cuốn từ điển mà Đào Duy Anh biên soạn thuộc loại “đề đời”, vì tính chất ngôn ngữ hiện đại của nó.

PGS. Phan Ngọc đánh giá: “*Trong từ điển Hán – Việt, Đào Duy Anh đã sử dụng các thuật ngữ Hán Việt còn mãi với thời gian. Hai bộ từ điển của ông là bất tử*”.

Đào Duy Anh đã về cõi vĩnh hằng, nhưng ông đã để lại cho đời một di sản đồ sộ và vô cùng quý giá: chỉ xin kể ra đây một vài tác phẩm lớn: *Hán – Việt từ điển* (1932); *Pháp – Việt từ điển* (1936); *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938); *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (1943); *Khổng giáo phê bình và tiểu luận* (1943); *Trung Hoa sử cương* (1944); *Dân tộc Việt Nam qua các đời* (1946); *Cổ sử Việt Nam* (1955); *Lịch sử Việt Nam* (tập I, II, 1955); *Lịch sử cổ đại Việt Nam* (tập I, II, II, IV, 1958); *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam* (1958); *Nguyễn Trãi toàn tập* (Cùng với Văn Tân và Trần Văn Giáp, 1969); *Chữ Nôm nguồn gốc, cấu tạo* (1975) và nhiều tác phẩm khác...

Toàn bộ tác phẩm của Đào Duy Anh là kho tri thức văn hóa, khoa học toàn diện không một ai có thể có thể nhận xét đầy đủ. Chỉ riêng hai cuốn từ điển Hán – Việt và Pháp – Việt đã có biết bao học giả ngoại ca: là những bộ sách không chỉ có giá trị hôm qua, hôm nay mà còn mãi mãi sau này.

Đối với cuốn *Việt Nam Văn hóa sử cương*, Vũ Ngọc Phan nhận xét: “*Là một quyển viết có phương pháp, lời văn lại sáng suốt, rõ ràng (...) Quyển “Việt Nam văn hóa sử cương” có tính chất phổ thông, nó là một quyển cho người ta biết đại lược về nội dung văn hóa cũ của ta...*”.

Một cuốn sách chỉ 250 trang lại đề cập đến nhiều vấn đề lớn thì không sao bàn kỹ từng vấn đề được. Hơn nữa cũng có chỗ soạn giả “*thuật một cách sơ sài, lại thêm nhiều chỗ không đúng nữa, nhất là trong thiên “Trí thức sinh hoạt*”.

Thí dụ ông nhằm “Giấc mộng con” của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là “khúc thơ”, thực ra “Giấc mộng con” là một cuốn văn xuôi. Hay tác phẩm “Nửa chừng xuân” mọi người đều biết của Khái Hưng, nhưng soạn giả “Việt Nam văn hóa sử cương” gán cho Nhất Linh. Hay “Tôi kéo xe” của Tam Lang, ai cũng biết là thiên phóng sự, vậy mà ông lại bảo cuốn tiểu thuyết hoàn toàn tả thực”.

Vì vậy Vũ Ngọc Phan đi đến kết luận “Đọc những trang sách của Đào Duy Anh, người ta thấy ông khuynh hướng về sử, về học thuyết hơn là về văn chương, nên ngay trong quyển “Việt Nam văn hóa sử cương” những đoạn bàn về văn chương của ông là những đoạn bàn về triết lý, kinh tế hay xã hội”.

Đào Duy Anh không chỉ là một nhà văn hóa, nhà văn, nhà sử học, ông còn là một nhà chính trị cách mạng tiên bộ. Khuynh hướng cách mạng của ông ngay trước năm 1945 đã bộc lộ cả trong công việc tương chừng như chuyên môn thuần túy là biên soạn từ điển. Trong Hán – Việt từ điển ông đã giải thích từ “cộng sản chủ nghĩa” là “*chủ nghĩa muốn tiêu diệt quyền tư hữu, đem tất cả cơ quan sinh sản, sinh sản phẩm xã hội làm của chung của tất cả mọi người. Đặt cơ quan thống kê và quản lý chung về chính trị thì chủ trương liên hiệp tất cả giai cấp lao động để đánh đổ chế độ tư bản...*”.

Ngoài những bộ sách quý hiếm đã được xuất bản, ông còn có nhiều bài khảo luận đăng trên báo *Tri Tân*.

Nhìn vào số lượng bài viết cho báo *Tri Tân* đủ cho thấy Đào Duy Anh là một học giả uyên thâm, cần tảo. Sự nghiệp của ông hoàn toàn xây dựng trên ý thức phê bình, khảo cứu văn học. Ông có một hoài bão đi tìm tài liệu văn học để đóng góp cho kho tàng văn học Việt Nam sau này./.

TÁC PHẨM & DI CẢO CỦA GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY...

Nhà báo Kiều Mai Sơn

Giáo sư Đào Duy Anh (1904 – 1988) là Nhà văn hoá lỗi lạc của Việt Nam thế kỷ XX. Ngay từ đầu thế kỷ, khi Việt Nam còn là thân phận nô lệ của thực dân Pháp, tên tuổi Đào Duy Anh đã được xã hội xếp vào hàng “Nghệ Tĩnh tứ kiệt” (mặc dù cụ quê ở tỉnh Hà Đông, sinh ở tỉnh Thanh Hoá, hoạt động cách mạng và học thuật ở kinh đô Huế).

Tứ kiệt đó là: Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Huy và Đặng Thai Mai (thường được gọi tắt: Anh – Hãn – Huy – Mai). Cả 4 người đều là những tượng đài văn hoá của đất nước. Cả 4 người đều để lại cho đời sau những trước tác đồ sộ. Và cả 4 người đều được Nhà nước ghi nhận bằng Giải thưởng Hồ Chí Minh thuở ban đầu danh giá.

Với GS Đào Duy Anh – hôm nay chúng ta tưởng nhớ qua Hội thảo kỷ niệm 120 năm ngày sinh, vào năm 2000, Chủ tịch nước đã ký quyết định tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ cho cụm công trình Lịch sử và Văn hoá Việt Nam, bao gồm: “*Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*”; “*Lịch sử cổ đại Việt Nam*”; “*Việt Nam văn hoá sử cương*”; “*Đất nước Việt Nam qua các đời*”.

Cụm công trình này ghi dấu ấn quan trọng của Nhà văn hoá - Học giả Đào Duy Anh như cụ đã tự nhận trong hồi ký: “*Lòng băng của tôi là cái lòng cúc cung tận tụy suốt đời với học thuật để do đó mà phục vụ Tổ quốc*”.

Mặc dù qua đời đã gần 40 năm, các tác phẩm được tái bản trở lại nhiều lần, nhưng vẫn còn nhiều di cảo của Giáo sư Đào Duy Anh và những tác phẩm của Nhà văn hoá họ Đào mà bạn đọc hôm nay chưa được biết đến. Đồng thời, một số tác phẩm của Giáo sư Đào Duy Anh tuy được tái bản nhưng vì nhiều lý do chủ quan lẫn khách quan đã trở nên dị hình dị dạng, gây tổn hại đến danh tiếng của tác giả, là những điều trông thấy qua bài viết này.

Tác phẩm báo chí trên báo Tiếng Dân và Nhà in báo Tiếng Dân (1927 - 1929):

Đời cầm bút đầu tiên của Đào Duy Anh mở đầu trên báo Tiếng Dân do Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ nhiệm.

Đây cũng là một khoảng trống mệnh mông chưa có người thống kê và thực hiện một đầu sách về tác phẩm của Đào Duy Anh trên báo Tiếng Dân và Nhà in báo Tiếng Dân. Qua các tư liệu cho thấy Đào Duy Anh là tác giả của 2 đầu sách “*Thực dân lịch sử*” (1928) và “*Pháp luật khái luận*” do Nhà xuất bản Tiếng Dân in và phát hành.

Tác phẩm đã in trong tủ sách *Quan Hải tùng thư* (1928 – 1929):

Quan Hải tùng thư về hình thức thì học theo *Đông Phương văn khố* của Trung Quốc. Ngoài Đào Duy Anh còn nhiều trí thức khác của kinh đô nhà Nguyễn là: Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu,... hợp tác trong *Quan Hải tùng thư*. Cá nhân Đào Duy Anh là dịch giả/ tác giả của các cuốn: *Lịch sử các học thuyết kinh tế* (dịch); *Phụ nữ vận động* (dịch), *Lịch sử nhân loại* (phỏng dịch)...

Năm 2004, đúng dịp kỷ niệm 100 năm sinh Nhà văn hoá Đào Duy Anh, ông Đào Hùng – con trai thứ hai của cụ Đào khi lập Thư mục [tác phẩm] Đào Duy Anh đã nêu thống kê: “*Quan Hải tùng thư* phải đình bản tháng 7/1929 khi Đào Duy Anh bị bắt, sau khi ra được 13 tập sách nhỏ [dịch hoặc viết, chừng 100 trang trở xuống]. Đến nay những sách đó đều bị thất lạc”.

Đáng mừng là hiện nay, Thư viện Quốc gia Pháp đã số hoá và công bố gần như đầy đủ các ấn phẩm trong *Quan hải tùng thư*. Chúng ta chỉ còn chờ thời gian để tủ sách *Quan hải tùng thư* được tái bản trở lại trong một diện mạo mới.

Tác phẩm đã in trên Tạp chí Tri Tân (từ 1941 đến 1945):

Tờ tạp chí của nhóm trí thức Hà Nội (Ứng Hoè - Nguyễn Văn Tô, Tiên Đàm - Nguyễn Tường Phượng, Hoa Bằng – Hoàng Thúc Trâm, Thúc Ngọc - Trần Văn Giáp,...) chủ trương “Ôn cố nhi Tri Tân”. Từ kinh đô Huế, Đào Duy Anh góp mặt với nhiều tiểu luận có giá trị, gây tiếng vang cả sử học cùng văn học: “*Những truyền thuyết đời thượng cổ nước ta*” (số 30, Janvier, 1942); “*Mẹo tiếng ta*” (1942); “*Xuân của Nguyễn Du*” (số 81 – 82/ 1943); “*Dịch sách xưa*” (số 114/ 1943)...

Tôi được biết, một bản thảo về Đào Duy Anh với các tác phẩm trên Tạp chí Tri Tân đã hoàn thành, chờ dịp ra mắt bạn đọc trong tương lai gần đây.

Tác phẩm đã in trên Tạp chí Văn Sử Địa - tiếp nối là Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1954 – 1980):

Thống kê của Viện Sử học cho thấy, Đào Duy Anh có 15 bài viết trên tạp chí của cơ quan nghiên cứu này. Trong đó có 2 bài trên Tạp chí Văn Sử Địa

mang tên “*Văn hoá Đông Sơn hay Văn hoá Lạc Việt*” (số 1/ 1954, tr. 14 – 29) và “*Máy ý kiến về bộ Sơ thảo Lịch sử Việt Nam*” (số 9/ 1955, tr. 77 - 81); còn lại 13 bài trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, bắt đầu từ “*Phát biểu ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam*” (số 16/ 1960, tr. 72 – 76), kết thúc bằng “*Sách lược “Công tâm” - công hiến chủ yếu của Nguyễn Trãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc*” (số 3 (192)/ 1980, tr. 43 – 46).

Tác phẩm đã in trên Tạp san Đại học Sư phạm và tử sách cùng tên (1955 – 1957):

Tạp san Đại học Sư phạm do Trường Đại học Sư phạm xuất bản, số 1 ra mắt tháng 5/1955 tại Hà Nội. Ban biên tập là Hội đồng Giáo sư phụ trách 2 trường Đại học Sư phạm Văn học và Đại học Sư phạm Khoa học. Giáo sư Đào Duy Anh là Ủy viên Thường trực Ban biên tập. Trong số ra mắt (số 1/ 1955), Đào Duy Anh có bài “*Truyện Thuý Kiều, tác phẩm cổ điển tiêu biểu của văn học Việt Nam*” cùng 2 bài giới thiệu sách của Thứ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Khánh Toàn.

Số 6-7-8 mang tên Tạp san Đại học (Văn khoa) - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Số 6 – 7 đăng bài viết “*Vấn đề Giao Chỉ trong cổ tích Trung Quốc*” của Đào Duy Anh. Số 8 (1957) Đào Duy Anh có các bài: “*Tình hình khai mở đồng ở thời Lê Mạt*”; “*Tác dụng của dân tộc học đối với sự nghiên cứu lịch sử cổ đại: Chế độ lang đạo của người Mường*”; “*Trả lời ông Nguyễn Lương Bích về vấn đề chế độ nô lệ ở Việt Nam*”; “*Vài ý kiến về cái “Thẻ ngọc An Dương”*”.

Năm 2022, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm trình làng cuốn “*Tạp san Đại học Sư phạm Văn - Sử - Triết luận cáo 1955 – 1956*”. Trong đó có in lại 4 tác phẩm của Giáo sư Đào Duy Anh. Tên tác giả Đào Duy Anh – cũng được in trang trọng ngay bìa sách cùng các tác giả Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Trần Đức Thảo, Trương Tửu - Những Người Thầy Khai Sáng của nhà trường.

Trong Lời Nhà xuất bản ghi rõ: “*Ấn phẩm cũng thay cho lời tri ân sâu sắc mà Nhà xuất bản Đại học Sư phạm gửi đến các thế hệ nhà giáo đã xây nền đắp móng và gây dựng nên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hôm nay*” (tr. 8).

Có điều lạ, ấn phẩm tri ân mà không thấy có cuốn sách biểu để gia đình căn cáo đến người đã khuất?

Một chuyện có hơi hướng tiêu lâm chút ít. Trong một ấn phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục, khi lập Thư mục Giáo sư Đào Duy Anh, người sưu tầm,

tuyển chọn và giới thiệu còn đưa cả vào vị trí số 73 “*Đi tìm nhân vật*” (Nxb Văn hoá Dân tộc, 2002) vốn là tiểu thuyết của Duy Anh... họ Tạ, viết văn.

* *

*

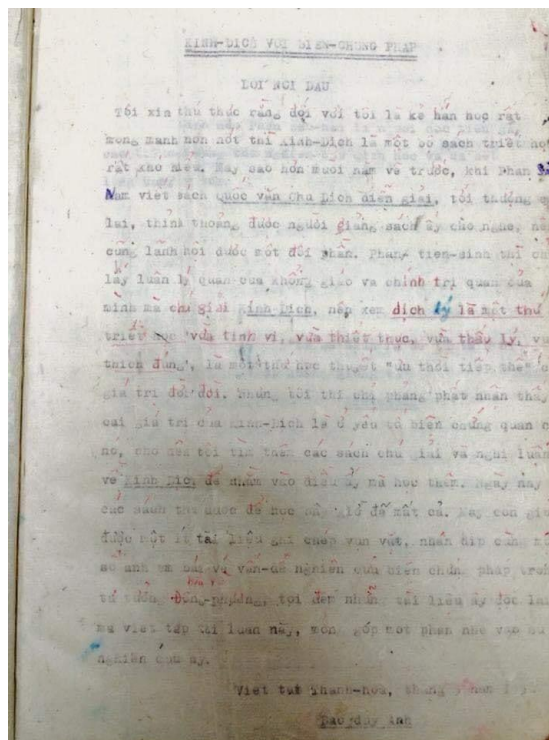
“Đầu năm 1958, vì có liên can vào vụ Nhân văn Giai phẩm tôi thôi giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp”. Vì cú “vấp bị ngã và đau” ấy, Đào Duy Anh chuyên tâm vào hiệu đính các bản dịch tại cơ quan công tác mới là Viện Sử học.

Ngoài nhiệm vụ hiệu đính các bộ sử liệu do cơ quan phân công: *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú); *Đại Nam thực lục* (Quốc sử quán triều Nguyễn); *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê); *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức)...

Nhà văn hoá Đào Duy Anh còn dịch hầu hết *Ức Trai thi tập* - thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi (trừ *Văn bia Vĩnh Lăng*; *Chí Linh sơn phú*; *Bình Ngô đại cáo*; *Băng hồ công di sự*; *Lam Sơn thực lục*); dịch toàn bộ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi để đưa vào in trong Nguyễn Trãi toàn tập (Nxb Khoa học Xã hội – Hà Nội, 1969, tái bản 1976).

Những di cảo còn lại chưa từng xuất bản:

Đó là “*Kinh Dịch với biện chứng pháp*”, bản đánh máy lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.



Đó là bản dịch từ chữ Hán các tác phẩm “*Kinh Thi*”; “*Trăm bài thơ Đường*” (phiên âm và chú giải); “*Đạo Đức Kinh*”... được Giáo sư Đào Duy Anh gửi vào Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước, hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

Bản dịch “Thơ chữ Hán Nguyễn Du” - Những điều trông thấy:

Thơ chữ Hán Nguyễn Du gồm 249 bài. Khi tham gia biên soạn cuốn “*Học giả Đào Duy Anh*” cho lần xuất bản đầu tiên (2014), tôi không chú ý lắm đến chi tiết ông Đào Hùng viết về việc tập “*Thơ chữ Hán Nguyễn Du*” do cụ Đào Duy Anh dịch đã bị biến thành công trình tập thể. Khi đọc lại bản thảo để tái bản (2020), tôi mới chú ý đến điều than thở của ông Đào Hùng: “*Thơ chữ Hán Nguyễn Du*” sau hơn 10 năm mới được ra mắt vào tháng 2/1988, một tháng trước khi cụ Đào Duy Anh qua đời. Lúc này cụ Đào đã nằm liệt giường. Ông Hùng cho đó là điều may mắn vì nếu được đọc cụ sẽ thêm thất vọng.

Tôi lại chú ý đến điểm khác. Đó là từ bản dịch hoàn chỉnh của cụ Đào Duy Anh đã bị hô biến khi thì đồng dịch giả, khi thì đứng tên người khác như thế nào.

Thật may mắn là sinh thời cụ Đào Duy Anh có gửi tặng GS Tạ Trọng Hiệp ở Pháp 1 bản dịch đã đánh máy cẩn thận. Theo mô tả của GS Tạ Trọng Hiệp thì: “Thơ chữ Hán Nguyễn Du (249 bài, dịch hết thành thơ)”.

Chỉ cần đối chiếu vài bản dịch “Thơ chữ Hán Nguyễn Du”, tôi đã thấy rất rõ công nghệ pha chế để từ bản Đào Duy Anh dịch sang tên người khác/ hoặc đồng dịch giả.

Lấy ví dụ trong bài “*Độ Long Vĩ giang*” (dịch nghĩa: Vượt sông Long Vĩ).

Bản Kim Hưng dịch thơ:

“*Ngoảnh đầu nhò quê cũ*

Gió thổi bụi mù đường

Vừa vượt sông Long Vĩ

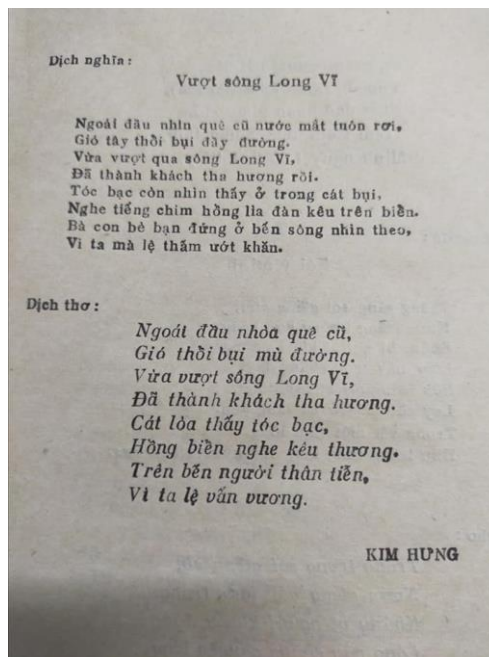
Đã thành khách tha hương

Cát lò thấy tóc bạc

Hồng biển nghe kêu thương

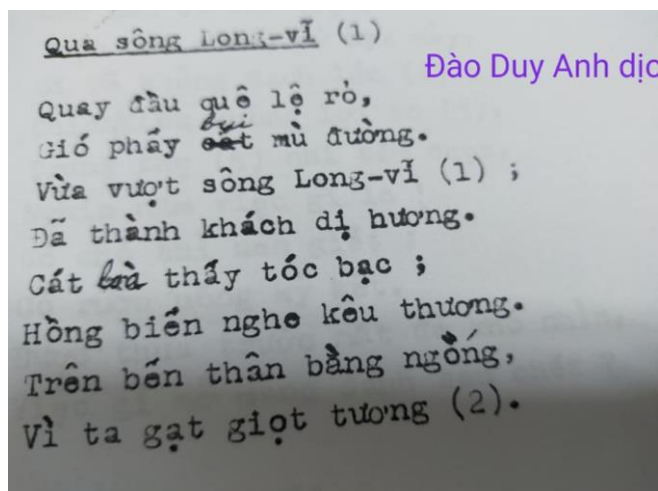
Trên bến người thân tiễn

Vì ta lệ vấn vương”.



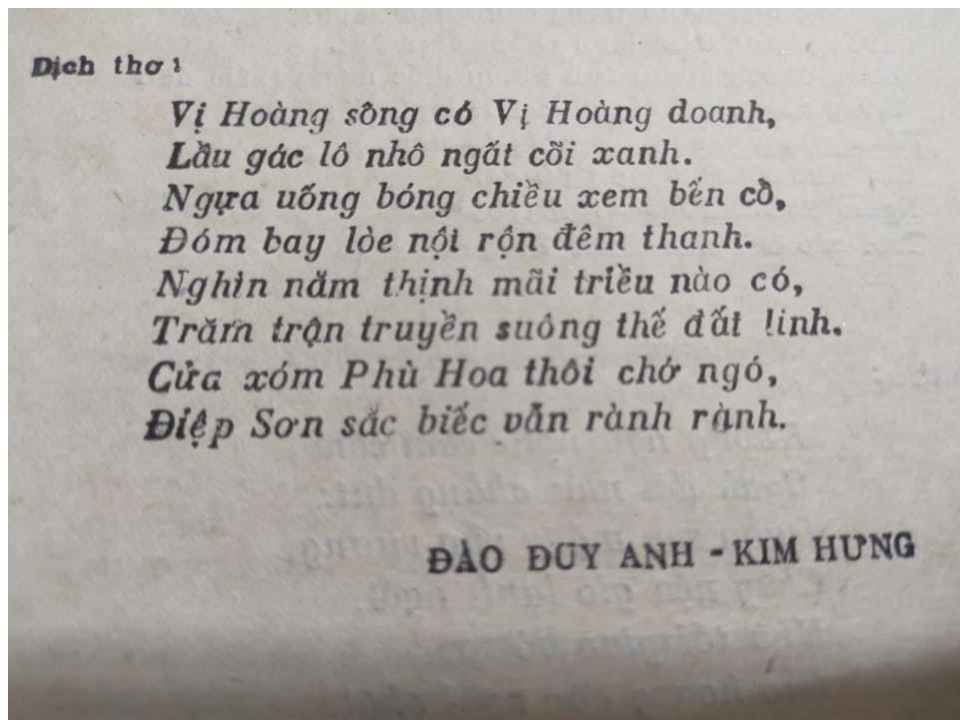
Bản Đào Duy Anh dịch thơ:

“Quay đầu quê lộ rõ
Gió phẩy bụi mù đường
Vừa vượt sông Long Vĩ
Đã thành khách dị hương
Cát loà thấy tóc bạc
Hồng biển nghe kêu thương
Trên bến thân bằng ngóng
Vì ta gạt giọt tương”.



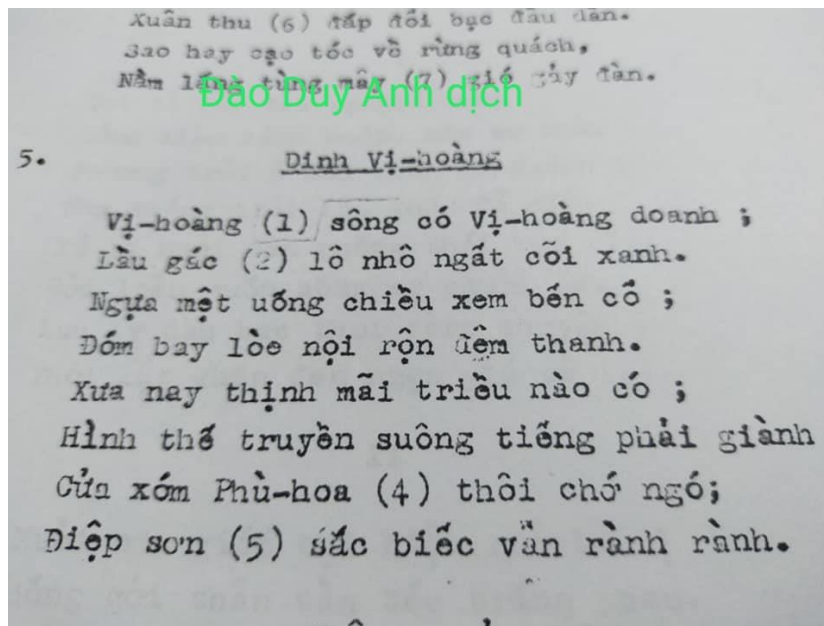
Bài “Vị Hoàng doanh”. Bản dịch thơ đồng dịch giả Đào Duy Anh - Kim Hưng:

“Vị Hoàng sông có Vị Hoàng doanh,
Lầu gác lô nhô ngất cõi xanh.
Ngựa uống bóng chiều xem bến cỏ,
Đóm bay loè nội rộn đêm thanh.
Nghìn năm thịnh mãi triều nào có,
Trăm trận truyền sông thế đất linh.
Cửa xóm Phù Hoa thôi chớ ngó,
Điệp Sơn sắc biếc vẫn rành rành”.



Bản dịch thơ của Đào Duy Anh trong di cảo:

“Vị Hoàng sông có Vị Hoàng doanh,
Lầu gác lô nhô ngất cõi xanh.
Ngựa mệt uống chiều xem bến cỏ,
Đóm bay loè nội rộn đêm thanh.
Xưa nay thịnh mãi triều nào có,
Hình thế truyền sông tiếng phải giành.
Cửa xóm Phù Hoa thôi chớ ngó,
Điệp Sơn sắc biếc vẫn rành rành”.



Còn nhiều ví dụ để dẫn ra cho thấy công nghệ pha chế để đứng chung tên, thậm chí tẩy tên người dịch đi trước rồi thay tên mình vào của người đi sau. Tôi chụp lại bản in sách “*Thơ chữ Hán Nguyễn Du*” (Nxb Văn học, Hà Nội – 1988) và bản thảo (di cảo) đánh máy của cụ Đào Duy Anh. Người xem tự rút ra kết luận cho chính mình và nói theo cách của mình. Việc làm trái đạo này thể hệ của Nhà văn hoá Đào Duy Anh không có.

Tác phẩm tái bản – càng tái bản càng sai:

Giờ đây, các tác phẩm của Nhà văn hoá Đào Duy Anh từ Lịch sử, Văn hoá đến Dịch thuật đều được bạn đọc nồng nhiệt đón nhận. Hãy cứ nhìn vào tên sách tái bản qua các năm, qua các nhà xuất bản và các đơn vị liên kết đủ thấy rõ: “*Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*”; “*Việt Nam văn hoá sử cương*”; “*Đất nước Việt Nam qua các đời*”... Tuy nhiên, điều này cũng cần phải giống lên hồi chuông cảnh báo đó là một số tác phẩm khi được tái bản ở một vài đơn vị xuất bản đã đưa ra thị trường để đến tay bạn đọc một cuốn sách vô cùng tai hại. Xin dẫn ví dụ như cuốn “*Đất nước Việt Nam qua các đời*”.

Cuối năm 2015, NXB Hồng Đức và Công ty CP Alpha books đã cho tái bản “*Đất nước Việt Nam qua các đời*” dựa trên bản in năm 1964, với số lượng 3.000 cuốn, trong bộ “*Góc nhìn sử Việt*”. Thay vì làm cho cuốn sách tốt hơn, hai đơn vị làm sách đã cho bạn đọc thưởng thức một sản phẩm “thảm họa” của ngành xuất bản.

Tôi viết bài phản ánh trên tuần báo Văn nghệ Công an (ấn phẩm của báo Công an Nhân dân) mang tên: “Tái bản sách “Đất nước Việt Nam qua các đời” của học giả Đào Duy Anh: Lỗi nhiều như trâu”.

Nửa năm sau, Nhà xuất bản Hồng Đức liên kết cùng Công ty Văn hoá & Truyền thông Nhã Nam (2016) cho tái bản “Đất nước Việt Nam qua các đời”, số lượng 2.000 cuốn. Nhưng càng tái bản lại càng sai. Nhã Nam tiếp nối Alpha books tung ra thị trường sách một ấn phẩm tệ hại: Trong 380 trang sách hầu hết trang nào cũng sai, sai từ địa danh, sai tên nhân vật, sai sự kiện, đến các mục từ trong Bảng dẫn tên địa lý (Index) cũng sai. Tôi lại tiếp tục phải lên tiếng Văn nghệ Công an qua bài viết: “Sách Đất nước Việt Nam qua các đời - Lỗi chồng lỗi”.

* *

*

Qua những ví dụ trên đây, người viết bài này mong rằng gia đình Nhà văn hoá Đào Duy Anh hãy chung tay góp sức để có file bản thảo hoàn chỉnh đến mức tốt nhất trong khả năng có thể các tác phẩm của cụ.

Xin mượn câu nói của GS Tạ Trọng Hiệp đã qua đời:

- Tôi lại muốn hỏi lần nữa, “các cao đệ của Đào Duy Anh đâu rồi”?

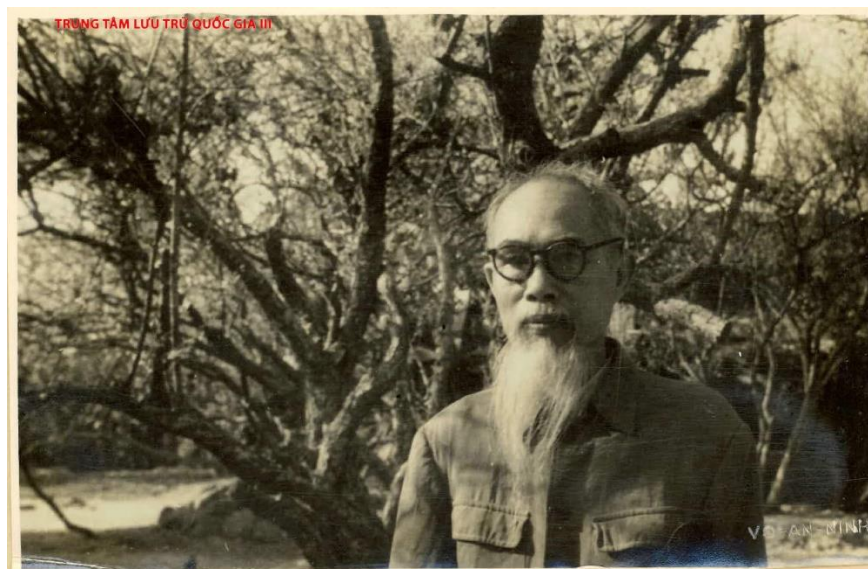
Trước những điều trông thấy về tác phẩm & di cảo của Nhà văn hoá Đào Duy Anh, người viết bài này cũng muốn hỏi: Các cơ quan (Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) luôn tự hào vì có Thầy Đào Duy Anh, nơi treo ảnh, nơi dựng tượng, nơi in sách... vì có Giáo sư Đào Duy Anh – tác giả được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh, người Thầy được Nhà nước phong học hàm Giáo sư đợt đầu tiên (1956)... đâu rồi?

TÀI LIỆU LƯU TRỮ GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH BẢO QUẢN TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III

ThS. NCS. Lê Thị Lý
Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

Trong hơn 13 km giá tài liệu bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, bên cạnh khối tài liệu hành chính, tài liệu khoa học kỹ thuật và tài liệu nghe nhìn chiếm một tỷ lệ lớn, còn có khối tài liệu có nguồn gốc, xuất xứ từ các cá nhân, gia đình, dòng họ. Đây là những tài liệu được hình thành trong quá trình sống, hoạt động, lao động của gần 200 cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu, có nhiều đóng góp đối trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam, phải kể đến là những khối tài liệu của các cá nhân, nhà hoạt động có tên tuổi trong các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, lịch sử, chính trị, nhà nước và khoa học xã hội... như tài liệu Nhà sử học Trần Văn Giáp, Nhà nghiên cứu - phê bình văn học Hoài Thanh, Nhà văn Hoàng Ngọc Phách, Nhà văn Nguyễn Văn Bổng, Giáo sư xã hội học Phạm Huy Thông, Nhà hoạt động nhà nước Tôn Quang Phiệt, Nhà viết kịch Hàn Thế Du, Nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, Nhà hoạt động sân khấu Lộng Chương, Nhà giáo - Nhà nghiên cứu lịch sử Lê Thuớc, Giáo sư sử học Văn Tân, nhà nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản... Khối tài liệu Giáo sư, nhà nghiên cứu Đào Duy Anh bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III có giá trị trên nhiều phương diện góp phần làm phong phú thêm thành phần phong lưu trữ quốc gia Việt Nam.

I. Giáo sư Đào Duy Anh: Đôi nét về tiểu sử và sự nghiệp



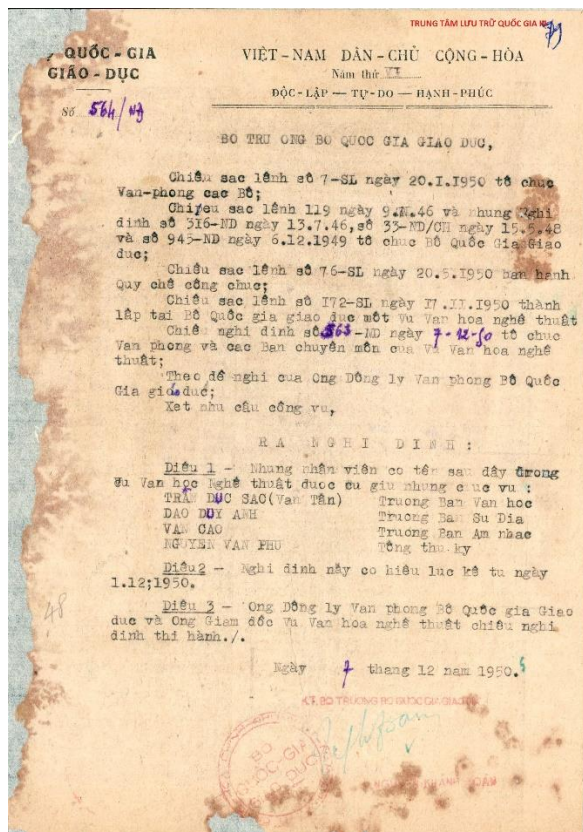
Giáo sư Đào Duy Anh.

Ảnh: Võ An Ninh.

*Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phông GS, Nhà sử học Đào Duy Anh, Mục lục 01, hồ sơ 2.*

Giáo sư Đào Duy Anh (Bí danh: Vệ Thạch) sinh ngày 25/5/1904 tại Nông Công, Thanh Hoá, nguyên quán làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), tốt nghiệp tiểu học năm 1915. Ông tốt nghiệp thành chung (cấp 3) năm 1923 tại Huế. Năm 1924 -1925, Ông dạy học ở Đồng Hới, Quảng Bình. Năm 1926, Ông tham gia sáng lập báo Tiếng Dân và làm thư ký toà soạn. Ông là đảng viên Tân Việt Cách mạng, được giao nhiệm vụ tìm kiếm tài liệu về chủ nghĩa cộng sản, sau đó là phụ trách Tổng Bí thư Đảng năm 1928. Ông đã đọc nhiều sách báo tiếng Pháp, Hán, nghiên cứu văn hoá Đông - Tây và chủ nghĩa Mác, mang đến xã hội Việt Nam những tư tưởng mới. Trong những năm từ 1928 đến 1945, ông viết nhiều sách, bài báo giá trị, tiêu biểu như cuốn Từ điển Hán – Việt (xuất bản 1932), Từ điển Pháp – Việt (xuất bản 1936), Việt Nam Văn hoá sử cương (xuất bản 1938)...

Sau Cách mạng Tháng Tám, Ông hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, tham gia giới văn hoá, văn nghệ toàn quốc và Liên khu IV, là Ủy viên Ban Vận động Đại hội Văn hóa toàn quốc lần thứ Nhất, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hoá Cứu quốc Trung Bộ.



Nghị định số 564/ND ngày 07/12/1950 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc cử các ông đảm nhiệm giữ chức vụ trong Ban Văn học Nghệ thuật, trong đó, Đào Duy Anh giữ chức Trưởng ban Sử Địa trong Ban

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Giáo dục, Mục lục số 1 (1945-1980), hồ sơ 48, tờ 79

giả nào đầy công nghiên cứu và cho ra đời những công trình lớn như vậy. Đến ngày nay, các cuốn sách, các giáo trình vẫn là nguồn tài liệu mà lớp lớp cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học viên, sinh viên vẫn luôn tìm đọc, nghiên cứu... Nhiều công trình của ông được xuất bản lần đầu trong giai đoạn này như: Lịch sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956) Cổ sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956) Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957) Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958)...

Theo yêu cầu của công tác, ngày 14/5/1958, Ông lại được cử về công tác ở Văn phòng Bộ Giáo dục, không lâu sau, ngày 23/01/1960, theo Nghị định số 21/NĐ của Bộ Giáo dục, Ông được điều động về nhận công tác tại Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước. Từ đây, ông giành nhiều thời gian, tâm huyết và tập trung vào nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, văn hoá. Ông nghỉ hưu năm 1965 nhưng vẫn tiếp tục nghiên cứu, viết sách, phiên dịch. Ông đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong nghiên cứu khoa học, giáo dục, sử học, nhiều đầu sách của ông đã được xuất bản trong giai đoạn này như: Đại Việt sử ký toàn thư (1967 - 1968), Đại Nam nhất thống chí (1969 - 1971), Bình thư yếu lược (1970), Nguyễn Trãi toàn tập (1969), Khóa hư lục (1974), Sở từ (1974), Truyện Hoa Tiên (1978), Thơ chữ Hán Nguyễn Du (1988)... có nhiều cuốn được tái bản nhiều lần. Ngoài ra, ông còn biên dịch và chú giải các tác phẩm “Kinh Thi”, “Đạo Đức Kinh” và Học thuyết của Lão Tử nhưng chưa xuất bản. Ngày 01/4/1988, ông qua đời tại Hà Nội, thọ 84 tuổi.

Đào Duy Anh là người thầy, Nhà Sử học, Địa lý, Từ điển học, Ngôn ngữ học, Nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam, được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội Việt Nam, có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau và là người đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam. Những công trình nghiên cứu khoa học của ông là một đóng góp quý báu và là một nguồn tư liệu có giá trị cho giới nghiên cứu khoa học ngày nay.

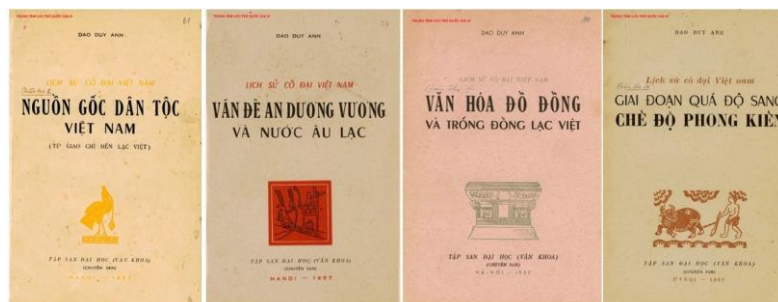
Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ cho cụm công trình: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX; Lịch sử cổ đại Việt Nam; Việt Nam văn hóa sử cương; Đất nước Việt Nam qua các đời*. Tên của ông được đặt cho các con đường tại quận Phú Nhuận (thành phố Hồ Chí Minh), quận Đống Đa (thành phố Hà Nội), thành phố Thanh Hóa... Trên hết, tên tuổi của ông ghi dấu ấn đậm nét trong các thế hệ học trò, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước ngưỡng mộ.

II. Những di cảo của Giáo sư Đào Duy Anh bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

Về số lượng: Tài liệu của Giáo sư Đào Duy Anh hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III là một khối tài liệu quý, đã được chỉnh lý, sắp xếp theo những nguyên tắc nghiệp vụ cơ bản áp dụng cho phong xuất xứ cá nhân, gồm 12 hồ sơ/đơn vị bảo quản, được đánh số từ 01 – 12, với gần 2000 tờ tài liệu, có những kích cỡ khác nhau, phần lớn là tài liệu gốc, bản chính, bản thảo viết tay, bản đánh máy có bút tích sửa chữa của Giáo sư. Có nhiều tài liệu bằng chữ Hán, Nôm các tác phẩm.

Về nội dung: Khối tài liệu của Giáo sư được phân loại và hệ thống hóa theo các nhóm và lập mục lục công cụ tra cứu phục vụ việc khai thác, sử dụng của độc giả một cách dễ dàng, gồm tài liệu về giáo trình, các công trình nghiên cứu và tài liệu biên dịch, chú giải.

Tài liệu về giáo trình, công trình nghiên cứu gồm: Bản thảo viết tay cuốn khảo luận về Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (nhằm so sánh đối chiếu Truyện Kiều của Nguyễn Du với Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân ở Trung Quốc); Cuốn sách Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt, Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến, Tập san Đại học (Văn khoa), Hà Nội năm 1957 và bản được dịch sang tiếng Trung và xuất bản tại Trung Quốc năm 1959...



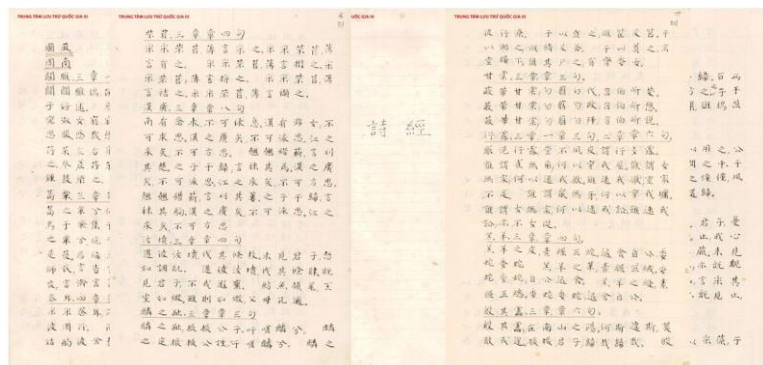
Các trang bìa các tập của cuốn sách Lịch sử cổ đại Việt Nam của Giáo sư Đào Duy Anh, Tập san Đại học (Văn khoa), Hà Nội năm 1957

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,

Phông GS, Nhà sử học Đào Duy Anh, Mục lục 01, hồ sơ 2.

Tài liệu về biên dịch, chú giải gồm: Bản chép tay phần nguyên văn chữ Hán và bản viết tay, đánh máy tác phẩm “Kinh Thi” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh chép, chọn lọc, phiên dịch và chú giải; Bản chép tay phần nguyên văn chữ Hán tác phẩm “Đạo Đức Kinh” và Bản viết tay, đánh máy tác phẩm “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử, do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh phiên dịch

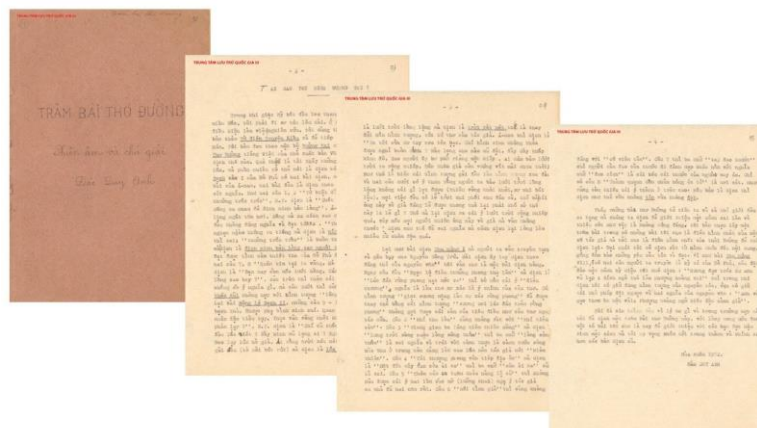
và chú giải; Bản viết tay phần nguyên văn chữ Hán 100 bài thơ Đường; Bản thảo và bản đánh máy cuốn “Nguyễn Trãi Thân thế - Sự nghiệp - Văn chương” của Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh năm 1973-1981; bản đánh máy cuốn “Trăm bài thơ Đường” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh chọn lọc phiên dịch và chú giải năm 1972 (có bút tích của Giáo sư); Bản nháp phần phiên dịch sang tiếng Việt cuốn “Sở từ” của Khuất Nguyên; bản đánh máy cuốn “Nguyễn Trãi tuyển tập” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh lựa chọn và chỉnh lý (có bút tích của Giáo sư); Bản dịch viết tay, đánh máy và ý kiến về một số văn kiện chính yếu của Nguyễn Trãi: Đại cáo Bình Ngô, Văn bia Vĩnh Lăng, Phú núi Chí Linh, Biểu tạ, do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh viết nhân dịp kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi...



Một số trang chép tay phần nguyên văn chữ Hán tác phẩm “Kinh Thi” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh chép.

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,

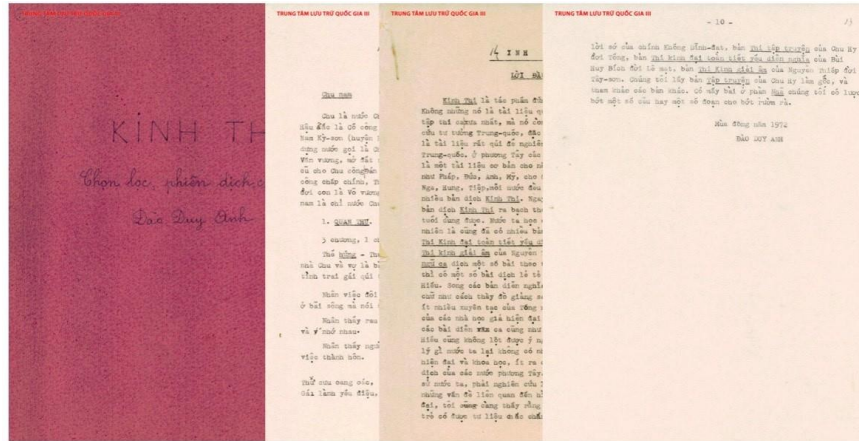
Phòng GS, Nhà sử học Đào Duy Anh, Mục lục 01, hồ sơ 3.



Phiên âm và chú giải của Đào Duy Anh về “Trăm bài thơ Đường” (có bút tích của tác giả)

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,

Phòng GS, Nhà sử học Đào Duy Anh, Mục lục 01, hồ sơ 8.



Chọn lọc phiên dịch và chú giải của Đào Duy Anh về
“Kinh Thi” (có bút tích của tác giả)
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III,
Phòng GS, Nhà sử học Đào Duy Anh, Mục lục 01, hồ sơ 8.

Ngoài ra, còn những bài viết nghiên cứu, bài tham luận, báo cáo của Giáo sư tại các cuộc họp, hội thảo khác nhau được một số cá nhân sưu tầm, như: Bài nghiên cứu “Về sự hình thành các dân tộc Việt Nam”; “Núi Chí Linh và huyện Đỗ Gia trong cuộc chiến đấu của Lê Lợi” và “Chế độ Lang Đạo của người Mường ở Thanh Hóa” của Giáo sư Đào Duy Anh năm 1956, Báo cáo về vấn đề cải cách chữ Quốc ngữ của Đào Duy Anh, Bài viết của Giáo sư Đào Duy Anh về tập ảnh điêu khắc của tác giả Phùng Thị Cúc (tức Điềm Phùng Thị) năm 1974; Bài tham luận "Vị trí, vai trò và ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và Việt Nam" của GS. Đào Duy Anh, năm 1978...

Những công trình, bài viết của Giáo sư, bên cạnh phần nội dung chính của tác phẩm, phần lớn đều có phần lý giải, đặt vấn đề, nêu rõ lý do vì sao phải viết, phải nghiên cứu và quá trình thực hiện những công việc đó như thế nào: Với việc dịch tác phẩm “Đạo đức kinh”, trước khi vào nội dung tác phẩm dịch, Giáo sư đã dành 18 trang để lý giải “chúng tôi hiểu và dịch Đạo đức kinh như thế nào?” và 01 trang để lý giải “vì sao tôi dịch Đạo đức kinh?” hay khi phiên dịch và chú giải “Trăm bài thơ Đường”, Giáo sư đã lý giải “Tại sao tôi dịch Đường thi?”... cho thấy rõ sự trăn trở, cân nhắc và cẩn trọng của Giáo sư trước một hoạt động hay trước một vấn đề nghiên cứu. Trên hết, qua những sự luận giải và mô tả đó, giúp người nghiên cứu, yêu thích, ngưỡng mộ Giáo sư có cơ hội hiểu thêm quá trình, kỹ thuật, phương pháp làm việc của Giáo sư, về cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề, qua đó cũng giúp người nghiên cứu có thể hiểu “câu chuyện phía sau” của công trình mà giáo sư đã thực hiện một cách đầy tâm huyết...

So với thành tựu đóng góp, số lượng những công trình nghiên cứu của Giáo sư đã được xuất bản, in ấn, công bố, số công trình, tài liệu của Giáo sư gửi bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III còn khá khiêm tốn, song đó lại là những tài liệu có giá trị hết sức đặc biệt. Với những nội dung được viết tay, những nội dung được sửa chữa, bổ sung thêm là bút tích của giáo sư góp phần minh chứng về quá trình lao động miệt mài, tình yêu say sưa và đầy tâm huyết, sự trăn trở nặng lòng với nghiên cứu khoa học, nghiên cứu về lịch sử và văn hoá dân tộc Việt, cũng là sự thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần trách nhiệm của ông với lịch sử, văn hoá dân tộc. Nghiên cứu những bản thảo này ta như được tái hiện lại quá trình lao động của giáo sư trước khi cho ra đời một tác phẩm, hiểu hơn về con người ông, về giá trị tác phẩm của ông.

III. Một số nhận xét, đề xuất

84 mùa xuân cuộc đời của Giáo sư Đào Duy Anh và hoạt động nghiên cứu của ông ôm trọn gần một thế kỷ 20, trải dài qua nhiều biến thiên của thời đại, của lịch sử dân tộc và của văn hoá nước nhà. Cuộc đời và hoạt động nghiên cứu của ông đã chiếm một vị trí nổi bật đối với nền sử học và văn hoá Việt Nam.

Tài liệu của Giáo sư Đào Duy Anh là một phong trong hơn 400 phong lưu trữ thuộc Phong Lưu trữ quốc gia Việt Nam bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, là tài liệu gốc, chân thực, có giá trị lịch sử, văn hoá cao, phản ánh phần nào hoạt động và thành tựu nghiên cứu của Giáo sư.

Nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của ông là lĩnh vực chuyên sâu của nhiều nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá, song không thể không nói đến những tài liệu lưu trữ như những di cảo của ông gửi bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, mãi được lưu giữ trong Lưu trữ Nhà nước như một bộ phận của văn hóa dân tộc, mong muốn được gìn giữ, lưu trữ cho hôm nay và cho muôn đời sau. Hy vọng, sẽ có nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học quan tâm, tìm hiểu đặc biệt với những bản thảo tác phẩm, những công trình nghiên cứu của tác giả mà chưa được công bố một cách rộng rãi. Đây là một nguồn thông tin, tư liệu mới về Giáo sư, có ý nghĩa quan trọng góp phần nhìn nhận, đánh giá đầy đủ, khách quan hơn về cuộc đời và sự nghiệp của Giáo sư.

Trung tâm Lưu trữ quốc gia III mong muốn tiếp tục được bổ sung những tài liệu, tư liệu của Giáo sư bảo quản tại Trung tâm để làm phong phú thêm, đầy đủ hơn về thành phần và nội dung tài liệu Phong Giáo sư Đào Duy Anh. Cũng như đối với nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu có đóng góp tiêu biểu, tâm huyết khác, trong thời gian tới, Trung tâm tiếp tục mong muốn các nhà khoa học,

các nhà nghiên cứu sẽ gửi tặng, bảo quản và gìn giữ những tài liệu quý giá của mình vào Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, để tiếp tục gìn giữ, lưu truyền văn hoá về sau.

Với bài viết này, chúng tôi hy vọng đóng góp một phần nhỏ bé nhưng thiết thực nhất của những người làm Lưu trữ vào lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh của ông.

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NHÀ KHOA HỌC ƯƠM MÀN TÀI NĂNG CHO CÁC THẾ HỆ MAI SAU

TS. Lê Thành Ý

Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam

Từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 9 năm 1945) đến nay, hiếm có gia tộc nào có thành công với 2 giải thưởng khoa học Hồ Chí Minh liên tiếp trao cho cả 2 thế hệ cha con và tên tuổi của họ lại được gắn với những con phố đẹp và sầm uất của Thủ đô Hà Nội. Cùng với những giải thưởng khoa học cao quý được trao, Giáo sư Đào Duy Anh còn có công lao to lớn trong đào tạo các nhà khoa học lịch sử và hậu duệ của ông đã được Viện Nghiên cứu Nông nghiệp pháp công nhận là Viện sĩ Hàn lâm ở lứa tuổi 45. Nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh của nhà khoa học lỗi lạc này (25 tháng 4 1904), bài viết ghi lại đôi nét về cuộc đời cách mạng và hoạt động khoa học đào tạo của ông.

Professor Dao Duy Anh is a scientist who nurtures talents for future generations

Since the founding of the Democratic Republic of Vietnam (September 1945) until now, it is rare for any family to be successful with two consecutive Ho Chi Minh science awards awarded to both generations of father and son and the names of They are associated with the beautiful and bustling streets of Hanoi Capital. Along with the noble course awards awarded, Dao Duy Anh also has great contributions in training historical and posthumous scientists. His descendant was recognized by the French Agricultural Research Institute as an Academician at the age of 45. On the 120th anniversary of the birth of this outstanding scientist (April 25, 1904), the article records some details about His revolutionary life and scientific training activities.

Cuộc đời và sự nghiệp

Đào Duy Anh, chữ Hán viết là: 陶維英 sinh ngày 25 tháng 4 năm 1904 và mất ngày 01 tháng 4 năm 1988. Ông là lãnh tụ cách mạng tiền bối; nhà sử học, địa lý, từ điển, ngôn ngữ học và là nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng; được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội ở Việt Nam.

Sinh ra tại tỉnh Thanh Hóa, nhưng dòng họ Đào quê ông vốn ở làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đến đời ông nội mới chuyển cư vào sống ở đất Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Là con trưởng trong một gia đình đông con, cha mất sớm, ông phải tự kiếm sống và giúp mẹ nuôi dạy các em còn nhỏ, nhiều người em trai của ông sau này đều đã trở thành những hoạt động chính trị, nhà báo, nhà sử học nổi tiếng như Đào Duy Kỳ, Đào Hùng, Đào Phan. (Wikipedia 2023).

Sau khi đỗ Thành chung tại Quốc học Huế; năm 1923, Ông vào dạy học ở *Trường Tiểu học Đồng Hới*, nơi đại tướng Võ Nguyên Giáp từng là học trò. Chịu ảnh hưởng của các trào lưu yêu nước đang dấy lên ngày ấy như phong trào đấu tranh đòi "ân xá" cho cụ Phan Bội Châu năm 1925, và đám tang cụ Phan Chu Trinh vào năm 1926. Cuối năm 1925, ông tham gia *Hội Quảng Tri Đồng Hới* đón cụ Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội vào Huế. Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định đến Sài Gòn. Trên đường vào Đà Nẵng, ông gặp cụ Phan Bội Châu đang bị giam lỏng ở chùa Phở Quang, và đến Quảng Nam gặp Huỳnh Thúc Kháng là Viện trưởng *Viện Dân biểu Trung Kỳ*. Ông đã giúp cụ Huỳnh sáng lập báo *Tiếng ân*. Với vai trò Thư ký tòa soạn, ông đã *thét Tiếng dân* trong nhiều cuộc đấu tranh tại kinh thành Huế. Cũng trong năm 1926, Đào Duy Anh tham gia Việt Nam Cách mạng Đảng sau đổi thành Tân Việt Cách mạng Đảng, là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và trở thành Tổng Bí thư của Đảng.

Trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Tân Việt, năm 1928, ông lập NXB *Quan hải tùng thư*, có sự cộng tác của những trí thức nổi tiếng như Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... Với bút danh *Vệ Thạch* (Chim Tinh vệ), ông đã cho xuất bản hàng loạt sách phổ cập để người đọc làm quen với tư tưởng khoa học và duy vật lịch sử như *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Lịch sử nhân loại*, *Phụ nữ vận động*, *Tôn giáo Xã hội và Dân tộc*. Đó là những trước tác đầu tay của học giả trong mục tiêu truyền bá chủ nghĩa Mác và tư tưởng khoa học tiến bộ, góp phần vào phong trào đấu tranh chính trị và văn hóa thời bấy giờ. Ông lấy biệt hiệu là *Vệ Thạch* ví mình như chim tinh vệ nguyện suốt đời ngậm đá lấp biển học mênh mông bát ngát.

Tháng 7/1929, Đào Duy Anh bị chính quyền thực dân bắt giam cho đến đầu năm 1930 mới được ra tù. Ra tù, ông dừng hoạt động chính trị và chuyển sang lĩnh vực văn hóa, được xem là bước ngoặt lớn trong cuộc đời. Ông đã giành hầu hết thời gian chuyên tâm nghiên cứu văn hóa, bắt đầu từ Từ điển rồi đến văn hóa, văn học và lịch sử. Lĩnh vực nghiên cứu ông dốc nhiều tâm sức nhất đó là khoa học lịch sử, đặc biệt là Cổ sử Việt Nam, coi đây là phương tiện tốt nhất để

thức tinh hồn nước, đặc biệt là nhận diện ở tầm học thuật và khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học khu vực và thế giới.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông được mời giảng dạy Lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong *Chi hội văn nghệ Liên khu IV* và là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc từ năm 1946. Năm 1950, được mời ra Việt Bắc làm Trưởng ban Sử-Địa thuộc Vụ Văn học Nghệ thuật, Bộ Giáo dục. Năm 1952, trở về Thanh Hóa giảng dạy tại trường Dự bị Đại học. Sau đó giảng dạy ở Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Hà Nội. Năm 1956, ông được cử làm Chủ nhiệm *Bộ môn Cổ sử Việt Nam* tại Đại học Tổng hợp. Từ năm 1955 đến 1960, ông là Chủ nhiệm khoa Sử Trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp, sau đó chuyển về Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam với nhiều công lao to lớn trong đào tạo nhiều lớp cán bộ nghiên cứu Sử học nước nhà.

Từ 1960 đến 1970, ông đã dịch, hiệu đính và chú giải nhiều bộ sách lớn về văn hoá, sử học như: Lịch triều hiến chương loại chí tạp lục của Lê Quý Đôn, Ưc Trai thi tập, Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, Thơ chữ Hán của Nguyễn Du... Ngoài ra ông còn biên khảo chữ nôm về nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến và dịch Khoá Thư lục của Trần Thái Tông.

Ngày 01 tháng 4 năm 1988, ông qua đời tại Hà Nội, thọ 84 tuổi. Cho đến cuối đời, Đào Duy Anh đã thực hiện trên 30 công trình về nghiên cứu và dịch thuật cổ văn được in thành hơn 60 tập sách bắt đầu từ năm 1927. Với những công trình tiêu biểu là: Hán-Việt từ điển (1932); Pháp Việt từ điển (1936); Việt-Nam văn hóa sử cương (1938); Khổng giáo phê bình tiểu luận (1938); Trung Hoa sử cương (1942); Thảo luận về Kim Vân Kiều (1943); Lịch sử Việt Nam (1956); Cổ sử Việt Nam (1956); Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt", "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến"; Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957); Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958); Đất nước Việt Nam qua các đời (1964); Từ điển Truyện Kiều (viết xong năm 1965 và xuất bản năm 1974) Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975).

Cùng với biên soạn ông đã hiệu đính, biên dịch và chú giải nhiều công trình nghiên cứu như Lịch triều hiến chương loại chí (1961-1962); Đại Nam thực lục (1962 - 1977); Phủ biên tạp lục (1964); Đại Việt sử ký toàn thư (1967 - 1968); Đại Nam nhất thống chí (1969 - 1971); Bình thư yếu lược (1970); Gia Định thành thông chí; Nguyễn Trãi toàn tập (1969); Khóa hư lục (1974); Sở từ (1974); Truyện Hoa Tiên (1978); Thơ chữ Hán Nguyễn Du (1988) và Hồi ký Nhớ

ngữ chiều hôm xuất bản năm 1989. Ngoài ra, ông còn biên dịch và chú giải cả Kinh Thi, Đạo Đức Kinh và học thuyết của Lão Tử.

Là một trong số ít người Việt Nam được ghi tên trong bộ từ điển Larousse với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư. Tên của ông đã được đặt cho các con đường tại quận Phú Nhuận (TP Hồ Chí Minh), quận Đống Đa (TP Hà Nội), thành phố Thanh Hóa và thành phố Hạ Long.

Là một trong những người có công xây dựng nền khoa học xã hội-nhân văn hiện đại, Đào Duy Anh đã đóng góp nhiều công sức trong lĩnh vực nghiên cứu. Ông là Người đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại. Trên lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học, tác phẩm *Việt Nam văn hóa sử cương* của ông cùng với *Văn minh An Nam* (La Civilization Annamite, 1944) của Nguyễn Văn Huyền đã trở thành những công trình nền móng để hình thành nền văn hóa Việt Nam. Trong sử học, với những tư liệu tích lũy nhiều năm và tham khảo những công trình khoa học nước ngoài, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là lịch sử cổ đại và trung đại như vấn đề phân kỳ lịch sử, nguồn gốc dân tộc, vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến và sự hình thành các dân tộc. Sau ngày qua đời, tên của ông đã được đặt cho một đường phố tại thủ đô Hà Nội.

Năm 2000, ông được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ. Đối với Đại học Sư phạm Hà Nội, ông là một trong số người có công đầu với tư cách là giáo sư sử học. Hầu hết những người dạy sử ở Đại học Sư phạm và ĐHQG Hà Nội hiện nay đều là học trò cũ của giáo sư. Trong giới sử học, khi nói đến Đào Duy Anh ai cũng biết, ông là người có công to lớn trong xây dựng nền sử học. Ở ông nổi bật đó chính là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức, không ngừng bổ sung, cập nhật và ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật. Ông đã góp phần đào tạo thế hệ những nhà sử học uyên bác, xứng đáng là cây đại thụ của nền sử học hiện đại nước nhà.

Tình cảm của học trò và những thế hệ đời sau đối với Giáo sư Đào Duy Anh

Giáo sư Hà Văn Tấn, một trong những học trò nổi tiếng của ông cho biết “*Giáo sư dạy chúng tôi bằng tấm gương lao động nghiêm túc. Là một bác học, ông muốn chúng tôi phải hiểu biết thật nhiều. Do vậy, ông buộc chúng tôi phải học, Ông là người khuyên chúng tôi phải học tiếng Nga và các cổ ngữ Phương Đông. Ông nói, không hiểu văn hóa Trung Quốc, văn hóa Ấn Độ, các anh không thể nào hiểu đầy đủ văn hóa Việt Nam*”. Có thể nói, những công trình nghiên cứu khoa học với lòng say mê, nhiệt huyết của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã trở thành một “chiến sĩ” anh dũng trên mặt trận nghiên cứu khoa học xã hội. Những

đóng góp của ông cho hậu thế là một khối “tài sản” khổng lồ. Ông chính là “tượng đài” để các thế hệ những nhà nghiên cứu khoa học xã hội noi theo (Bảo tàng lịch sử Quốc gia 2019).

Trao đổi cùng chúng tôi trước lúc về cõi vĩnh hằng, Viện sỹ, Anh hùng Lao động Nông nghiệp thờ kỳ Đổi Mới, là con trai trưởng của ông cho biết, GS Đào Duy Anh mồ côi cha từ nhỏ đã phải sớm đi làm phụ giúp mẹ nuôi các em ăn học. Từ nhỏ ông đã tiếp thu được thói quen nghiên cứu, tinh trung thực mẫu mực và sức làm việc không mệt mỏi của một người giàu trí tuệ và nghị lực. Mặc dù bận rộn với trăm công nghìn việc, song cha ông vẫn không quên nhiệm vụ giáo dục con cái qua những công việc hàng ngày. Do các trường học chỉ dạy bằng tiếng Anh và tiếng Pháp nên đã phải dạy thêm tiếng Việt và chữ Hán tại nhà. Cùng với giáo dục gia đình, cha ông còn khuyến khích con cháu sớm tham gia những hoạt động xã hội như tham quan, du lịch nên từ nhỏ các con ông đã biết may vá, làm từ thiện và tạo được thói quen nghiêm túc trong học hỏi, nghiên cứu. Tấm gương làm việc của người cha và giáo dục gia đình đã giúp nhà khoa học rèn luyện trong quân ngũ và vượt qua những được những khó khăn ban đầu khi 1 chữ Nga chưa hề biết để chỉ sau 5 năm học đã hoàn thành xuất sắc chương trình đại học và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ nông học của người Việt đầu tiên tại Liên bang Xô Viết (Lê Thành Ý 2006).

Trên chiếu văn ở ngõ Văn Chương Hà Nội, nhà báo Sơn Tùng đã nhiều lần xúc động chia sẻ những ký ức về Thầy Đào Duy Anh. Ông bồi hồi kể lại về 2 bộ từ điển Hán-Việt và Pháp-Việt in năm 1932 và 1936 là 2 cuốn sách nhập môn đạo học Thầy Đào của ông, đặc biệt Việt Nam văn hóa sử cương là cuốn khai tâm mở chí cho ông đi vào văn hóa sử dân tộc, Thầy Đào từng viết *Hai tiếng văn hóa là chỉ chung tất cả các phương diện minh họa của loài người nên có thể nói rằng văn hóa là sinh hoạt*. Chính khách đương thời từng ca ngợi *Đào duy Anh là bậc thiên nhân, học một biết đến nghìn lần, lại có cái đức **đắc khổ trung khổ, phương vi nhân thượng nhân*** (Nuốt được cái khổ trong cái khổ mới làm được hơn người). Cụ Nghè Mai, cháu của Tiên Điền Nguyễn Du từng nói, *Đào Duy Anh chỉ có một mảnh bằng Thành Chung thời bảo hộ vậy mà khi ra khỏi nhà tù đế quốc Pháp đã làm nên bộ Từ điển Hán Việt, Từ điển Pháp-Việt; viết Việt Nam văn hóa sử cương; Khổng giáo phê bình tiểu luận, Trung hoa sử cương... Như ta đây, khi đã là ông Nghè rồi Duy Anh mới ra đời, vậy ta chỉ là người vô dụng mà thôi!*

Trước lúc lên đường vào chiến trường Nam Bộ, nhà văn, Sơn tùng có cơ may gặp lại Thầy Đào và không quên mang theo bộ sách Lịch sử và Nguồn gốc dân tộc Việt của Thầy. Tại miền Đông Nam bộ, nhà văn đã vô cùng xúc động

khi nghe Giáo sư Lê Thiết với giọng Sài gòn ồm ồm nói ra, thiếu Hán học là thiệt thòi rất lớn, tôi phải ăn mày chữ từ bộ Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh (Sơn Tùng 2005).

Những năm cuối đời, vào năm 1983, khi cuốn *Búp Sen Xanh* của Sơn Tùng gặp nạn, Thầy Đào không nói gì tới nạn mà chỉ chia sẻ bằng việc tin cậy gửi tặng tác giả hai bộ sách quý *Nguồn gốc dân tộc*, *Lịch sử Việt Nam* và bản thảo *hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm* đã giao cho con cái và những người thân trong gia đình lưu giữ với lời đề tặng "*Thân ái kỷ tặng bạn quý Sơn Tùng với niềm tin chúng ta sẽ còn sống mãi*" mà nhà văn đã luôn trân trọng trong cả cuộc đời.

Giáo sư Phan Huy Lê, một trong tứ trụ của nền sử học hiện đại Việt Nam từng chia sẻ: "*Lần đầu tiên tôi được biết GS. Đào Duy Anh vào năm 1952. Sau khi tốt nghiệp phổ thông Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh, tôi ra Thanh Hóa học Dự bị đại học. Tôi không bao giờ quên được những buổi giảng bài của Thầy Đào về lịch sử Việt Nam vào ban đêm tại sân đình hay sân nhà tư nhân ở vùng Cầu Kè, chợ Đu Thọ Xuân, Thanh Hóa. Để tránh máy bay địch, chúng tôi học ban đêm, mỗi người mang theo một bàn xếp nhỏ với chiếc đèn dầu tự chế có tấm bìa che chỉ đủ ánh sáng ghi chép. Thầy Đào ngồi trên ghế cao, chậm rãi giảng bài bằng trí nhớ của mình. Học trò nhìn lên không thấy Thầy mà chỉ nghe qua lời giảng đều đều nhưng khúc chiết và sâu sắc. Năm 1954, tôi ra Hà Nội để học tiếp năm thứ hai ban Sử - Địa, Trường Đại học Sư phạm. Năm 1956 sau khi tốt nghiệp, tôi được làm trợ lý tại Bộ môn Cổ sử Việt Nam do GS. làm Chủ nhiệm. Tôi được vinh dự học và làm việc dưới sự hướng dẫn của Thầy đến khi Thầy chuyển sang Bộ Giáo dục rồi Viện Sử học. Đó là chặng đường chập chững khi tôi bước vào nghề viết Sử mà vai trò của Thầy hết sức quan trọng trong định hướng khoa học và hình thành phong cách cho cả cuộc đời nghiên cứu khoa học của tôi (Phan Huy Lê 2021)".*

Ông ghi nhận, lĩnh vực khoa học mà GS. Đào Duy Anh dốc nhiều tâm lực nghiên cứu đó là *Sử học*. Chí hướng khoa học này được xác định ngay sau khi ra tù năm 1930 và được chuẩn bị rất công phu. GS suy nghĩ "*phải chuyên tâm nghiên cứu lịch sử vì chỉ có hiểu biết đầy đủ lịch sử dân tộc mới có thể chắt lọc ra đâu là những yếu tố truyền thống, đâu là những yếu tố ngoại lai*". Ông nhận thấy, hành trang cần thiết đi vào lĩnh vực khoa học là cơ sở kiến thức rộng về lịch sử thế giới, về Lịch sử Đông Tây và những ngành khoa học liên quan về xã hội như: Triết học, Kinh tế, Dân tộc và Xã hội học..., đặc biệt là về phương pháp luận sử học và tư liệu lịch sử. GS đã thuê chép và tìm mua được nhiều sách quý, xây dựng cho mình một tủ sách Hán Nôm phong phú gồm nhiều thư tịch của Việt Nam và Trung Quốc. Ông đã dành nhiều thời gian đi về các thế gia, các dòng họ từ Thanh

Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định để thu thập các loại tư liệu lịch sử. Năm 1938, ông đã ra Hà Nội gặp Nguyễn Văn Tố và nhóm Tri Tân để chuẩn bị xuất bản bộ *Tùng thư sử học* và bộ *Tùng thư văn học*.

Về phương pháp luận sử học, ông tìm hiểu cuốn *Sử học khái luận* thuộc trường phái của chủ nghĩa thực chứng và tham khảo kinh nghiệm nghiên cứu, biểu thị qua các công trình khoa học có giá trị của các học giả Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, nhất là những tác phẩm viết theo quan điểm mác xít của học giả Trung Quốc; GS đã vận dụng thành tựu của phép huấn hử của các nhà kinh học đời Hán, phép khảo cứ đời Minh, Thanh kết hợp với phương pháp văn bản học hiện đại của phương Tây. Trên cơ sở đó, bắt đầu sự nghiệp sử học của mình bằng công việc dịch và chú giải *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn và nghiên cứu cổ sử Việt Nam từ thời tiền sử, nguồn gốc dân tộc đến văn hóa Đông Sơn, kháng chiến chống Tần, và nhà nước Âu Lạc...

GS. Đào Duy Anh tham gia đào tạo các khóa sinh viên của Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hà Nội, những thế hệ sử gia đầu tiên của nền đại học Việt Nam độc lập, nhiều người đã giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nền Sử học hiện đại của đất nước trước khi chuyển Viện Sử học. Ông thôi công tác giảng dạy để chuyên tâm vào một lĩnh vực phù hợp với điều kiện công tác mới và đã không ngừng cống hiến cho nền học thuật của đất nước với nhiều tác phẩm để đời cho các thế hệ mai sau.

Thay cho lời kết

Đào Duy Anh là nhà sử học, địa lý, từ điển học, ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng của Việt Nam. Ông được xem là người mở đầu cho nhiều ngành khoa học xã hội Việt Nam. Với trình độ học vấn Thành Chung, bằng tấm gương lao động và tự học, tự nghiên cứu nghiêm túc suốt cả cuộc đời, ông đã trở thành nhà khoa học lỗi lạc, người đặt cơ sở cho nền từ điển học hiện đại Việt Nam. Là một trong những người xây dựng nền khoa học xã hội nhân văn hiện đại, Đào Duy Anh đã có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu của một trong những học giả lớn của thế kỷ XX. Ông không chỉ để lại cho đất nước sự nghiệp khoa học nhân văn đồ sộ và đa dạng mà còn đào tạo, xây dựng những thế hệ nghiên cứu với nhiều đóng góp trong xây dựng đất nước. Bài viết hy vọng là một nén tâm hương thành kính tưởng nhớ 45 năm ngày mất và 120 năm sinh của ông./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia 2019 *Giáo sư Đào Duy Anh - Cây đại thụ của nền sử học Việt Nam hiện đại*;
2. Sơn Tùng (2005) *Ký ức về Thầy Đào Duy Anh* Chiếu văn ngõ Văn Chương 2005;
3. Phan Huy Lê (2021) *Giáo sư Đào Duy Anh, nhà sử học và văn hóa lớn* Kỷ yếu kỷ niệm 100 năm thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội 12.2021;
4. Lê Thành Ý (2006) *Cả cuộc đời gắn bó với sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn*;
5. Báo Giáo dục và Thời đại số Xuân Mậu Tuất 2006.

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: HÀNH TRÌNH TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC

Giáo sư **Đào Duy Anh** (Bút danh: Vệ Thạch), sinh ngày 25 tháng 4 năm 1904 tại Thanh Hóa. Nguyên quán là làng Khúc Thủy, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội). Ông từng là Tổng Bí thư của Đảng Tân Việt, một trong 3 tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đế quốc Pháp bắt năm 1929, ra tù hoạt động nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc bằng phương pháp khoa học mới của thời đại để sớm truyền bá tư tưởng yêu nước, chủ nghĩa Mác - xít cho nhân dân. Ông đã cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng, Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm báo Tiếng Dân và mở Quan Hải tùng thư ở Huế. Ông là nhà sử học, địa lý học, từ điển học, ngôn ngữ học, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, văn học dân gian nổi tiếng và được xem là người mở đầu cho nhiều chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam. Suốt cuộc đời, từ hoạt động cách mạng sôi nổi đến hoạt động khoa học tận hiến với khát vọng cống hiến lớn lao cho dân cho nước, ông đã để lại một di sản học thuật đồ độ. Ông mất ngày 01 tháng 04 năm 1988 tại Hà Nội.

Trưởng thành trong một gia đình đại trí thức yêu nước

Giáo sư Đào Duy Anh sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức yêu nước và dần thân đi làm cách mạng. Cụ thân sinh ra Giáo sư Đào Duy Anh là cụ Đào Đình Diệp làm thông lại ở Nông Cống, huyện Thanh Hóa. Cụ ông mất sớm, cụ bà Nguyễn Thị Hòe về ngụ trong chùa Vĩnh Thái, nơi cư mang nhiều cán bộ hoạt động trước cách mạng, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi mới có bằng Thành Trung, Giáo sư Đào Duy Anh đã đi dạy học ở Đồng Hới để đỡ gánh nặng cho mẹ và nuôi các em ăn học. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, các em ruột của Giáo sư Đào Duy Anh đã hy sinh chịu đựng trong lao tù đế quốc.

Trong thư gửi Ban Tổ chức Trung ương Đảng (1992), ông Đào Phan (tức **Đào Duy Đính**) kể về quá trình hoạt động cách mạng của những người em ruột Giáo sư Đào Duy Anh: Anh **Đào Duy Phiên** bị Pháp bắt năm 1940 do tham gia phong trào chống Pháp ở Sài Gòn, bị đày ra Côn Đảo năm 1945 mới được về; Anh **Đào Duy Liên** (cùng cha khác mẹ) bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt tại Sài Gòn năm 1956, đày ra Côn Đảo 5 năm vì tội chống ngụy quyền và đế quốc Mỹ; Chị **Đào Thị Quyền** và chồng là anh **Đào Văn Lan** đã hoạt động bí mật cho Đảng Cộng sản Đông Dương ở Hải Phòng (1936-1939), ở Sài Gòn năm 1940 là cơ sở của đồng chí Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh và các đồng chí khác ngay lúc Nam Kỳ khởi nghĩa; Anh **Đào Duy Kỳ** là trí thức hoạt động tuyên truyền, báo chí,

huấn học cho Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1935, Quyền Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1941-1942, đã bị Pháp bắt tù Hỏa Lò (Hà Nội) và đày ra Côn Đảo và vợ là chị **Trần Thị Minh Châu**, cựu Bí thư Liên tỉnh Hà Đông - Hưng Yên thời hoạt động bí mật, đã trực tiếp chỉ huy Đội Du kích Bắc Sơn, rồi tham gia Ủy ban khởi nghĩa ở Tân Trào (Tuyên Quang) 1944-1945; Em **Đào Thị Định** hoạt động bí mật ở Thừa Thiên - Huế bị Pháp bắt năm 1940 giam tại nhà tù Thừa Thiên, tham gia Ủy ban khởi nghĩa tháng 8/1945 ở Huế. Là Tỉnh ủy viên tỉnh Thừa Thiên Huế, Trưởng ban Tổ chức Hội Phụ nữ Trung ương...". Về cá nhân mình, ông Đào Phan viết: "Xuất phát từ nhân cách một chiến sĩ đi làm cách mạng từ năm 16 tuổi, đã từng làm Bí thư Thành ủy Huế năm 1937 và Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ Hà Nội (Bí thư Thành ủy) trong thời kỳ Đảng còn hoạt động bí mật, đã từng bị Pháp bắt giam 2 lần tại các nhà tù Thừa Thiên năm 1938-1939, Phan Rang năm 1939-1940, Hỏa Lò - Sơn La năm 1942-1943, Côn Đảo năm 1944-1945".

Bà **Trần Thị Như Mân**, phu nhân của Giáo sư Đào Duy Anh vừa là người đồng chí cùng hoạt động cách mạng vừa là người trợ lý đặc biệt của học giả Đào Duy Anh. Bà sinh năm 1907, là cháu nội của cụ Trần Tiến Thành, Thượng thư bộ Binh triều Tự Đức, Văn Minh điện đại học sĩ, phụ chính đại thần sau khi vua Tự Đức qua đời, là người đã bảo trợ các nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch, giới thiệu họ với nhà vua. Bà là con của Giải nguyên Trần Tiến Hối, Tổng đốc Nghệ An. Năm 1925, khi đang làm giáo viên trường nữ trung học Đồng Khánh thì được tin cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt ở Thượng Hải, bị dẫn độ về nước, và bị tòa đề hình Hà Nội kết án tử hình, bà cùng với một số bạn đồng nghiệp cùng chí hướng đánh điện cho Toàn quyền Varenne xin ân xá cho cụ Phan. Sau đó, bà cùng mẫu thân của nhà báo Hải Triều, lập Nữ công học hội là tổ chức xã hội phụ nữ đầu tiên của nước ta ở Huế. Tại đây, cụ Phan Bội Châu, bấy giờ bị Pháp an trí ở Huế, ủng hộ và đến nói chuyện về phong trào phụ nữ trên thế giới. Sau khi ra khỏi nhà tù thực dân vì tham gia những phong trào yêu nước, bà tham gia các hoạt động nghiên cứu cùng học giả Đào Duy Anh. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 với uy tín của mình, bà được mời làm hội trưởng Hội Phụ nữ Thừa Thiên Huế và trải qua nhiều vị trí công tác khác tại Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cho đến ngày nghỉ hưu.

Cho đến nay, các con, cháu chắt và các thế hệ hậu duệ của Giáo sư Đào Duy Anh đều phát huy truyền thống của một gia đình trí thức yêu nước, suốt đời phấn đấu học tập, cống hiến phụng sự Tổ Quốc và đồng hành với vận mệnh dân tộc. Tiêu biểu phải kể đến người con trưởng của ông là Giáo sư, Viện sĩ, Anh hùng lao động **Đào Thế Tuấn** (1931-2011) là một nhà nghiên cứu đầu ngành về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Ông là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu

khoa học có giá trị, nhiều bài viết được các báo, tạp chí trong và ngoài nước xuất bản. Từ năm 6 tuổi, ông Đào Thế Tuấn đã gia nhập Hướng đạo sinh, rồi Thiếu sinh Lê Lai đi theo các huynh trưởng hướng đạo như các ông Hoàng Đạo Thúy, Tạ Quang Bửu... Tháng 5 năm 1950, ông Đào Thế Tuấn gia nhập quân đội, công tác ở Bộ Tổng tham mưu, lúc đầu thuộc Cục Tình báo, sau chuyển về ban bí thư của phó Tổng Tham mưu trưởng, chiến đấu ở bộ phận tham mưu tiền phương các chiến dịch Trần Hưng Đạo ở Trung Du và Hoàng Hoa Thám ở Đông Bắc. Năm 1953, Đào Thế Tuấn khi được nằm trong số 50 thanh niên cử đi Liên Xô học. Sau về công tác trong ngành nông nghiệp đến khi nghỉ hưu. Ghi nhận công lao to lớn của Giáo sư, Viện sĩ Đào Thế Tuấn trong sự nghiệp khoa học và những đóng góp thiết thực cho sản xuất nông nghiệp, Đảng, Nhà nước và quốc tế trao tặng ông Huân chương Chiến thắng Hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ Hạng Nhất, Huân chương Lao động Hạng Hai, Huân chương Công trạng Nông nghiệp của Pháp. Năm 2000 được trao danh hiệu Anh hùng Lao động Xã hội Chủ nghĩa, năm 2005 được Giải thưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra ông còn được thưởng các Huân chương Sĩ quan Công trạng Nông nghiệp, Sĩ quan Cảnh cộ Hàn lâm và Giải thưởng Rene Dumont. Nhưng đối với ông, vinh dự to lớn nhất là sự biết ơn của đông đảo nông dân Việt Nam, là tình cảm quý trọng của các lớp cán bộ, học sinh, đồng nghiệp. Tên của Giáo sư Đào Thế Tuấn được đặt cho một con phố mới tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội năm 2022.

Từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác

Để tìm hiểu về hành trình từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác của Giáo sư Đào Duy Anh chúng tôi đã tìm đọc cuốn Hồi ký “Nhớ nghĩ chiều hôm”, bài viết “Tôi đã theo cách mạng và phục vụ Tổ Quốc như thế nào?” được Giáo sư Đào Duy Anh viết ngày 29 tháng 12 năm 1970 và đối chiếu với những tư liệu về Giáo sư Đào Duy Anh đang được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, cùng như nhiều tài liệu được công bố tại Hội thảo kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2004).

Theo đó, một sự kiện làm xoay chuyển cuộc đời Giáo sư Đào Duy Anh vào năm 1925, lần đầu tiên, ông được tiếp xúc với cụ Phan Bội Châu, nhà chí sĩ cách mạng, bị chính quyền thực dân giải qua Đồng Hới về an trí ở Huế. Với hào khí của cụ Phan, ôm trí lớn, mong vượt biển khơi đã thúc dục chàng thanh niên Đào Duy Anh phải thoát ngay khỏi chốn ao tù để tìm nơi trời cao biển rộng. Ông quyết chí lên đường vào Nam, hành nghiệp làm báo. Đào Duy Anh viết trong hồi ký: *"Trên đường vào Nam, tôi ghé lại Huế, mong yết kiến cụ Phan Bội Châu mà cả nước bấy giờ đều xem là linh hồn của chủ nghĩa yêu nước. Tấm lòng yêu nước của cụ Phan chói lọi một vầng nhật nguyệt"*. Hình ảnh ông già Bến Ngự được

nhân dân yêu thương, nhắc nhở nam nữ thanh niên, học sinh các trường Đông Khánh, Quốc học và Bách Công luôn đến thăm cụ để nghe cụ nói chuyện và khuyên nhủ. Nhớ đến cụ Phan Bội Châu, Giáo sư Đào Duy Anh viết: "*Tôi có cái cảm giác rằng, mặc dầu công cuộc vận động cách mạng của cụ đã hoàn toàn thất bại, như cụ thường nhắc, cụ vẫn ngồi đấy nghiêm nhiên như cầm ngọn đuốc yêu nước để chờ trao tay cho thế hệ thanh niên bây giờ, đương loay hoay tìm đường cứu nước, cứu dân*".

Một trong những thời kỳ hăng say sôi nổi nhất của Giáo sư Đào Duy Anh là thời làm báo Tiếng Dân với cụ Huỳnh Thúc Kháng tại Huế, cụ Huỳnh là một nhà nho có tiếng ở Quảng Nam. Nhớ đến lời cảm thán của cụ Đào Duy Anh viết trong hồi ký: "*Tờ báo Tiếng Dân mà ra đời được thuận tiện là nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, vô tư và dân cảm của bao người. Thời làm báo Tiếng Dân, người sớm giác ngộ*". Ông viết ở đây: "*Tôi chỉ muốn nhấn mạnh cái khía cạnh chủ đạo là sự diễn biến tư tưởng của tôi từng bước đi vào chủ nghĩa Mác để lấy nó làm cái kim chỉ nam hướng dẫn mọi hoạt động của tôi trong lĩnh vực văn hóa*".

Như những cánh chim vượt biển, ông cùng các đồng chí lập nhà xuất bản Quan Hải Tùng Thư để phổ biến cho thanh niên những kiến thức về chủ nghĩa Mác và kiến thức mới về khoa học. Ông lấy bút hiệu là Vệ Thạch, với ý nguyện làm con chim Tinh Vệ suốt đời ngậm đá lấp Biển Đông, lấp đầy cái bể học mênh mông của đất trời.

Giáo sư Đào Duy Anh từng chia sẻ: "Khoảng mùa thu năm 1927, khi tôi phụ trách công việc thư ký tòa soạn của báo *Tiếng Dân* bắt đầu xuất bản thì tôi được Đảng giao cho trách nhiệm lấy danh nghĩa cá nhân mà xuất bản Quan Hải tùng thư để hỗ trợ cho việc tuyên truyền cách mệnh. Tôi vừa được đọc những tài liệu tuyên truyền và huấn luyện cách mệnh mới do Tổng bộ của Đảng gửi cho, trong ấy quan trọng nhất là tập sách in thạch đề là *Đường cách mệnh* gồm những bài giảng của lớp huấn luyện cán bộ do *Việt Nam [thanh niên] cách mệnh Đảng chí hội* tổ chức ở Quảng Châu, nên tôi đã được hiểu thêm nhiệm vụ cách mệnh quốc gia và nhiệm vụ cách mệnh thế giới kết hợp nhau như thế nào. Sau một năm đọc một cách tranh thủ thời gian những sách chữ Pháp và chữ Hán tôi kiếm được ở Sài Gòn và Chợ Lớn, tôi đã nhận thấy rằng phương pháp, tư tưởng và chủ trương cách mệnh của chủ nghĩa Mác đã giúp tôi giải quyết được hầu hết những vấn đề về nhân sinh quan và về chính trị tôi tự đặt cho mình mà các thuyết khác, từ các triết học của Đông phương như Nho giáo, Phật giáo, đến các học thuyết cách mệnh dân chủ của Tây phương cũng như chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Văn không thể giúp tôi giải quyết được một cách thỏa đáng. Tôi bèn nghĩ rằng để chuẩn bị cho lớp thanh niên ta có điều kiện mà gần gũi với con

đường cách mệnh do Đảng chủ trương thì phải làm sao dần dần khiến họ làm quen được với những tư tưởng sơ đẳng của chủ nghĩa Mác mà tôi cho là cái chìa khóa mở cửa tất yếu. Tôi bèn quyết định lợi dụng việc xuất bản hợp pháp mà gieo vào tâm trí của thanh niên ta một ít kiến thức sơ đẳng về chủ nghĩa Mác lẫn với một số kiến thức mới về khoa học, nhất là khoa học xã hội, với cái chiêu bài hợp pháp là mở mang trí thức".

Năm 1928, khi ở tuổi 24, chàng thanh niên Đào Duy Anh đã được bầu làm Tổng bí thư của Tân Việt Cách mạng Đảng, được giao nhiệm vụ viết luận cương chính trị của Đảng Tân Việt, là một trong ba đảng tiền thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Theo Giáo sư Văn Tạo, nguyên Viện trưởng Viện Sử học chia sẻ: “GS Đào Duy Anh là một trong những người đầu tiên viết sách tìm hiểu về chủ nghĩa Mác, viết sách về chủ nghĩa Mác, công bố sách đó. Mặc dù trong nhà tù Hòa Lò, quyển sách của ông bị hư hỏng, nhưng vẫn được đọc và truyền tay nhau bởi vì sách của ông dễ hiểu và dễ đọc. Một người tin vào Cách Mạng như, tin tưởng vào CNXH, lòng yêu nước của ông tỏa ra trong khoa họ tỏa ra trong khoa học cũng như trong cuộc sống đời thường”.

Quan hải tùng thư học theo Đông phương văn khó của Trung Quốc ra những tập sách nhỏ chừng 100 trang trở xuống. Giáo sư Đào Duy Anh kể lại qua bài viết “Tôi đã theo cách mạng và phục vụ Tổ Quốc như thế nào?” được ông viết ngày 29 tháng 12 năm 1970: “Về nội dung thì tôi dựa theo kinh nghiệm học hỏi mà bản thân tôi đã trải qua để dựng nên một chương trình xuất bản trước mắt. Tôi nghĩ rằng với tư tưởng truyền thống của nhân dân ta là tư tưởng Nho giáo hoặc Tam giáo, cũng như với cơ sở tư tưởng duy tâm của Tây phương mà thanh niên ta hấp thụ được trên ghế nhà trường, người ta khó lòng đi thẳng đến tư tưởng duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác. Trước hết cần cho người ta làm quen với tư tưởng khoa học và tư tưởng duy vật, mặc dù là tư tưởng duy vật thông tục”. Thực hiện mục đích trên, chỉ trong một thời gian ngắn, *Quan hải tùng thư* đã xuất bản được một số sách tiên bộ, phần lớn là của Giáo sư Đào Duy Anh dịch, như các cuốn *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Phụ nữ vận động*, *Lịch sử nhân loại*, hoặc biên soạn như: *Tôn giáo là gì? Xã hội là gì? Dân tộc là gì?* Những tập sách đó đều được biên soạn chủ yếu dựa vào các sách của Boukharin và Lênin... Và như vậy, tủ sách *Quan hải* của Giáo sư Đào Duy Anh đã góp một ngã đường đưa chủ nghĩa Mác vào Việt Nam. *Quan hải tùng thư* phải đình bản tháng 7-1929 khi Đào Duy Anh bị bắt, sau khi ra được 13 tập sách nhỏ.

Giáo sư Đào Duy Anh cùng với một số Đảng viên Tân Việt bị chính quyền thực dân bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ, đến gần cuối năm 1930, ông mới được phóng thích với cái án treo 3 năm tù. Bấy giờ là lúc thoái trào cách mạng, cũng là một bước ngoặt trong cuộc đời Đào Duy Anh. Trong Nhật ký của mình, ông tự nhận xét mình đã thất bại ở con đường chính trị, dù rất hăng hái nhưng thiếu kinh

nghiệm: “*Tôi chỉ nên chuyên tâm vào nghiên cứu lịch sử và làm học thuật, góp phần phục hồi cái sinh khí của dân tộc đang bị lụi tàn dưới chế độ thống trị thực dân mà thôi*”.

Từ bỏ vào con đường chính trị mà ông từng sớm lựa chọn, dần thân với tinh thần của một người chí sĩ cách mạng, ông chuyên tâm dạy học và viết sách, những người bạn cũ mở trường tư thục Thuận Hóa và trường công giáo Thiên Hựu mời ông Đào Duy Anh về giảng dạy. Trong bối cảnh tiếng Việt được sử dụng phổ biến hoàn toàn thay thế cho Hán tự, Giáo sư Đào Duy Anh biên soạn bộ Hán Việt từ điển, một bộ sách rất có giá trị thời bấy giờ. Cuốn từ điển đã được cụ Phan Bội Châu viết lời đề với những lời khích lệ đầy tự hào: “*May mắn thay, gần đây gặp được người bạn thanh niên là Đào Duy Anh, vừa biên thành bộ Hán Việt từ điển, thấy chú thích tinh tường, phân giải minh bạch, tóm tắt hết từ ngữ thuộc về Hán Văn mà Việt Văn cần phải dùng đến cộng hơn bốn vạn điều*”.

Nói tiếp thành công đó, ông tiếp tục soạn tiếp Pháp Việt từ điển, sách ra đời năm 1936, giữa lúc phong trào cách mạng nước ta đang phục hồi bước sang giai đoạn đấu tranh mới. Trong hoàn cảnh này, Pháp Việt từ điển đã được bạn đọc khắp nơi trong nước đòi hỏi, góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ văn hóa và hiểu biết của đồng bào.

Trong thời gian này, Giáo sư Đào Duy Anh đã viết nhiều bộ sách có giá trị quan trọng với Việt Nam. Việt Nam văn hoá sử cương là một trong những công trình quan trọng nhất của học giả Đào Duy Anh. Cuốn sách được biên soạn và xuất bản lần đầu năm 1938, là một nỗ lực giải quyết “cuộc va chạm” giữa văn hóa Việt Nam truyền thừa từ bao đời và văn hóa phương Tây du nhập lan tràn trong bối cảnh xã hội nước ta đầu thế kỷ XX.

Đây là cuốn sách được coi là cuốn sách đầu tiên về văn hóa Việt Nam, và có mối quan hệ chặt chẽ với các nhóm trí thức, học giả ở Huế và cả nước. Nhà nghiên cứu Thân Trọng Ninh, một học trò cũ của Giáo sư Đào Duy Anh từng cho biết: “*Giáo sư Đào Duy Anh là nhà nghiên cứu dùng cái từ nhà cứu mà ở lĩnh vực nào cụ cũng có tham gia, viết về sử, viết về văn học, viết về ngoại ngữ, về tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, mấy ai mà thời kỳ ấy thì ở Huế chỉ có một Đào Duy Anh*”.

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nhắc đến những nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh về Truyện Kiều và thơ chữ Hán Nguyễn Du. Từ điển Truyện Kiều của Giáo sư Đào Duy Anh, một công trình ghi dấu được sự tiến bộ vượt bậc trong lịch sử của ngôn ngữ và văn học nước nhà. Nén hương tưởng niệm để nhớ đến tấm lòng thương cảm của thi hào với số phận con người trong một xã hội phong kiến bạo tàn. Trong hồi ký Đào Duy Anh đồng cảm xót xa với lời vang vọng của

Nguyễn Du: "*Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như? 300 năm nữa mơ màng, hỏi xem ai có khóc chàng Tố Như*".

Cách mạng Tháng 8 đã bùng nổ và ngày 19 tháng 8 năm 1945 ở Hà Nội, chính quyền đã về tay nhân dân. Ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản tuyên ngôn độc lập "*Nước Việt Nam có quyền tự do, độc lập và thực sự đã trở thành nước tự do, độc lập*". Ngày 23 tháng 8 năm 1945, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên phủ Văn Lâu, một thành phố Huế cách mạng đã ra đời. Trong những ngày đầu cách mạng, đột nhiên, cuối năm 1945, Đào Duy Anh có giấy gọi bị bắt giữ. Nhưng cách mạng cũng đã không quên những trí thức có tâm lòng trong sáng, trên đường ông bị giải ra ngoài Bắc, may mắn thay ông đã gặp lại Võ Nguyên Giáp, một học trò cũng là đồng chí cũ trong Đảng Tân Việt. Ông được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, người có tâm lòng trân trọng với tầng lớp trí thức yêu nước có tài. Ông được Bác Hồ tiếp ở nhà khách Chính phủ, thăm hỏi về tình hình văn hóa nước nhà và mời tham gia xây dựng trường đại học mới.

Năm 1946, tình hình chính trị căng thẳng ở Hà Nội do giặc Pháp gây hấn, "*chúng muốn cướp đất nước ta một lần nữa*", chiến tranh bùng nổ toàn dân bước vào cuộc kháng chiến gian khổ và oanh liệt kéo dài suốt 9 năm. Cuối năm 1946, Giáo sư cùng gia đình tản cư về Thanh Hóa, tham gia Hội Văn hóa kháng chiến và được bầu làm Chi Đội Trưởng giảng dạy các lớp văn hóa ở khu B.

Năm 1950, ông lên Việt Bắc tham gia thành lập Ban nghiên cứu Sử Địa trực thuộc Bộ Giáo dục. Đến năm 1952 lại trở về Thanh Hóa giảng dạy môn lịch sử ở trường Dự bị Đại học. Mảnh đất quê hương Thanh Hóa đã cưu mang nuôi dưỡng những thế hệ thầy trò Trường Dự bị Đại học, những năm kháng chiến một cuộc sống đơn sơ nghèo khó mà suốt đời không thể nào quên. Vượt qua những ngày ốm đau bệnh tật, thầy Đào Duy Anh đã dồn hết sức lực vào dạy học truyền lại cho thế hệ học sinh kháng chiến niềm say mê với lịch sử nước.

Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève năm 1954, gia đình Giáo sư Đào Duy Anh theo đoàn quân kháng chiến trở về Thủ đô giải phóng trong niềm vui phấn khởi, tràn đầy tin tưởng. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn được thành lập, giáo sư Đào Duy Anh được giao công tác giảng dạy, phụ trách bộ môn Lịch sử Việt Nam. Thành tựu không thể phai mờ được, với sự nghiệp đào tạo đại học của Giáo sư Đào Duy Anh ở khoa Sử chính là một người khai sáng, nhưng đồng thời người để lại một thế hệ, những thầy, những học trò, những học trò đồng nghiệp của mình, một định hướng rất đúng đắn. Đó là giảng dạy đại học gắn liền với nghiên cứu khoa học, thế hệ sau xứng đáng trở thành

những người học trò xuất sắc của ông. Trong đó phải kể đến các Giáo sư: Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có một chiều dày lịch sử đào tạo trí thức và những nhân tài, trong số những bậc thầy tôn kính đầu tiên ấy, Giáo Sư Đào Duy Anh một học giả uyên bác với những công trình văn hóa đồ sộ như trong từ điển bách khoa Larruse của nước Pháp đã nhận định: “Đào Duy Anh nhà văn hóa Việt Nam hiện đại, nhà phê bình, nhà khảo luận và tác giả của nhiều bộ từ điển là một tên tuổi lớn trong các nhà bách khoa toàn thư”. Ông không chỉ là người có công tham gia mở đầu cho nền sử học mới, mà còn góp phần to lớn và việc đào tạo đội ngũ các nhà nghiên cứu sử học nổi tiếng hiện nay. Những tác phẩm của ông là những viên ngọc sáng trong kho tàng văn hóa lịch sử Việt Nam, sẽ còn nhiều thế hệ sau này tìm trong những tác phẩm của Đào Anh hành trang cần thiết để dẫn bước trên con đường học tập những cột mốc mở đường của ông nhiệt tâm và nhân cách trí thức của ông vẫn còn lại mãi với mai sau. Trong đó có cuốn Lịch sử cổ đại Việt Nam của Giáo sư Đào Duy Anh đã được Viện khoa học Trung Quốc dịch in năm 1957 để lại nhiều kỷ niệm tốt đẹp trong cuộc đời học thuật của ông.

Trong không khí những năm đầu giải phóng Hà Nội, sức sống bền bỉ và ý chí quật cường bất khuất của dân tộc Việt Nam cuối cùng đã khôi phục được tự do độc lập. Trả lời phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ trong Giai Phẩm mùa thu năm 1956, ông viết “*cái điều kiện cuối cùng mà không thể thiếu được để cho học thuật phát triển là tự do tư tưởng, tự do thảo luận*”.

Bài báo đó khiến ông liên quan vào vụ Nhân Văn Giai Phẩm, ông buộc phải thôi giảng dạy ở trường Đại học Tổng hợp. Suốt hai năm chờ đợi để được bố trí công tác là một thời kỳ khó khăn trong cuộc đời ông cả về sinh kế và nhân tình thế thái. Theo Nhà sử học Đào Thế Hùng, con trai Giáo sư Đào Duy Anh: “*Sau khi cũng bị kỷ luật vì cái vụ Nhân Văn Giai Phẩm thì lúc đó tôi cũng đang ở cạnh cụ ở chung trong nhà cùng vì hồi đó tôi đang học ở đại học, thì tôi đã chứng kiến tất cả cái sự xa lánh của những người bạn bè cũ và học trò cũ nói là hồi đó thì ai cũng sợ cả, tất cả những học trò mà thân thiết của cụ không ai dám bước chân đến nhà. Thậm chí trong những bạn bè những người lâu nay vẫn kính trọng nhau, thế nhưng mà có những người khi mà phê phán thì cũng lên tiếng đao to búa lớn để phê phán cụ tôi, thậm chí còn dựng đứng những cái điều mà không có thật để mà phê phán cụ tôi cho nên điều ấy đã làm cho cụ tôi rất phiền lòng và mới nghĩ đến cái nhân tình thế thái hay đổi như vậy cũng đáng buồn*”.

Năm 1960 ông về nhận công tác tại viện sử học làm công việc hiệu đính các bản dịch Hán văn, tự chọn đề tài nghiên cứu lịch sử thời gian này ông làm

việc trong hoàn cảnh đơn độc. Ông Viện trưởng Trần Huy Liệu căn dặn “*Nên chọn đề tài nào hiền lành thì hơn*”. Tìm vào kho sách của Viện Sử học nơi, còn lưu giữ nhiều tác phẩm của ông, trong thời kỳ này sách của ông là một gia tài quý giá. Làm công tác hiệu đính ông có dịp tiếp xúc với những anh hùng hào kiệt của dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn, Trịnh Hoài Đức qua những trang sách cổ.

Trong hồi ký và những bài viết có liên quan, Giáo sư Đào Duy Anh chia sẻ về những trăn trở cuối đời của mình: "Tôi thấy các tác phẩm văn học cổ điển Nôm của ta hiện nay được dạy ở các trường đại học và phổ thông, trừ Chinh phụ ngâm ra, chưa có tác phẩm nào được khảo chứng cẩn thận để tìm một văn bản đúng đắn, cho nên những bài, những sách được đem dạy rất là linh tinh, có khi đầy những sai lầm ấu trĩ. Sách Hoa Tiên ký và sách Truyện Kiều đã được xuất bản có chú thích khảo chứng, nhưng cách làm cũng còn nhiều thiếu sót chưa bảo đảm được yêu cầu khoa học. Văn học cổ điển bằng tiếng mẹ đẻ là một bộ mặt của văn hóa dân tộc, chúng ta không thể để cho nó ở trong tình trạng bừa bãi như thế, khiến học sinh phải học những bản có thể nói là chưa xứng đáng với thanh danh của dân tộc ta. Buồn bã trước tình hình ấy, mà chẳng biết làm thế nào, cuối cùng tôi quyết định dùng những năm tháng cuối cùng còn làm việc được để cố gắng góp công vào sự bổ cứu tình hình ấy. Tôi đã định một kế hoạch khảo chứng và chú giải những tác phẩm cổ điển Nôm để lập thành những văn bản tương đối chính xác và được chú giải theo phương pháp khoa học. Theo tác phong vốn có của tôi, tôi thấy việc cần thiết mà mình có thể làm được thì cứ làm chứ không chờ ai đòi hỏi cụ thể. Vì là công việc cũng khá phức tạp, trong khi làm cố nhiên là tôi phải tranh thủ sự giúp đỡ của những người tôi thấy là cần. Đây là một cái mộng tôi đã từng ôm ấp trong cuộc họp tác không thành với cụ Nguyễn Văn Tố mà tôi nhắc đến trên kia, ngày nay về già may ra có thể thực hiện được một phần nào. Mỗi tác phẩm làm xong, tôi sẽ trình với Ban Hán Nôm để xin góp ý kiến cho tôi sửa chữa kỳ cho đạt đến một văn bản có chú giải xứng đáng với trình độ khoa học ngày nay. Hiện nay sức một ngày một suy, chưa biết sẽ có thể thực hiện kế hoạch ấy đến chừng mực nào, tôi chỉ biết chắc rằng giữa lúc nước nhà đương cần sự đóng góp của mọi người để xây dựng tương lai, tôi cũng sẽ góp hết sức mình cho đến hơi thở cuối cùng, mặc dầu tôi biết rằng những bước cuối cùng của tôi trên đường đời không phải là đã hết chông gai...".

Di sản học thuật Đào Duy Anh

Đến nhà B6 Kim Liên ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, nơi ở cuối cùng của Giáo sư Đào Duy Anh, cho đến khi qua đời. Phòng khách ngày nay khác xa với cảnh làm việc đơn sơ trật tự của cụ Đào ngày xưa, cửa sổ trông xuống sân

chung của khu tập thể vẫn còn trong mắt ai, một khoảng mây trời. Hàng xóm của cụ ngày xưa bây giờ đã là những khách vắng nhà, ở đâu kia hình bóng của nhà triết học Trần Đức Thảo, của giáo sư Cao Xuân Huy, nhà đạo học số 1 Việt Nam. Những lúc thư nhàn, cụ đạp xe đi thăm chùa, chiền, về thăm vườn Mai Đông Mỹ cùng với các bạn già, các cụ già đây đã ra người thiên cổ, mà vẫn nghe đâu đó câu thơ vui về *"Hoa quý còn mong sinh quả quý, thanh mai để đợi nắng hè"*. Hình ảnh Giáo sư Đào Duy Anh còn đọng lại trong tâm trí người thân và bạn bè là một ông già râu tóc bạc phơ, với cây ba tong ngày ngày đi dạo, xếp hàng mua thực phẩm tại Vân Hồ, rồi cặm cụi viết sách. Cả đời ông chỉ có sách và những kỷ vật nhỏ bé của mình để lại cho con cháu, nhưng trí tuệ và nhân cách làm người của ông mãi là tài sản quý giá dành cho tất cả mọi người. Cuối đời, ông cụ gặp nhiều khó khăn trong việc in sách, tất cả bản thảo viết ra, ông đem gửi Trung tâm lưu trữ quốc gia, nhưng mong có người nào đó sau này sử dụng.

Trong suốt quá trình hoạt động khoa học của mình, Giáo sư Đào Duy Anh đã có rất nhiều công trình đã được xuất bản và tái bản qua các thời kỳ, tiêu biểu như: Hán - Việt từ điển (1932); Pháp - Việt từ điển (1936); Việt Nam văn hóa sử cương (1938); Khổng giáo phê bình tiêu luận (1938); Trung Hoa sử cương (1942); Khảo luận về Kim Vân Kiều (1943); Lịch sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956); Cổ sử Việt Nam (giáo trình đại học, 1956); Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt", "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến"; Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam (1957); Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX (2 tập, 1958); Đất nước Việt Nam qua các đời (1964); Từ điển Truyện Kiều (viết xong năm 1965, xuất bản năm 1974); Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến (1975)... Ngoài ra, ông còn hiệu đính, biên dịch, chú giải: Lịch triều hiến chương loại chí (1961 - 1962); Đại Nam thực lục (1962 - 1977); Phủ biên tạp lục (1964); Đại Việt sử ký toàn thư (1967 - 1968); Đại Nam nhất thống chí (1969 - 1971); Bình thư yếu lược (1970); Gia Định thành thông chí; Nguyễn Trãi toàn tập (1969); Khóa hư lục (1974); Sở từ (1974); Truyện Hoa Tiên (1978); Thơ chữ Hán Nguyễn Du" (1988); Chú giải Kinh Thi, "Đạo Đức Kinh và học thuyết của Lão Tử"...

Đặc biệt, cuốn "Việt Nam Văn hóa Sử cương" được giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam coi là kim chỉ Nam. Trong lời tựa, ông viết *"Cái bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột của những giá trị cổ truyền của văn hóa cũ ấy với những điều mới lạ của văn hóa Tây phương. Cuộc xung đột sẽ giải quyết thế nào, đó là một vấn đề quan hệ đến cuộc sinh tử tồn vong của dân tộc ta vậy. Nhưng muốn giải quyết thì phải nhận rõ chân tướng của bi kịch ấy, tức*

là một mặt phải xét lại cho biết nội dung của văn hóa xưa thế nào, một mặt phải nghiên cứu cho biết chân giá trị của văn hóa mới”. Tác phẩm Việt Nam văn hóa sử cương “cốt cống hiến một mớ tài liệu cho những người quan tâm về điều thứ nhất, là muốn ôn lại cái vốn văn hóa của nước nhà”.

Theo ông, văn hóa tức là sinh hoạt, văn hóa là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người. Trước hết, muốn nghiên cứu văn hóa của một dân tộc phải xem xét dân tộc ấy sinh trưởng trong những điều kiện địa lý thế nào. Các điều kiện địa lý ấy có ảnh hưởng lớn đến cách sinh hoạt của con người, song con người cũng có thể dùng sức mình mà xử trí và biến chuyển những điều kiện ấy cho thích nghi với những điều cần thiết của mình. Cách sinh hoạt vì thế mà cũng biến chuyển và khiến văn hóa cũng biến chuyển theo. Với quan niệm đó, Giáo sư Đào Duy Anh đã cung cấp cái nhìn khái quát về điều kiện tự nhiên cũng như quá trình hình thành lãnh thổ, cộng đồng cư dân Việt Nam, đi sâu phân tích lịch sử của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ, các sự kiện lịch sử; khẳng định cộng đồng người Việt đã hình thành từ sự kết hợp các yếu tố bản địa và tiếp biến văn hóa từ bên ngoài. Từ đó làm cơ sở để ông đi sâu nghiên cứu văn hóa dưới các giác độ: Kinh tế sinh hoạt, xã hội và chính trị sinh hoạt, tri thức sinh hoạt.

Đến Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, chúng tôi tìm thấy, trong hơn 13 km giá tài liệu bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, bên cạnh khối tài liệu hành chính, tài liệu khoa học kỹ thuật và tài liệu nghe nhìn chiếm một tỷ lệ lớn, còn có khối tài liệu có nguồn gốc, xuất xứ từ các cá nhân, gia đình, dòng họ. Đây là những tài liệu được hình thành trong quá trình sống, hoạt động, lao động của gần 200 cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu, có nhiều đóng góp đối trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam...Khối tài liệu Giáo sư, nhà nghiên cứu Đào Duy Anh bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III có giá trị trên nhiều phương diện góp phần làm phong phú thêm thành phần phong lưu trữ quốc gia Việt Nam. Trong đó, có nhiều tài liệu, quyết định liên quan đến quá trình công tác của ông, cũng như những tác phẩm, công trình của ông đã được xuất bản qua các thời kỳ như: Nghị định số 564/NĐ ngày 07/12/1950 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc cử các ông đảm nhiệm giữ chức vụ trong Ban Văn học Nghệ thuật, trong đó, Đào Duy Anh giữ chức Trưởng ban Sử Địa trong Ban; Nghị định số 608/NĐ ngày 28/12/1950 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thiết lập một Hội đồng duyệt sách chung cho Nha Trung học và Nha Tiểu học, để duyệt các sách giáo khoa dùng cho các cấp học trường phổ thông, Đào Duy Anh là hội viên của Hội đồng; Nghị định số 21/NĐ ngày 23/01/1960 của Bộ Giáo dục, Ông được điều động về nhận công tác tại Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước.

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III còn lưu trữ những di cảo của Giáo sư Đào Duy Anh là một khối tài liệu quý, đã được chỉnh lý, sắp xếp theo những nguyên tắc nghiệp vụ cơ bản áp dụng cho phong xuất xứ cá nhân, gồm 12 hồ sơ/đơn vị bảo quản, được đánh số từ 01 – 12, với gần 2000 tờ tài liệu, có những kích cỡ khác nhau, phần lớn là tài liệu gốc, bản chính, bản thảo viết tay, bản đánh máy có bút tích sửa chữa của Giáo sư. Có nhiều tài liệu bằng chữ Hán, Nôm các tác phẩm. Về nội dung, khối tài liệu của Giáo sư được phân loại và hệ thống hóa theo các nhóm và lập mục lục công cụ tra cứu phục vụ việc khai thác, sử dụng của độc giả một cách dễ dàng, gồm tài liệu về giáo trình, các công trình nghiên cứu và tài liệu biên dịch, chú giải.

Tài liệu về giáo trình, công trình nghiên cứu gồm: Bản thảo viết tay cuốn khảo luận về Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (nhằm so sánh đối chiếu Truyện Kiều của Nguyễn Du với Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân ở Trung Quốc); Cuốn sách Lịch sử cổ đại Việt Nam (1957) gồm 4 tập: Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt, Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến, Tập san Đại học (Văn khoa), Hà Nội năm 1957 và bản được dịch sang tiếng Trung và xuất bản tại Trung Quốc năm 1959...

Tài liệu về biên dịch, chú giải gồm: Bản chép tay phần nguyên văn chữ Hán và bản viết tay, đánh máy tác phẩm “Kinh Thi” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh chép, chọn lọc, phiên dịch và chú giải; Bản chép tay phần nguyên văn chữ Hán tác phẩm “Đạo Đức Kinh” và Bản viết tay, đánh máy tác phẩm “Đạo Đức Kinh” của Lão Tử, do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh phiên dịch và chú giải; Bản viết tay phần nguyên văn chữ Hán 100 bài thơ Đường; Bản thảo và bản đánh máy cuốn “Nguyễn Trãi Thân thế - Sự nghiệp - Văn chương” của Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh năm 1973-1981; bản đánh máy cuốn “Trăm bài thơ Đường” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh chọn lọc phiên dịch và chú giải năm 1972 (có bút tích của Giáo sư); Bản nháp phần phiên dịch sang tiếng Việt cuốn “Sở từ” của Khuất Nguyên; bản đánh máy cuốn “Nguyễn Trãi tuyển tập” do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh lựa chọn và chỉnh lý (có bút tích của Giáo sư); Bản dịch viết tay, đánh máy và ý kiến về một số văn kiện chính yếu của Nguyễn Trãi: Đại cáo Bình Ngô, Văn bia Vĩnh Lăng, Phú núi Chí Linh, Biểu tạ, do Giáo sư, Nhà Sử học Đào Duy Anh viết nhân dịp kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi...

Ngoài ra, còn những bài viết nghiên cứu, bài tham luận, báo cáo của Giáo sư tại các cuộc họp, hội thảo khác nhau được một số cá nhân sưu tầm, như: Bài nghiên cứu “Về sự hình thành các dân tộc Việt Nam”; “Núi Chí Linh và huyện

Đỗ Gia trong cuộc chiến đấu của Lê Lợi” và “Chế độ Lang Đạo của người Mường ở Thanh Hóa” của Giáo sư Đào Duy Anh năm 1956, Báo cáo về vấn đề cải cách chữ Quốc ngữ của Đào Duy Anh, Bài viết của Giáo sư Đào Duy Anh về tập ảnh điêu khắc của tác giả Phùng Thi Cúc (tức Điềm Phùng Thi) năm 1974; Bài tham luận "Vị trí, vai trò và ảnh hưởng của Nho giáo trong lịch sử và Việt Nam" của GS. Đào Duy Anh, năm 1978...

Hiện nay, tất cả các bản thảo sáng tác và dịch thuật của Giáo sư Đào Duy Anh cho thấy ông là người có công rất lớn, đã đặt những viên gạch đầu tiên trong việc xây dựng nền Khoa học Xã hội và Nhân văn Việt Nam. Tìm hiểu những di sản của Giáo sư Đào Duy Anh là công việc của nhiều thế hệ ở Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, còn nhiều di khảo của ông chưa xuất bản. Mục đích làm sách của ông là giúp cho người khác học, nên dù được in hay không, thì ông vẫn cứ làm, không đợi nhuận bút, không đợi nhà xuất bản nào đặt. Đó là tinh thần dâng hiến của một người suốt đời tận hiến vì học thuật.

Qua những công trình trên có thể thấy, lĩnh vực sử học là lĩnh vực ông dành nhiều tâm sức xuyên suốt cuộc đời. Ở ông nổi bật đó chính là tinh thần tự học, tự nghiên cứu, là lòng hăng say tích lũy tri thức, không ngừng bổ sung cập nhật, là ý thức tìm tòi, khám phá trong học thuật. Với tinh thần của một nhà nho yêu nước, tiếp xúc với những luồng tư tưởng canh tân và đứng trên lập trường của Chủ nghĩa Mác-xít, Giáo sư Đào Duy Anh coi lịch sử là phương tiện tốt nhất để thức tỉnh hồn dân tộc, đặc biệt là để nhận diện ở tầm học thuật vấn đề bức thiết khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền sử học thế giới và khu vực.

Năm 2000, 12 năm sau ngày mất, Giáo sư Đào Duy Anh được Đảng và Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Công nghệ cho cụm công trình: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX; Lịch sử cổ đại Việt Nam; Việt Nam văn hóa sử cương; Đất nước Việt Nam qua các đời*. Tên ông đã được đặt cho nhiều trường học, đường phố ở thủ đô Hà Nội, ở các thành phố lớn như Thanh Hóa, Huế, thành phố Hồ Chí Minh, là sự tôn vinh với một nhà hoạt động cách mạng, một giáo sư, một trí thức, một nhà văn hóa lớn của đất nước trong thời đại Hồ Chí Minh. Cuộc đời ông là một hành trình đầy thử thách từ một chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác đẹp tựa như một đóa sen thanh tao, dẫu ở trong hoàn cảnh nào vẫn vươn mình đứng thẳng hướng về phía ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của chân lý để tỏa ngát sắc hương dâng đời, đúng như lời một bài hát: **“Ngời tỏa sáng, sóng sánh sen càng xinh. Gom tinh hoa trời đất, đắp xây hồn dân tộc. Tỏa sáng ngàn năm, con cháu Lạc Hồng...”**.

SEN

Nhạc: NSƯT Hương Giang

Thơ: Vương Xuân Nguyên

Nhịp Tự Do

1 Ngọt ngào cõi tạm, chẳng cần chen. Cho
7 ta những đóa ân tình. Chao nghiêng mắt ngọc, sắc
13 hương dâng đời. $\text{♩} = 56$ Bâng khuâng một đóa sen thơm, thanh
19 tao cánh mỏng đắm say lòng người. Yếm đào khoe sắc hồng tươi, đào
24 hơn sắc thắm hồng ghen kém tình. Khiết
28 bạch thanh tao nào ngại khó, hè về một bóng em gửi trao. Hé
32 nụ đơm hoa hương ngào ngọt, vươn mình trong trắng chón phong ba. Ngồi tỏa
37 sáng, sóng sánh em làm thình. Ngọt ngào cõi tạm chẳng cần chen, cho

1



42
ta những đóa ân tình. Chao nghiêng mắt ngọc, sắc hương dâng đời.

47
Lời ru, nhớ về thuở nao.

52
Nuôi ta khôn lớn dạt dào ý sen. Không khoe sắc như loa kèn phượng

56
vĩ, cũng chẳng như dạ lý hải đường. Em xinh em đứng một mình, sen

61
oi thăm đượm tơ lòng còn vương. Ngồi tòa sáng,

66
sóng sánh sen càng xinh. Gom tinh hoa trời đất, đắp

71
xây hồn dân tộc. Tòa sáng ngàn năm, con cháu Lạc Hồng.

TỔNG THUẬT HỘI THẢO KHOA HỌC KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH (1904 - 2004)

Cách đây tròn 20 năm, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội đã phối hợp cùng một số cơ quan tổ chức “Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2004)”.

Hội thảo diễn ra vào sáng ngày 19 tháng 3 năm 2004 đã thu hút đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các giáo sư, giảng viên và đại diện sinh viên, cùng đại diện gia đình của giáo sư Đào Duy Anh đã có mặt trong buổi Hội thảo. Nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2024), xin giới thiệu bài tổng thuật về sự kiện nêu trên. Sau diễn văn khai mạc của PGS, TS Phạm Xuân Hằng, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, là các tham luận của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, chuyên gia đầu ngành và đại diện những thế hệ học trò thành danh, những người cộng sự gần gũi với Giáo sư Đào Duy Anh. Diễn biến cụ thể như sau:

1. Mở đầu, **GS Phan Huy Lê - Chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam** - đã đọc bản tham luận “*Giáo sư Đào Duy Anh - người thầy của những thế hệ sử gia đầu tiên được đào tạo từ nền đại học Việt Nam sau Cách mạng tháng 8.1945*”. Tham luận đã nêu lên những nét khái quát về hoạt động cách mạng và khoa học của Giáo sư Đào Duy Anh, đặc biệt nêu cao công lao của thầy trong việc xây dựng ngành lịch sử cổ đại Việt Nam, trong sự nghiệp đào tạo nhiều thế hệ học trò trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tham luận cũng đã nêu bật Giáo sư Đào Duy Anh là một nhà bác học lớn, một học giả uyên thâm trên nhiều lĩnh vực: từ điển, ngôn ngữ, văn học, văn hóa, lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học, địa lý học lịch sử... Ông đã được Đảng và Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000.

Trong bài tham luận này, GS Phan Huy Lê đã phân tích: “*Trước cách mạng tháng Tám, Giáo sư Đào Duy Anh là một trong những trí thức yêu nước và cấp tiến, đã tiếp thu chủ nghĩa Mác và góp phần truyền bá tư tưởng tiên tiến của thời đại vào Việt Nam, nhất là thời gian hoạt động trong Tân Việt Cách mạng đảng (1927) và lập Quan Hải tùng thư (1928 - 1929). Học giả họ Đào cùng với đồng chí Phan Đăng Lưu đã dịch hoặc lược dịch, phỏng dịch và xuất bản những cuốn sách phổ biến chủ nghĩa Mác như: Xã hội luận, Lịch sử nhân loại, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Tôn giáo là gì?, Xã hội là gì?, Dân tộc là gì?... Những cuốn sách này đã được từ chính trị tại Hỏa Lò Hà Nội bí mật đưa vào và thay nhau đọc như những tài liệu học tập sơ khai về chủ nghĩa Mác. Cuốn “Hán Việt từ điển”*

xuất bản năm 1932 cũng nhằm gia định nghĩa, giải thích những thuật ngữ, từ ngữ mới về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, phổ cập những hiểu biết về chủ nghĩa Mác trong nhân dân. Từ đầu những năm 30 học giả họ Đào đã bắt đầu thu thập tư liệu lịch sử và vận dụng chủ nghĩa Mác để nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam, nhất là trong thời gian dạy môn văn hóa Việt Nam, lịch sử và quốc văn tại trường tư thục Thuận Hóa (Huế). Năm 1938, “Việt Nam Văn hóa sử cương”, công trình nghiên cứu đặt nền tảng cho việc nghiên cứu văn hóa Việt Nam trên quan điểm duy vật lịch sử đã được xuất bản...”.

GS Phan Huy Lê cũng đã nhấn mạnh vai trò và công lao to lớn của Giáo sư Đào Duy Anh trong việc đào tạo những thế hệ cử nhân sử học đầu tiên được đào tạo từ nền đại học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945. Những lớp cán bộ sử học này đã có mặt trên nhiều lĩnh vực hoạt động từ nghiên cứu và giảng dạy trong các trường đại học, các viện, trung tâm ở trung ương và địa phương, công tác trong nhiều ngành như tuyên truyền, báo chí, văn hóa, bảo tồn, bảo tàng... Nhiều người đã đạt học vị PTS, TS, được phong học hàm PGS, GS, có người trở thành chuyên gia đầu ngành, giữ vai trò quan trọng trong nền khoa học Việt Nam.

Cuối bài tham luận với độ dài 07 trang A4, phân tích chi tiết về cuộc đời và sự nghiệp của Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 1988), GS Phan Huy Lê đã đi đến kết luận: **“Giáo sư Đào Duy Anh là một trong những nhà sử học Mácxít đầu tiên góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác ở Việt Nam và vận dụng quan điểm biện chứng duy vật trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam, nhất là thời kỳ lịch sử cổ - trung đại, để lại bộ giáo trình và chuyên đề lịch sử mang tính khám phá, đặt nền tảng cho sự ra đời và phát triển của nền sử học hiện đại Việt Nam trên cả hai phương diện đào tạo và nghiên cứu. Chỉ riêng trên lịch vực đào tạo cán bộ sử học, Giáo sư Đào Duy Anh đã là một nhà giáo dục lớn, một nhà sử học uyên bác giữ vị trí một trong những người khai sáng của nền sử học Mácxít, nền sử học hiện đại Việt Nam”**.

Bên cạnh bài tham luận trình bày tại Hội thảo như trên, GS Phan Huy Lê cũng đã gửi tới Ban Tổ chức Hội thảo một bài viết khác với tựa đề **“Giáo sư Đào Duy Anh và một số vấn đề lịch sử cổ - trung đại Việt Nam”**.

2. GS Trần Quốc Vượng đã trình bày tham luận **“Kỷ niệm Giáo sư Đào Duy Anh tròn 100 tuổi: Tinh nghĩa thầy trò”**. Trong bài tham luận này Giáo sư Trần Quốc Vượng đã kể lại tình nghĩa thầy trò của ông với Giáo sư Đào Duy Anh, từ một học sinh Trường Dự bị đại học ở Thanh Hóa (khoảng 1951 - 1952) đến khi tốt nghiệp thủ khoa cử nhân Sử Địa (1956) được giữ lại trường làm “tập sự trợ lý”

cho Giáo sư Đào Duy Anh và bao kỷ niệm vui buồn gắn bó với thầy Đào Duy Anh đến những ngày tháng cuối đời.

Trong đó, GS Trần Quốc Vượng đã chia sẻ lại câu chuyện, năm 1973, ông vinh dự là một trong những người đầu tiên được đọc bản thảo cuốn Hồi ký “Nhớ nghĩ chiều hôm” đầy tâm huyết của Giáo sư Đào Duy Anh, trước đó có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông tâm sự: “*Tôi là một trong số người hiếm hoi sớm được đọc Hồi ký của thầy. Đây tâm sự! Kết thúc vào năm 1973. Mãi sau này, 1989, khi cụ Đào Duy Anh qua đời được hơn một năm, Nhà xuất bản Trẻ mới ấn hành tập Hồi ký này, nhưng được/bị cắt xén rất nhiều. Đến năm ngoài đây, tháng 7 năm 2003, để chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh (1904 - 2004), cuốn Hồi ký mới được in lại tương đối đầy đủ hơn của NXB Văn nghệ TP. HCM. Và cũng chỉ in 1000 cuốn...*”.

Bên cạnh bài tham luận chia sẻ về tình thầy trò đầy cảm xúc, GS Trần Quốc Vượng cũng đã gửi Ban tổ chức Hội thảo một bài viết khác với tựa đề “**Giáo sư Đào Duy Anh với môn địa lý học lịch sử**”. Trong bài viết này, GS Trần Quốc Vượng đã hệ thống lại quá trình hình thành và phát triển môn Địa lý học lịch sử Việt Nam từ “*Dư địa chí*” của Nguyễn Trãi (1435), Lê Quý Đôn ở thế kỷ 18 với “*Kiến văn tiểu lục*”, “*Phủ biên tạp lục*”..., Ở thế kỷ 19 có “*thần Siêu*” với “*Phương Đình dư địa chí*”, Nhà Nguyễn có “*Đại Nam nhất thống chí*”... Rồi ông nhận xét: “*Đứng hàng đầu về Địa lý học lịch sử (Gesographie historique) vẫn là thầy tôi, Giáo sư Đào Duy Anh, với tác phẩm bất hủ, để đời “Đất nước Việt Nam qua các đời” (NXB KHXH, HN, 1964). Đây là một cái nhìn hệ thống, đầy đủ thời - không gian liên tục (Continuumtempo - spatial theo ngôn từ của Albert Einstein vĩ đại) của Đất Việt - Trời Nam, cho dù trong nhiều chi tiết, tôi có cách nhìn và cách lý giải khác thầy tôi...*”.

Từ những cơ sở luận và phân tích khoa học, GS Trần Quốc Vượng đi đến kết luận, hệ thống sử học (đặc biệt là Cổ sử học), Giáo sư Đào Duy Anh là một cách nhìn, cái nhìn mới, **Mácxit** đầu tiên về quá khứ của Việt Nam, với những luận điểm mới, hậu **Mácxit** - Lênin nít và thấm đẫm tư tưởng Hồ Chí Minh **Mácxit** - Việt Nam.

3. Tham luận của **GS Đào Thế Tuấn** - trưởng nam của Giáo sư Đào Duy Anh trình bày bài viết “**Cha tôi - Đào Duy Anh**”. Trong bài tham luận của mình, Giáo sư Đào Thế Tuấn đã trình bày lại quá trình hoạt động cách mạng đầy sôi nổi đến những ngày tháng miệt mài nghiên cứu khoa học để phục vụ Tổ Quốc của cha mình. Ông cũng đã điểm lại những công trình, tác phẩm bất hủ mà cha mình đã dày công nghiên cứu... Tất cả đã đem lại cho người đọc niềm cảm xúc vô hạn và lòng ngưỡng mộ sâu sắc qua những câu chuyện về tấm lòng yêu nước, tinh thần

say mê khoa học và sự tận tâm trong sự nghiệp giáo dục và nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh.

Đáng chú ý, trong bài tham luận của mình, GS Đào Thế Tuấn khẳng định dù không phải là một nhà sử học, nhưng trong việc nghiên cứu của mình, các kiến thức về lịch sử, văn hóa từ cha mình đã giúp ông rất nhiều trong việc áp dụng tiếp cận lịch sử để giải quyết các vấn đề hiện tại như vấn đề lịch sử tiến hóa của nông nghiệp để giải quyết các vấn đề hiện đại như vấn đề lịch sử tiến hóa của nông nghiệp, phát triển nông thôn, làng xã, kinh tế hộ nông dân, thể chế kinh tế... Sự hiểu biết rộng rãi là cơ sở để phát triển các mối quan hệ liên ngành.

Bên cạnh bài trình bày tại Hội thảo, GS Đào Thế Tuấn cũng đã gửi đến Ban Tổ chức Hội thảo bài viết “*Người trợ thủ đắc lực của học giả Đào Duy Anh*”. Người trợ thủ mà Giáo sư Đào Thế Tuấn nhắc tới trong bài viết này là bà Trần Thị Như Mân, phu nhân của Giáo sư Đào Duy Anh, tức là người mẹ tảo tần sớm hôm của ông. Theo bài viết này, mặc dù bà Mân được sinh ra trong một gia đình “danh gia vọng tộc” nhưng bà sớm giác ngộ lý tưởng, đồng hành cùng Giáo sư Đào Duy Anh hoạt động cách mạng. Từ năm 1926, bà hoạt động trong phong trào nữ sinh Đồng Khánh, Hội nữ công yêu nước. Bà được kết nạp vào đảng Tân Việt và cùng chị em phát triển phụ nữ đoàn ở nông thôn. Năm 1929, bà xuất bản tờ báo “Phụ nữ tùng san”, một trong hai tờ báo phụ nữ đầu tiên ở nước ta để tuyên truyền cho việc giải phóng phụ nữ, đấu tranh cho nữ quyền. Bà bị bắt cùng Giáo sư Đào Duy Anh. Sau khi ra tù, ông bà tổ chức đám cưới và bà chuyên tâm phụ giúp công việc của Giáo sư Đào Duy Anh. Sau cách mạng tháng Tám, bà tham gia công tác Hội phụ nữ cho đến khi nghỉ hưu. Năm 1965, bà về hưu và tập trung vào công việc phụ giúp ông công tác sưu tầm tài liệu. Cuộc đời bà là một tấm gương sáng cho con cháu họ Đào noi theo.

5. GS Hà Văn Tấn trình bày tại Hội thảo với tham luận “*Vài kỷ niệm với Giáo sư Đào Duy Anh*”. Là một trong những học trò thành danh nhất của Giáo sư Đào Duy Anh, GS Hà Văn Tấn có nhiều kỷ niệm sâu sắc về những ngày tháng được gần gũi học tập, nghiên cứu với học giả Đào Duy Anh. Ông kể ngay khi còn rất nhỏ ông đã say mê cách nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh. Ông thừa nhận mình bị ảnh hưởng về phong cách nghiên cứu khoa học của Giáo sư Đào Duy Anh, nhất là phong cách chú trọng sử liệu. Ông chia sẻ: “*Tôi không thể nào kể hết các ảnh hưởng lớn lao của Giáo sư Đào Duy Anh đối với tôi. Giờ đây khi viết các công trình khoa học, tôi đã nhận ra những ảnh hưởng đó. Ảnh hưởng càng lớn khi mà tình cảm Giáo sư đối với tôi, tôi biết là rất ấm áp, không chỉ là tình thầy trò mà còn pha lẫn mối tình cha con. Vì thế qua những lần nói chuyện riêng,*

ông đã để lộ ra nhiều tâm sự. Chúng ta có thể hiểu những tâm sự đó nếu hiểu được cuộc đời ông...”.

5. “**Đào Duy Anh - Một quãng đời không thể nào quên**” là chủ đề tham luận của **Giáo sư Đinh Xuân Lâm** và **PGS.TS Phạm Xanh**. Trong bài viết này, tác giả đã trình bày lại những diễn biến chính trong hoạt động chính trị của Giáo sư Đào Duy Anh trong giai đoạn 1925 - 1929. Nói về vai trò của báo Tiếng Dân đối với hoạt động chính trị, tác giả cho rằng, việc xuất bản công khai báo Tiếng Dân là một cơ hội thuận tiện để hợp thức hóa những hoạt động chính trị của Giáo sư Đào Duy Anh. Đồng thời, việc thành lập Quan hải tùng thư của Đào Duy Anh đã góp thêm một ngã đường để đưa chủ nghĩa Mác vào Việt Nam.

Cuối cùng bài viết đi đến kết luận, để trở thành một nhà văn hóa lớn của đất nước, trước đó Đào Duy Anh đã có những tháng năm hoạt động chính trị sôi nổi gắn chặt với phong trào chính trị sôi động của Đất nước năm (1925 - 1929). Đó chính là một quãng đời ngắn những không thể nào quên của nhà văn hóa lớn Đào Duy Anh.

Cùng với bài viết này, Giáo sư Đinh Xuân Lâm cũng có một bài viết riêng với chủ đề “**Đào Duy Anh và sự kết hợp cách mạng với văn hóa**”. Trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh đến một số phương thức hoạt động cách mạng mới của Giáo sư Đào Duy Anh sau năm 1930. Bởi sau khi ra tù các điều kiện hoạt động chính trị không còn, trong hoàn cảnh bị giám sát chặt chẽ, Giáo sư Đào Duy Anh đã lựa chọn con đường hoạt động văn hóa với mong muốn “góp phần phục hồi cái sinh khí dân tộc đang bị lu mờ dưới chế độ thực dân”. Tác giả phân tích, rõ ràng là ngay việc biên soạn Hán - Việt từ điển cũng được Giáo sư Đào Duy Anh hướng vào mục đích cách mạng, khi ông cố tình giải thích các thuật ngữ trong từ điển do sự hiểu biết của mình về chủ nghĩa Mác. Mặt khác trong cuốn từ điển Hán - Việt có những từ chính trị mà thời đó nêu ra, giải thích trên sách báo thì có thể bị kiểm duyệt cắt bỏ, nhưng đưa vào từ điển thì chót lọt.

Dựa trên những phân tích đó, Giáo sư Đinh Xuân Lâm kết luận: “Nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp Giáo sư Đào Duy Anh, có một điều tôi vô cùng tâm đắc. Đó là cuộc đời của một thanh niên yêu nước, đầy hoài bão, đã hăng hái tìm con đường cách mạng đúng đắn cho mình và cho dân tộc. Nhưng vốn là một trí thức tiến bộ, quá trình tìm đường cách mạng cũng là quá trình tìm hiểu, học hỏi, rồi đưa ra những điều sở đắc của mình ra mà phục vụ cho đồng bào, đồng chí. Đến khi không còn điều kiện hoạt động cách mạng trực tiếp nữa thì vẫn đứng vững trên mặt trận văn hóa, cần cù lao động khoa học, trước sau không không xa rời mục tiêu của đời mình là giải phóng dân tộc, tiến tới một xã hội tự do, dân chủ, công bằng, văn minh.

6. PGS. TS Đinh Trần Dưỡng trình bày tham luận với chủ đề “Đào Duy Anh với Tân Việt cách mạng Đảng”. Bài tham luận này cho chúng ta biết về quãng thời gian (1925 - 1929), Giáo sư Đào Duy Anh xin thôi dạy học ở Trường tiểu học Đồng Hới (Quảng Bình), trở lại Huế tham gia hoạt động chính trị và học thuật. Đào Duy Anh đến với Tân Việt đảng muộn hơn Trần Mộng Bạch, cùng có tâm trạng chung của tầng lớp tiểu tư sản, trí thức. Theo Đào Duy Anh nhớ lại qua văn học và lịch sử Pháp mà họ đã được học trong chương trình trung học thì “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” đã làm cho họ rất hâm mộ cách mạng Pháp. Họ cho đó là sự đánh dấu đỉnh cao nhất của tiến bộ loài người. Các nhà văn, nhà triết học Pháp như Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Diderot là tiêu biểu cho trí tuệ cao nhất của con người. Nhưng giai cấp tư sản Pháp đã phản bội những giá trị lịch sử của các cuộc đại cách mạng đó. Họ không chỉ bóc lột nhân dân lao động Pháp, mà còn gây ra tội ác với với các dân tộc bị họ nô dịch. Trong buổi đầu của những nhận thức đó, những bài báo sôi sục khí thế cách mạng của Nguyễn An Ninh đăng trong báo “Tiếng Chuông rạn” đã truyền cho thanh niên Việt Nam lòng căm thù đối với chế độ thực dân và khơi dậy lòng khát khao tự do bình đẳng trong họ. Những bài diễn văn của cụ Phan Bội Châu về “Đạo đức luân lý Đông Tây”, về “Quân trị và Dân trị” cũng đã gây thêm lòng hâm mộ của lớp thanh niên yêu nước tiến bộ trong nước khi đó đối với nền dân chủ Phương Tây và thúc đẩy cuộc đấu tranh đòi người Pháp phải thực hiện tự do bình đẳng với nhân dân ta.

Nhiều thanh niên, trong đó có Đào Duy Anh đã đến các cửa hàng sách Trung Quốc ở Hội An, Sài Gòn tìm mua một số sách về cách mạng Trung Quốc, trong đó có “Tam dân chủ nghĩa” của Tôn Dật Tiên. Họ nghiền ngẫm những bài diễn văn của Tôn Trung Sơn về chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh. Trong hồi ký của mình, Đào Duy Anh đã viết về chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn. Khi đó ông cho rằng: Chủ nghĩa dân tộc, chủ trương cách mạng dân tộc của Tôn Trung Sơn rất phù hợp với tình hình nước ta và có những quan chúng ta có thể làm được. Về chủ nghĩa dân quyền thì qua những lời phê bình của Tôn đối với nền dân chủ rất hạn chế còn xa mới thực hiện được. Cái lý tưởng nhân quyền và dân quyền chỉ mới có trong sách mà thôi. Do đó, ông nhận thấy chủ trương của Tôn Dật Tiên đòi quyền bãi miễn đối người do mình bầu ra để đảm đương việc công là tiến bộ hơn cái quyền phổ thông đầu phiếu nửa chừng của các nền dân chủ Âu Mỹ. Với chủ nghĩa dân sinh thì Đào Duy Anh càng thấy có những điểm mới lạ hơn, như về luận điểm bình quân địa quyền và thiết chế tư bản là điều mà các sách chính trị ông từng đọc trước kia chưa và hề nói đến. Đối với hai con đường bạo động và cải lương hồi đó, Đào Duy Anh phê

phán tư tưởng của Phan Châu Trinh và thừa nhận chủ trương của Phan Bội Châu. Muốn có tự do bình đẳng thật sự thì phải có độc lập dân tộc chứ không thể chờ người Pháp ban ơn cho, mà muốn có độc lập dân tộc thì tất phải đấu tranh không khoan nhượng với bọn thực dân. Con đường đó đã được Phan Bội Châu vạch ra cho những người Việt Nam yêu nước hồi đầu thế kỷ XX. Song từ chủ trương đến hiện thực, con đường phải trải qua tất còn dài và gian khổ, mà những bước đi ban đầu để đạt đến kết quả cuối cùng là phải mở mang dân trí và bồi đắp dân quyền. Đó là tình hình diễn biến tư tưởng của Đào Duy Anh khi ông vào Đà Nẵng và nhận làm báo với cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Bài tham luận trên, cũng đã chỉ rõ cuộc vận động, giác ngộ cách mạng của Trần Mộng Bạch - Hội trưởng hội Phục Việt (lúc đó đã đổi tên thành Việt Nam cách mạng đảng) dành riêng cho Đào Duy Anh. Từ đó Đào Duy Anh nhìn nhận các cuộc cách mạng tư sản thế giới một cách đầy đủ hơn. Sau đó, Đào Duy Anh được kết nạp vào Việt Nam cách mạng đảng. Đào Duy Anh càng khát khao nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản, nghiên cứu các học thuyết kinh tế, chính trị thời cận đại đã giúp ông tin tưởng rằng cách mệnh Việt Nam muốn thành công cuối cùng tất phải theo cách mệnh xã hội chủ nghĩa với lập luận *“Chúng ta muốn khôi phục độc lập mà đừng để cho giai cấp nào phỗng mắt tay trên thành quả cách mạng mà bóc lột đồng bào, thì phải đi theo con đường của chủ nghĩa Mác vạch ra”*.

Bài tham luận của PGS. TS Đinh Trần Dương cũng đã tiếp tục khẳng định vai trò của Đào Duy Anh thông qua báo Tiếng Dân và Quan hải Tùng thư để tuyên truyền và vận động cách mạng, thông qua việc xuất bản để gieo vào tâm trí thanh niên những kiến thức sơ đẳng nhất về chủ nghĩa Mác, kiến thức mới về khoa học, nhất là khoa học xã hội, là những điều cần thiết để hiểu chủ nghĩa Mác dễ hơn. Ông tâm sự về ánh sáng của chủ nghĩa Mác: *“Tôi đã sung sướng nhận thấy rằng chủ nghĩa Mác không những là một cách lí luận cách mạng đúng đắn, mà còn là một thứ nhân sinh quan, một phương pháp tư duy đúng đắn, một thứ ánh sáng có thể chỉ dẫn con đường học hỏi của mình. Tôi tự biết rằng đọc được năm mươi quyển sách như thế, tôi chỉ mới có thể gọi là được bước chân lên ngưỡng cửa của chủ nghĩa Mác mà còn phải tiếp tục nghiên cứu lâu dài, nhưng tôi nghĩ rằng kết hợp hoạt động cách mệnh, tôi nên đem cái kinh nghiệm bản thân mình để tìm tư tưởng cách mệnh mà phổ biến cho các bạn thanh niên khác...”*.

Cuối bài tham luận đã khẳng định ***“Cách làm ấy của các tác giả trong Quan hải Tùng thư dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đào Duy Anh đã tạo điều kiện cho nhiều trí thức, học sinh, sinh viên đến với những vấn đề sơ đẳng của chủ nghĩa Mác. Đó cũng là những đóng góp và cách thức đóng góp của ông***

đôi với Tân Việt cách mạng đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”.

7. GS.TSKH Vũ Minh Giang tham dự Hội thảo với bài viết về chủ đề “**Phương pháp nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh qua tác phẩm “Cổ sử Việt Nam”**”. Ngay mở đầu bài viết, GS.TSKH Vũ Minh Giang đã khẳng định: “*Giáo sư Đào Duy Anh đã để lại cho chúng ta một di sản đồ sộ và có giá trị về nhiều mặt. Mỗi công trình đều in đậm dấu ấn của một học giả uyên bác, phong cách của một nhà khoa học chân chính. Nghiên cứu đầy đủ và toàn diện di sản khoa học Đào Duy Anh đòi hỏi phải có nhiều thời gian và công sức...*”.

GS.TSKH Vũ Minh Giang cũng cho rằng tác phẩm “Cổ sử Việt Nam” được công bố cách đây nửa thế kỷ đã phản ánh tương đối tập trung phương pháp và phong cách nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh. Ông nêu lại nguyên tắc rất căn bản của một công trình nghiên cứu sử học theo Giáo sư Đào Duy Anh đã trình bày trong phần “Tự ngôn” của cuốn sách. Đó là “*phải gắng sức xử lý thích đáng tất cả các tài liệu vụn vặt mà sử học cũ còn để lại, lấy ánh sáng của phương pháp lịch sử mới, phương pháp lịch sử duy vật và đứng trên lập trường của nhân dân để thuyết minh, dựng khôi phục cái thực tế sinh hoạt và đấu tranh của nhân dân ở thời viễn cổ, tìm ra nguồn gốc chân xác của dân tộc và văn hóa Việt Nam”.*

Từ đó, GS.TSKH Vũ Minh Giang đi vào luận giải những nguyên tắc nêu trên của Giáo sư Đào Duy Anh và khẳng định cho đến tận hôm nay, không phải tất cả những ai nghiên cứu lịch sử đã đều nhận thức đầy đủ những nguyên tắc căn bản ấy. Ông cho rằng, Lịch sử là tất cả những gì đang diễn ra. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử là phải phát hiện những quy luật vận động và phát triển của các cộng đồng người trong quá khứ góp phần xây dựng căn cứ khoa học cho việc lý giải hiện tại và hoạch định tương lai. Muốn vậy, trước hết phải tái hiện lại lịch sử một cách khách quan sao cho gần nhất với những gì đã diễn ra.

“*Điều quan trọng là Giáo sư Đào Duy Anh đã nhấn mạnh tầm quan trọng của “cái thực tế sinh hoạt và đấu tranh của nhân dân”.* Đã có một thời gian dài sử học Việt Nam ít chú ý đến đời sống kinh tế - xã hội khiến cho nhận thức lịch sử dân tộc bị thiên về các sự kiện chính trị và quân sự. Di ảnh của quá khứ chỉ còn lại từng mảng mẩu trong các tư liệu không phải lúc nào cũng chân xác nên việc thu thập tất cả những tư liệu có thể có được, dù là “vụn vặt” để rồi “xử lý thích đáng” là một nguyên tắc mà giới sử học luôn phải coi là nền tảng cho mỗi công trình nghiên cứu. Vậy mà việc chọn tư liệu cho phù hợp với ý kiến chủ quan của mình hoặc để minh họa cho một luận điểm nào đó vẫn còn là hiện tượng khá phổ biến trong hoạt động sử học ở nước ta. Tệ hại hơn còn có những ấn phẩm, thậm chí mới xuất bản gần đây, chẳng những đã không tuân thủ nguyên tắc này mà còn

cắt xén, gán ghép tư liệu một cách tùy tiện để phục vụ cho một mục đích cá nhân nào đó. Trong bối cảnh như vậy, luận điểm có tính nguyên tắc của Giáo sư Đào Duy Anh nêu ngay ở phần đầu của công trình “Cổ sử Việt Nam” vẫn còn nguyên giá trị thời sự...”, GS.TSKH Vũ Minh Giang phân tích.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, GS.TSKH Vũ Minh Giang đã chỉ ra phương pháp nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh qua công trình “Cổ sử Việt Nam”, đó là phương pháp tiếp cận liên ngành (Interdisciplinary Approach); bên cạnh việc khai thác triệt để các nguồn tài liệu thư tịch có liên quan như: khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học, văn bản học, thậm chí cả kiến thức về sinh học... Đồng thời, GS.TSKH Vũ Minh Giang cũng đã khẳng định “Phê phán văn bản và ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước một cách khách quan khoa học là phương pháp nhất quán của Giáo sư Đào Duy Anh qua công trình “Cổ sử Việt Nam”. Theo đó, Giáo sư Đào Duy Anh thường tóm lược trung thực nội dung sử liệu hoặc ý kiến của các nhà khoa học khác rồi phân tích những điểm hợp lý, chỉ ra những điểm không hợp lý, từ đó mới đi tới luận giải quan điểm tán đồng hay phản bác của mình. Chẳng hạn, Giáo sư Đào Duy Anh đã không ngần ngại phê phán những điều vô lý của những bộ sử lớn như “Đại Việt sử ký toàn thư”, một bộ sử mà phần đông những người sử dụng đều dẫn theo không một chút nghi ngờ.

GS.TSKH Vũ Minh Giang còn chỉ rõ phương pháp nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh còn được thể hiện trong Logic trình bày kết quả nghiên cứu. Ông luôn bắt đầu tư việc giới thiệu các nguồn tư liệu, sau đó phân tích sự sai khác giữa các tư liệu và nêu lại những nghi vấn về những thông tin được nêu trong tư liệu, rồi mới trình bày ý kiến của mình. Theo GS.TSKH Vũ Minh Giang, cách làm như vậy của Giáo sư Đào Duy Anh phản ánh một tư duy khách quan, không áp đặt, mà trái lại còn mở đường cho những người đi sau tiếp tục nghiên cứu.

Từ những cơ sở đó, GS.TSKH Vũ Minh Giang đã đi đến nhận định cuối bài viết “**Sách Cổ sử Việt Nam cũng như bất kỳ công trình sử học nào, tất có những hạn chế về mặt tư liệu và trình độ nhận thức khoa học chung của thời kỳ cách đây gần nửa thế kỷ, nhưng phương pháp nghiên cứu và sự gợi mở phương hướng nghiên cứu của tác giả là những giá trị không thể phủ nhận. Nó thể hiện một cách sinh động cốt cách khoa học của Giáo sư Đào Duy Anh và điều mà tôi, người học trò của học trò Giáo sư, cảm nhận rất rõ là cốt cách ấy đã và đang được thế hệ tiếp theo kế thừa và phát triển. Ảnh hưởng về phong cách, phương pháp nghiên cứu của một nhà khoa học lên các thế hệ học trò nhiều khi ý nghĩa còn lớn hơn chính giá trị của những công trình khoa học cụ thể. Sự trưởng thành của các Đại giáo sư Khoa Lịch sử, những**

người đã từng được trực tiếp học Giáo sư Đào Duy Anh là những minh chứng hùng hồn về điều đó”.

8. TS. Hoàng Hồng, Khoa Lịch sử - Trường Đại học khoa học XH & NV với bài viết “*Các luận điểm của Giáo sư Đào Duy Anh về lịch sử và sử học*”. Trong bài viết này, TS. Hoàng Hồng đã đề cập đến một cuốn sách nhỏ trong thư mục đồ sộ của Giáo sư Đào Duy Anh. Đó là cuốn “*Muốn hiểu sử học*” (nhà Minh Đức xuất bản năm 1950). Đây là cuốn sách được viết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nền sử học cách mạng Việt Nam còn rất non trẻ, chưa được trang bị nhiều lý luận sử học, lại đang bị ảnh hưởng bởi các trào lưu sử học phi mác xít. Tác giả bài viết đã khẳng định, Giáo sư Đào Duy Anh vốn là một chiến sĩ cách mạng, đã dựa trên lập trường duy vật biện chứng để trình bày và lý giải những luận điểm cơ bản về lịch sử (đối tượng nghiên cứu của sử học) và sử học (quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu lịch sử). Mô hình lý thuyết của Giáo sư Đào Duy Anh đưa ra nhằm trả lời câu hỏi: Lịch sử là gì?, và Làm thế nào để tiếp cận được lịch sử?

Bàn về lịch sử - đối tượng nghiên cứu của sử học, tác giả bài viết cho rằng: “*Bác bỏ các quan điểm cho lịch sử là sự nghiệp của các vĩ nhân (anh hùng tạo thời thế), hoặc cho lịch sử đơn thuần chỉ là hoạt động chính trị của giới cầm quyền, Giáo sư Đào Duy Anh lý giải lịch sử theo một tinh thần mới: Lịch sử là toàn bộ sinh hoạt của con người trong quá khứ, các hoạt động này được biểu hiện trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa...Do đó, lịch sử vừa có thể được nhìn nhận như một tập hợp các yếu tố liên hệ với nhau tạo thành một tổng hòa vừa có thể được xem như là lịch sử của các lĩnh vực riêng khác nhau như lịch sử chính trị, lịch sử kinh tế, lịch sử văn hóa...*”.

Tác giả của bài viết cũng chỉ rõ sự khác biệt về quan niệm phổ biến của các sử gia phương Tây coi lịch sử như một bức tranh tĩnh tại, mô tả lịch sử là mô tả các sự kiện cá biệt trong cấu trúc đứng im, thì Giáo sư Đào Duy Anh đã chỉ ra rằng, lịch sử không tồn tại trong trạng thái tĩnh mà luôn vận động theo hướng đi lên. Mô tả lịch sử là mô tả các sự kiện trong trạng thái vận động. Nhưng để thấy sự vận động biến chuyển của lịch sử, không thể nhìn nhận qua các cá nhân mà phải nhìn nhận qua các tập đoàn. Từ đó, Giáo sư Đào Duy Anh đề cao vai trò của quần chúng nhưng lại xem nhẹ vai trò của cá nhân. Về bản chất của lịch sử, Giáo sư Đào Duy Anh phê phán quan niệm “duy thiên” ở phương Đông cho lịch sử tuân theo thiên mệnh hoặc quan niệm “duy thần” ở phương Tây, khi cho rằng lịch sử loài người là do ý chí của Thượng đế. Giáo sư Đào Duy Anh lý giải rằng, chính hoạt động có mục đích, có ý thức và xét đến cùng, toàn bộ hoạt động của con người luôn bị quy định bởi những điều kiện nhất định. Trong đó, điều kiện

sinh hoạt vật chất đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Như vậy, trong lịch sử có quy luật lịch sử, nhưng quy luật khách quan chi phối tiến trình lịch sử cũng là đối tượng nghiên cứu và khám phá của sử học.

Tiếp đó, TS. Hoàng Hồng tiếp tục làm rõ “Con đường tiếp cận lịch sử” theo quan điểm của Giáo sư Đào Duy Anh. Theo tác giả, lịch sử là một thực tế (biến cố lịch sử, hiện tượng lịch sử) chỉ xảy ra một lần trong quá khứ và không lặp lại. Giữa lịch sử và nhà sử học luôn có khoảng cách về thời gian. Để khôi phục lịch sử, nhà sử học không thể quan sát lịch sử hay làm thực nghiệm lịch sử. Con đường duy nhất để nhà sử học tiếp cận lịch sử là phải làm việc với các nguồn sử liệu, nơi lưu giữ các thông tin về hoạt động của con người trong quá khứ.

Tác giả bài viết cho rằng, Giáo sư Đào Duy Anh (ảnh hưởng các nguyên lý sử học Thực chứng của Langlois và Seignegos) lần đầu tiên giới thiệu một mô hình nghiên cứu lịch sử, mà hoạt động nghiên cứu lịch sử là quy trình thực hiện các kỹ năng để lấy thông tin lịch sử từ các nguồn sử liệu. Theo đó, Giáo sư Đào Duy Anh chia các nguồn sử liệu thành ba nhóm hay ba loại di tích lịch sử: Di tích bằng vật thực; Di tích truyền khẩu; Di tích bằng văn tự. Ba nhóm di tích trên hàm chứa mọi thông tin lịch sử nhưng để sử dụng những thông tin này, thì nhà nghiên cứu lịch sử nhất thiết phải thực hiện giám định sử liệu.

Vấn đề cuối cùng mà tác giả trong bài viết đề cập là “Khôi phục lịch sử”, đây là công việc cuối cùng của nhà sử học trong quá trình nghiên cứu lịch sử. Giáo sư Đào Duy Anh gọi đây là công việc “Trần thuật và thuyết minh sử sự”. Tức là khi đã có những thông tin lịch sử tin cậy, cần sắp xếp, liên kết chúng theo một thiết kế hay một cấu trúc sử học nào đó để lịch sử được tái hiện. Về nội dung này, Giáo sư Đào Duy Anh đã đề xuất một thiết kế sử học như sau: *“Theo quan điểm lịch sử duy vật, chúng tôi đề nghị nên phân tách toàn bộ cuộc sinh hoạt ra làm ba phương diện hoặc tách toàn bộ lịch sử thành ba lịch trình lớn là: Sinh hoạt vật chất, xã hội, văn hóa. Mỗi lịch trình ấy lại chia ra làm nhiều mục, đại khái có thể chia như sau: 1) Sinh hoạt vật chất, gồm kỹ thuật, kinh tế; 2) Xã hội, gồm gia tộc và các tổ chức xã hội khác, giai cấp, tổ chức chính trị, sinh hoạt chính trị, quân sự, chiến tranh; 3) Văn hóa, gồm tôn giáo, đạo đức, pháp lý, triết học, khoa học, văn học, nghệ thuật...”*

Từ đó, TS Hoàng Hồng đã kết thúc bài viết của mình với kết luận: **“Những luận điểm trên đây của Giáo sư Đào Duy Anh thể hiện sự nhận thức sâu sắc của ông về những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ sự nhận thức này, ông đã diễn đạt lịch sử, đối tượng nghiên cứu của sử học, như là một hệ thống của luận điểm triết học lịch sử Macsxit. Và sử học bao gồm các kỹ**

năng lấy thông tin lịch sử từ các nguồn sử liệu và trình bày các thông tin ấy trong một kết cấu biện chứng...”.

9. Trong bài viết “*Vài cảm nhận về Giáo sư Đào Duy Anh qua nghiên cứu thư mục của ông*”, TS. Phan Phương Thảo đã tìm hiểu, nghiên cứu các công trình khoa học của Giáo sư Đào Duy Anh, với tư cách là một trong những sử gia đầu tiên của nền sử học Việt Nam hiện đại. Tác giả đã phân loại **82** công trình, kể cả một số bài viết đánh máy chưa được công bố thành 05 nhóm như sau: Lịch sử: **51** công trình (*Khoa học lịch sử có 07 công trình; Phân kỳ lịch sử và vấn đề hình thái KT - XH, lịch sử cổ trung đại Việt Nam có 11 công trình; Các dân tộc thiểu số và vấn đề hình thành dân tộc có 05 công trình; Lịch sử chống ngoại xâm có 03 công trình; Văn hóa và truyền thống dân tộc có 07 công trình; Cách mạng Việt Nam có 01 công trình; Nhân vật lịch sử có 07 công trình; Lịch sử thế giới có 05 công trình; Giáo trình có 04 công trình*); Văn học, ngôn ngữ: **16** công trình; Địa lý học lịch sử: **04** công trình; Đọc và hiệu đính, chủ giải sách: **07** công trình; Từ điển: **04** công trình.

Từ số liệu thống kê thư mục ấn tượng đó, tác giả bài viết đi đến nhận xét: “*Đặc điểm đầu tiên, nổi bật nhất khi xem xét thư mục trên, qua 82 công trình của Giáo sư Đào Duy Anh đã thể hiện rất rõ tính đa dạng, phong phú trong nghiên cứu của ông. Các công trình này đề cập tới rất nhiều vấn đề, thể loại: từ vấn đề có tính chất phương pháp luận đến những vấn đề cụ thể; từ lịch sử Việt Nam đến lịch sử thế giới; từ nghiên cứu viết giáo trình, hiệu đính, chủ giải; từ phương diện sử học sang văn học, từ điển, địa lý học lịch sử...Không chỉ có như vậy, trong hầu khắp các lĩnh vực, ông đều có những tác phẩm “đề đời” vì ý nghĩa khoa học cũng như thời đại của chúng, từ Hán - Việt từ điển, Pháp - Việt từ điển, cho tới Cổ sử Việt Nam, Khổng giáo phê bình tiểu luận, Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam, Việt Nam lịch sử giáo trình (4 tập), hay Đất nước Việt Nam qua các đời, Việt Nam văn hóa sử cương...Tuy nhiên, những công trình về sử học vẫn chiếm một vị trí đáng kể trong các nghiên cứu của ông ($51/82 = 62,2\%$)...”.*

Trong bài viết, TS. Phan Phương Thảo đã tập trung phân tích các tác phẩm sử học của Giáo sư Đào Duy Anh qua các giai đoạn khác nhau để đi đến kết luận: “**Giáo sư Đào Duy Anh, với hàng vạn trang sách in, từ điển cùng cả vạn trang sách hiệu đính, chú giải và những tên sách nổi tiếng từ thế hệ sang thế hệ khác, không chỉ trong nước mà còn cả thế giới, ông xứng đáng được tôn vinh là một nhà sử học lớn, một nhà văn hóa lớn, một sử gia tiêu biểu của nền sử học Việt Nam hiện đại!**”.

10. PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc với bài viết “*Giáo sư Đào Duy Anh và môn địa lý học lịch sử Việt Nam*” đã phân tích toàn bộ quá trình hình thành và các công trình có liên quan đến môn địa lý học lịch sử từ “*Dur địa chí*” của Nguyễn Trãi đến “*Thiên Nam dư hạ tập*” dưới thời Lê Thánh Tông cuối thế kỷ XV, những công trình về địa lý học lịch sử vào đầu đời Nguyễn cho đến những công trình Địa lý lịch sử Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ XX dưới chế độ mới, tuy có rất nhiều công trình có đề cập liên quan đến địa lý học lịch sử nhưng hầu như không có mấy tác giả coi Địa lý học lịch sử là đối tượng nghiên cứu trực tiếp như Giáo sư Đào Duy Anh.

Theo tác giả bài viết, Giáo sư Đào Duy Anh là người đã khéo kết hợp hài hòa giữa tri thức uyên bác của một học giả lỗi lạc với truyền thống và kinh nghiệm khảo cứu Địa lý học lịch sử Việt Nam và phương Đông, cùng phương pháp tiếp cận mới chính xác và hiệu quả của các học giả phương Tây. Chính sự kết hợp này đã nâng tầm các công trình của ông nổi bật và vượt trội so với các công trình của các tác giả đi trước.

Phân tích các tài liệu có liên quan trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của Giáo sư Đào Duy Anh, PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc rút ra nhận xét, những công trình nghiên cứu về Địa lý học lịch sử Việt Nam của Giáo sư Đào Duy Anh vừa có tính tổng, tổng kết cao, vừa đi sâu vào các lĩnh vực cụ thể với những phát hiện và đóng góp mới mẻ. Ông cho rằng, Giáo sư Đào Duy Anh quan niệm vấn đề quan trọng trước hết của địa lý học lịch sử Việt Nam phải là “xác định cương vực của nước ta và vị trí của các khu vực hành chính trải qua các đời”. Vì thế, Giáo sư Đào Duy Anh đã dành nhiều thời gian và công sức tập trung nghiên cứu từ cương vực của nước Văn Lang đời Hùng Vương, nước Âu Lạc đời An Dương Vương, trải qua các thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ Đại Việt đến quá trình mở mang lãnh thổ xuống phía Nam của các vương triều về sau. Trong số những công trình chuyên khảo về Địa lý học lịch sử của Giáo sư Đào Duy Anh thì cuốn sách “*Đất nước Việt Nam qua các đời*” phải được coi là cuốn sách tiêu biểu nhất.

PGS.TS Nguyễn Quang Ngọc trong bài viết của mình đã chỉ rõ, bên cạnh công trình “*Đất nước Việt Nam qua các thời kỳ*”, Giáo sư Đào Duy Anh còn có “*Địa lý học lịch sử về những cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm*”, là tổng hợp những phát hiện mới về địa lý học lịch sử phục vụ cho yêu cầu nghiên cứu và phát huy truyền thống quân sự của ông cha trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; “*Những đường giao thông lớn của nước ta trong thời cổ*” nhằm chứng minh tính thống nhất của lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Giáo sư Đào Duy Anh còn có nhiều bài viết về địa lý học

lịch sử khu vực Thăng Long - Hà Nội, Huế, Sài Gòn, cảng Hải Phòng và Địa chí Thanh Hóa...

11. PGS. TSKH Nguyễn Hải Kế với bài viết “*Việt Nam văn hóa sử cương - Công trình mở đầu có giá trị định hướng cho quá trình nghiên cứu Văn hóa và Lịch sử Văn hóa Việt Nam*” đã khẳng định dù được xuất bản lần đầu năm 1938, hầu như không có một công trình nghiên cứu nghiêm túc nào về lịch sử, văn hóa Việt Nam sau đó lại không một lần nhắc đến tác phẩm ấy như là một công trình tham khảo cần thiết, trước hết là khi đi tìm lại lịch sử vấn đề nghiên cứu.

Tác giả của bài viết nhận định, vai trò, ý nghĩa mở đầu của “Việt Nam văn hóa sử cương” không chỉ giới hạn đơn thuần vì nó xuất bản sớm nhất, đề cập chuyên biệt, trực tiếp đến lĩnh vực nghiên cứu văn hóa và lịch sử văn hóa Việt Nam mà chính là nổi bật ở nội dung khoa học, tính nghiêm túc, toàn diện của một công trình. Theo đó, công trình này đã giới thiệu đến 173 công trình (gồm 26 tác phẩm “Quốc văn”, 39 tác phẩm Hán văn, 108 tác phẩm Pháp văn) và 16 loại tạp chí các loại để tham khảo.

Sau khi phân tích cấu trúc các thiên trong cuốn sách, PGS. TSKH Nguyễn Hải Kế đã nhận xét: “*Như vậy, với 4 thiên chính của lý luận và lịch sử văn hóa có thể thấy trên cơ sở dựa hẳn vào giới thuyết về văn hóa của Félix Sartiaux trong cuốn La Civilisation, Đào Duy Anh đã triển khai toàn diện các nội dung của văn hóa Việt Nam từ góc độ lịch sử, trong đó, tập trung cho các vấn đề của sinh hoạt chính trị xã hội...*”.

12. PGS.TS Lâm Bá Nam với bài viết “*Đào Duy Anh và Dân tộc học*” đã khẳng định Giáo sư Đào Duy Anh bên cạnh những công trình nghiên cứu đồ sộ về nhiều lĩnh vực, những đóng góp khá sâu sắc về sự hình thành dân tộc quốc gia, về lịch sử tộc người và quan hệ tộc người, về văn hóa và quan hệ văn hóa thông qua các công trình nghiên cứu có liên quan.

Theo tác giả bài viết, “Việt Nam văn hóa sử cương” được xuất bản lần đầu năm 1938 của Giáo sư Đào Duy Anh là cuốn sách văn hóa sử nhưng trên thực tế, văn hóa ở đây được nhận diện dưới góc độ dân tộc học. Dựa trên cơ sở những tài liệu nghiên cứu của phương Tây về văn hóa - văn minh mà Giáo sư Đào Duy Anh đã tiếp nhận, ông đã đưa ra một quan niệm khá sâu sắc và toàn diện về văn hóa. Với quan điểm văn hóa tức là sinh hoạt, Đào Duy Anh đã chia phân chia văn hóa thành 03 dạng: Kinh tế sinh hoạt, xã hội - chính trị sinh hoạt và trí thức sinh hoạt. Theo ông, văn hóa có mối quan hệ mật thiết với các điều kiện tự nhiên, cho nên nghiên cứu văn hóa của một dân tộc phải nghiên cứu hoàn cảnh tự nhiên của dân tộc ấy trước. Theo cách nhìn ấy, ngay từ năm 1938, Giáo sư Đào Duy Anh đã phân ra các vùng văn hóa với những đặc trưng riêng.

Tác giả bài viết cũng đã chỉ rõ, khi nghiên cứu lịch sử tộc người và quan hệ tộc người, Giáo sư Đào Duy Anh bao giờ cũng xem xét quá trình này trong mối quan hệ liên tộc người và đặt nó trong những miền địa lý liên quốc gia giữa Việt Nam với Đông Nam Á, Nam Á với Đông Á. Chính nhờ xem xét mối liên hệ này, Giáo sư Đào Duy Anh đã chỉ ra khá xác đáng mối quan hệ cầu nhiều tộc người trên lãnh thổ Việt Nam, Đông Dương và Nam Trung Quốc, mặc dù cũng có những vấn đề còn bỏ ngỏ. Có thể coi đây là một trong những phương pháp rất thiết thực trong việc nghiên cứu quá trình tộc người ở nước ta.

Phân tích về “đặc trưng tộc người, giao lưu và phát triển” tác giả bài viết chỉ ra trong các công trình nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh đã nêu lên các đặc trưng tộc người trong tiếp biến văn hóa. Ông cho rằng, nước ta vốn lấy nông nghiệp lập quốc nên cơ sở văn hóa là nông nghiệp gắn liền với cư dân cốt lõi là nông nghiệp và chính vì vậy mối quan hệ gia đình - gia tộc - làng xóm có vị trí quan trọng. Vì thế văn hóa nước ta lấy cảm tình làm bản vị, khác với Trung Hoa và càng khác với phương Tây. Ông cũng cho rằng, sự sinh hoạt bằng nông nghiệp đã gây cho dân tộc ta cái tính ưa chuộng hòa bình, chỉ cốt an cư lạc nghiệp chứ không muốn cạnh tranh với ai. Nông nghiệp lại còn gây cho ta một thứ nhân sinh quan rất kiên toàn. Sau hết, văn hóa của ta còn một tính chất trọng yếu nữa là tính trường tồn (các yếu tố truyền thống có tính bền vững cao)...

13. **TS Hoàng Bá Thịnh** với bài viết “*Mấy nét về vấn đề gia đình và phụ nữ trong “Việt Nam văn hóa sử cương”*”, bằng phương pháp phân tích tài liệu và từ góc độ xã hội học, giới và gia đình đã đề cập về vấn đề gia đình và phụ nữ đã được Giáo sư Đào Duy Anh đề cập trong tác phẩm “Việt Nam Văn hóa sử cương” được xuất bản năm 1938. Theo tác giả bài viết, mối quan hệ cá nhân, gia đình và xã hội Giáo sư Đào Duy Anh chỉ ra mang đậm nét đặc trưng của lịch sử - văn hóa Việt Nam. Ông cho rằng, “gia đình là cơ sở của xã hội, cho nên nhiệm vụ của gia đình đối với xã hội là rất nặng nề”, thể hiện trước hết ở việc người đứng đầu gia đình phải chịu trách nhiệm về “hết thủy hành vi của người trong gia đình”. Nói cách khác vai trò giáo dục của gia đình hết sức quan trọng, việc con cái ngoan hay hư là sản phẩm của gia đình và gia đình phải chịu trách nhiệm trước xã hội khi “com em mà làm điều phi pháp thì phụ huynh vì không cấm chế được chúng cũng phải bị hình phạt”.

Tương tự, tác giả bài viết cũng đã làm rõ vấn đề “định vị và vai trò của người phụ nữ trong gia đình Việt Nam xưa” được đề cập cụ thể trong tác phẩm “Việt Nam văn hóa sử cương” của Giáo sư Đào Duy Anh. Tác giả cho rằng, trong xã hội cũ, với ảnh hưởng của Nho giáo, có sự khác biệt về giá trị con gái và con trai thể hiện “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, hay không coi con gái là thành

viên trong họ “nữ nhi ngoại tộc”...Tuy nhiên sự tuân thủ những giáo lý đó không phải là sự sao chép máy móc, mà có sự biến đổi tùy thuộc tùy thuộc vào phong tục, tập quán. Khi viết vấn đề này, Giáo sư Đào Duy Anh đã xem xét ở ca 3 góc độ: Luân lý, Pháp luật, Phong tục. Đề cập đến người phụ nữ trong quản lý kinh tế gia đình, theo Giáo sư Đào Duy Anh thì “việc quản lý gia sản không những là vợ làm giúp chồng mà lại chính vợ tự đảm đương, cho nên không những người ta gọi người chủ phụ là nội trợ, mà lại thường gọi là nội tướng”...

Từ những phân tích vấn đề “Biến đổi gia đình” và những vấn đề có liên quan được Giáo sư Đào Duy Anh đề cập trong tác phẩm “Việt Nam văn hóa sử cương”, TS Hoàng Bá Thịnh cho rằng, **các chức năng cơ bản của gia đình đã được tác giả đề cập đến trực tiếp và gián tiếp như: chức năng sinh sản, chức năng kinh tế, chức năng giáo dục, chức năng tình cảm, cùng vấn đề hôn nhân, vấn đề quan hệ giữa các thành viên trong gia đình...đã được Giáo sư Đào Duy Anh trình bày ngắn gọn nhưng sâu sắc và dễ hiểu. Việt Nam văn hóa sử cương là công trình nghiên cứu có giá trị trên nhiều phương diện văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội...**

14. Mở đầu bài viết “*Nói thêm một khía cạnh trong nghiên cứu của học giả Đào Duy Anh: Tôn giáo*”, GS.TS **Đỗ Quang Hưng** đã nêu lại phân tích của nhà nghiên cứu Phan Ngọc khi đánh giá trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam, ít nhất là Đào Duy Anh “là người sáng lập” (hoặc “mở đầu”) cho ba ngành: Văn học (với Việt Nam Văn hóa sử Cương, 1938, Huế, Quan hải Tùng thư); môn Lịch sử Cổ đại Việt Nam (với Lịch sử cổ đại Việt Nam - Vấn đề An Dương Vương và nước Âu Lạc; Đại học Văn Khoa, Hà Nội, 1957); môn Địa lý học lịch sử Việt Nam (với Đất nước Việt Nam qua các đời - Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam, NXB Thuận Hóa, Huế 1994. Riêng cuốn này xuất bản sau khi ông đã mất, được coi là công trình địa lý học lịch sử toàn diện nhất về Việt Nam). Theo nhà nghiên cứu Phan Ngọc, ở thời điểm mà trên thế giới cũng chưa có ngành khoa học gọi là Văn hóa học (1938), cuốn Việt Nam văn hóa sử cương của Giáo sư Đào Duy Anh đã đặt nền tảng vì là công trình lớn nhất về văn hóa Việt Nam.

Tác giả bài viết nhấn mạnh, trước Đào Duy Anh người ta chỉ nhấn mạnh “Tam giáo đồng nguyên” (Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo), không ai nghĩ đến việc phân loại các thành tố trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng. Trong Việt Nam văn hóa sử cương Giáo sư Đào Duy Anh đã viết phần “tín ngưỡng” và “tế sự” (tiết II trong Thiên thứ ba). Có thể nói đây là lần đầu tiên có sự phân loại và hệ thống hóa toàn cảnh sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta.

Tác giả bài viết cho rằng, Giáo sư Đào Duy Anh đi đầu trong việc cắt nghĩa các khái niệm liên quan đến đời sống tâm linh, tôn giáo của người Việt. Đó là sự cắt nghĩa khá sáng rõ, dễ hiểu và đầy tính thuyết phục, các khái niệm dễ phân biệt: Hồn, vong hồn, phách, vía...mà nhiều khái niệm đến nay cũng không dễ chuyển ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, ngoại trừ khái niệm “hồn” (l’Ame). Giáo sư Đào Duy Anh còn phân tích cụ thể sự thờ cúng của nhiều tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam đã rút ra nhận định quan trọng khác. Tri trình bày về các tôn giáo, các hình thức tín ngưỡng cụ thể, Giáo sư Đào Duy Anh vừa tỏ ra bao quát, hiểu khá sâu sắc giáo lý, giáo luật, căn gốc tư tưởng các hiện tượng tôn giáo ấy mà còn chỉ ra rất tinh tế, sống động đời sống thực hành tôn giáo. Giáo sư phân tích sự chuyển biến mạnh mẽ của văn hóa Việt Nam trong việc tiếp xúc, đụng độ với văn minh đã có những ý kiến rất đáng chú ý liên quan đến việc truyền giáo, cụ thể là vấn đề chữ Quốc ngữ. Không chỉ có vậy, Giáo sư Đào Duy Anh sớm có cái nhìn toàn diện, khá cập nhật trong việc đánh giá những đóng góp của Công giáo về nền văn hóa Việt Nam...

Tại Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2004), Ban Tổ chức đã cũng nhận được nhiều bài viết tâm huyết khác của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong và ngoài nước, các học trò cũ qua các thế hệ và đông đảo con cháu họ Đào Việt Nam bày tỏ lòng biết ơn và cảm nghĩ xúc động về người thầy tài cao đức trọng đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp văn hóa và giáo dục của đất nước./.

ĐỀ CƯƠNG SÁCH
GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG
ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC

Trên cơ sở các tài liệu giới thiệu tại Hội thảo khoa học chào mừng 100 năm ngày sinh của Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2004) và Hội thảo “Giáo sư Đào Duy Anh: Từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác”, Ban Tổ chức đã dự thảo Đề cương cuốn sách “Đào Duy Anh: Từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác” để xuất bản chào mừng kỷ niệm 120 năm ngày sinh ngày sinh Giáo sư Đào Duy Anh (1904 - 2024). Cuốn sách dự kiến dày 400 trang, khổ 16 x 23 do NXB Dân Trí ấn hành. Cuốn sách có kết cấu như sau:

Thứ tự	Tên bài	Ghi chú
1	LỜI NÓI ĐẦU	
2	Ảnh chân dung Giáo sư Đào Duy Anh	2024
3	Ảnh Giải thưởng Hồ Chí Minh	2024
4	Tiểu sử Giáo sư Đào Duy Anh	2024
5	Tôi đã theo cách mạng và phụng sự tổ quốc như thế nào - Đào Duy Anh	1970
	PHẦN THỨ NHẤT: KÝ ỨC VỀ NGƯỜI THẦY VĨ ĐẠI	
6	Ký ức về thầy Đào Duy Anh - Sơn Tùng	2004
7	Nhà báo, Nhà giáo và Nhà báo Đào Duy Anh - Quang Đạm	2004
8	Học giả Đào Duy Anh, vị ân nhân và thầy của tôi - Phan Ngọc	2004
9	Đào Duy Anh (1904 - 1988) - Tạ Trọng Hiệp	2004
10	Ông Vệ Thạch Đào Duy Anh - Lê Thanh	2004
11	Cuộc đời học giả Đào Duy Anh - Đào Duy Dzênh	2004
12	Đào Duy Anh sự kết hợp giữa cách mạng với văn hóa - Đình Xuân Lâm	2004
13	Giáo sư Đào Duy Anh: Người thầy của những thế hệ sử gia đầu tiên được đào tạo từ nền đại học Việt Nam sau	2004

	cách mạng tháng 8.1945 - Phan Huy Lê	
14	Vĩnh biệt nhà sử học Đào Duy Anh - Hà Văn Tấn	2004
15	Đào Duy Anh người miệt mài dò tìm bản sắc văn hóa Việt Nam - Trần Quốc Vương	2004
16	Đào Duy Anh - Một nhà văn hóa lớn, một nhà sử học lớn - Văn Tân	2004
17	Cha tôi Đào Duy Anh - Đào Thế Tuấn	2004
17B	Đào Duy Anh với gia đình - gia tộc, Đào Phan Long	2024
	PHẦN THỨ HAI: TỪ CHÍ SĨ CÁCH MẠNG ĐẾN HỌC GIẢ UYÊN BÁC	
18	Nhà cách mạng Đào Duy Anh - Trần Đức Cường	2024
19	Đào Duy với Tân Việt cách mạng đảng - Đinh Trần Dương	2004
20	Sự ra đời của báo Tiếng dân và cuộc gặp gỡ giữa Huỳnh Thúc Kháng với Đào Duy Anh - Đào Hùng	2004
21	Bí ẩn về “Dã Lan Nữ Sĩ” trên báo “Tiếng Dân” gần 100 năm trước - Lại Nguyên Ân	2024
22	Đào Duy Anh: Lấy ánh sáng của chủ nghĩa Mác để khai thác vốn văn hóa dân tộc - Đào Hùng	2004
23	Số phận long đong của một cuốn từ điển - Trần Thị Minh Châu	2004
24	86 năm Việt Nam văn hóa sử cương: Nhận thức văn hóa là nhận thức để phát triển - Phạm Quang Long	2024
25	Giáo sư Đào Duy Anh và chiến lược hòa giải xung đột văn hóa - Phạm Việt Long	2024
26	Giáo sư Đào Duy Anh và một số vấn đề lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam - Phan Huy Lê	2004
27	Giáo sư Đào Duy Anh với môn địa lý học lịch sử - Trần Quốc Vương	2004
28	Đào Duy Anh với sách khóa hư lục - Nguyễn Hùng Hậu	2004
29	Một thái độ đúng đắn với Nho Giáo - Nguyễn Kim Sơn	2004
30	Nhận thức về tôn giáo nửa đầu thế kỷ XX: Trường hợp	2004

	của Đào Duy Anh - Đỗ Quang Hưng	
31	Giáo sư Đào Duy Anh: Một mẫu mực về phương pháp nghiên cứu khoa học - Vũ Minh Giang	2024
32	Học giả Đào Duy Anh: Những ảnh hưởng trong lĩnh vực từ điển học - Phạm Hùng Việt	2024
33	Giáo sư Đào Duy Anh - Người đặt nền móng cho địa lý học lịch sử Việt Nam hiện đại - Nguyễn Quang Ngọc - Đỗ Thị Thùy Lan	2024
34	Giáo sư Đào Duy Anh với việc nghiên cứu lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam - Nguyễn Minh Tường	2024
35	Học giả Đào Duy Anh với công tác khảo chứng, chú giải tài liệu lịch sử - Tạ Ngọc Liễn	2004
36	Giáo sư Đào Duy Anh với khoa sử trường đại học tổng hợp Hà Nội (1956 - 1960) - Chương Thâu	2004
37	Đào Duy Anh ngâm đá lấp biển - Đỗ Lai Thúy	2004
38	Nhân cách văn hóa Đào Duy Anh - Lê Xuân Kiều	2024
39	Giáo sư Đào Duy Anh: Hành trình từ chí sĩ cách mạng đến học giả uyên bác - Vương Xuân Nguyên	2024
	PHẦN THỨ BA: DI SẢN HỌC THUẬT ĐÀO DUY ANH	
40	Tác phẩm và di cảo của Giáo sư Đào Duy Anh: Những điều trông thấy - Kiều Mai Sơn	2024
41	Tài liệu lưu trữ của Giáo sư Đào Duy Anh đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III - Lê Thị Lý	2024
42	Cảm nhận về giáo sư Đào Duy Anh qua nghiên cứu thư mục của ông - Phan Phương Thảo	2004
44	Một số hình ảnh: Tư liệu, Sách,, Ảnh về Giáo sư Đào Duy Anh	2024
45	Phụ lục	

BAN TỔ CHỨC

